

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
---📖---

ĐẶNG MINH TÂM

**TÊN RIÊNG NGƯỜI ÊĐÊ
Ở TÂY NGUYÊN**

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 9.22.90.20

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. GS.TS. ĐỖ VIỆT HÙNG**
- 2. PGS.TS. NGUYỄN THỊ NGÂN HOA**

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả được trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác.

Tác giả luận án

Đặng Minh Tâm

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Mục lục	ii
Danh mục ký hiệu và chữ viết tắt	v
Danh mục các bảng biểu	vi
Danh mục các mô hình	vi
Danh mục các sơ đồ	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Tư liệu của luận án	4
5. Phương pháp nghiên cứu	6
6. Đóng góp của luận án	8
7. Kết cấu của luận án	8
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN	10
<i>1.1.1. Nghiên cứu tên riêng chỉ người ở nước ngoài</i>	<i>10</i>
<i>1.1.2. Nghiên cứu tên riêng chỉ người ở Việt Nam</i>	<i>11</i>
1.2. Một số vấn đề cơ bản của lí thuyết về tên riêng và lí thuyết định danh	14
<i>1.2.1. Một số vấn đề cơ bản của lí thuyết về tên riêng</i>	<i>14</i>
<i>1.2.2. Lý thuyết định danh với vấn đề nghiên cứu tên riêng</i>	<i>23</i>
1.3. Cơ sở thực tiễn	29
<i>1.3.1. Những vấn đề về văn hóa - tộc người và ngôn ngữ Êđê</i>	<i>29</i>
<i>1.3.2. Khái quát thực trạng vấn đề tên riêng người Êđê ở Tây Nguyên</i>	<i>37</i>
1.4. Tiểu kết	41
Chương 2. ĐẶC ĐIỂM VỀ CẤU TẠO VÀ PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH CỦA TÊN RIÊNG NGƯỜI ÊĐÊ	43
2.1. Khái luận về hình thức cấu tạo của tên riêng người Êđê	43
<i>2.1.1. Về mô hình cấu tạo tên riêng chỉ người</i>	<i>43</i>

2.1.2. Về tổ hợp định danh của tên riêng người Êđê	47
2.2. Cấu tạo của tên riêng người Êđê.....	47
2.2.1. Cấu tạo của tổ hợp định danh	47
2.2.2. Cấu tạo của các loại danh tố	51
2.2.3. Phân loại các hình thức tổ hợp định danh của tên riêng người Êđê	63
2.3. Phương thức định danh tên riêng người Êđê	68
2.3.1. Về vấn đề phương thức định danh	68
2.3.2. Các phương thức định danh chủ yếu của tên riêng người Êđê.....	69
2.4. Tiểu kết.....	74
Chương 3. ĐẶC ĐIỂM VỀ Ý NGHĨA VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÊN RIÊNG	
NGƯỜI ÊĐÊ	77
3.1. Đặc điểm về ý nghĩa của tên riêng người Êđê.....	77
3.1.1. Khái luận về nghĩa và ý nghĩa của tên riêng chỉ người	77
3.1.2. Nghĩa và ý nghĩa của tên riêng người Êđê	82
3.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến tâm lí biểu nghĩa trong tên riêng người Êđê....	96
3.2. Nguồn gốc tên riêng và sự phát triển lớp từ ngữ tên họ của người Êđê	99
3.2.1. Một số vấn đề về nguồn gốc tên riêng của người Êđê	99
3.2.2. Vấn đề nguồn gốc và sự phát triển lớp từ ngữ tên họ của người Êđê	100
3.3. Tiểu kết.....	106
Chương 4. ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ - VĂN HÓA CỦA TÊN RIÊNG	
NGƯỜI ÊĐÊ	108
4.1. Một số vấn đề về ngôn ngữ - văn hóa.....	108
4.1.1. Nhận thức về khái niệm văn hóa.....	108
4.1.2. Về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.....	109
4.2. Đặc trưng văn hóa Êđê thể hiện qua tên riêng chỉ người	111
4.2.1. Đặc trưng văn hóa mẫu hệ.....	112
4.2.2. Tên riêng người Êđê với vấn đề tiếp xúc văn hóa.....	117
4.2.3. Tên riêng trong văn hóa giao tiếp của người Êđê	124
4.2.4. Văn hóa tên riêng truyền thống của người Êđê trong sự so sánh với văn hóa tên riêng các tộc người bản địa khác ở Tây Nguyên	129

4.3. Vấn đề chính tả và cách đọc tên riêng người Êđê	137
4.3.1. <i>Thực trạng vấn đề chính tả và cách đọc tên riêng người Êđê</i>	<i>137</i>
4.3.2. <i>Khuyến nghị</i>	<i>142</i>
4.4. Tiểu kết	144
KẾT LUẬN	146
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	

DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Stt	Kí hiệu	Nội dung viết tắt
01	D	Danh tổ
02	Dđ	Danh tổ đệm
03	Dt	Danh tổ tên cá nhân
04	Dh	Danh tổ họ
05	Dh ₁	Hệ dòng - dòng họ gốc
06	Dh ₂	Dòng họ - nhánh họ được tách ra từ hệ dòng
07	Dh ₃	Chi họ - bộ phận được tách ra từ dòng họ
08	THĐD	Tổ hợp định danh
09	±	Có hoặc không xuất hiện
10	+	Luôn xuất hiện
11	∅	Yếu tố (danh tổ hoặc thành tố) vắng mặt
12	Tc	Thành tố thuộc danh tổ tên cá nhân
13	Tc ₁	Thành tố thứ nhất của danh tổ tên cá nhân
14	Tc ₂	Thành tố thứ hai của danh tổ tên cá nhân
15	Tc ₃	Thành tố thứ ba của danh tổ tên cá nhân
16	Th	Thành tố thuộc danh tổ họ
17	Th ₁	Thành tố thứ nhất của danh tổ họ
18	Th ₂	Thành tố thứ hai của danh tổ họ
19	Th ₃	Thành tố thứ ba của danh tổ họ
20	Th ₄	Thành tố thứ tư của danh tổ họ
21	Th ₅	Thành tố thứ năm của danh tổ họ

Ngoài ra, trong một số trường hợp đặc biệt, luận án có chú thích ngay dưới sơ đồ.

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

	Trang
Bảng 1.1. Bảng chữ cái trong chữ viết Êđê hiện hành	37
Bảng 2.1. Kết quả khảo sát các hình thức cấu tạo tên họ người Êđê	60
Bảng 2.2. Bảng biểu thị bức tranh phá hệ hệ thống tên họ của người Êđê	62
Bảng 2.3. Kết quả khảo sát các hình thức tên họ trong tên riêng người Êđê (tính theo danh tố).....	65
Bảng 2.4. Bảng hệ thống các kiểu, khuôn và dạng cấu trúc tổ hợp định danh tên riêng người Êđê (tính theo số lượng thành tố)	66
Bảng 3.1. Kết quả khảo sát ý nghĩa hàm chỉ tên riêng Êđê thể hiện qua tên cá nhân...92	
Bảng 3.2. Kết quả khảo sát ý nghĩa hàm chỉ tên riêng người Êđê thể hiện qua tên họ	94

DANH MỤC CÁC MÔ HÌNH

Mô hình 2.1. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê.....	48
Mô hình 2.2. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê nhóm ngoại biên (nữ).....	49
Mô hình 2.3. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê nhóm ngoại biên (nam)	49
Mô hình 2.4. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên họ trong tên riêng Êđê.....	64
Mô hình 2.5. Mô hình tổng quát cấu tạo tổ hợp định danh tên riêng Êđê (tính theo số lượng thành tố)	67
Mô hình 2.6. Mô hình tổng quát cấu tạo tổ hợp định danh tên riêng người Êđê nhóm ngoại biên (tính theo số lượng thành tố).....	68

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hệ thống tên riêng của một ngôn ngữ	22
------------------------------------------------------------	----

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Tên riêng chỉ người (hay tên riêng của người) là một trong những chứng cứ quan trọng để tìm hiểu quá trình hình thành của một bộ tộc, một dân tộc ở các mặt tổ chức xã hội, văn hóa tộc người...qua các thời kì. Nhờ chúng người ta có được hiểu biết về sự giao tiếp và sự bảo lưu ngôn ngữ, về quá trình lịch sử, văn hoá của một dân tộc. Trong ngôn ngữ, tên riêng chỉ người làm thành một tiểu hệ thống riêng biệt, nằm trong hệ thống tên riêng nói chung, bao gồm tên người (nhân danh), tên riêng đối tượng địa lí (địa danh), tên các công sở, cửa hiệu, xí nghiệp,...(hiệu danh), tên các tác phẩm báo chí, nghệ thuật... Trong các lớp tên riêng đó, cùng với tên riêng địa lí, tên riêng chỉ người được xem là một trong hai mảng tên gọi quan trọng nhất. Chúng không chỉ phong phú về số lượng mà trong thành phần tạo nên chúng còn chứa đựng những thông tin mang tính lịch sử, truyền thống, văn hóa, xã hội... Do vậy đã từ lâu, tên riêng chỉ người trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội khác nhau như dân tộc học, ngôn ngữ học, xã hội học, tâm lí học... Tên riêng chỉ người là một đối tượng khá phức tạp về nhiều phương diện. “Chiếm ưu thế trong tên người là thành phần có tính chất ngôn ngữ học. Vì vậy, tên người không chỉ tồn tại và phát triển theo những quy luật của ngôn ngữ mà trước hết chúng còn được khám phá ra bằng các phương tiện của ngôn ngữ học”[108, tr. 4]. Nghiên cứu tên riêng chỉ người chính là tìm hiểu bản chất ngôn ngữ học của lớp từ ngữ đặc biệt này. Nó không những chỉ ra được những đặc điểm về ngôn ngữ đặt tên của một dân tộc hay một vùng phương ngữ; góp phần khẳng định vị trí của chúng trong hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ mà còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho nhiều ngành khoa học trong việc làm rõ bản sắc văn hóa của dân tộc thông qua các hình thức đặt tên và gọi tên cũng như góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa tên riêng chỉ người với các lĩnh vực khoa học khác.

1.2. Êđê là một trong những tộc người được coi là bản địa, có thời gian cư trú lâu đời, có một quá trình lịch sử và văn hóa đặc trưng ở Tây Nguyên. Trong tiến trình lịch sử, tộc người này đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà khoa học, thế nhưng cho đến nay vẫn chưa có được một chuyên luận nghiên cứu tên riêng chỉ người từ

góc độ ngôn ngữ. Vì vậy, làm rõ được những đặc điểm về cấu tạo, phương thức định danh, nguồn gốc, ý nghĩa và những nét đặc trưng văn hóa dân tộc qua tên riêng người Êđê sẽ có giá trị về nhiều mặt, góp phần làm rõ thêm lớp từ ngữ đặt tên; làm phong phú thêm nguồn tư liệu về một tộc người thiểu số mang nhiều yếu tố đặc trưng trên vùng đất mang đậm dấu ấn lịch sử và văn hoá. Đây cũng chính là lí do chúng tôi chọn vấn đề *Tên riêng người Êđê ở Tây Nguyên* để nghiên cứu.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Xác định và làm rõ những đặc điểm của tên riêng người Êđê trên các bình diện: cấu tạo, phương thức định danh, nguồn gốc, ý nghĩa của tổ hợp tên gọi cùng các yếu tố tham gia cũng như các đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa qua mối quan hệ giữa tên riêng với lịch sử, ngôn ngữ... của tộc người này.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luân án thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Bước đầu tiếp cận các vấn đề lí luận về tên riêng và các vấn đề liên quan đến quá trình nghiên cứu tên riêng chỉ người nói chung và tên riêng người Êđê nói riêng. Các phương thức, cách thức định danh mang tính phổ biến và cụ thể cũng được luận án nghiên cứu để làm cơ sở cho việc tìm hiểu các đặc điểm về tên riêng người Êđê.

- Điền dã, khảo sát thực tế các trường hợp tên riêng người Êđê trên cơ sở các đối tượng khác nhau về lứa tuổi, nghề nghiệp, các mối quan hệ xã hội, các địa bàn cư trú và nhóm tộc người (đối với những trường hợp nhóm tộc người mang tính khác biệt về phương diện nào đó mà nội dung luận án đề cập).

- Thống kê, miêu tả và phân tích các cứ liệu để rút ra nhận xét về mặt cấu tạo, phương thức định danh, ý nghĩa, nguồn gốc... của các yếu tố cũng như toàn bộ tổ hợp tên riêng người Êđê, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa chúng với các yếu tố lịch sử, văn hóa - tộc người của dân tộc này. Từ đó, khái quát được bức tranh về tên riêng người Êđê ở Tây Nguyên trong sự giao thoa giữa ngôn ngữ và văn hóa. Thông qua đó, đề xuất một số giải pháp cụ thể cho vấn đề chính tả và cách đọc tên riêng người Êđê.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tên riêng người Êđê được định danh bằng ngôn ngữ Êđê. Người Êđê hiện có mặt nhiều nơi thuộc các tỉnh Tây Nguyên, khu vực Nam Trung Bộ và một số quốc gia như: Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Hoa Kỳ, Pháp, Canada... Trong các quốc gia này, người Êđê định cư đông nhất là ở Campuchia. Ở Việt Nam, người Êđê cư trú chủ yếu ở tỉnh Dak Lăk (chiếm trên 90% người Êđê trong cả nước). Một bộ phận hoặc một số nhóm (ngành) tộc người cư trú trên địa bàn các tỉnh Gia Lai, Dak Nông, Phú Yên, Khánh Hòa hiện nay. Do điều kiện không cho phép tác giả luận án điền dã ở các quốc gia khác như đã nói ở trên, vì vậy, các vấn đề chỉ được nghiên cứu trên cơ sở các đối tượng là người Êđê trên phạm vi địa bàn cư trú ở khu vực Tây Nguyên, chủ yếu là tỉnh Dak Lăk. Các nội dung nghiên cứu chính của đề tài luận án không hướng đến các đối tượng người Êđê định cư ở các khu vực khác. Trong các nhóm tộc người Êđê, nhóm Mdhur hiện đang có những ý kiến khác nhau do ý thức tộc người ở mỗi khu vực không giống nhau. Những người Mdhur cư trú ở khu vực thuộc Gia Lai thì cho rằng họ là một nhóm của người J'rai, trong lúc những người Mdhur cư trú ở khu vực thuộc địa bàn Dak Lăk thì tự nhận là người Êđê. Vì vậy, luận án có đề cập đến nhóm tộc người này như một hiện tượng có “tính ngoại lệ” đối với tên riêng của người Êđê. Để tiện cho việc diễn đạt trong quá trình phân tích, lập luận, chúng tôi tạm gọi nhóm tộc người này là “nhóm ngoại biên”¹. Tên riêng người Việt bên cạnh tên chính thức, tên

¹ Ở một số tỉnh, người Êđê có những cách nhận thức về tộc người mình có sự khác nhau. Trong các nhóm tộc người Êđê, nhóm Mdhur được các nhà nghiên cứu xác định là cư trú chủ yếu ở M'drak, Êa Kar, Êa H'Leo (tỉnh Dak Lăk) và một số tỉnh khác như Phú Yên, Gia Lai (tức vùng giáp ranh giữa ba tỉnh Dak Lăk, Gia Lai và Phú Yên). Ở Phú Yên, người Mdhur cư trú chủ yếu ở huyện Sông Hinh, huyện Sơn Hòa. Ở tỉnh Gia Lai, người Mdhur cư trú chủ yếu ở huyện Krông Pa, Êa Pa và thị xã Ayũn Pa. Nhóm tộc người này hiện đang có những ý kiến khác nhau do ý thức tộc người ở mỗi khu vực không giống nhau. Những người Mdhur cư trú ở khu vực thuộc tỉnh Gia Lai thì cho rằng họ là một nhóm địa phương của tộc người J'rai (J'rai Mdhur) và có quan hệ chặt chẽ với người J'rai, trong lúc những người Mdhur cư trú ở khu vực thuộc địa bàn Dak Lăk và Phú Yên thì tự nhận là người Êđê (Êđê Mdhur) và có quan hệ chặt chẽ với người Êđê. Một bộ phận nhóm Mdhur ở xã Êa Sol, huyện Êa H'leo là một trường hợp như vậy (họ tự nhận là người Êđê). Xã Êa Sol, huyện Êa H'leo hiện có 15 buôn, gồm buôn Chăm, buôn Taly, buôn Bung, buôn Điết, buôn

khai sinh (chính danh) còn có các tên gọi khác như tên tự, tên hiệu, bút danh, pháp danh, tên thánh, tên thụy,...tùy thuộc vào ý muốn cá nhân của chủ thể được định danh và chủ thể định danh cũng như mối quan hệ của đối tượng đó với hoàn cảnh xã hội. Nhiều dân tộc ở phương Tây còn kèm theo tước hiệu. Do đặc điểm lịch sử tộc người, tên gọi đầy đủ theo truyền thống của người Êđê về cơ bản chỉ có tên gọi kiểu *chính danh* mà không có các hình thức tên gọi khác (tên hiệu, tên thụy,...như người Việt). Một số trường hợp do ảnh hưởng của tôn giáo Tin lành thường có thêm tên thánh phía trước. Một ít cán bộ trước đây tập kết ra Bắc có thêm tên gọi khác (thường là đặt tên người Kinh). Chẳng hạn, Nguyễn Sĩ Lâm - tên khác của Y Tlam Kbuôr, Nguyễn Ái Phương là tên khác của Y Nuê Buôn Krông. Từ thực tế trên, đối tượng nghiên cứu của luận án là *chính danh* của người Êđê. Chính danh cũng là đối tượng chủ yếu mà nhân danh học quan tâm. Cũng từ những lí do trên, chúng tôi không đặt ra vấn đề giới hạn “chính danh” trong tiêu đề của luận án.

Để có cứ liệu nghiên cứu về đối tượng, luận án tập trung khảo sát cụ thể tên riêng các đối tượng khác nhau theo tiêu chí đã nêu (về lứa tuổi, nghề nghiệp, các mối quan hệ xã hội, các địa bàn cư trú và một số nhóm tộc người (chọn điểm theo định hướng của nội dung luận án).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu những nội dung trên của tên riêng người Êđê chủ yếu ở diện đồng đại. Tuy nhiên, trong quá trình phân tích, lập luận, chúng tôi cũng sử dụng các cứ liệu lịch đại để so sánh, đối chiếu.

4. Tư liệu của luận án

4.1. Nguồn tư liệu

Với mục đích phản ánh một cách có cơ sở và hệ thống với các nội dung đặt ra khi nghiên cứu, luận án thu thập và tập hợp các tư liệu cần thiết từ các nguồn, như:

- Tư liệu lưu trữ, về quản lí hộ khẩu, hộ tịch của một số địa phương trên cơ sở các biểu mẫu thống kê; các tài liệu về lịch sử, văn hóa, kinh tế qua các thời kì;

Ởr, buôn Krai, buôn Kri, buôn Drăn, buôn Mnũt, buôn Hwing, buôn Tang, buôn Bêk, buôn Hoai, buôn Chăm Hoai, buôn Êa Blong và các thôn: Một, Hai, Ba, Bốn, Năm, Sáu, Bảy, thôn Êa Yũ, thôn Thái. Trong đó có 2 buôn chủ yếu là người Êđê là buôn Mnũt và buôn Ởr. Các buôn còn lại chủ yếu là người J'rai.

danh sách quản lí của một số trường phổ thông, trường đại học,... về đối tượng là người Êđê và một số tộc người thiểu số khác trên địa bàn có các nội dung cần thiết cho việc nghiên cứu, khảo sát. Đây là tư liệu quan trọng, có tính minh xác, đáp ứng những yêu cầu nội dung được trình bày trong luận án.

- Các bài viết, sách báo, tạp chí có liên quan đến vấn đề nghiên cứu được thu thập, chọn lọc để phục vụ cho các nội dung về lí thuyết cũng như cách thức phân tích các đặc điểm của tên riêng người Êđê phù hợp với mục đích nghiên cứu của đề tài luận án.

- Trong quá trình điền dã, bên cạnh việc khảo sát thực tế tên riêng của người Êđê tại một số thôn buôn trên địa bàn, chúng tôi còn thu thập một số tư liệu (bằng hình thức kể lại của một số chức sắc và người cao tuổi trong một số buôn của người Êđê cư trú tập trung) có liên quan đến mối quan hệ lịch sử giữa tên buôn và tên dòng họ. Những tư liệu này cho phép người nghiên cứu có được sự hiểu biết cũng như có cơ sở để xác minh lại các tài liệu từ các lĩnh vực khác về nguồn gốc của một số dòng họ cũng như vấn đề thay đổi tên họ có liên quan đến di trú của một bộ phận không nhỏ các nhóm tộc người Êđê do nhu cầu du canh, du cư đáp ứng nhu cầu cuộc sống và các biến cố về thiên tai, bệnh tật cũng như hệ quả của các xung đột giữa các nhóm và thành phần tộc người trong quá trình lịch sử.

4.2. Cách xử lí tư liệu

Tên riêng người Êđê được tập hợp gồm trên 2500 đối tượng được thu thập từ việc điều tra, ghi chép qua điền dã, trong đó có trên 600 đối tượng là người Êđê thuộc nhóm ngoại biên - nhóm người có những sự khác biệt về hình thức tên gọi, đặc biệt là về cấu tạo. Cùng với đó là 500 tên riêng của một số tộc người thiểu số có quan hệ gần gũi với người Êđê ở Tây Nguyên (chủ yếu là Mnông, J'rai), với mục đích so sánh, đối chiếu khi cần, nhằm thấy được mối liên hệ nhất định về tên riêng chi người. Số lượng cứ liệu ấy cho phép việc nghiên cứu có được những căn cứ, làm cơ sở thực tiễn cho từng nội dung vấn đề được đặt ra.

Số lượng tên riêng thu thập được sẽ được thống kê, phân loại và xử lí theo những thông tin về đối tượng, như: 1) Các dạng tổ hợp tên riêng (tổ hợp định danh);

2) Các hình thức cấu tạo của các danh tố trong tổ hợp định danh; 3) Các dạng thức cấu tạo (kiểu, dạng cấu tạo); 4) Ý nghĩa của các danh tố; 5) Về nguồn gốc của tên họ; 6) Về các trường hợp biến đổi tên riêng. Các đối tượng được chú ý bởi lứa tuổi, đặc điểm nghề nghiệp và theo nhóm tộc người. Việc phân loại, xử lý này dựa trên cơ sở sự định hướng nghiên cứu các nội dung của luận án. Tiếp đến, chúng tôi tổng hợp bằng sơ đồ, bảng biểu với số lượng và tỷ lệ (đối với các trường hợp có thể xác định tỷ lệ), sát hợp với mục đích và yêu cầu của luận án. Trên cơ sở đó, rút ra những nhận xét theo hướng quy nạp, phục vụ cho các luận điểm được thể hiện qua từng mục, từng chương của luận án.

5. Phương pháp nghiên cứu

Tên riêng nằm trong vốn từ vựng của ngôn ngữ nên nghiên cứu chúng trước hết phải xuất phát từ các phương pháp có tính chuyên biệt của ngôn ngữ học. Đây là công cụ nghiên cứu đặc lực và đáng tin cậy. Đặc biệt, Êđê là một tộc người cư trú trên một địa bàn đa sắc tộc, đa ngôn ngữ thì việc khảo sát các đặc điểm tên riêng của tộc người này bằng phương pháp miêu tả hay là phép miêu tả thông qua các thủ pháp nghiên cứu như phân tích, thống kê, phân loại, mô hình hóa, so sánh, đối chiếu,... trên cơ sở nghiên cứu từ vựng học, ngữ pháp học, phương ngữ học, ngôn ngữ học lịch sử,... là hết sức cần thiết và có thể nói là giải pháp chủ yếu trong nghiên cứu của luận án. Là sản phẩm của một cộng đồng sử dụng ngôn ngữ nhất định, tên riêng chỉ người mang đầy đủ những đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, tâm lý xã hội, đặc điểm không khí chính trị - xã hội... của cộng đồng đó. Bởi vậy, nghiên cứu tên riêng chỉ người không thể chỉ dựa vào một phương pháp đơn thuần nào mà phải bằng phương pháp tiếp cận đa ngành và liên ngành. Trong phạm vi của đề tài luận án, chúng tôi sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau đây:

5.1. Phương pháp miêu tả

Phương pháp này là “một hệ thống các thủ pháp nghiên cứu được vận dụng để thể hiện đặc tính của các hiện tượng ngôn ngữ trong một giai đoạn phát triển nào đó của nó. Đây là phương pháp phân tích đồng đại” [34, tr.422-423]. Có thể nói, đây là phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận án, nó giúp người nghiên cứu làm

rõ được bản chất của các hiện tượng, các số liệu, tư liệu, các vấn đề qua điền dã, qua các tài liệu. Tác giả luận án sử dụng phương pháp này nhằm:

- Phân tích các tài liệu liên quan đến lý luận chung về vấn đề danh học và cụ thể là vấn đề tên riêng trong hệ thống từ ngữ của ngôn ngữ nhằm có được công cụ hữu hiệu cho việc làm rõ bản chất của tên riêng người Êđê ở Tây Nguyên trên các bình diện như cấu tạo, ý nghĩa, nguồn gốc, sự biến đổi, chức năng của nó trong hoạt động giao tiếp cũng như làm rõ giá trị văn hóa của ngôn ngữ đặt tên.

- Trên cơ sở tư liệu được thu thập qua nghiên cứu thực địa, cùng các cứ liệu qua các tài liệu tham khảo, người viết sử dụng các thủ pháp luận giải bên trong và luận giải bên ngoài. Các thủ pháp luận giải bên trong như: thủ pháp phân loại, hệ thống hóa các đơn vị từ ngữ chỉ tên riêng của người thành các nhóm, các loại, các tiểu hệ thống; thủ pháp so sánh, đối chiếu; thủ pháp phân tích thành tố trực tiếp, thủ pháp phân tích trường nghĩa, thủ pháp phân tích nghĩa tố,... được sử dụng để phân tích các đặc điểm về cấu trúc, ngữ nghĩa của các đơn vị cấu tạo nên lớp từ ngữ tên riêng chỉ người trong tiếng Êđê. Các thủ pháp luận giải bên ngoài như văn hóa, xã hội, tâm lí tộc người,... nhằm làm rõ các đặc điểm cơ bản của tên riêng người Êđê trong hệ thống ngôn ngữ, trong hoạt động giao tiếp, trong mối quan hệ với lớp từ ngữ này của một số tộc người khác trên địa bàn nghiên cứu.

5.2. Phương pháp điền dã ngôn ngữ - dân tộc học

Luận án thực hiện điền dã ở một số khu vực, một số buôn người Êđê sinh sống tập trung ở Dak Lăk và một số vùng lân cận nhằm thu thập và bổ sung tư liệu. Trên cơ sở những nội dung được định hướng phỏng vấn, tìm hiểu thực tế trên đối tượng thuộc địa bàn nghiên cứu, người khảo sát tiến hành điều tra, thu thập cứ liệu và ghi chép các thông tin phục vụ cho nghiên cứu đề tài luận án. Khi có đủ cứ liệu cần thiết, chúng tôi sử dụng các thao tác thống kê, tiến hành phân tích dựa trên cơ sở của phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng, sau đó, tổng hợp kết quả dựa trên các cứ liệu đã được phân tích.

Trong một số trường hợp, các thao tác của phương pháp so sánh-lich sử được sử dụng để nghiên cứu những biến đổi của tên riêng người Êđê. Đồng thời, các thao tác

này cũng được sử dụng để tìm hiểu nét tương đồng và khác biệt trên một số bình diện của tên riêng trong sự so sánh giữa Êđê với một số tộc người thiểu số khác trên địa bàn.

6. Đóng góp của luận án

Trong lĩnh vực nghiên cứu tên riêng chỉ người, có thể xem luận án là công trình đầu tiên tiến hành việc nghiên cứu tên riêng một tộc người thiểu số ở Tây Nguyên thuộc nhóm ngôn ngữ Austronesian (Malayo - Polynêdia) một cách có hệ thống trên bình diện ngôn ngữ học. Luận án chứng minh rằng:

- Tên riêng người Êđê bên cạnh những đặc điểm chung của tên riêng chỉ người còn mang dấu ấn đặc thù của một tộc người cụ thể có thời gian cư trú lâu đời trên một địa bàn chứa đựng nhiều vấn đề về lịch sử văn hóa, ngôn ngữ,... đặc trưng. Tên riêng người Êđê bên cạnh dưới hình thức chung là một nhóm hay một tổ hợp các yếu tố định danh còn có hình thức cấu tạo khác biệt.

- Tên riêng người Êđê ra đời đều “có lý do”. Tuy vậy, các yếu tố trong tổ hợp định danh đa số là các đơn vị không mang nghĩa (nghĩa trong mối quan hệ với từ vựng). Một số ít còn lại là các đơn vị có nghĩa, cụ thể là chúng có nghĩa hàm chỉ.

- Tên riêng người Êđê là một loại kí hiệu ngôn ngữ mang tính xã hội hóa cao, đặc biệt trong bối cảnh giao lưu và tiếp xúc văn hóa, chúng dễ bị biến đổi dưới sự tác động của các nhân tố ngoài ngôn ngữ (như lịch sử - xã hội). Luận án làm rõ các xu hướng và nguyên nhân biến đổi đó trên bình diện ngôn ngữ học. Luận án cũng góp phần làm rõ những đặc trưng cơ bản về ngôn ngữ - văn hóa của tên riêng người Êđê. Luận án cũng hi vọng là đã có những đóng góp nhất định thông qua việc kiến nghị một số vấn đề về chính tả và cách đọc tên riêng người Êđê.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lí luận, thực tiễn

Chương này sẽ trình bày những vấn đề lí thuyết làm cơ sở cho việc triển khai các chương mục tiếp theo. Ngoài ra, vấn đề tư liệu về văn hóa - tộc người, về ngôn ngữ của người Êđê cùng kết quả thu thập được từ thực tế và các cứ liệu cũng sẽ được trình bày tóm tắt, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các nội dung của luận án.

Chương 2. Đặc điểm về cấu tạo và phương thức định danh của tên riêng người Êđê

Chương này sẽ nói rõ cách xác định tên riêng chỉ người và cấu trúc của phức thể tổ hợp tên gọi cùng các yếu tố làm thành tổ hợp đó. Đồng thời làm rõ một số phương thức định danh chủ yếu được người Êđê sử dụng để làm nên lớp từ ngữ tên riêng chỉ người bằng chính ngôn ngữ của tộc người này.

Chương 3. Đặc điểm về ý nghĩa, nguồn gốc của tên riêng người Êđê

Chương này sẽ trình bày các vấn đề về nghĩa và ý nghĩa của tên riêng nói chung, ý nghĩa của tên riêng người Êđê nói riêng. Qua đó giải thích được lí do đặt tên cho đối tượng được phản ánh qua hệ thống các trường nghĩa và bộ phận nghĩa của các yếu tố cấu tạo. Đồng thời, làm rõ một số vấn đề cơ bản về nguồn gốc tên riêng của người Êđê, đặc biệt là về tên họ.

Chương 4. Đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của tên riêng người Êđê

Chương này nghiên cứu những đặc trưng văn hóa của tên riêng người Êđê từ cách tiếp cận các yếu tố của ngôn ngữ - văn hóa. Nội dung của chương này cũng sẽ khai thác những ảnh hưởng của các yếu tố như lịch sử, tiếp xúc văn hóa, các chế định,... và những nhân tố khác của văn hóa đối với tên riêng chỉ người cũng như sự biểu hiện các dạng thức, các phương diện văn hóa thông qua tên riêng người Êđê, qua đó, tìm hiểu sự ảnh hưởng, giao thoa giữa ngôn ngữ và văn hóa đã mang đến màu sắc riêng cho tên riêng người Êđê như thế nào.

Luận án có phần phụ lục để làm rõ thêm cho các luận điểm của tác giả trong quá trình giải quyết các nội dung của đề tài mà do khuôn khổ cũng như quy định của luận án không thể đưa vào phần chính văn.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

Trong chương này, luận án khái quát những vấn đề đã được nghiên cứu có liên quan đến đề tài, đồng thời tập trung vào những vấn đề về lý luận như: những vấn đề cơ bản của lý thuyết về tên riêng và lý thuyết định danh, ngôn ngữ học xã hội về tên riêng chỉ người,... và một số vấn đề về cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu các nội dung của luận án.

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu tên riêng chỉ người

1.1.1. Nghiên cứu tên riêng chỉ người ở nước ngoài

Một số nội dung của vấn đề tên riêng đã được nhắc tới trong các tác phẩm của các nhà triết học cổ đại như Platon, Democrit, Heghen... Theo Quách Nhượng Thuấn [155], từ thời Xuân Thu, người Trung Hoa đã có những nghiên cứu về tên riêng chỉ người, và bắt đầu phát triển mạnh vào thời nhà Hán. Vào thời Bắc Tống, xuất hiện tác phẩm *Bách gia tính* ghi lại khoảng trên 500 tên họ phổ biến nhất ở Trung Hoa lúc bấy giờ. Sang thế kỷ XX, ngành *Nhân danh học* ở Trung Hoa ra đời, và nhiều nhà nghiên cứu như Vương Tuyên Căn, Hà Hiểu Minh, Vương Đại Lương, Lí Văn Lượng,... đã có nhiều bài viết xung quanh vấn đề này. Ở châu Âu, từ thế kỷ XVII đã có những bài viết đề cập đến vấn đề tên riêng, và nhân danh học cũng được hình thành khá sớm. Nhiều nhà khoa học Âu - Mỹ đã đề cập đến vấn đề lý thuyết tên riêng. Có thể kể đến Gardiner. A [148], (1954, London - New York) với *The theory of proper name* (Lý thuyết về tên riêng), Searle. J [149], (1971) với *The problem of proper name* (Vấn đề của tên riêng). Các tác giả đã có những luận điểm cụ thể cho vấn đề lý thuyết chung về tên riêng. Willy Van Langendonck [150], (2007, Berlin - New York) với *Theory and Typology of Proper Names* (Lý thuyết và loại hình/cách phân loại của tên gọi đúng cách thức). Tác giả đã đưa ra những luận điểm cụ thể cho vấn đề lý thuyết về tên riêng trong đó chú ý về cách phân loại, đặc biệt là tên người. Một số học giả người Nga như Beletsikij A.A [154], (1972) trong công trình *Từ vựng học và lý thuyết tên riêng*, Arutjunova H.D [153], (1977) bàn về *Tên gọi và*

ý nghĩa của tên gọi... Ở Liên Xô (cũ) còn có cả tạp chí chuyên ngành về tên riêng. Tại đây các vấn đề như nguyên lí cấu tạo tên riêng, ngữ nghĩa tên riêng, vai trò của tên riêng... đều được đề cập. A.V. Superankaja [93], trong tác phẩm *Địa danh là gì* cũng đã có nhiều ý kiến bàn về tên riêng (tên người và tên các đối tượng địa lí). “Năm 1924, A. Dauzat xuất bản cuốn *Les noms de famille de France* và *Dictionnaire étymologique des noms de famille et prénoms de France*. Với công trình này, tác giả đã ghi một cái mốc quan trọng cho ngành nhân danh học ở Pháp. Từ đó đến nay, hàng trăm công trình nghiên cứu về tên người tiếp tục ra đời ở trung ương và địa phương của nước Pháp” (Lê Trung Hoa, dẫn theo Lebel, Paul, *Les noms de personnes en France*, Paris, PUF, 1968, tr. 9-10).

1.1.2. Nghiên cứu tên riêng chỉ người ở Việt Nam

Ở Việt Nam, vào thời nhà Nguyễn, những vấn đề liên quan đến tên riêng chỉ người đã bước đầu được đề cập. Lúc này, công việc mới dừng lại ở việc phục vụ nhu cầu thống kê, quản lý của nhà nước phong kiến, tiêu biểu có: *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* (1779) của Nguyễn Hoãn; *Quốc triều đăng khoa lục* (1894) của Cao Xuân Dục... Ngoài ra còn có các sổ sách ghi chép (dạng trích ngang) các danh thần, công thần của triều đình (một loại danh thần lục). Các công trình đầu tiên đề cập tới vấn đề tên người ở nước ta xuất hiện từ những năm 30-40 của thế kỷ XX với một vài tác giả như Phan Khôi (1930), Nguyễn Bạt Tụy (1945). Kể từ đó, vấn đề tên riêng xuất hiện nhiều trên các sách báo, tạp chí với sự có mặt của nhiều nhà khoa học từ nhiều chuyên ngành khác nhau. Phần lớn, các công trình chủ yếu tập trung vào việc khảo sát, miêu tả các đặc trưng ngoài ngôn ngữ của lớp kí hiệu tên riêng từ bình diện văn hóa - dân tộc học, sử học. Tiêu biểu có Dương Xuân Đông, Đinh Cao, Vương Tuyền, Vũ Đức Huynh, Song Linh - Minh Huyền, Trương Thìn, Phan Hữu Thịnh, Nguyễn Khôi, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Vy Khanh, Trịnh Huy Tiến... Từ bình diện ngôn ngữ, một số tác giả tập trung ý kiến về vấn đề lịch sử và cách viết chính tả tên riêng, cùng với đó bước đầu đề cập một vài đặc điểm của tên riêng cũng như các yếu tố trong cấu trúc tên riêng chỉ người như: Nguyễn Kim Thản [102], Trần Ngọc Thêm [116], Nguyễn Minh Thuyết [128], Nguyễn Văn Khang [56], Lê

Trung Hoa [41], [42], [43]. Với việc hệ thống các tên họ, tên đệm, tên cá nhân (tên chính) người Việt cùng với việc liên hệ với tên riêng các dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Lê Trung Hoa đã đưa ra những nhận xét mang tính khái quát về một số đặc điểm của tên riêng người Việt, đồng thời đề cập đến vấn đề lý thuyết về nhân danh, như: khái niệm nhân danh, lược sử nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, vấn đề phân loại nhân danh, những lợi ích của nghiên cứu nhân danh. Tác giả tiếp tục đi sâu tìm hiểu các vấn đề cụ thể về tên họ, tên đệm, tên chính với các nội dung như: khái niệm, chức năng, vị trí, nguồn gốc, ý nghĩa, việc phân bố...

Nhìn chung, ở các mức độ khác nhau, các công trình nghiên cứu kể trên đã đề cập đến một số vấn đề như: lịch sử, cấu tạo, lí do đặt tên, cách đặt tên, ý nghĩa của tên gọi người, sự biến đổi, chính tả - cách viết hoa tên riêng người Việt. Các nội dung trên mặc dù còn vài khía cạnh khác nhau nhưng cơ bản được các nhà nghiên cứu nhìn nhận khá thống nhất như lí do và cách đặt tên, sự biến đổi. Một số luận điểm, những vấn đề còn có những ý kiến khác nhau giữa các tác giả và những vấn đề theo chúng tôi là cần phải bàn thêm, như: vấn đề lịch sử tên riêng người Việt, về cấu tạo và ý nghĩa của tên riêng, vấn đề chính tả - cách viết hoa tên riêng chỉ người. Về lịch sử tên riêng người Việt, còn tồn tại những ý kiến trái ngược nhau về tổ hợp tên gọi cũng như từng yếu tố trong tên riêng, đặc biệt là tên họ và tên đệm. Về cấu tạo, còn thiếu thống nhất trong nhìn nhận về vấn đề tên kép, tên ghép trong tên họ, tên đệm và tên cá nhân. Về nghĩa của tên riêng, chung quy còn hai ý kiến trái ngược nhau (tên riêng có nghĩa/không có nghĩa). Chính tả - cách viết hoa là nội dung có nhiều ý kiến tranh luận nhất. Các tác giả tập trung chủ yếu vào hai vấn đề: *thứ nhất*, viết hoa phân biệt/không phân biệt tên chính (chính danh) với các tên khác; *thứ hai*, viết hoa phân biệt/không phân biệt đối với các tên họ, tên đệm, tên cá nhân. Phần lớn các tác giả đặt vấn đề nghiên cứu tên riêng người Việt Nam, nhưng chủ yếu chỉ đề cập đến việc nghiên cứu các vấn đề của tên riêng người Việt (người Kinh). Có tác giả đề cập đến tên riêng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Nguyễn Khôi) nhưng vấn đề mới dừng lại ở việc giới thiệu sơ lược và liệt kê chứ chưa đề cập đến các nội dung như lịch sử tên riêng chỉ người của từng dân tộc cũng như chưa đi sâu

vào tìm hiểu những đặc điểm chính yếu về ngôn ngữ của loại tên riêng này. Nghiên cứu tên riêng người Việt đề cập đến các đặc điểm từ bình diện ngôn ngữ có Phạm Tất Thắng với tác phẩm *Đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người (chính danh) trong tiếng Việt* [108] cùng nhiều bài viết khác liên quan như [107], [109], [110], [111], [112], [113], [114]. Có thể nói, lần đầu tiên vấn đề tên riêng người Việt được nghiên cứu ở quy mô của một luận án khoa học, được triển khai một cách khá đầy đủ từ lý luận đến các nội dung cụ thể về cấu tạo, ý nghĩa và những biểu hiện của chúng trong hoạt động giao tiếp. Qua luận án và một số công trình nghiên cứu khác (nêu trên) có thể thấy, các nội dung chính yếu của tên riêng người Việt được tác giả phân tích và lập luận từ góc nhìn của ngôn ngữ học một cách khá thuyết phục.

Về đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người trong ngôn ngữ dân tộc thiểu số, bước đầu xuất hiện một số bài viết của Tạ Văn Thông [126], Phan Văn Phúc [83], [84], Nguyễn Minh Hoạt [48], Trương Thông Tuấn [134]... Các bài viết chủ yếu bàn về vấn đề xưng hô tên riêng và sử dụng tên riêng chỉ người trong các ngôn ngữ này. Đề cập đến các đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người (chính danh) trong một ngôn ngữ cụ thể ở Tây Nguyên, Đặng Văn Bình [7] có *Đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người (chính danh) trong tiếng Mnông*. Tác giả đã đi vào các nội dung cụ thể về cấu tạo, ý nghĩa và những biểu hiện của tên riêng chỉ người trong tiếng Mnông trong hoạt động giao tiếp.

Một trong những người đề cập đến vấn đề tên riêng của người Êđê đầu tiên là Vũ Lợi [70], với bài viết *Sự phát triển dòng họ của người Êđê ở tỉnh Đắk Lắk*. Tác giả đã thể hiện quan điểm của mình về một số khái niệm như vấn đề *họ*, vấn đề *hệ dòng*, đồng thời bước đầu phân tích diễn biến của sự phát triển và phân chia dòng họ của người Êđê cùng một số nguyên nhân chủ yếu. Các nội dung nghiên cứu của tác giả mới chỉ dừng lại ở góc độ văn hóa, dân tộc học. Nguyễn Minh Hoạt [47] có bài *Tên riêng người Ê-đê ở Dak Lăk*, giới thiệu sơ lược vấn đề ý nghĩa (theo hình thức đối chiếu nghĩa từ vựng) của tên riêng người Êđê và xác định vị trí các yếu tố trong tổ hợp tên riêng tộc người này. Với phạm vi khảo sát hẹp (một vài nhóm cư trú chủ yếu trên địa bàn huyện Krông Ana, Dak Lăk) nên tác giả chưa khái quát

được những đặc điểm cơ bản của tên riêng Êđê; chưa có được cứ liệu về nét tương đồng và khác biệt trong cấu tạo tên riêng giữa các nhóm tộc người.

1.2. Một số vấn đề cơ bản của lí thuyết về tên riêng và lí thuyết định danh

1.2.1. Một số vấn đề cơ bản của lí thuyết về tên riêng

1.2.1.1. Khái niệm tên riêng

Trước khi đi vào những nội dung cơ bản của đề tài luận án, cần làm rõ những vấn đề mang tính tiền đề cho việc nghiên cứu tên riêng chỉ người, tức là đưa ra một số khái niệm cơ bản của danh xưng học, coi đó là cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu tên riêng chỉ người nói chung và tên riêng người Êđê nói riêng.

Trong vốn từ của một ngôn ngữ, tên riêng làm thành một lớp tên gọi có cấu trúc đặc biệt, với một số lượng rất lớn. Bên cạnh những thành phần chủ yếu có tính chất ngôn ngữ học, tên riêng còn chứa đựng trong nó những thông tin mang tính lịch sử, văn hóa - xã hội,... đặc trưng cho từng cộng đồng dân tộc. Do vậy, tên riêng trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội khác nhau như sử học, dân tộc học, ngôn ngữ học, xã hội học, tâm lí học... Trong ngôn ngữ học, tên riêng được nghiên cứu trong một chuyên ngành riêng, đó là *danh xưng học* (onomasiologie). Đối tượng của danh xưng học khá đa dạng, tiêu biểu có địa danh (đối tượng của bộ môn địa danh học, với nhiệm vụ nghiên cứu tên riêng các đối tượng địa lí); vật danh (đối tượng của bộ môn vật danh học, với nhiệm vụ nghiên cứu tên riêng các đối tượng là sự vật, không phải tên riêng địa lí và cũng không phải tên riêng chỉ người); nhân danh (đối tượng của bộ môn nhân danh học, với nhiệm vụ nghiên cứu tên riêng chỉ người) cùng nhiều đối tượng khác như tên gọi các tác phẩm sách báo, các tác phẩm nghệ thuật, kiến trúc... Tên riêng người Êđê là đối tượng nghiên cứu của luận án.

Hiện nay, vẫn còn một số vấn đề của tên riêng đang tồn tại những quan niệm khác nhau như vấn đề phân loại, vấn đề chức năng, vấn đề nghĩa,...

Về hệ thuật ngữ *tên riêng* cho đến nay vẫn còn thiếu sự nhất quán. Chẳng hạn, về cơ bản, người ta vẫn khá thống nhất coi địa danh là tên riêng các đối tượng địa lí. Tuy nhiên, việc xử lí mối quan hệ giữa thành tố chung và thành tố riêng (bộ phận được gọi là địa danh) lại đang có nhiều ý kiến khác nhau trong lúc thành tố

“địa danh” luôn gắn chặt với thành tố chung. Về tổ hợp tên riêng chỉ người cho đến nay vẫn còn có những quan niệm và cách thể hiện khác nhau. Có người coi “tên riêng” của người là toàn bộ cấu trúc tên gọi, trong lúc có người cho rằng “tên riêng” là phần riêng biệt, không liên quan đến yếu tố nào, tức là không tính đến tên họ và tên đệm. Nói cách khác, họ cho rằng, “tên riêng” là yếu tố cuối cùng trong tổ hợp tên gọi của người Việt. Về yếu tố đệm, cũng có những cách gọi khác nhau như “tên đệm”, “tên lót”. Đối với yếu tố tên cá nhân (tức thành phần cuối cùng, thành phần được coi là quan trọng nhất đối với tên riêng người Việt) cũng đang tồn tại nhiều cách gọi khác nhau, như: *tên*, *tên riêng*, *tên gọi*, *tên chính*. Sở dĩ còn có những quan niệm khác nhau về tên gọi các yếu tố cấu tạo cũng như vị trí của chúng trong tên riêng, một phần do ảnh hưởng của vấn đề tên riêng chỉ người trên thế giới, với sự tồn tại bởi những quan niệm và quy ước khác nhau của các dân tộc. Từ điển *Khái niệm ngôn ngữ học* cho rằng “Trong tên người, cần phân biệt tên họ và tên riêng. Tên họ là tên chung cho tất cả những người cùng thuộc một họ, một tổ tiên. Tên riêng là tên của từng cá nhân, phân biệt với cá nhân khác” [34, tr. 372]. Về tổ hợp tên riêng chỉ người, Lê Trung Hoa [43] và Phạm Tất Thắng [107], dùng thuật ngữ “nhân danh”. Trong một số bài viết, Phạm Tất Thắng dùng “tên riêng chỉ người”. Chúng tôi cho rằng, tên riêng chỉ người (hay tên riêng của người) là một tổ hợp bao gồm các yếu tố như tên họ, tên cá nhân. Trong nhiều trường hợp bao gồm cả tên đệm. Trong luận án, chúng tôi dùng *tên riêng chỉ người* (khi nói về tên riêng của người nói chung) và *tên riêng của người* (khi nói về tên riêng có đối tượng cụ thể).

1.2.1.2. Chức năng của tên riêng

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tên riêng người Êđê. Vì vậy, các vấn đề của tên riêng được luận án tập trung đề cập đến tên riêng chỉ người. Về chức năng của tên riêng chỉ người đang có những ý kiến khác nhau do chưa có được sự thống nhất trong tiêu chí nhận diện. Trần Ngọc Thêm [116] nêu 5 chức năng của tên riêng người Việt, bao gồm: chức năng phân biệt (người này với người khác), chức năng phân biệt giới (nam và nữ), chức năng thẩm mỹ, chức năng bảo vệ (sức khỏe và an toàn), chức năng xã hội (phân biệt sang hèn). Lê trung Hoa [43] đưa ra 2 chức

năng của tên riêng: chức năng phân biệt và chức năng thẩm mỹ. Chúng tôi cho rằng, tên riêng có chức năng rất cơ bản là gọi tên và cá thể hóa đối tượng, nhằm phân biệt người này với người khác về mặt hình thức và làm công cụ giao tiếp. Riêng tên đệm và tên cá nhân ở nhiều ngôn ngữ còn mang chức năng phân biệt giới tính. Chẳng hạn tên đệm truyền thống của người Việt (Văn - nam; Thị - nữ); của người Êđê (Y - nam; Hơ - nữ); Sedang, Jeh (Gié) - Triêng (Y - nữ; A - nam);... Tên cá nhân của người Nga là nữ thường có kết thúc bằng *a, ia - я* (giống cái); v.v... Ngoài ra, tên riêng còn mang chức năng thẩm mỹ, đặc biệt là các tên gọi theo *danh hiệu*. Nhờ vào các chức năng này, tên riêng giúp con người khu biệt đối tượng để thực hiện tốt chức năng giao tiếp. Mặc dù các chủ thể định danh không có ý đồ thật rõ ràng về việc gán cho tên riêng chức năng phản ánh hiện thực, nhưng dấu ấn mà họ gửi vào tên riêng đã phản ánh sự tồn tại khách quan, ít nhất ở thời điểm ra đời tên riêng đó. Ví dụ: Lê Hòa Bình (sinh ra lúc đất nước vừa kết thúc chiến tranh); Hoàng Thị Thái Nguyên (quê hương hoặc nơi được sinh ra),...

Cũng từ thực tế nói trên, bên cạnh chức năng gọi tên, phân biệt, cá thể hóa đối tượng và chức năng thẩm mỹ, trong hoàn cảnh cụ thể nào đó tên riêng còn góp phần phản ánh lịch sử. Mỗi tên người hay tên địa lí đều ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử - xã hội nhất định, do đó, nó cũng thể hiện rõ chức năng phản ánh lịch sử của đất nước hoặc ở địa phương. Nhiều tên riêng đã ghi nhận một sự kiện, một biến cố xã hội - lịch sử, ghi danh một vị anh hùng hoặc một người có vai trò đặc biệt quan trọng trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Điều này được thấy rõ trong các “lí do đặt tên”. Chẳng hạn, Hùng Vương (đánh dấu sự ra đời của dân tộc Việt), Nguyễn Quốc Khánh, Trần Độc Lập (sinh ra trong ngày lễ trọng đại của đất nước)... Ngoài ra, tên riêng còn phản ánh nét đặc trưng văn hóa của một dân tộc, một vùng dân cư. Chẳng hạn, ở Việt Nam, tên họ đứng sau tên đệm và tên cá nhân phản ánh văn hóa đặt tên của người Êđê; tên cá nhân đặt theo số thứ tự, mang đặc trưng văn hóa Nam Bộ.v.v. Như vậy có thể nhận thấy, tên riêng có các chức năng cơ bản như gọi tên, để phân xuất và định danh riêng cho một đối tượng cá biệt, đơn nhất so với những đối tượng khác cùng loại.

1.2.1.3. Phân loại tên riêng

Hiện đang có nhiều quan điểm khác nhau trong phân loại tên riêng. Có người xác định phân loại trên cơ sở phân biệt tên chính thức (tên được dùng trong các giấy tờ tùy thân và hồ sơ nhân thân do nhà nước quản lí) với các tên khác (không chính thức). Theo quan điểm này, Cao Từ Linh [68] chia tên riêng chỉ người thành 10 loại: 1) tục danh; 2) chính danh; 3) tự danh; 4) hiệu tự; 5) biệt danh; 6) bí danh; 7) bút danh; 8) pháp danh; 9) tước hiệu, huy hiệu, xưng hiệu; 10) thư phòng. Lê Trung Hoa [43] chia tên riêng người Việt thành 4 loại, gồm: tên họ, tên đệm, tên chính và các danh hiệu. Phạm Tất Thắng cho rằng: “việc phân loại tên gọi có thể dựa vào nhiều tiêu chí khác nhau như: đặc điểm cấu tạo, chức năng hay nguồn gốc phái sinh của chúng... Phân loại các tên riêng cũng có thể dựa vào các tiêu chí phân loại như đối với các từ” [110, tr.31]. Tác giả đề xuất cách phân loại tên riêng tiếng Việt *dựa vào ý nghĩa định danh của tên riêng chỉ các đối tượng hiện thực và phi hiện thực*. Theo tác giả, *tên riêng chỉ các đối tượng hiện thực* là những tên gọi có mối liên hệ với những sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan như: người, động vật, thực vật, đồ vật và các hiện tượng tự nhiên và xã hội khác (tác giả phân làm 10 loại tên riêng); còn *tên riêng chỉ các đối tượng phi hiện thực* - đó là những tên gọi không chỉ ra mối liên hệ nào với các đối tượng hiện thực nhưng lại được sử dụng như là những tên gọi có đối tượng xác định. Ví dụ: Ngọc Hoàng, Long Vương, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Thần Mặt Trời [110, tr.33-35]. Chúng tôi cho rằng, việc phân loại tên riêng chỉ người được xác định trên cơ sở những tiêu chí khác nhau, các lớp đối tượng khác nhau, dựa vào đặc điểm văn hóa - ngôn ngữ của từng dân tộc.

- *Dựa vào cách gọi tên*, nhiều quốc gia, dân tộc có cách gọi khác nhau. Với người Việt, có nhiều tiểu loại như tên chính (chính danh), bí danh, biệt danh, hỗn danh, bút danh, nghệ danh, tên húy, đế hiệu, niên hiệu, miếu hiệu, tên thánh,...

- *Dựa vào kết cấu*, tên người của các quốc gia, các nền văn hóa cũng có những sự khác biệt. Có trường hợp tên họ đặt trước tên cá nhân như các dân tộc ở Trung Hoa, Triều Tiên và hầu hết các tộc người ở Việt Nam. Có dân tộc tên cá nhân

đặt trước tên họ như Anh, Mỹ, Pháp, Italia, Nga,...và đại bộ phận các nhóm tộc người Êđê ở Việt Nam. Một số dân tộc việc xác định tên họ cũng như cấu trúc tên họ là không có một nguyên tắc nhất quán giữa các thế hệ như với người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. Một số dân tộc chỉ có tên cá nhân, không có tên họ như người Tây Tạng (Trung Hoa), hoặc chỉ có tên cá nhân kèm theo yếu tố chỉ giới tính mà không có tên họ rõ ràng, như người Gié -Triêng, Sedang, Ôđu,...(Việt Nam).

1.2.1.4. Nghĩa của tên riêng

Vấn đề nghĩa của tên riêng hiện còn những ý kiến khác nhau. Một số ý kiến cho rằng tên riêng không biểu thị khái niệm như tên chung. Chính vì vậy, hình thức của nó tương quan trực tiếp với biểu vật, và qua biểu vật mà tương quan với đối tượng (người, sự vật,...) được biểu đạt. Trong quan niệm của N.D. Arutjunova thì “tên riêng không có nghĩa. Nó trong suốt như thủy tinh, qua nó có thể thấy rõ cái sở biểu (biểu vật). Nếu nó có nghĩa thì, cũng giống như thủy tinh có các vết rạn nứt, nó sẽ không được trong suốt, khiến ta không thấy được biểu vật” (dẫn theo Phạm Tất Thắng [109], tr.23). J. St. Mill cũng cho rằng, tên riêng không có tính hàm chỉ. Theo ông, tên riêng cũng giống như “vết phấn đánh dấu ở một cái nhà”, nó không có nghĩa mà chỉ có mục đích là chỉ ra biểu vật. Người ta thường quan niệm rằng, tên riêng chỉ gọi tên sự vật mà không gán cho sự vật bất cứ một thuộc tính nào cả. C. Mac nói: “Tôi hoàn toàn không biết gì về người này nếu chỉ biết đến tên anh ta là Jakov”(dẫn theo Phạm Tất Thắng [109], tr.32). E. S. Aznaurova xem xét tên riêng trong mối liên hệ với sự liên tưởng. Theo tác giả, “trong ngôn ngữ tự nhiên, tên riêng là lớp từ danh tính được chuyên môn hóa trong chức năng biểu đạt các sự vật đơn nhất và biểu thị nghĩa biểu vật” (dẫn theo Phạm Tất Thắng [108], tr. 23-24).

Từ những ý kiến trên có thể thấy, tên riêng *khiếm khuyết* về phương diện ngữ nghĩa, và vì vậy, nó không có cấu trúc ngữ nghĩa như ở tên chung. Trong thực tế, một số trường hợp tên riêng xuất hiện trong các tác phẩm nghệ thuật hay một con người cụ thể nào đó tồn tại trong cộng đồng mang bản chất đặc biệt được khái quát hóa thành đối tượng mang tính thông tin xã hội hóa. Ví dụ: Chí Phèo, Bá Kiến,... Lúc này, tên riêng của đối tượng có cấu trúc ngữ nghĩa, nghĩa là nó biểu thị nghĩa

biểu niệm. Tuy nhiên, đó là những trường hợp đã được “chuyển hóa” trong ý niệm của cộng đồng người sử dụng. Từ tên gọi của một cá nhân trở thành tên chung của một hạng người mang một đặc tính trong xã hội. Như vậy, vấn đề nghĩa của tên riêng, và đặc biệt là tên riêng chỉ người đang là vấn đề còn nhiều chỗ cần bàn. Một số tác giả cho rằng tên riêng có nghĩa, trong lúc một số tác giả khác có quan điểm ngược lại. Nếu cho rằng tên riêng có nghĩa thì cái nội dung nghĩa đó là nghĩa gì, vì như chúng ta đã xác định, khác với tên chung, tên riêng không biểu thị một khái niệm nào cả. Vậy tên riêng có hay không nghĩa hàm chỉ? Đây lại cũng là vấn đề đang có ý kiến khác nhau. *Thứ nhất*, tên riêng không có nghĩa hàm chỉ mà chỉ “là vết phấn nhằm chỉ ra biểu vật”. *Thứ hai*, tên riêng có nghĩa hàm chỉ vì nó gọi ra những nội dung ngữ nghĩa - tu từ bổ sung.

Thực tế cho thấy, khi định danh cho một đối tượng nào đó, chủ thể định danh bao giờ cũng có mục đích rõ ràng (tính có lí do). Hơn nữa, chủ thể thường lấy những từ ngữ có sẵn trong kho từ vựng hoặc tạo ra một đơn vị mới trên cơ sở những yếu tố có sẵn và sắp xếp theo một nguyên tắc phù hợp với quy luật ngôn ngữ và văn hóa của từng dân tộc. Vì vậy, mặc dù không với mục đích biểu thị một tính chất, đặc trưng nào đó qua tên gọi, nhưng hình ảnh âm thanh của chúng có mối liên hệ liên tưởng hoặc gọi ra mối liên tưởng thường trực, và qua đó hàm chỉ một cái, một điều gì đó. Và đây cũng là quan điểm về nghĩa của tên riêng trong luận án.

1.2.1.5. Ngữ pháp của tên riêng

Các nhà ngữ pháp học cho rằng, tên riêng trong ngôn ngữ nói chung, đặc biệt trong các ngôn ngữ đơn lập thường không dùng ở số nhiều. Nói cách khác, tên riêng không đứng trực tiếp sau số từ (trừ trường hợp đặc biệt - thường là mang sắc thái tu từ). Tên riêng thường cũng không đi kèm với tính từ đứng trước nó. Tên riêng cũng không có khả năng làm trung tâm của cụm từ. Tuy nhiên tên riêng lại có khả năng đảm nhiệm nhiều chức vụ ngữ pháp khác nhau, như chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ cũng như có khả năng kết hợp với một số từ khác để làm trạng ngữ, đề ngữ,... trong câu. Tên riêng có thể đóng vai trò của câu, như *câu tiêu đề* và *tiêu mục* trong văn bản. Là một ngôn ngữ đơn lập đang phát triển theo hướng đơn tiết hóa, tên riêng chỉ người trong tiếng Êđê cũng mang những đặc điểm ngữ pháp nói trên.

1.2.1.6. Phân biệt tên riêng và tên chung

Hiện thực vô cùng đa dạng, phong phú. Trước thực tế đó, con người phải tiến hành phân loại sự vật, hiện tượng,... và cấp cho chúng một tên gọi nhất định. Những tên gọi dùng để gọi tên cả một lớp sự vật, hiện tượng,... được gọi là tên chung. Chẳng hạn, các từ ngữ chỉ người theo quan hệ thân tộc trong tiếng Êđê và tiếng Việt (Amĩ (mẹ), ama (bố), aduôn (bà); aê (ông); aprông (cụ); amai (chị), ayông (anh), adei (em), adei êkei (em trai), adei mniê (em gái); anak (con)...; từ chỉ người theo nghề nghiệp: mjáo (người chữa bệnh); từ chỉ người theo chức vụ: mtao (vua, tù trưởng, lãnh chúa), khoa (trưởng, già, đứng đầu).v.v... Lớp từ này có đặc điểm của danh từ chung, nghĩa là có chức năng biểu thị khái niệm, có khả năng kết hợp với các từ chỉ số và chỉ lượng ở phía trước; có khả năng làm trung tâm của danh ngữ. Những tên gọi chỉ gọi tên một sự vật, hiện tượng duy nhất, gọi là tên riêng. Trong các lớp tên riêng đó, các nhà ngôn ngữ học lại tiếp tục phân chúng ra làm nhiều lớp khác nhau nhỏ hơn (tiểu loại). Lúc này, hình thức và đối tượng được gọi tên, về cơ bản có sự khác nhau. Tuy vậy chúng ta thấy, các tên riêng đều có những đặc điểm chung, trong đó biểu hiện rõ ràng nhất là các đặc điểm về chức năng, ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của chúng (như đã trình bày ở trên). Bên cạnh những điểm chung, ở mỗi ngôn ngữ lại có những nét riêng. Ngoài các vấn đề nêu trên, danh xưng học nói chung và nhân danh học nói riêng còn đề cập đến các vấn đề khác có tính phổ niệm như vấn đề cá thể hóa và khái quát hóa trong tên riêng; vấn đề không gian tên riêng và việc phân loại chúng, v.v...

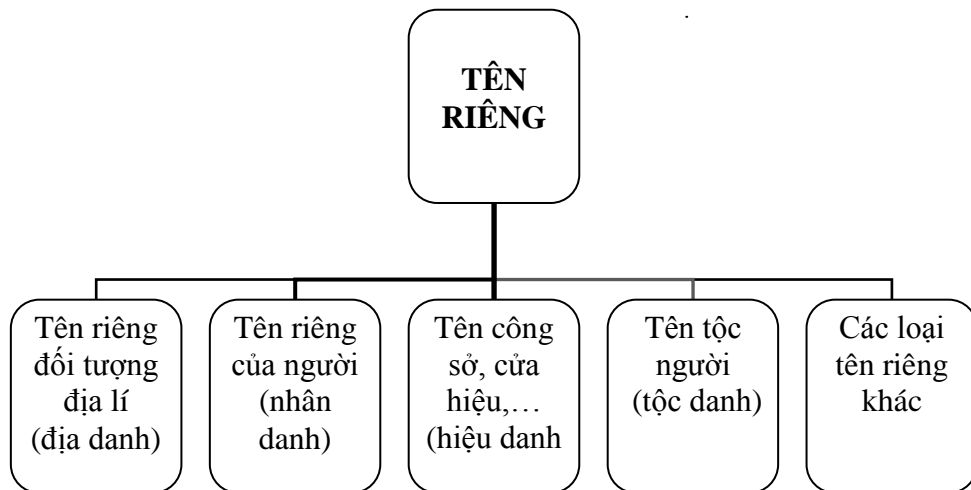
Nhân danh học nghiên cứu tên người, một loại tên riêng (proper names) trong mối quan hệ với tên chung (general names), trong khi giữa tên chung và tên riêng đã không có một ranh giới thật sự rõ ràng. Điều này xuất phát từ nhiều lí do, trong đó hình thức chuyển hóa trong định danh có vai trò chi phối mạnh mẽ. Tên riêng là tên gọi cho một đối tượng cá biệt, đơn nhất và xác định, còn tên chung là tên gọi thường gắn với một lớp đối tượng cùng loại. Tên riêng thì cá thể hóa, còn tên chung thì khái quát hóa. Tuy nhiên, nhiều tên riêng (cụ thể hơn là một số bộ phận của tên riêng, như tên họ, tên đệm) lại liên hệ đến nhiều người, và có một số

trường hợp tên chung nhưng chỉ liên hệ với một thực thể duy nhất (thiên đường, mặt trời). Lê Trung Hoa dẫn ra một số nhận định của A. Zauzat trong *Les noms de personnes - Origine et évolution - Pseudonymes - Noms de famille - Surnoms - Pseudonymies*, Paris, Delagrave, 1946: “Tên riêng thường không đi với các từ chỉ số nhiều như *các, những*; còn tên chung hoàn toàn có khả năng đó. Điều này không đúng hẳn với các ngôn ngữ Ấn-Âu, như tiếng Pháp (les Vincent: gia đình Vincent), tiếng Anh (the Taylor: gia đình Taylor)...Tiếp theo, về mặt ngữ nghĩa, tên riêng không còn giữ cái *nghĩa vốn có* của từ như tên chung. Sau cùng, tên riêng *không thể dịch* sang một ngôn ngữ khác như tên chung”[43, tr.11].

Như đã nói ở trên, hình thức chuyển hóa trong định danh có vai trò chi phối mạnh mẽ nên trong thực tế hoạt động, tên riêng và tên chung thường có sự chuyển đổi lẫn nhau. “Nếu tính cá thể của đối tượng được gọi tên trở nên không xác định và có tính khái quát hóa thì sẽ nảy sinh hiện tượng chuyển hóa tên riêng thành tên chung. Ngược lại, nếu đối tượng được gọi bằng tên chung trở nên xác định và mang tính cá thể hóa, thì tên gọi đó có xu hướng trở thành tên riêng”[109, tr.32]. Đây cũng là hiện tượng có tính phổ biến đối với các ngôn ngữ.

1.2.1.7. Tên người trong hệ thống tên riêng

Chúng ta biết rằng, tên riêng chỉ người là một loại đơn vị định danh cùng bậc với các loại là tên riêng khác như địa danh (tên riêng các đối tượng địa lí), hiệu danh (tên gọi các công sở, cửa hiệu,...), vật danh (tên gọi các đối tượng như sách báo, các tác phẩm điện ảnh, kiến trúc,...) và các loại tên riêng khác. Vì vậy, cần sử dụng một thuật ngữ có tính khu biệt (chẳng hạn, “tên riêng chỉ người” hay “nhân danh”) nhằm phân biệt với các loại tên riêng khác trong hệ thống tên riêng của một ngôn ngữ. Có thể hình dung hệ thống tên riêng của một ngôn ngữ theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hệ thống tên riêng của một ngôn ngữ

Tên riêng người Việt lại làm thành một hệ thống riêng biệt với nhiều tiêu loại. Bên cạnh tên chính (chính danh), người Việt còn có những tên gọi khác tùy thuộc vào lứa tuổi, nghề nghiệp, vị trí xã hội, tôn giáo,... trong cuộc đời mỗi người như: *tên tục, tên hiệu, bút danh, biệt danh, bí danh, pháp danh, ...*

Như vậy, *tên riêng* là tên của một người cụ thể; dùng để gọi hoặc phân biệt giữa cá nhân người này với người khác, được hình thành qua quá trình định danh, trên cơ sở những đặc trưng văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử,... của một dân tộc.

Từ những vấn đề trên, chúng tôi xác định: *tên riêng chỉ người hay tên riêng của người (personal name) là một tổ hợp từ (tổ hợp đa thành tố) được hình thành qua quá trình định danh, dùng để gọi tên một người cụ thể, riêng biệt, thường mang ý nghĩa biểu trưng, nhằm phục vụ cho nhu cầu giao tiếp của con người.*

Tên riêng chỉ người thường phổ biến với hai yếu tố *tên họ* và *tên cá nhân*. Trong nhiều trường hợp bao gồm cả *tên đệm*. Trong luận án, chúng tôi thống nhất cách dùng tên gọi như sau: Toàn bộ tổ hợp tên gọi là *tên riêng*; các yếu tố tạo thành bao gồm: *tên họ - tên đệm - tên cá nhân*.

Tên riêng chỉ người được nghiên cứu bởi một bộ môn gọi là nhân danh học (anthroponomastics) hay còn gọi là môn khoa học về tên người. Có thể nói, nhân danh học là một hệ thống lí thuyết về tên người, chủ yếu nghiên cứu về sự ra đời, lịch sử phát triển, hiện trạng và kết cấu, chức năng xã hội của tên riêng. Ngoài ra, nó còn nghiên cứu về cách đặt tên và cung cấp những thông tin về văn hóa - xã hội,

tâm lí dân tộc, quy luật ngôn ngữ,... liên quan đến tên riêng chỉ người. Xét về phương diện ngôn ngữ học xã hội, nhân danh học không đơn thuần chỉ một hệ thống lí thuyết mà còn là một môn học có tính thực tiễn. Bên cạnh nhiệm vụ nghiên cứu lịch sử các tên riêng, nhân danh học còn nghiên cứu tính chất và đặc điểm của tên riêng chỉ người cũng như phương pháp và nguyên tắc đặt tên. Kết quả của nhân danh học tác động trực tiếp đến nhiều vấn đề xã hội. Bên cạnh nghiên cứu có tính quan yếu về bình diện ngôn ngữ thì những vấn đề mà nhân danh học quan tâm nhiều hiện nay như đánh giá, phân loại cách đặt tên; hiện trạng và xu hướng đặt tên; đề xuất, hướng tới chuẩn hóa cách viết và đọc tên riêng, nhất là tên riêng của các dân tộc thiểu số, và đặc biệt đối với các dân tộc khác “nhóm”, “dòng” hoặc “loại hình” ngôn ngữ so với tiếng phổ thông (tiếng Việt); vấn đề phiên chuyển tên riêng người nước ngoài.v.v... Thực tế, những vấn đề này đang được mọi đối tượng xã hội hết sức quan tâm. Kết quả của nhân danh học cũng có tác động không nhỏ đến các lĩnh vực nghiên cứu của các ngành khoa học khác, đặc biệt với các ngành thuộc khoa học xã hội và khoa học nhân văn.

Nhân danh học vừa là “bộ phận” nhưng đồng thời là “đối tác” của nhiều phân ngành trong ngôn ngữ học. Đối tượng của nhân danh học là tên người, thuộc loại tên riêng được biểu hiện trên cả ba bình diện “âm”, “hình” và “nghĩa”. Vì vậy, nó là đối tượng của ngữ âm học, từ vựng học, ngữ nghĩa học. Tên riêng chỉ người là một loại cấu trúc đặc biệt, là đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp học. Tên người còn liên quan đến cách thức định danh và sử dụng của một cộng đồng, một địa phương nhất định, vì vậy nó còn là đối tượng nghiên cứu của ngữ dụng học, phương ngữ học, phong cách học v.v... Khi nghiên cứu tên riêng chỉ người, chúng ta có thể tìm hiểu được những vấn đề liên quan như lịch sử, kết cấu, quá trình phát triển của ngôn ngữ, quan hệ họ hàng và tiếp xúc ngôn ngữ... Tất cả những vấn đề đó đều là những vấn đề đã và đang được nghiên cứu trong phạm vi của ngôn ngữ học.

1.2.2. Lý thuyết định danh với vấn đề nghiên cứu tên riêng

1.2.2.1. Quan niệm về định danh

Hiện nay, trong các sách lí luận ngôn ngữ học, thuật ngữ “định danh” được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Theo L. Pheubach, định danh là tên gọi dựa vào

đặc trưng tiêu biểu của đối tượng, sự vật: "Tên gọi là cái gì? Một phù hiệu dùng để phân biệt, một dấu hiệu đập vào mắt mà tôi đem làm thành đặc trưng của đối tượng, làm thành cái tiêu biểu cho đối tượng, để hình dung đối tượng trong tính chỉnh thể của nó"(dẫn theo Mai Thị Loan [69], tr.108). Theo Nguyễn Như Ý và cộng sự: "Định danh là sự cấu tạo các đơn vị ngôn ngữ có chức năng dùng để gọi tên, chia tách các đoạn của hiện thực khách quan trên cơ sở đó hình thành những khái niệm tương ứng về chúng dưới dạng các từ, cụm từ, ngữ cú và câu" [54, tr. 89]. Thuật ngữ "định danh" (nomination) có nguồn gốc từ tiếng Latin nghĩa là "gọi tên". Nguyễn Thiện Giáp cho rằng "Định danh là ấn định các đơn vị ngôn ngữ làm tên gọi cho các sự vật, hiện tượng, quan hệ trong thực tế khách quan hay các khái niệm trong tư duy của con người". Tác giả quan niệm "Định danh là hành vi đặt tên chú trọng cả mối quan hệ liên diễn ngôn, nó thuộc phạm vi ngữ ngôn trong khi đặt tên thuộc phạm vi lời nói". Tác giả luận giải: "Trong các biểu thức định danh tích lũy những thành tố của quá trình phạm trù hóa. Đặt tên là hành vi diễn ra trước khi ghi lại những biểu thức định danh. Chính sự lặp đi lặp lại những hình thức hiện thực hóa trong diễn ngôn sẽ tạo nghĩa cho phạm trù được thiết lập và biến các cách dùng thành thói quen sử dụng. Định danh là hệ quả của sự đặt tên và thói quen sử dụng chỉ là tập hợp những cách sử dụng đã có"[34, tr.162]. Theo quan niệm của Đỗ Việt Hùng "Định danh là đặt tên cho một sự vật, hiện tượng" [51, tr.124]. Như vậy, có thể hiểu: định danh là cách đặt tên gọi cho một đối tượng nào đó; là sự hình thành những đơn vị ngôn ngữ có chức năng tạo ra các ký hiệu dùng để gọi tên sự vật và chia tách những khúc đoạn của thực tại khách quan, tạo nên những khái niệm tương ứng về sự vật, hiện tượng dưới hình thức là các từ, các tổ hợp từ (tự do hoặc cố định).

Có thể thấy, mỗi dân tộc có những cách tri nhận khác nhau về sự vật trong thực tế khách quan, thậm chí cùng một dân tộc nhưng giữa các vùng phương ngữ, giữa những thời kì lịch sử khác nhau cũng có những cách gọi khác nhau về đối tượng. Do đó, cùng một đối tượng có thể có những cách đặt tên khác nhau. Đặc trưng của định danh ngôn ngữ còn được biểu hiện ở vấn đề "kỹ thuật ngôn ngữ" để cấu tạo các tên gọi. Các thủ pháp định danh là chung cho các ngôn ngữ, song do đặc

điểm của hệ thống ngôn ngữ, đặc biệt là loại hình ngôn ngữ, có ảnh hưởng đến đặc tính của các thủ pháp ấy. Chính các thủ pháp này sẽ làm nên đặc trưng của hành vi định danh ngôn ngữ.

1.2.2.2. Về các đơn vị định danh

Trong định danh, vấn đề xác định các đơn vị định danh hiện đang còn những ý kiến khác nhau. Về cơ bản, các nhà nghiên cứu đều thừa nhận khả năng thực hiện chức năng định danh của từ (các thực từ). Tuy nhiên, một số trường hợp mà ranh giới giữa chúng chưa thực sự rõ ràng thì vấn đề đang trở nên phức tạp. Chẳng hạn, mối quan hệ giữa từ ghép với cụm từ; giữa từ ghép với thành ngữ trong việc thực hiện chức năng định danh; vấn đề chức năng định danh của câu... Có thể khái quát một số quan niệm về các đơn vị định danh như sau:

- Quan niệm từ là một đối tượng có chức năng định danh

Vấn đề từ là đơn vị định danh và câu là đơn vị thông báo từ lâu đã được ngôn ngữ học thừa nhận và đã được minh chứng trong hành chức của đơn vị này. Theo Đỗ Hữu Châu, “Chức năng định danh chỉ là một dạng của chức năng biểu vật. Từ đã có chức năng định danh thì sẽ có chức năng biểu vật” [10, tr.97]. Theo tác giả, chỉ thực từ mới có chức năng định danh. Nếu thực từ chuyển thành hư từ thì cũng mất luôn chức năng này. Biểu vật theo lối định danh là cách gán một hình thức âm thanh cho sự vật, hiện tượng. Thông qua từ ngữ mà các sự vật, hiện tượng hiển hiện ra trong nhận thức, tri giác của người bản ngữ. Như vậy, từ (và các đơn vị tương đương) có chức năng định danh, tức là dùng để gọi tên sự vật, hiện tượng, quá trình. Và như thế thì vốn từ trong một ngôn ngữ sẽ là một hệ thống các đơn vị định danh. Tuy nhiên, tên gọi chỉ là ngẫu nhiên mà không phải bao giờ cũng phản ánh đúng bản chất của sự vật hiện tượng. Điều này đã được F. de Saussure [87] xác định rõ.

- Quan niệm cụm từ (ngữ) là một đối tượng có chức năng định danh

Với từ ghép và cụm từ, Nguyễn Thiện Giáp cho rằng, “Từ ghép là những cụm từ cố định biểu thị các sự vật, hiện tượng hay khái niệm nào đó của thực tế. Nó bao gồm những tổ hợp từ mà trước nay vẫn gọi là từ ghép như: *xe đạp, máy tiện, cá*

vàng, cà chua, áo dài... và những tổ hợp từ thường gọi là cụm từ cố định như *đường đồng mức, phương nằm ngang, máy hơi nước* v.v...”[33, tr.72-73]. Khi so sánh giữa từ ghép và cụm từ tự do, tác giả cho rằng từ ghép có tính hoàn chỉnh về nghĩa, tức là nó có khả năng biểu thị một khái niệm về đối tượng tồn tại bên ngoài chuỗi lời nói, còn cụm từ tự do không có tính chất này. Mặc dù được cấu tạo theo mô hình của cụm từ nhưng do có tính hoàn chỉnh về nghĩa và được sử dụng như các từ nên quan hệ giữa các thành tố trong từ ghép trở nên có tính phi cú pháp, tức là đi chệch khỏi mô hình cú pháp bình thường của tiếng Việt. Cuối cùng, tác giả khẳng định: “ranh giới giữa từ ghép với cụm từ tự do rất phức tạp, bởi vì bên cạnh những đơn vị vừa có tính hoàn chỉnh về nghĩa, lại vừa có cả tính phi cú pháp và những đơn vị không có tính chất nào trong hai tính chất đó (cụm từ tự do) vẫn tồn tại rất nhiều trường hợp trung gian, hoặc chỉ có tính chất này hoặc chỉ có tính chất kia” [33, tr.79-80]. Cũng theo tác giả thì giữa từ ghép và thành ngữ vẫn có sự khác biệt bởi “Từ ghép là tên gọi thuần túy của sự vật còn thành ngữ là tên gọi gọi cảm của hiện tượng nào đó”[33, tr. 83]. Như vậy, trong ngữ định danh (cách gọi của Nguyễn Thiện Giáp) hình thái bên trong và ý nghĩa thực tại thống nhất với nhau, còn ở thành ngữ, hình thái bên trong và ý nghĩa thực tại lại tách rời nhau, thậm chí đối lập nhau. Do đó, thành ngữ có tính hình tượng, tính cụ thể, tính biểu cảm, còn từ ghép - ngữ định danh lại có khả năng diễn đạt đồng thời quan hệ chung và loại, chung và riêng của sự vật, hiện tượng. Xuất phát từ cách hình dung về đơn vị gọi là *từ* cho nên cái mà các nhà nghiên cứu khác gọi là *từ ghép* thì Nguyễn Thiện Giáp gọi là *ngữ* hay *ngữ định danh*. Cũng theo Nguyễn Thiện Giáp thì giữa ngữ định danh và thành ngữ vẫn có sự khác biệt bởi “Ngữ định danh là tên gọi thuần túy của sự vật còn thành ngữ là tên gọi gọi cảm của hiện tượng nào đó”[33, tr.79]. Xét về cấu trúc, tác giả cho rằng, ngữ định danh rất ít cấu trúc kiểu quan hệ tương thuật còn ở thành ngữ, cấu tạo theo kiểu quan hệ tương thuật chiếm 70%. Ngữ định danh có cấu trúc chủ yếu là chính phụ thì thành ngữ lại chủ yếu theo cấu trúc đẳng lập. Đỗ Hữu Châu [10] thì cho rằng từ có chức năng định danh còn cụm từ chỉ có chức năng miêu tả. Cụm từ chỉ có chức năng định danh khi chúng đã được cố định hóa và khái quát hóa. Khi đó, các

cụm từ này khác xa với các cụm từ tự do bởi vì chúng đã bị chi phối bởi nguyên tắc định danh.

- Quan niệm câu là một đối tượng có chức năng định danh

Theo Hoàng Văn Hành: “Bên cạnh chức năng định danh, từ cũng có chức năng thông báo; bên cạnh chức năng thông báo, câu cũng có chức năng định danh”. Đồng thời tác giả luận giải: “Một là, đối tượng định danh của từ và câu không giống nhau. Từ được dùng để định danh sự vật, hiện tượng, quá trình... câu được dùng để định danh cảnh huống. Hai là, nếu như ở từ, định danh là chức năng chủ đạo, còn thông báo là chức năng có tính tiềm ẩn, thì trái lại, ở câu chức năng thông báo là chủ đạo, còn chức năng định danh lại là tiềm ẩn” [39, tr. 326].

Về ranh giới giữa các đơn vị định danh, Lưu Vân Lăng cho rằng: “Bàn về từ, không thể tách nó ra ngoài hệ thống các đơn vị ngữ pháp mà trước hết phải xác định được vị trí của từ trong toàn bộ hệ thống ngôn ngữ” [62, tr.53]. Theo tác giả “đối với các đơn vị ngôn ngữ, khó mà xác định được rạch ròi như thế... Mặt khác, cụm từ và câu cũng có những trường hợp dần dần được cố định hóa, được xã hội công nhận như những đơn vị có sẵn” [62, tr.52].

Trần Văn Cơ lại cho rằng “Trong ngôn ngữ, với tư cách là một thể thống nhất, không thể có chuyện có đơn vị chuyên thực hiện chức năng định danh, có những đơn vị chuyên thực hiện chức năng thông báo. Định danh hay thông báo chỉ là những chức năng mà một đơn vị ngôn ngữ có thể thực hiện tùy thuộc vào ý muốn của người sử dụng ngôn ngữ” [15, tr. 96]. Theo quan điểm của tác giả thì bất cứ đơn vị ngôn ngữ nào cũng có thể thực hiện hai chức năng trên.

Chúng tôi cho rằng, việc thực hiện chức năng định danh của các đơn vị ngôn ngữ phụ thuộc vào đối tượng được định danh và “ý muốn của người sử dụng ngôn ngữ”. Chẳng hạn, đối với *địa danh*, phần lớn các đối tượng này do từ đảm nhiệm bởi địa danh luôn tồn tại trong một phức thể mà ở đó luôn hiện hữu thành tố chung. Với *tộc danh*, về cơ bản cũng được định danh bởi các từ. Với một số trường hợp như tên riêng của người hay tên gọi các tác phẩm là sách, báo, các tác phẩm hội họa, kiến trúc thì chủ yếu được các tổ hợp từ và câu thực hiện chức năng định danh.

Như vậy về cơ bản, trong các đơn vị ngôn ngữ, thì từ (thực từ) luôn có khả năng định danh còn cụm từ và câu có khả năng thực hiện chức năng này khi đã được định danh hóa. Chức năng định danh của câu được thể hiện rõ nhất là định danh cảnh huống (chẳng hạn tục ngữ).

Từ những vấn đề trên đây có thể xác định, tên riêng của người cũng như các yếu tố trực tiếp tham gia tạo nên nó là những đơn vị định danh.

1.2.2.3. Vai trò của định danh

Định danh có một vai trò rất quan trọng trong nhận thức và tư duy của con người. Nhờ có tên gọi và cả hành động quy chiếu mà chúng ta nhận thức được sự vật, hiện tượng một cách rõ ràng, đồng thời còn phân biệt được sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác. Để phân biệt, tất yếu phải sử dụng các phương tiện từ ngữ để đặt cho chúng những tên gọi tương thích. Theo Nguyễn Thiện Giáp [33] “Chính đi sâu vào cách đặt tên gọi sẽ khám phá ra các quy luật vận động của tư duy mỗi dân tộc trong từng thời kì lịch sử khác nhau”. Với khả năng đặt tên sự vật, con người hoàn toàn chiếm lĩnh được thế giới khách quan trong sự tồn tại của nó. Như vậy, nhận thức của con người đối với thế giới thể hiện rất rõ trong hệ thống từ vựng.

Từ hình thức cấu trúc của từ, ngữ qua định danh có thể thấy lối tư duy đặc trưng mang đậm dấu ấn lịch sử - tộc người của một cộng đồng cư dân nào đó. Chẳng hạn, người Êđê gọi “nghệ sĩ chuyên về hát”, là mnuih knhâo mmuñ (mnuih knhâo - nghệ sĩ; mmuñ - hát), trong lúc người Việt gọi là “ca sĩ”; người “chuyên thể hiện những sự tình theo một cách thức khái quát hóa, hình tượng hóa trong các tác phẩm nghệ thuật” người Êđê gọi là mnuih mdah, tức là “người làm nghệ thuật trình bày” (mnuih - người; mdah - trình bày) còn người Việt lại gọi là “diễn viên”. Trong nhiều trường hợp, sự khái quát thành đơn vị định danh của người Êđê là “mượn” một tổ hợp định danh của ngôn ngữ khác khi trong tiếng Êđê không có từ để chỉ khái niệm ấy. Chẳng hạn, các trường hợp: buôn (làng) + êlan (đường, ngã, lối) là để chỉ làng mạc, buôn làng (một đối tượng - danh từ); buôn (làng) + sang (nhà) cũng để chỉ làng quê, nông thôn nói chung nhưng thường được dùng với tư cách tính từ; buôn (làng) + sã (xã) để chỉ đơn vị hành chính cơ sở, trong đó sã là

một từ mới do người Việt tạo ra để chỉ đơn vị xã; buôn (làng) + prong (to, lớn) → buôn prong (buôn lớn - thành phố); buôn (làng) + phũn (góc) → buôn phũn (buôn góc - thủ đô); buôn (làng) + atâo (ma, xác chết) → buôn atâo (nghĩa địa). Trường hợp khác: khoa păn bruă buôn sã được kết hợp như sau: khoa (trưởng, đứng đầu) + păn (quản, vấn, buộc) + bruă (việc, công việc, nghề) buôn sã (xã) → người đứng đầu công việc ở xã - chủ tịch xã.v.v... Có thể nói, khi định danh, chủ thể định danh thường có xu hướng lựa chọn đặc trưng nào đó của sự vật theo cảm quan hay nhận thức của mình nên đôi khi cùng một đối tượng được định danh lại không giống nhau về tên gọi. Sự không giống nhau ấy có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như: cơ chế, loại hình ngôn ngữ và đồng thời là phụ thuộc vào tâm lí, văn hóa,... của chủ thể định danh. Từ đó cũng có thể thấy, qua quá trình định danh, bên cạnh việc xác định được cơ chế hình thành của các đơn vị ngôn ngữ tương ứng, còn hiểu thêm những đặc điểm về tâm lí, lịch sử, văn hóa của một cộng đồng người. Đặc biệt, với người Êđê, những đặc điểm đó chi phối rất nhiều đến “hành vi” định danh, bởi môi trường cư trú, trình độ phát triển xã hội, đặc biệt là tín ngưỡng “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” luôn tác động đến việc “cân nhắc”, “lựa chọn” khi đặt tên cho một đối tượng nào đó.

1.3. Cơ sở thực tiễn

1.3.1. Những vấn đề về văn hóa - tộc người và ngôn ngữ Êđê

1.3.1.1. Về văn hóa - tộc người

Êđê (Radê, Rhadê, Anăk Êđê, Đê, Êđê Êgar, Mọi, Thượng, Rodê,...) là tên gọi của một cộng đồng tộc người hiện đang sinh sống khá tập trung ở một số địa bàn như Buôn Ma Thuật, Krông Păc, Krông Ana, Krông Bông, Êa H’Leo, Krông Búk, Cư M’gar, M’Drăk... của tỉnh Dak Lăk và rải rác một số địa bàn lân cận thuộc tỉnh Gia Lai, Dak Nông, Phú Yên, Khánh Hoà. Người Êđê còn có mặt ở một số quốc gia khác trên thế giới. Êđê là một dân tộc có 331.194 người sinh sống tại Việt Nam (theo thống kê dân số 01/4/2009). Người Êđê được phân thành các nhóm dựa trên cơ sở những nét khác biệt về thổ âm và địa bàn cư trú, như Kpă, Adham, Mdhur, Blô, Bih, Krung, Êpan, Hwing, Dong Hay, Dong Măk, Dliê, Arul, Kdrao. Trong các nhóm nêu trên, nhóm Kpă được coi là Êđê chính dòng (trong tiếng Êđê,

Kpã có nghĩa là thẳng, thật, chính). Địa bàn cư trú của nhóm Kpã chủ yếu ở khu vực Buôn Ma Thuột và một phần của Krông Păc, Cư M'gar ngày nay. Người Êđê là một trong năm tộc người thiểu số ở Việt Nam nói ngôn ngữ Nam Đảo (cùng với J'rai, Churu, Raglai, Chăm), mang đặc trưng nhân chủng thuộc loại hình Indonediên. Êđê là tộc danh chính thức được dùng trong các văn bản của Nhà nước Việt Nam, trong giới nghiên cứu hiện nay và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Một số học giả nước ngoài, phần lớn là người Pháp trong các công trình nghiên cứu của mình (đầu thế kỷ XX), có một số cách gọi khác như Ra đê, Rơ đê, Rhadê.

Trước đây, người Êđê thường phân biệt các nhóm địa phương: Kpã, Adham, Bih, Krung, Blô, Kdrao...(sự phân biệt này chủ yếu dựa vào địa bàn cư trú hoặc về một số khác biệt trong vốn từ vựng giữa các nhóm). Sau này, sự phân biệt chỉ còn thể hiện ở một số nhóm chính, như: Kpã, Krung, Blô, Ktul.... “Do sự giao lưu giữa các nhóm ngày càng mở rộng nên sự phân biệt giữa các nhóm cũng phần nào mờ nhạt hơn, ý thức chung của đồng bào tự coi mình người Êđê đã trở nên phổ biến trong tất cả các nhóm của cộng đồng. Mặc dù có một vài sự khác biệt trong tập tục sinh hoạt, ngôn ngữ, giao tiếp, tín ngưỡng, song nhìn chung các nhóm tộc người Êđê đều nói chung ngôn ngữ Êđê, chung hệ thống tín ngưỡng, thần linh, chung một nền văn hóa” [92, tr.51].

Về tổ chức xã hội, Êđê là xã hội mẫu hệ và mẫu quyền điển hình nhất ở Tây Nguyên. Mọi quy tắc ứng xử trong cộng đồng xã hội, trong gia đình đều tuân theo một hệ thống luật tục (klei bhiã) lưu truyền từ đời này sang đời khác. “Đứng đầu gia đình là khoa sang (chủ nhà). Đó là người đàn bà cao tuổi nhất, có uy tín nhất lãnh nhiệm vụ trông coi tài sản, điều hành sản xuất, gắn bó quan hệ giữa mọi thành viên trong gia đình” [121, tr.19]. Người Êđê có nhiều dòng họ nhưng phần lớn các họ đều xuất phát từ hai dòng họ gốc là Niê hoặc Mlô, từ đó mà chia ra nhiều dòng họ nhánh nữa. “Những người trong cùng một dòng họ Niê hoặc Mlô không được kết hôn với nhau. Hôn nhân chỉ được thực hiện giữa hai dòng này. Trong hôn nhân, nếu người của dòng họ nào chẳng may qua đời trước, dòng họ đó phải chọn một người khác để tiếp tục nối sợi dây hôn nhân (tục củê nuê - chuê nuê)” [120, tr. 27].

Xã hội truyền thống của người Êđê mang tính chất tự quản cao. Trong tổ chức tự quản của tộc người này có sáu nhân vật đại diện, gồm: pô pin êa (chủ bến nước-người đầu buôn), cùng người giúp việc trực tiếp cho pô pin êa (pô kyiăng mdul kơ pô akõ buôn). Bên cạnh đó còn có người xử kiện (pô phat kđi), người chăm lo công việc sản xuất (pô rãng kriê kơ bruã lữ hma mdiê), người chăm lo đến ốm đau bệnh tật của dân làng (pô rãng kơ bruã ruã duãm djiê mnuih buôn sang), người trông coi về mặt quân sự (pô rãng kơ bruã mgang ala ăar). Trong bộ máy điều hành của buôn, nhân vật có vị trí nổi bật là khoa buôn. Xưa kia, khoa buôn cũng là người chủ bến nước (pô pin êa) và người Êđê gọi nhân vật này là pô akõ buôn sang (người đầu buôn). Từ khoa buôn (*khoa* có nghĩa là chủ, già) được xuất hiện khi người Pháp thiết lập hệ thống hành chính mới vào xã hội của người Êđê. Pô pin êa (hay khoa buôn) là người có vai trò điều hành chung mọi công việc của buôn, là người có quyền lực cao nhất. Do vị trí và vai trò trách nhiệm cao của khoa buôn nên ông được mọi thành viên của buôn tin tưởng, kính trọng và được ví như là *cây đũa* của buôn. Theo các nhà nghiên cứu cũng như thực tế điền dã, có thể thấy, khoa buôn thường nằm trong tay gia đình giàu có trong buôn và chỉ truyền theo dòng nữ, nhưng do chồng của người người phụ nữ điều hành công việc. Thông thường, khoa buôn được truyền từ bố vợ đến con rể, cháu rể (thường là chồng của người con gái trưởng của từng thế hệ). Trường hợp người con gái đó chưa có chồng thì một trong các dam dei (anh em trai bên vợ) tạm thời nắm giữ, chờ đến khi cô gái lấy chồng thì giao lại cho chồng cô ta. Như vậy có nghĩa là chức khoa buôn thuộc về vợ và gia đình vợ của ông ta mà ông ta là người đại diện điều hành công việc của buôn. Các vị trí khác trong bộ máy điều hành của buôn đều được hình thành một cách tự nhiên bởi những người đàn ông có kinh nghiệm, có uy tín. “Họ được dân làng tín nhiệm hỏi ý kiến và dần dần, họ tham gia một cách tự nguyện vào việc điều hành công việc của buôn”[75, tr.28]. Ngoài ra, thầy cúng (pô riu yang) cũng là nhân vật không thể thiếu trong bối cảnh tín ngưỡng “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” luôn tồn tại trong xã hội Êđê truyền thống.

Về văn hóa, Êđê là một trong những tộc người bản địa ở Dak Lăk, có nền văn hóa dân gian đậm đà bản sắc dân tộc. “Người Êđê có kho tàng văn học truyền miệng phong phú: thần thoại, cổ tích, ca dao, tục ngữ, đặc biệt là các trường ca, sử thi nổi tiếng với khan *Dăm Săn*, khan *Dăm Kteh M'lan*...”[120, tr.7]. Người Êđê yêu ca hát, thích tấu nhạc và thường rất có năng khiếu về lĩnh vực này. *Công chiêng, sáo, gôc, kni, đinh năm* là các loại nhạc cụ phổ biến của người Êđê và được nhiều người yêu thích. Kiến trúc nhà dài nhiều gian độc đáo, vững chãi mang đậm tính mẫu hệ. Bộ *luật tục* hàng trăm điều, phản ánh những luật lệ nghiêm ngặt của cộng đồng thị tộc người Êđê cổ đại; với hệ thống nghi lễ dân gian như mừng lúa mới, cúng bến nước, cúng cầu mưa, cúng thần gió, rước hồn lúa, lễ đặt tên, thổi tai, lễ cưới, lễ bỏ mả, lễ rước kpan... Ấn tượng hơn cả là kể *khan* (hát kể), một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, thu hút đông đảo dân làng tham gia, có ý nghĩa giáo dục truyền thống, bồi dưỡng nhân cách, ý chí kiên cường, tình yêu núi rừng, buôn làng của mọi thành viên trong cộng đồng. Tuy đã qua hàng thế kỷ với nhiều biến động lịch sử, nhưng ngày nay đồng bào Êđê vẫn còn giữ được những phong tục và hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng mang đậm bản sắc.

Tôn giáo và tín ngưỡng của người Êđê ở Tây Nguyên trước khi Pháp xâm lược đang ở thời kỳ phát triển cuối cùng của tín ngưỡng nguyên thủy. Các thần linh đều được gọi chung là *giàng* (yang) và các ác thần là *briêng*. Việc thờ thần lúa và các vị thần khác là điểm nổi bật nhất trong tín ngưỡng của đồng bào Êđê. Người Êđê theo tín ngưỡng đa thần “vạn vật hữu linh”(mọi vật đều có linh hồn) nên trong sinh hoạt chung của buôn làng Êđê, các hoạt động tín ngưỡng, lễ nghi chiếm vai trò hết sức quan trọng. Theo quan niệm của đồng bào dân tộc ở đây, mọi hiện tượng tự nhiên, đất đai, sông núi, cỏ cây và các đồ vật do con người tạo ra đều có *yang* - thần. Và như vậy, thế giới tự nhiên đều có linh hồn, thần linh, tạo nên một thế giới huyền ảo bao quanh con người, cùng với quan niệm về “điềm mộng”, “kiêng kỵ” tạo nên một phong cách tư duy riêng của con người ở đây, đó là tư duy “hiện thực huyền ảo”. Quan niệm về *yang* phản ánh một thực tế rằng, trong tư duy của con người bản địa, không có một cái gì trong thế giới tự nhiên này là vô tri, vô giác. Những tập quán, thói quen, những nét văn hóa đặc

thù của dân tộc trong một môi trường khép kín kéo dài hàng trăm, hàng nghìn năm đã tạo nên bản sắc văn hóa đậm nét của dân tộc này. Quan điểm “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” đã chi phối tất cả mọi phương diện của đời sống xã hội, trong đó có việc đặt tên riêng cho người.

1.3.1.2. Ngôn ngữ Êđê

a) Đặc điểm chung về tiếng Êđê

Tiếng nói của người Êđê thuộc dòng ngôn ngữ Malayo - Polynesia (ngữ hệ Nam Đảo), có quan hệ gần gũi với tiếng J'rai, Chăm, Raglai, Churu, Malaysia, Indonêxia, Philippin. Ngôn ngữ Êđê là ngôn ngữ đơn lập, phát triển theo xu hướng đơn âm tiết. Đây là kết quả của sự ảnh hưởng ngôn ngữ dòng Môn - Khmer. Do sự tiếp xúc với tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn tiết điển hình cho nên quá trình đơn tiết hóa ở tiếng Êđê diễn ra khá mạnh. Có thể nói, sự biến đổi trong tiếng Êđê là sự biến đổi mang tính loại hình. Từ gốc chung Proto - Malayic, tiếng Êđê đã phát triển thành một ngôn ngữ đơn lập. Do đó, hầu hết mỗi âm tiết trong tiếng Êđê đều mang chức năng của một hình vị, tức nó có nghĩa và có khả năng dùng độc lập. Tuy nhiên, một số âm tiết vẫn còn những tổ hợp phụ âm ở đầu hoặc ở cuối. Theo H. Maitre [37], thì người Êđê phân chia thành các nhóm phương ngữ là: Kpă, Adham, Dliê, Ktul, Kơ Drao (Drao), Krung, Bih, Mdhur, Blô... Theo đó, giữa các nhóm tộc người đã có những nét khác nhau về ngôn ngữ. Tuy nhiên, đến nay sự pha trộn giữa tiếng của nhóm người này với nhóm người kia diễn ra khá phổ biến do quá trình tiếp xúc văn hóa (cộng cư với các nhóm khác và các tộc người khác). Về vấn đề này, Đoàn Văn Phúc nhận xét: "Một bộ phận nhóm người Ktul sống ở xã Krông Jing huyện M'drăk, do tiếp xúc với cư dân các nhóm địa phương Blô, Êpan mà tiếng nói của họ lại pha tạp và "lai" giữa tiếng Ktul với tiếng Blô và Êpan" [80, tr. 22]. Căn cứ tiêu chuẩn thuần túy ngôn ngữ học, nhất là đặc trưng hình thái học, tác giả chia các phương ngữ này thành hai vùng: *vùng 1*, các phương ngữ mang đặc trưng của một ngôn ngữ đơn lập - đơn tiết và thể hiện xu hướng đơn tiết hóa ngày càng triệt để; *vùng 2*, các phương ngữ mang đặc trưng của một ngôn ngữ đơn lập - đa tiết và còn mang dấu vết của một ngôn ngữ đa tiết. (qua quan sát thấy dấu ấn rõ nét vùng 1, gồm: Kpă, Adham,

Krung, Ktul, Drao, Blô, Êpan; vùng 2, gồm: Mdhur và Bih). Trong số các phương ngữ thì tiếng Kpã được người Êđê ở tất cả các ngành, các nhóm địa phương coi là phương ngữ tiêu biểu, phổ thông của họ và được sử dụng như một ngôn ngữ đại diện trong giao tiếp qui thức. Phương ngữ này đã được chọn làm cơ sở để xây dựng chữ viết Êđê. Đây cũng là ngôn ngữ chính thức của các phương tiện thông tin đại chúng (Đài phát thanh và truyền hình - chương trình tiếng Êđê).

b) Đặc điểm về ngữ âm

Quá trình biến đổi hình thái học của tiếng Êđê là quá trình biến đổi từ một ngôn ngữ đa tiết có phụ tố trở thành ngôn ngữ đơn tiết mất dần phụ tố trong khi các ngôn ngữ hải đảo lại diễn ra theo hướng ngược lại. Điều này đã tác động đến đặc điểm ngữ âm của ngôn ngữ này. "Tiếng Êđê có đơn vị phát âm tự nhiên, nhỏ nhất là các âm tiết (đơn tiết) với sự hiện diện của các tổ hợp âm đầu" [80; tr.3]. Âm tiết tiếng Êđê chỉ có hai bộ phận chính là phần âm đầu và phần vần (không có thanh điệu). Vần được chia thành âm đệm, âm chính và âm cuối. Do phần đầu âm tiết chưa bị đơn tiết hóa triệt để nên cấu trúc ngữ âm - âm vị học khá phức tạp. Trong tiếng Êđê hiện nay, ta có thể gặp những cặp từ có sự khác nhau về một đặc điểm nào đó trong phát âm, nhưng chúng có mối liên hệ về nghĩa.

c) Đặc điểm về từ vựng và ngữ pháp

Hệ thống từ vựng tiếng Êđê khá đa dạng và phức tạp. Trong từ vựng tiếng Êđê, từ có nguồn gốc Nam Đảo chiếm số lượng lớn. Đó là những từ thuộc về lớp từ cơ bản như các từ chỉ bộ phận cơ thể con người, các từ chỉ các loại động, thực vật gần gũi và các từ số đếm,... Khảo sát lớp từ này trong tiếng Malaysia, có sự giống nhau về yếu tố gốc đáng ngạc nhiên*. Đoàn Văn Phúc cũng đã đưa ra một số dẫn chứng cho hiện tượng này, ví dụ *jahat* (xấu - tiếng Mã Lai) thì từ này trong tiếng Êđê là *jhat*; trường hợp *tahun* (năm, tuổi - tiếng Mã Lai) thì từ này trong tiếng Êđê là *thũn*; từ *tahu* (biết - tiếng Mã Lai) thì từ này trong tiếng Êđê là *thào*,... Có thể thấy, tiếng Êđê có quan hệ họ hàng với tiếng Melayu thuộc chi Tây Indonesia của ngữ hệ Nam Đảo. Ngoài ra, trong tiếng Êđê cũng xuất hiện một số từ có nguồn gốc Môn-Khmer. Qua đó, có thể nhận biết được quan hệ dòng họ và tiếp xúc ngôn ngữ

giữa tiếng Êđê với các ngôn ngữ khác ở Đông Nam Á, cùng với đó là một số lượng đáng kể các từ ngữ vay mượn từ tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh. Vì vậy, vốn từ vựng Êđê phát triển khá nhanh.

Về cấu tạo từ, có thể nói, từ của tiếng Êđê chủ yếu là các từ đơn tiết, chẳng hạn: *éa* (nước), *gõ* (nồi cơm), *ḃũk* (tóc), *mtao* (tù trưởng, lãnh chúa), *pô* (chủ), *kně* (trộm), *hlũn* (nô lệ), *tuê* (khách), *khua* (già, trưởng), *bĩng* (bạn),... và một số là từ đơn nhiều hơn một âm tiết, phần lớn là từ mới, kiểu: *tiwi* (tivi), *buda* (Phật giáo)... Tiếng Êđê cũng có các từ phức (các từ đa tiết) được cấu tạo bằng phương thức láy và phương thức ghép. Kết quả của phương thức láy cho ta các từ láy, phương thức ghép cho ta các từ ghép. Tương tự như trong tiếng Việt, từ láy trong tiếng Êđê chia làm hai loại: láy hoàn toàn và láy không hoàn toàn. Từ láy hoàn toàn là những từ láy có sự đồng nhất, tương ứng hoàn toàn giữa thành tố gốc và thành tố láy. Ví dụ: *jũ jũ* (đen đen), *hrah hrah* (đỏ đỏ), *kố kố* (trắng trắng)... Phần lớn các từ láy hoàn toàn trong tiếng Êđê có dạng láy đôi, một số ít có dạng láy tư. Đó là dạng từ láy có bốn tiếng trong thành phần cấu tạo của nó và dựa trên cơ sở láy đôi bằng cách lặp lại thành tố thứ nhất của đơn vị gốc, sau đó lặp lại thành tố thứ hai, kiểu như: (1) *čhuk čhik* (xấu xí) → *čhuk čhuk čhik čhik*; (2) *khut khut* (nhỏ nhen) → *khut khut khut khut*... Láy không hoàn toàn là cách tác động vào đơn vị gốc để tạo thành từ láy có hai hoặc hơn hai yếu tố có những đặc điểm vừa thống nhất vừa khác biệt nhau, kiểu: (1) *ring* (xiêu, vẹo) → *ring rang* (xiêu vẹo); (2) *mráo* (mới) → *mráo mrang* (mới mẻ). Thực tế, số lượng các từ láy trong từ vựng tiếng Êđê không nhiều.

Cũng như tiếng Việt, từ ghép trong tiếng Êđê được tạo thành bởi phương thức ghép, tức là phương thức tổ hợp các yếu tố, mà giữa chúng có quan hệ về nghĩa với nhau. Dựa vào tính chất của mối quan hệ về nghĩa giữa các thành tố cấu tạo, có thể phân từ ghép trong tiếng Êđê thành từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ. Từ ghép đẳng lập là từ ghép mà các thành tố cấu tạo của nó có quan hệ bình đẳng với nhau về nghĩa. Các thành tố trong từ ghép đẳng lập đều rõ nghĩa và thường cùng chỉ một loại sự vật và có thể đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với nhau. Chẳng hạn, (1) *hũa* (ăn cơm) + *bởng* (ăn) = *hũa bởng* → nói chung về ăn; (2) *mtô* (dạy) + *lač* (chỉ bảo) = *mtô lač* → chỉ bảo,

dạy dỗ. Từ ghép chính phụ là những từ được tạo ra mà giữa các thành tố có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, trong đó, có một thành tố đóng vai trò chính thường dùng để chỉ loại sự vật, hiện tượng lớn, thành tố phụ có vai trò phân loại, chuyên biệt hóa và sắc thái hóa cho thành tố chính. Ví dụ: (1) *hriãm* (học) + *hra* (chữ) → học chữ, học hành; (2) *sang* (nhà) + *hra* (chữ) → trường học, nơi học.

Ngoài ra, trong cấu tạo từ tiếng Êđê còn có phương thức phụ gia. Kết quả của phương thức này là tạo ra lớp từ phái sinh, tức là những từ đa hình vị - đơn âm tiết. Theo Phan Văn Phúc thì đây “là một phương thức cấu tạo từ bằng cách kết hợp hình vị phụ tố (tiền tố hay trung tố) thuộc một kiểu loại ý nghĩa (từ vựng - ngữ pháp) nhất định với một hình vị gốc (có ý nghĩa từ vựng) và giữa chúng luôn luôn có một mối quan hệ tương thích về mặt ngữ nghĩa để cấu tạo nên những từ phái sinh ứng với một kiểu loại nhất định”[83, tr. 69]. Chẳng hạn:

+ Phụ tố (tiền tố) “tác tạo” + hình vị gốc. Ví dụ: **mc**căm (đánh nhau) → căm: (đánh).

+ Phụ tố (tiền tố, trung tố) “danh hóa” + hình vị gốc. Ví dụ: **kn**ih (chổi) → kih: (quét).

+ Phụ tố (tiền tố, trung tố) “mức độ”+hình vị gốc. Ví dụ: **dh**a (rất chậm) → da (chậm).

Về ngữ, tiếng Êđê có ngữ liên hợp và ngữ chính phụ. Trong nghiên cứu người ta thường chủ yếu quan tâm đến ngữ chính phụ, bởi ở ngữ liên hợp, các bộ phận tham gia hầu như mang tính độc lập. Ngữ chính phụ trong tiếng Êđê cũng có ba loại: ngữ danh từ (danh ngữ), ngữ động từ (động ngữ) và ngữ tính từ (tính ngữ). Vai trò, tính chất của ngữ chính phụ trong tiếng Êđê khá giống với ngữ tiếng Việt.

Những vấn đề trên là những nhân tố cơ bản chi phối việc định danh và biến đổi tên riêng của người Êđê, bên cạnh đó còn chịu sự tác động bởi ý thức về dòng họ, bởi quá trình tiếp xúc văn hóa và những tác động của chính sách nhà nước,...

Chữ viết của người Êđê có từ những thập niên đầu của thế kỷ XX; là loại chữ được xây dựng theo bảng chữ cái Latin. Các nhà truyền giáo tin lành Dòng Tên đã đặt chữ viết cho người Êđê để dịch kinh thánh cho tộc người này, có sự tham gia của một số trí thức người Êđê (như Y Ut Niê, YJüt Hwing). Năm 1935 bộ chữ này

mới được Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định để công nhận. Chữ viết Êđê hiện hành có bộ chữ cái như dưới đây:

Bảng 1.1. Bảng chữ cái trong chữ viết Êđê hiện hành

chữ thường	chữ in hoa	chữ thường	chữ in hoa	chữ thường	chữ in hoa
a	A	h	H	ơ	Ơ
ă	Ă	i	I	ỡ	Ỡ
â	Â	ĩ	Ĩ	p	P
b	B	j	J	r	R
ɓ	Ɓ	k	K	s	S
č	Č	l	L	t	T
d	D	m	M	u	U
đ	Đ	n	N	ũ	Ũ
e	E	ñ	Ñ	ư	Ư
ě	Ě	o	O	ữ	Ữ
ê	Ê	ố	Ồ	w	W
ẽ	Ě	ô	Ồ	y	Y
g	G	ỗ	Ỡ		

1.3.2. Khái quát thực trạng vấn đề tên riêng người Êđê ở Tây Nguyên

1.3.2.1. Vấn đề tên riêng trong bối cảnh chung của người Êđê

Cho đến nay, đã có không ít các công trình nghiên cứu về người Êđê từ các bình diện sử học, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học... Các công trình đầu tiên viết về người Êđê là những nghiên cứu của một số học giả người Pháp như: H. Bernard, với *Les populations Moi du Darlac* (Các cư dân Mọi ở Dak Lăk, 1907), Henri Maitre, với *Les régions Moi du Sud Indochinois-Le plateau du Darlac* (Paris, 1909) và *Les Jungles Moi* (Paris, 1912). Chuyên khảo này đã được Viện Viễn Đông Bác Cổ và Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam hợp tác dịch sang tiếng Việt dưới nhan đề *Rừng người Thượng* và được ấn hành tại Nhà xuất bản Trí thức, Hà Nội, 2008. Henri Maitre đã bước đầu đề cập đến vấn đề dòng tộc, về đời sống kinh tế, xã hội, tôn giáo, phong tục, tập quán,... của hai tộc người Êđê và Mnông. Đây là tài liệu

phản ánh sinh động đời sống xã hội của hai tộc người này vào những năm đầu thế kỷ XX. A. Monfleur với *Monographie de la province du Darlac* (Chuyên khảo về tỉnh Dak Lăk, 1930) đã trình bày một cách khá rõ những vấn đề về văn hóa tộc người, trong đó cụ thể nhất là những nội dung liên quan đến các địa danh và con người Êđê những năm đầu thế kỷ XX. B.Y. Joanh với chuyên khảo *Enquête desmographique au Darlac 1943-1944* (Cuộc điều tra dân số ở Dak Lăk năm 1943-1944, 1950) đã có một bản thống kê trên cơ sở điều tra dân số các dân tộc bản địa trên địa bàn, trong đó miêu tả khá chi tiết về thực trạng của người Êđê trong thời kỳ này. Leopold Sabatier tiến hành thu thập, dịch và công bố bộ luật tục (klei bhiăn) của người Êđê dưới hình thức lời nói có vần điệu (Blũ duê) và biên tập lại vào năm 1915. Đây là một công trình có giá trị về nhiều phương diện: là tác phẩm nghệ thuật dân gian; là công cụ quản lý cộng đồng; là quy tắc ứng xử xã hội, gia đình,...trong đó thể hiện rõ vai trò của người phụ nữ với tư cách là người duy trì nề nếp gia đình, dòng họ và là biểu tượng của xã hội mẫu hệ Êđê truyền thống. Leopold Sabatier cũng là người đầu tiên sưu tập, dịch và công bố bộ khan Dăm Săn nổi tiếng (in lần đầu ở Paris, năm 1927). Nói về mẫu hệ Êđê, phải kể đến nhà dân tộc học người Pháp Anne Hautesclocque-Howe [38] với *Người Rade-một xã hội mẫu quyền*. Đây là công trình nghiên cứu sâu về mẫu hệ và mẫu quyền đầu tiên ở Việt Nam được tác giả điền dã công phu trên địa bàn một buôn (buôn Pôc, thuộc địa phận Cư M'gar, Dak Lăk) trong thời gian từ tháng 4/1961- 6/1962. Tác giả đã miêu tả một cách khá sinh động những nét đặc trưng của xã hội mẫu hệ và mẫu quyền Êđê ở Tây Nguyên những năm đầu thế kỷ XX.

Từ sau 1975, việc nghiên cứu về người Êđê được tiến hành một cách có hệ thống và đi sâu vào nhiều lĩnh vực. Các công trình nghiên cứu về dân tộc học, khảo cổ học, văn hóa học,... đều tập trung chủ yếu vào việc khảo sát, miêu tả các đặc trưng văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần: nhà ở, sản xuất, phương thức kiếm sống, phong tục, tập quán, văn học dân gian,... của người Êđê. Tiêu biểu có Bé Viết Đăng [28]; Ngô Đức Thịnh [120], [121], [122]; Nguyễn Thị Hòa [44], [45], [46]; Vũ Lợi [70], Vũ Đình Lợi [71], [72], Thu Nhung Mlô Duôn Du [75], Tuyết Nhung

Buôn Krông [76], Phan Đăng Nhật [77]; Nguyễn Hữu Thấu [104]; Đỗ Hồng Kỳ [59]; Trần Quốc Vượng [141]; Trương Bi - Y Thih [4], [5],...

Trên bình diện ngôn ngữ học cũng đã có khá nhiều công trình, bài viết về tiếng nói, chữ viết hoặc có liên quan tới ngôn ngữ Êđê. Có thể kể đến bộ chữ Êđê do một số các nhà truyền giáo Tin lành biên soạn có sự tham gia của hai nhà giáo Y Ut Niê và YJüt Hwing. Tiếp đến là các công trình về *công cụ tiếp cận*, tức là các công trình về từ điển, về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... Về từ điển, có: *Từ điển Việt - Êđê* do Hoàng Văn Hành, Phan Văn Phúc, Y Luật Niê Ksor phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo Dak Lăk ấn hành năm 1993. Tạ Văn Thông (chủ biên, 2015) [127] có *Từ điển Êđê - Việt*, do Nxb Giáo dục Việt Nam ấn hành. Công trình nghiên cứu chung về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số liên quan đến ngôn ngữ Êđê, có: Romah Del, Trương Văn Sinh [19]. Đoàn Văn Phúc là người có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, tiêu biểu là hai tác phẩm *Ngữ âm tiếng Êđê* [80] và *Từ vựng các phương ngữ Êđê* [81]. Với hai công trình này, tác giả đã đi sâu vào những vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn của quá trình hình thành, biến đổi của ngôn ngữ tộc người này với những diễn biến của chúng trong bối cảnh quá trình phân chia thành các nhóm khác nhau của người Êđê. *Ngữ pháp tiếng Êđê* là công trình hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Dak Lăk và Viện Ngôn ngữ học do Đoàn Văn Phúc và Tạ Văn Thông [82] biên soạn. Đây là công trình nghiên cứu cấu trúc của một ngôn ngữ ở các bình diện ngữ âm, chữ viết, phương ngữ, ngữ pháp. Với công trình nghiên cứu *Cấu tạo từ tiếng Êđê*, và *Hệ thống từ xưng hô trong tiếng Êđê*, Phan Văn Phúc [83], [84] ngoài việc làm rõ những đặc điểm cơ bản về cấu tạo từ trong ngôn ngữ này, đã đi vào tìm hiểu một số vấn đề cụ thể khác như đặc điểm về mặt cấu tạo từ láy; vấn đề phụ tố và vấn đề loại từ, vấn đề từ xưng hô trong tiếng Êđê. Với *Từ loại danh từ trong tiếng Ê đê*, Nguyễn Minh Hoạt [48] đã đưa ra được một số nhận xét về những nét đặc trưng trong hệ thống từ loại danh từ trong kho tàng từ vựng được sử dụng trong sinh hoạt truyền thống của người Êđê, cùng với đó là những vấn đề diễn ra trong quá trình giao lưu văn hóa và tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Êđê và tiếng Việt.

Với *Hệ thống từ ngữ chỉ người trong tiếng Ê đê*, Đoàn Thị Tâm [94] đã khảo cứu hệ thống từ ngữ chỉ người trên cơ sở tìm hiểu: đặc điểm cấu tạo, đặc điểm ý nghĩa, đặc điểm về văn hóa từ ngữ chỉ người trong tiếng Ê đê;... trên các lớp: đại từ nhân xưng; từ chỉ quan hệ thân tộc, nghề nghiệp, chức vụ, quan hệ xã hội. Trong công trình này, tác giả chỉ mới đề cập đến lớp từ chỉ người nói chung (danh từ chung). Việc nghiên cứu các đặc trưng của lớp từ ngữ gọi tên một đối tượng cụ thể về người (tên riêng) Ê đê thì chưa được tác giả đề cập đến.

Từ thực tế trên cho thấy, tộc người Ê đê trong tiến trình lịch sử đã được sự quan tâm đặc biệt của các nhà khoa học. Mặc dù các nội dung nghiên cứu của các tác giả chủ yếu mới chỉ dừng lại ở góc độ văn hóa, dân tộc học nhưng đây là những thực tiễn quan trọng giúp tác giả luận án có cơ sở nghiên cứu các nội dung của đề tài. Các công trình nghiên cứu từ góc độ ngôn ngữ tuy chưa trực tiếp đề cập đến các bình diện của tên riêng, song đó là công cụ, là phương tiện không thể thiếu giúp chúng tôi tiếp cận các vấn đề khác nhau về đối tượng nghiên cứu.

1.3.2.2. Một số vấn đề đặt ra

Cũng từ thực tế trên cho thấy, việc tìm hiểu tên riêng của tộc người này từ góc độ ngôn ngữ vẫn còn hết sức khiêm tốn, và có thể nói đang là khoảng trống trong nghiên cứu. Điều này nói lên rằng, *tên riêng* của người Ê đê đang là vấn đề khó và phức tạp; là vấn đề còn tồn tại nhiều nội dung chưa được làm sáng tỏ. Vì vậy, nó đã kéo theo nhiều hệ lụy, đặc biệt đã gây nhiều khó khăn, trở ngại cho các hoạt động giao tiếp ngay đối với chính người Ê đê cũng như giữa họ với cộng đồng các tộc người khác trên địa bàn. Mặc dù đã có nhiều cố gắng của chính quyền và các ngành của địa phương như tổ chức biên soạn tài liệu, tổ chức các lớp dạy tiếng Ê đê cho nhiều đối tượng trên địa bàn; biên soạn sách giáo khoa song ngữ cho học sinh,... cũng như sự hỗ trợ đắc lực của các cơ quan chuyên môn ở Trung ương, song vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập. Cụ thể là vấn đề khai sinh, quản lý nhân khẩu, vấn đề chính tả, gọi tên,... trong bối cảnh một địa bàn đa sắc tộc, đa văn hóa, đa ngôn ngữ đang đặt ra những yêu cầu có tính cấp thiết về một giải pháp cho vấn đề nêu trên. Thiết nghĩ, những bất cập trên sẽ được dần giải quyết nếu những vấn đề liên quan đến văn hóa bản địa nói chung,

những đặc điểm cơ bản về tên riêng của người Êđê ở Tây Nguyên nói riêng được nghiên cứu một cách đầy đủ, có tính thuyết phục từ góc độ ngôn ngữ.

1.4. Tiểu kết

Nghiên cứu tên riêng (chính danh) người Việt và một số tộc người khác của Việt Nam trong đó có các tộc người ở Tây Nguyên là vấn đề đã được nhiều nhà khoa học, đặc biệt là ngôn ngữ học quan tâm và đã có những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, do những biến động về lịch sử cùng những đặc trưng của một ngôn ngữ đang có những thay đổi mạnh mẽ về hình thức cũng như cơ cấu bên trong của nó (đặc biệt là từ vựng) đã làm cho vấn đề tên riêng người Êđê, theo thời gian càng có thêm nhiều thử thách đối với việc nghiên cứu và sử dụng. Và vì thế, đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào đề cập đến tên riêng người Êđê một cách đầy đủ với các đặc trưng của nó từ góc độ ngôn ngữ.

Tên riêng chỉ người là một lĩnh vực không còn mới nhưng là một vấn đề khó và còn ẩn chứa nhiều phức tạp, xuất phát từ sự đa dạng của đối tượng, với những nền văn hóa khác nhau dẫn tới sự tồn tại những quan điểm khác nhau trong nghiên cứu. Vì vậy, để nghiên cứu hiệu quả tên riêng nói chung, tên riêng người Êđê nói riêng phải dựa trên một số cơ sở lí thuyết nền tảng nhất định. Trước hết là xác định nội hàm khái niệm tên riêng chỉ người và làm rõ những đặc điểm của nó, nhằm giúp người nghiên cứu nhận diện rõ ràng, khoa học các vấn đề cần khai thác. Khi nghiên cứu tên riêng của một tộc người cụ thể phải hướng đến mục tiêu đã được đặt ra phù hợp với cơ sở thực tiễn. Muốn vậy, phải sử dụng hợp lí, linh hoạt những thao tác của các phương pháp nghiên cứu theo hướng tiếp cận cơ bản, phù hợp với nội dung nghiên cứu. Điều đó có nghĩa là tất cả những vấn đề về nội dung, phương pháp nghiên cứu và hướng tiếp cận tên riêng người Êđê đều phải đáp ứng xu thế phát triển của nhân danh học nói chung, đặc biệt là nhân danh học Việt Nam.

Tên riêng chỉ người có vị trí rất quan trọng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, việc nghiên cứu tên riêng bên cạnh vận dụng những lý luận và phương pháp mang tính chuyên biệt phải đặt nó trong mối quan hệ với nhiều lĩnh vực khác, nghĩa là phải tiếp cận vấn đề theo hướng đa ngành và liên ngành. Nhân

dan học đã trở thành một ngành khoa học có mối quan hệ mật thiết với nhiều chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn.

Là một bộ phận của ngôn ngữ, tên riêng mang trong mình những đặc điểm vốn có của ngôn ngữ. Nghiên cứu tên riêng chỉ người cũng đồng thời góp phần phản ánh đời sống ngôn ngữ. Vì vậy, tên riêng chỉ người nói chung, tên người Êđê nói riêng vừa là đối tượng nghiên cứu của từ vựng học, đồng thời là đối tượng nghiên cứu của ngữ âm học, ngữ pháp học, ngữ dụng học, phương ngữ học,...

Êđê là tộc người cư trú lâu đời trên một địa bàn đa sắc tộc. Tiến trình lịch sử cùng với quá trình tiếp xúc, hội nhập đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành, phát triển và biến đổi các yếu tố văn hóa, xã hội trong đó có văn hóa định danh. Có thể nói rằng, tất cả những giá trị mà các yếu tố địa lý, lịch sử, tộc người, ngôn ngữ mang lại đã tạo nên một sắc màu văn hóa với bản sắc riêng của người Êđê, và sắc màu ấy đã được phản ánh vào tên riêng của họ. Vì vậy, việc nghiên cứu tên riêng người Êđê là xuất phát từ những yêu cầu của ngôn ngữ học và nhu cầu thực tiễn cuộc sống của chính tộc người này.

Chương 2.

ĐẶC ĐIỂM VỀ CẤU TẠO VÀ PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH CỦA TÊN RIÊNG NGƯỜI ÊĐÊ

Trong tên riêng chỉ người, hình thức cấu tạo cũng là vấn đề đang được giới nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Vấn đề không chỉ dừng lại ở việc định hình dạng thức của tổng thể cấu trúc hay các yếu tố tham gia vào cấu trúc đó mà còn là tên gọi của chúng cũng như vai trò, vị trí của các yếu tố tạo thành tổ hợp tên riêng đó. Nội dung của chương này đi sâu vào việc mô tả đặc điểm cấu tạo của tổ hợp tên gọi cũng như các yếu tố tham gia vào tổ hợp đó trên cơ sở làm rõ những yếu tố khách quan, chủ quan tác động đến việc hình thành nét đặc trưng của cấu trúc tên riêng tộc người này; đồng thời phân loại chúng thành các kiểu, loại theo những tiêu chí nhất định mà nhân danh học quan tâm. Tên riêng chỉ người là một tổ hợp bao gồm tên họ, tên đệm và tên cá nhân. Tìm hiểu cấu tạo của tên riêng chính là tìm hiểu cách thức tổ chức của toàn bộ tổ hợp đó.

2.1. Khái luận về hình thức cấu tạo của tên riêng người Êđê

2.1.1. Về mô hình cấu tạo tên riêng chỉ người

2.1.1.1. Đặt vấn đề

Muốn xác định và miêu tả cấu trúc của tên riêng chỉ người, trước hết phải thống nhất được cách hiểu về nội hàm và cấu trúc của nó. Một đơn vị từ ngữ chỉ trở thành tên riêng ít nhất phải bảo đảm được một số tiêu chí cần thiết. Ngoài việc phải gọi tên được một cá nhân nào đó thì nó còn đảm bảo tiêu chí về mặt cấu tạo. Việc xác định đối tượng đích thực để nghiên cứu trong “tên riêng chỉ người” cũng là việc cần làm rõ. Việc dùng khái niệm hoặc đưa ra một định nghĩa về tên riêng chỉ người cho đến nay còn thiếu sự nhất quán cũng xuất phát từ thực tế đó. Chúng ta biết rằng, cùng với tên gọi các đối tượng địa lí (địa danh), các công sở, cửa hiệu (hiệu danh), ... tên riêng chỉ người (nhân danh) là một bộ phận của danh xưng học. Vì vậy, về một số phương diện, nhân danh và địa danh cũng mang tính tương đồng. Trong lúc chúng ta thừa nhận, địa danh là tên riêng các đối tượng địa lí, nó tồn tại trong một phức thể địa danh. Nghĩa là trong phức thể đó bao gồm một thành tố chung và địa

danh (tên riêng). Thực tế thì các tên riêng địa lí rất ít khả năng được sử dụng độc lập (trừ một số trường hợp đã được mặc định hóa) do sự chuyển hóa giữa các đối tượng. Nói cách khác, trong địa danh, thành tố chung và tên riêng luôn đi liền với nhau, gắn chặt với nhau. Chẳng hạn, nói đến “Đoài” chắc khó có thể nhận ra đó là đối tượng nào nếu không có thành tố chung đi cùng (*thôn Đoài, xứ Đoài,...*). Sự chuyển hóa không chỉ trong phạm vi một đối tượng (nhân danh hay địa danh) mà còn diễn ra giữa các đối tượng của danh xưng. Chẳng hạn, người ta có thể nói đi Đà Nẵng, đi Hà Nội,...nhưng không thể nói đi Hồ Chí Minh nếu không có thành tố “thành phố” đứng trước đó, hoặc *đi theo đường mòn Hồ Chí Minh* khác với *đi theo con đường Hồ Chí Minh đã chọn*.v.v... Vậy, với tên riêng chỉ người (nhân danh), mối quan hệ này sẽ được nhìn nhận như thế nào. Theo chúng tôi, sự khác nhau ở đây chính là xuất phát từ cầu tạo. Tên riêng chỉ người ít có mối quan hệ với tên chung trong hành chức bởi trong tổ hợp tên gọi đã chứa đựng các yếu tố cần thiết để phân biệt. Các yếu tố như tên họ, tên đệm là một bộ phận của tên riêng nhưng chính chúng cũng là tên riêng của cả một loạt đối tượng trong cùng một tổ tiên, dòng tộc hay cùng chung giới tính hoặc cùng sở thích nào đó của nhiều chủ thể được định danh. Chẳng hạn, khi nói đến “Y Thuật Niê”, người ta dễ dàng nhận ra đây là tên gọi của một người cụ thể, trong khi đó nói đến “Buôn Ma Thuật”, người ta khó có thể nhận ra đây là đối tượng nào (là *thành phố* Buôn Ma Thuật, *thị xã* Buôn Ma Thuật hay *cà phê, sân bay* Buôn Ma Thuật).

Từ thuật ngữ personal name có thể xác định, tên riêng chỉ người là một tổ hợp từ dùng để gọi tên, để chỉ một cá nhân nào đó trên phương diện hình thức. Từ điển *Khái niệm ngôn ngữ học* cũng cho rằng, “nhân danh là tên gọi của mỗi người” [34, tr.372]. Như vậy, tên riêng chỉ người bao gồm các yếu tố là tên riêng của một tập hợp người có mối quan hệ nhất định nào đó (tên họ và tên đệm) kết hợp với tên gọi mang tính riêng biệt của một cá nhân (tên cá nhân) tạo thành một tổ hợp từ ngữ dùng để chỉ một người nào đó. Nó mang tính phân biệt, tính duy nhất, tính đánh dấu, và biểu hiện tính thời đại một cách rõ rệt. Và như vậy, tuy các nhà nghiên cứu chưa có sự thống nhất về “tên gọi” nhưng đều thống nhất về nội hàm khái niệm này.

2.1.1.2. Tên riêng chỉ người là một tổ hợp định danh

Như đã phân tích ở trên, có thể nói rằng các đơn vị từ ngữ, về cơ bản là một hệ thống các đơn vị định danh. Và như vậy, cũng như từ hoặc cụm từ, tên riêng - trong đó có tên riêng chỉ người là những đơn vị định danh. Chúng làm thành một tiểu hệ thống riêng biệt và nằm trong hệ thống các đơn vị định danh ấy. Nói cách khác, cả tên riêng và tên chung đều là những đơn vị từ vựng xác định chứ không phải là một đơn vị được sử dụng ở những chức năng khác nhau. Mặc dù trong nhiều trường hợp chúng có hình thức giống nhau, nhưng chúng chỉ là những kí hiệu đồng âm mà không phải là kết quả của một hiện tượng đa nghĩa giống như ở các tên chung. Về mặt cấu tạo, hầu hết các tên riêng đều sử dụng các kí hiệu đã có trong hệ thống tên chung để làm tên gọi. Tuy nhiên, sự khác nhau cơ bản giữa tên riêng và tên chung là ở chỗ: các tên chung được tạo thành theo một số phương thức cấu tạo nhất định, như phương thức ghép, phương thức láy, phương thức phụ gia... Như vậy, cấu tạo của tên riêng không giống với các cách thức cấu tạo như ở trong từ và các đơn vị tương đương với từ. Tên riêng chỉ người là một đơn vị định danh không hoàn toàn giống các đơn vị từ ngữ thông thường khác. Chúng không theo một phương thức cấu tạo chung nào. Tùy theo cấu tạo của mỗi loại đối tượng tên riêng mà chúng được tạo thành theo những cách thức khác nhau. Đối tượng định danh của tên riêng chỉ người không phản ánh cả một lớp đối tượng cùng loại (hoặc cùng tiểu loại) mà chúng chỉ gọi tên một đối tượng duy nhất - một người cụ thể trong sự phân biệt với những người khác. Đối với các đơn vị định danh, lí thuyết định danh đặt ra vấn đề phân biệt đơn vị định danh gốc - là những đơn vị định danh tối giản về mặt hình thức - cấu trúc, thường mang nghĩa tường minh, và được dùng làm cơ sở để tạo ra các đơn vị định danh khác. Các đơn vị định danh được tạo ra từ đơn vị định danh gốc được gọi là đơn vị định danh phái sinh. Đơn vị định danh này là đơn vị có hình thái cấu trúc phức tạp hơn đơn vị định danh gốc. Tên riêng chỉ người không phải là những đơn vị định danh phái sinh mặc dù chúng có cấu tạo khá phức tạp dưới hình thức một tổ hợp các yếu tố được định danh. Như vậy, tên riêng chỉ người là một đơn vị định danh dùng để gọi hoặc phân

biệt cá nhân này với cá nhân khác trên phương diện hình thức, được con người lấy ngôn ngữ làm phương tiện biểu hiện. Chúng được cấu tạo dưới hình thức phức hợp trên cơ sở tổ hợp một số các yếu tố có khả năng hoặc có giá trị định danh riêng biệt. Chẳng hạn, tên riêng (chính danh) của người Việt được tạo thành bởi ba thành phần có cấu trúc tương đối độc lập, liên kết chặt chẽ với nhau theo trình tự “tên họ” - “tên đệm” - “tên cá nhân”, còn tên riêng của người Êđê cũng được tạo thành bởi ba thành phần đó nhưng chúng liên kết với nhau theo trình tự “tên đệm”- “tên cá nhân” - “tên họ”. Về vấn đề này, Trần Văn Cơ cũng đã có cách nhìn nhận: “Quá trình phân tích ngôn ngữ học phải được tiến hành sao cho có thể nhận được một bức tranh kết cấu của ngôn ngữ mang tính thống nhất, chẳng hạn, như phân xuất một đơn vị định danh, ta sẽ nhận được các yếu tố định danh nhỏ hơn, hoặc hợp các yếu tố định danh ta sẽ có một tổ hợp định danh lớn hơn”[15, tr. 96]. Điều này phù hợp với hình thức kết cấu tên riêng chỉ người, nghĩa là các yếu tố (tên họ, tên đệm, tên cá nhân) trong tên riêng chỉ người là những đơn vị định danh nhỏ hơn, khi hợp lại với nhau theo một cách thức nhất định sẽ được một đơn vị định danh lớn hơn. Nó có tính hoàn chỉnh, phù hợp với văn hóa định danh, đáp ứng yêu cầu thực hiện các chức năng của tên riêng chỉ người trong giao tiếp. A.V. Superankaja cũng cho rằng, “tên riêng được cấu tạo từ tên cá nhân và họ” [93, tr.29]. Trên cơ sở các nội dung của lý thuyết định danh; đồng tình với quan điểm của các nhà nghiên cứu trên đây cũng như cách sử dụng thuật ngữ của Phạm Tất Thắng [108, tr.39] chúng tôi xác định, tên riêng chỉ người là một tổ hợp đa thành tố, được tạo thành bởi các đơn vị định danh “nhỏ hơn” giữ vai trò là các yếu tố của tổ hợp đó và được kết cấu theo một nguyên tắc riêng trên cơ sở đặc trưng văn hóa của từng dân tộc. Có thể gọi là một *tổ hợp định danh* (THĐD). Về vấn đề này, Phạm Tất Thắng cho rằng: “Đối với tổ hợp định danh này, người ta không có quyền sáng tạo chúng mà tùy ý lựa chọn các kí hiệu có sẵn khác trong hệ thống ngôn ngữ để thay thế vào một số vị trí trong tên gọi người đã được cộng đồng chấp nhận như một thứ quy ước theo một khuôn mẫu bất biến”[108, tr.41]. Xác định tên riêng chỉ người là một THĐD, trước hết phải xem trong thành phần cấu tạo của tổ hợp này, những yếu tố nào có giá trị định danh, và các yếu tố này được tạo thành bởi các yếu tố nào.

2.1.2. Về tổ hợp định danh của tên riêng người Êđê

Ngoài việc lấy tên dựa con đầu lòng (khi có con cái) và vị thế của chủ thể trong mỗi quan hệ gia đình, xã hội ghép với tên cá nhân để xưng hô trong giao tiếp thông thường (không quy thức), người Êđê chỉ có một hình thức tên gọi theo kiểu *chính danh* của người Việt mà không có các tên gọi khác như tên tục, tên tự, tên thụy, tên hiệu, bí danh... Trên cơ sở khảo sát tên riêng 2500 đối tượng là người Êđê trên địa bàn tỉnh Dak Lăk (trong đó 600 đối tượng với địa bàn cư trú tiếp giáp với địa bàn cư trú của người J'rai, có hình thức tên riêng giống người J'rai), có thể nói rằng, tên riêng người Êđê cũng như tên riêng (chính danh) người Việt và nhiều dân tộc khác là một THĐD, được tạo thành từ ba yếu tố có hình thức cấu trúc và chức năng riêng, bao gồm: yếu tố đệm (tên đệm), yếu tố tên cá nhân và yếu tố họ (tên họ). Do chúng là một bộ phận của THĐD tên riêng chỉ người nên có thể gọi các yếu tố này là danh tố. Như vậy, danh tố là đơn vị trực tiếp tạo thành THĐD tên riêng chỉ người nói chung trong đó có tên riêng người Êđê. Chức năng cơ bản của các danh tố này là dùng để gọi tên với những biểu hiện khác nhau của một người. Các yếu tố này là những đơn vị định danh biệt lập, và về phương diện nào đó, chúng có giá trị biệt lập. Và như vậy có thể nói, về cơ bản, THĐD tên riêng người Êđê mang đầy đủ đặc trưng của THĐD tên riêng chỉ người nói chung về sự hiện diện của các danh tố tham gia. Sự khác biệt đáng kể nhất là trật tự sắp xếp của các danh tố trong THĐD cũng như cấu trúc nội bộ các danh tố, đặc biệt là danh tố họ.

2.2. Cấu tạo của tên riêng người Êđê

Như đã nói ở trên, tên riêng người Êđê cũng như tên riêng chỉ người nói chung là một đơn vị định danh, với chức năng chủ yếu là gọi tên và khu biệt đối tượng. Chúng được cấu tạo dưới hình thức phức hợp gồm một nhóm hay tổ hợp các yếu tố định danh riêng biệt hoặc có giá trị định danh biệt lập. Tìm hiểu cấu tạo của tên riêng người Êđê chính là làm rõ cấu trúc của THĐD cũng như các yếu tố tạo nên nó, đồng thời mô tả chúng theo các tiêu chí của ngôn ngữ học.

2.2.1. Cấu tạo của tổ hợp định danh

Có thể thấy, tên riêng chỉ người thường có các dạng cấu trúc chủ yếu sau:

- (1) Tên họ - Tên đệm (±) - Tên cá nhân

(2) Tên cá nhân - Tên đệm (\pm) - Tên họ

(3) Tên đệm - Tên cá nhân - Tên họ

(4) Tên họ (\pm) - Tên đệm - Tên cá nhân

(chú thích: (\pm): có thể có hoặc không có)

Dạng (1) là cấu trúc tên riêng của người phổ biến ở các nước phương Đông như Nhật Bản, Trung Hoa, Triều Tiên, Việt Nam... Một số tộc người thiểu số ở Tây Nguyên có tên họ cũng đặt theo hình thức này (J'rai, một ít người Bahnar)...

Dạng (2) là cấu trúc tên riêng của người phổ biến ở các nước phương Tây như: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Nga, Canada,...

Dạng (4) là cấu trúc tên riêng của người phổ biến ở các tộc người chưa có tên họ như: Gié -Triêng, Sedang, Brâu, Romăm, Ođù,.. và một số nhóm tộc người Mnông, Bahnar,... Tên riêng người Êđê cấu tạo dạng (3). Riêng bộ phận người Êđê (nhóm ngoại biên) có cấu tạo dạng (1).

Có thể nhận thấy một số nét cơ bản về cấu tạo của tên riêng người Êđê như sau:

- Số lượng các danh tố tham gia trong THĐD của tên riêng người Êđê được định danh theo cách thức truyền thống nhất thiết phải hội đủ 3 danh tố: danh tố đệm, danh tố tên cá nhân, danh tố họ. Ví dụ: Y Ngông Niê Kdam, H'Luôk Niê, Y Nguyên Mlô Duôn Du... Điều này khác với tên riêng người Việt và nhiều dân tộc khác, tên đệm trong THĐD có thể có hoặc vắng mặt. Chẳng hạn: Nguyễn Hoàng, Hoàng Diệu,... (người Việt); Ksor Phước, Nay Druanl, Siu Pơi,... (người J'rai)...

- Về trật tự sắp xếp các danh tố trong THĐD phải theo trình tự: danh tố đệm - danh tố tên cá nhân - danh tố họ. Trật tự này có tính bắt buộc và khác hẳn với trật tự các danh tố trong THĐD tên riêng người Việt cũng như các tộc người khác ở Tây Nguyên. Có thể tạo lập mô hình tổng quát THĐD của tên riêng đại bộ phận các nhóm tộc người Êđê như sau:

Mô hình 2.1. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê

THĐD là tên riêng người Êđê		
+ danh tố đệm	+ danh tố tên cá nhân	+ danh tố họ

(chú thích: + Luôn có mặt)

Riêng bộ phận người Êđê (nhóm ngoại biên), có ảnh hưởng trực tiếp văn hóa định danh của người J'rai có thể khái quát thành 2 mô hình: THĐĐ là tên riêng của nữ giới và của nam giới:

Mô hình 2.2. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê nhóm ngoại biên (nữ)

THĐĐ là tên riêng nữ giới		
+ danh tố họ	+ danh tố đệm	+ danh tố tên cá nhân

(chú thích: + Luôn có mặt)

Mô hình 2.3. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê nhóm ngoại biên (nam)

THĐĐ là tên riêng nam giới		
+ danh tố họ	± danh tố đệm	+ danh tố tên cá nhân

(chú thích: ± Có thể có hoặc không có)

Như đã đề cập ở trên, cùng với các đơn vị định danh khác trong hệ thống vốn từ của đại bộ phận các ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, tên riêng người Êđê là một đơn vị định danh. Về cấu tạo, đó là một loại tên gọi có cấu trúc phức hợp dưới hình thức một tổ hợp các yếu tố định danh, được gọi là các danh tố, bao gồm danh tố đệm (ký hiệu là Dd) - danh tố tên cá nhân (ký hiệu là Dt) - danh tố họ (ký hiệu là Dh). Như vậy, danh tố là đơn vị trực tiếp tạo thành THĐĐ tên riêng chỉ người. Các danh tố này có cấu trúc đa dạng dưới hình thức đơn hoặc đa âm tiết tùy thuộc vào các nội dung định danh trên cơ sở nhu cầu và tâm lí của chủ thể định danh. Mỗi âm tiết tham gia vào việc tạo thành các danh tố như vậy chúng tôi gọi là thành tố (ký hiệu là T). Như vậy, quan niệm của luận án, thành tố trùng với âm tiết trong THĐĐ. Thành tố là đơn vị nhỏ nhất, là đơn vị cơ sở để tạo nên các danh tố của THĐĐ. Trong THĐĐ tên riêng chỉ người nói chung, thành tố không có chức năng định danh mà chỉ là yếu tố tham gia tạo nên các đơn vị định danh. Sự đa dạng về cấu trúc của các danh tố không chỉ trên cơ sở những đặc trưng văn hóa - ngôn ngữ khác nhau mà còn trong bản thân một ngôn ngữ. Trong cấu trúc tên riêng người Êđê, một số trường hợp các danh tố là một tổ hợp bao gồm các yếu tố định danh đơn nhất. Hiện tượng này diễn ra cả trong nội bộ danh tố họ và danh tố

tên cá nhân, đặc biệt là ở danh tổ họ. Tuy nhiên, nó chỉ được xem là yếu tố định danh đơn nhất xét về vai trò *lịch sử* và *nghĩa* của nó khi định danh, còn khi tham gia vào trong tổ hợp, đóng vai trò danh tổ trong toàn bộ THĐD của tên riêng thì nó hoàn toàn không còn vai trò đó (vai trò của yếu tố định danh). Không giống như tên riêng người Việt, do một số danh tổ có số lượng yếu tố tạo thành nhiều hơn một âm tiết nên trong THĐD của tên riêng người Êđê có không ít trường hợp thành tố không trùng với danh tổ. Ví dụ: các tên họ như *Niê Kdam, Mlô Duôn Du, Buôn Krông, Niê Siêng,...* và các tên cá nhân như: *Ly Sa, Ka Nin...* Trong THĐD của tên riêng người Êđê cũng có một số lượng đáng kể đóng vai trò chủ đạo là các thành tố, nghĩa là về hình thức, chúng trùng với các danh tổ có cấu trúc đơn. Các danh tổ đệm trong cấu trúc tên riêng người Êđê đều hoàn toàn như vậy. Tên đệm trong tên người Êđê thường được biểu thị bằng một thành tố để chỉ giới tính (Y: giới tính nam; H'(Hơ): giới tính nữ). Thành tố này trùng với danh tổ trong THĐD. Vai trò các danh tổ, thành tố trong THĐD tên riêng người Êđê có thể được hình dung như sau:

- Danh tổ là thành phần của THĐD. Trong phần lớn các trường hợp, nó trực tiếp tham gia cấu tạo THĐD (trường hợp danh tổ đó không có danh tổ bộ phận).

- Thành tố có vai trò tham gia cấu tạo danh tổ (trong trường hợp danh tổ có cấu trúc ghép hoặc kếp) và giữ vai trò của danh tổ (trong trường hợp danh tổ đơn).

Ví dụ, tên riêng ông *Y Pel Niê Buôn Rít*, có cấu trúc như sau:

Bậc 1: Y Pel Niê Buôn Rít (THĐD)

Bậc 2: Y + Pel + Niê Buôn Rít (danh tổ đệm + danh tổ tên cá nhân + danh tổ họ)

Bậc 3: Y + Pel + Niê + Buôn Rít (các danh tổ - trong đó danh tổ họ gồm hai danh tổ bộ phận: Niê và Buôn Rít)

Bậc 4: Y + Pel + Niê + Buôn + Rít (các thành tố - trong đó danh tổ họ gồm 3 thành tố: Niê, Buôn, Rít)

Hoặc tên riêng bà *H' Wel Niê Buôn Yă*, có cấu trúc như sau

Bậc 1: H' Wel Niê Buôn Yă (THĐD).

Bậc 2: H' + Wel + Niê Buôn Yă (danh tổ tên đệm + danh tổ tên cá nhân + danh tổ họ).

Bậc 3: H'+ Wel + Niê + Buôn Yă (các danh tổ - trong đó danh tổ họ gồm hai danh tổ bộ phận: Niê và Buôn Yă).

Bậc 4: H' + Wel + Niê + Buôn + Yã (các thành tố - trong đó danh tố họ gồm ba thành tố: Niê, Buôn, Yã.

Trong THĐD, các danh tố luôn kết hợp chặt chẽ với nhau theo quan hệ đẳng lập trên cùng một trục tuyến tính và theo trình tự: tên đệm - tên cá nhân - tên họ. Với THĐD tên riêng người Êđê nhóm ngoại biên (như đã nói ở trên) các danh tố được kết hợp theo trình tự: tên họ - tên đệm - tên cá nhân.

2.2.2. Cấu tạo của các loại danh tố

2.2.2.1. Danh tố đệm (tên đệm)

Tên đệm là nói theo cách của các nhà nghiên cứu về một đối tượng mà trong một số ngôn ngữ chỉ nhằm phân biệt giới tính hoặc trong nhiều ngôn ngữ khó xác định được nó thuộc về tên họ hay tên cá nhân. Cách hình thành và thể hiện chức năng của danh tố này ở mỗi dân tộc cũng không giống nhau. Với các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên, vấn đề tên đệm cũng trong bối cảnh như vậy. Thực tế trong sử dụng, người Êđê cũng không phân định một cách rạch ròi như thế. Họ dùng yếu tố này trong sự gắn kết chặt chẽ với danh tố tên cá nhân, và do vậy, tên cá nhân của người Êđê không tách ra để dùng độc lập trong giao tiếp phi quy thức như tên cá nhân người Việt. Chính vì lí do này, có người không coi các yếu tố “Y”, “Ho” trong tên riêng của người Êđê là tên đệm. Trong tên riêng các tộc người bản địa Tây Nguyên nói chung, người Êđê nói riêng, yếu tố này được hình thành một cách phổ biến và có thể nói là xuất hiện khá sớm. Sở dĩ có thể nói như vậy, bởi đây là yếu tố được tạo ra với mục đích thể hiện giới tính đối với chủ thể mang tên trong bối cảnh một xã hội thị tộc, bộ lạc. Một hình thức tên gọi mà như J. Dournes đã nói là “các tên nữ nhân vật chính, em gái cô, em trai cô, không đích xác có ý nghĩa gì cả; đây là những cặp tên đặt vào đâu cũng được, Hlui' với Hbia cho con gái, Dam Phu với Chêhliir cho con trai; hầu như cùng những tên nhân vật ấy cứ trở đi trở lại trong các truyện kể” [22, tr.26]. Mặc dù sử dụng các tên gọi không giống nhau nhưng hình thức này của các tộc người Tây Nguyên đều có chung mục đích. Nghĩa là chúng đều có chung chức năng. Trên cơ sở đó cùng với cách thể hiện trên chữ viết (khi người Êđê có chữ viết riêng, họ thể hiện yếu tố này bằng một chữ in hoa tách biệt với chữ cái đứng đầu tên cá nhân - cũng được thể hiện bằng chữ in hoa). Từ những lí do như

đã nêu, chúng tôi coi yếu tố này là *tên đệm* như quan niệm của người Việt và một số dân tộc khác. Chúng cũng là một bộ phận của THĐD nên chúng tôi gọi là danh tố.

Nếu như trong tên riêng người Việt, chức năng chủ yếu của danh tố đệm dùng để phân biệt giới tính, đồng thời, thực hiện chức năng khu biệt và chức năng thẩm mỹ thì danh tố đệm trong tên riêng người Êđê chỉ có một chức năng duy nhất là phân biệt giới tính. Về cấu tạo, nếu như danh tố đệm theo truyền thống của người Việt được cấu tạo phổ biến dưới hai hình thức: đệm zêrô (\emptyset) và đệm đơn âm tiết, ví dụ *Nguyễn* (\emptyset)*Trãi*, *Phạm* (\emptyset)*Hổ*, *Võ Thị Sáu*, *Thái Văn A* (tên đệm đơn) thì danh tố đệm trong THĐD của tên riêng người Êđê thường xuyên chỉ một âm tiết đóng vai trò của một danh tố. Ví dụ: *Y Nguyễn Mlô Duôn Du*, *Hơ* (H') *Trương Niê Kdam*. Mặc dù trong tên riêng người Việt, danh tố đệm làm thành một tập hợp mở, do vậy về nguyên tắc, bất kỳ ký hiệu ngôn ngữ nào cũng có thể tham gia vào việc tạo thành danh tố đệm trong cấu trúc THĐD. Như vậy, về lí thuyết, trong tên riêng người Việt, tên đệm có một số lượng không thể kiểm soát và vô cùng đa dạng về cách thức lựa chọn. Trên thực tế, chúng chỉ có một số lượng hạn chế các kí hiệu dùng để đặt tên. Theo Nguyễn Ngọc Huy, “riêng ở Việt Nam thì đại đa số người phái nam đều lót chữ *Văn*, không những người ít học mà người có học cũng dùng chữ lót này khi đặt tên con. Chữ *Thị* vốn có nghĩa là “họ” và người Trung Quốc không dùng nó để đặt tên cho người phái nữ”[52, tr.7]. Cùng với hai hình thức tên đệm mang tính truyền thống (*Văn*, *Thị*), trong tên riêng (chính danh) người Việt còn có những hình thức tên đệm khác như *Đức*, *Đình*, *Xuân*, *Ngọc*, *Khắc*,... (trong tên nam giới); *Diệu*, *Lệ*, *Mỹ*, *Mộng*, *Huyền*,... (trong tên nữ giới). Với danh tố đệm trong THĐD tên riêng người Êđê xét về chức năng nó cũng giống như *Văn*, *Thị* của người Việt (phân biệt giới tính). Nét khác biệt so với tên riêng người Việt, danh tố đệm trong tên riêng người Êđê được định danh theo cách truyền thống gần như thường xuyên có mặt trong THĐD, nghĩa là phần lớn không có trường hợp đệm zêrô trong cấu trúc tên gọi. Sở dĩ không có được sự khẳng định về tính chất tuyệt đối của danh tố này trong cấu trúc tên riêng người Êđê là bởi, riêng bộ phận người Êđê (nhóm ngoại biên) có quan hệ mật thiết với người J'rai trong hiện tại, danh tố đệm có một vài nét khác biệt so với bộ phận người Êđê còn lại. Với trường hợp tên riêng nam giới của bộ phận này, tên đệm có thể có hoặc không xuất hiện trong THĐD. Và như vậy có thể

thấy, trong trường hợp THĐD của bộ phận này không hiện hữu danh tố đệm, ta dễ dàng nhận diện đây là tên gọi của nam giới. Về vị trí, với tên riêng của tất cả các nhóm Êđê, danh tố đệm luôn đi kèm và đứng trước danh tố tên cá nhân. Nói cách khác, về cấu trúc nó không tách rời tên cá nhân. Hiện tượng này khá phổ biến như tên đệm trong cấu trúc tên người của nhiều tộc người thiểu số Tây Nguyên như J'rai, Mnông, Koho và một số tộc người chưa có tên họ. Trong THĐD tên riêng người Việt, các danh tố *họ*, *đệm*, *tên cá nhân* đều là những đơn vị có cấu trúc-chức năng riêng. Nói cách khác, chúng là những đơn vị định danh riêng biệt hoặc có giá trị riêng biệt. Trong khi đó, tên đệm trong cấu trúc tên riêng người Êđê lại rất hạn chế về số lượng, chỉ thực hiện duy nhất một chức năng (phân biệt giới tính) và chỉ có duy nhất một cách thức lựa chọn (nam giới - Y; nữ giới - Hơ (H')).

2.2.2.2. *Danh tố tên cá nhân*

Hiện có nhiều tên gọi khác nhau về danh tố này. Trong nhiều tài liệu trước đây cũng như các danh sách kê khai hộ khẩu, nhân sự của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức cộng đồng,... thường gọi là *tên* (trong tổ hợp *Họ và Tên*). Sách giáo khoa phổ thông thường gọi là *tên chính*, *tên riêng* ... Các nhà nghiên cứu cũng dùng những thuật ngữ, cách gọi khác nhau để chỉ danh tố *tên thật* của người nào đó - tức danh tố thứ ba của tên riêng người Việt sau danh tố họ và danh tố đệm. Nguyễn Khôi [58], Đặng Kim Xuyên [142], Nguyễn Long Thao [103], gọi là *tên*; Lê Trung Hoa [43], Nguyễn Ngọc Huy [52] gọi là *tên chính*; Nguyễn Kim Thản [102] gọi là *tên riêng*; Phạm Tất Thắng [108] gọi là *tên cá nhân*, v.v.... Như đã nói ở trên, người Việt cũng như nhiều dân tộc khác, bên cạnh tên chính thức còn có những tên gọi khác trên cơ sở nhu cầu giao tiếp khác nhau (tên tục, tên thụy, tên chữ,...) nên dẫn tới những cách hiểu khác nhau về khái niệm này. Để tránh nhầm lẫn tên gọi của toàn bộ THĐD tên riêng chỉ người với tên gọi của yếu tố tham gia (các danh tố) vào cấu trúc tên người, chúng tôi gọi danh tố này là *tên cá nhân* thay cho *tên* hay *tên chính* mà một số tác giả như Lê Trung Hoa, Trần Ngọc Thêm, Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Ngọc Huy đã từng sử dụng. Luận án cũng không dùng *tên riêng* như Nguyễn Kim Thản để chỉ danh tố này, bởi quan niệm của chúng tôi, *tên riêng* của người là toàn bộ THĐD bao gồm tên họ, tên cá nhân và tên đệm.

Trong tên riêng người Êđê, danh tố tên cá nhân đóng vai trò quan trọng nhất trong toàn bộ cấu trúc tên gọi. Về cấu tạo và chức năng, tên cá nhân nói chung hoàn toàn độc lập với các danh tố khác trong THĐĐ. Vì thế, trong các hoạt động giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp hội thoại, thông thường, với người Việt, tên cá nhân có thể được tách ra sử dụng một cách độc lập, và trong một *hoàn cảnh giao tiếp hẹp* nó thế thay thế cho toàn bộ THĐĐ. Trái lại, trong thực tế sử dụng của người Êđê, danh tố tên cá nhân hầu như không được dùng độc lập. Sở dĩ nói như vậy là vì thói quen xưng hô trong giao tiếp của người Êđê, tên cá nhân thường đi sau liền kề và có hình thức phát âm liên tục (đính kết) với tên đệm giống như một phụ tố (tiền tố) đứng trước tên cá nhân. Thói quen này đã trở thành một quy ước mang tính “công thức”. Cũng như trong tên riêng người Việt, chức năng chủ yếu của chúng là dùng để phân biệt tính cá thể, đơn nhất của đối tượng được gọi tên. Vì vậy, về nguyên tắc mỗi một người mang một tên cá nhân khác nhau. Tuy nhiên, trong thực tế nhiều tên gọi có hình thức giống nhau. Lúc này, sự khu biệt hay tính cá thể đơn nhất của đối tượng lại được biểu hiện bằng những dấu hiệu khác. Tên cá nhân truyền thống của người Êđê được cấu tạo chủ yếu dưới hình thức tên đơn (Y *Wang* Mlô Duôn Du, Y *Nguyen* Mlô, Y *Thing* Ayũn, H' *Truong* Niê, H' *Jôi* Êban, H' *Lanh* Buôn Krông,...). Tên đơn là tên gọi cá nhân có cấu tạo đơn âm tiết (gồm một tiếng, một chữ). Tên đơn là hình thức tên gọi dễ đặt, dễ gọi, dễ nhớ. Về lý thuyết, có thể nói, bất kỳ hình thức ký hiệu có sẵn nào trong hệ thống ngôn ngữ cũng có thể được sử dụng làm tên cá nhân trong tổ hợp tên người. Ví dụ: Y *Chang* Niê Siêng, Y *Jũt* Hwing, H' *Ci* Êban... Có thể khẳng định, tên cá nhân trong tên riêng được định danh theo cách truyền thống của người Êđê, hình thức cấu trúc đơn đóng vai trò chủ đạo. Khảo sát ngẫu nhiên 300 tên gọi với những người được sinh ra trước năm 1975, chúng tôi thấy có đến 295 trường hợp có cấu trúc đơn (98,3%). Một số rất ít có hình thức cấu trúc kép (tên kép). Tên kép là tên cá nhân có cấu tạo phức hợp gồm hai hoặc hơn hai thành tố (âm tiết) kết hợp chặt chẽ với nhau tạo thành một danh tố có kết cấu vững chắc để hướng tới một mục đích nhất định khi định danh. Cũng như đối với tên riêng người Việt, việc xuất hiện tên cá nhân có cấu trúc nhiều thành tố góp phần hạn chế hiện tượng đồng âm mà ở tên đơn thường hay gặp phải. Do sự phát triển xã

hội, tên cá nhân người Êđê có cấu trúc kép xuất hiện có chiều hướng gia tăng theo thời gian và là những nơi có điều kiện giao lưu tiếp xúc văn hóa. Tuy nhiên, trên thực tế, tên cá nhân có cấu trúc kép trong truyền thống định danh của người Êđê chiếm một tỷ lệ rất nhỏ và thường chỉ hai thành tố (*YLa Dap* Mlô, *H'Lu Ba Ayün*,...). Trường hợp ba thành tố là rất hi hữu và chủ yếu xuất hiện sau 1975. Lược lại các trang lịch sử xa xưa của dân tộc này và qua khảo sát 100 tên riêng của những người Êđê vốn là những trí thức, những nhà hoạt động chính trị - xã hội... được sinh ra trước 1955, chúng tôi chỉ gặp được hai trường hợp tên cá nhân là nữ giới có kiểu cấu trúc kép (2%), đó là bà H'Drah Jan Kpă (1630 -1654) là hoàng hậu thứ của vua Chăm và bà H'Mar Yam Niê, một nhà hoạt động chính trị trước 1975. Hai trường hợp này chúng tôi bước đầu xác định có sự ảnh hưởng trực tiếp văn hóa tên riêng của người Chăm. Có thể nói, cư trú trong một môi trường mà không gian văn hóa khép kín nên các yếu tố ngôn từ trong giao tiếp bị hạn chế, con người lại phải tránh né tất cả những yếu tố liên quan đến thần linh trong môi trường tôn giáo “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh”. Vì vậy, sự chọn lựa cần hướng đến sự giản đơn (cả về cấu trúc và ý nghĩa).

Mặc dù không có dấu hiệu để phân biệt giới tính thông qua tên gọi như ở một số ngôn ngữ biến hình nhưng với tên cá nhân người Việt, ngoài chức năng phân biệt tính cá thể, đơn nhất của đối tượng được gọi tên, các hình thức tên đơn cũng phần nào có khả năng khu biệt giới tính, mặc dù đây không phải là chức năng chủ yếu của tên cá nhân. Tuy nhiên, sự phân biệt giới tính đối với các hình thức tên cá nhân có cấu trúc đơn âm tiết của người Việt cũng không có một tiêu chí hoặc quy định rõ ràng nào mà chủ yếu dựa vào cảm xúc thẩm mỹ. Vì vậy, có nhiều tên đơn được sử dụng chung cho cả nam và nữ, như: Xuân, Hạ, Thu, Đông, Chung, Thủy... Với tên cá nhân người Êđê, hiện chưa có cơ sở để xác định có chức năng này (khả năng khu biệt giới tính), bởi phần lớn trong tên riêng người Êđê, hiện tượng tên cá nhân đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng là rất hạn chế, mặc dù chủ thể định danh đều thể hiện “tính có lý do”. Việc nhận biết giới tính của đối tượng được gọi tên thể hiện ở danh tố đệm. Theo chúng tôi, đây cũng chính là lí do trong cấu trúc, tên cá nhân luôn đi kèm và liền sau tên đệm.

2.2.2.3. Danh tổ họ (tên họ)

Tên họ (family name hay surname) là một danh từ hoặc tổ hợp danh từ tính dùng để gọi tên của một tập hợp các cá nhân nào đó có chung một tổ tiên, một dòng máu. Nó mang tính phân biệt, tính đánh dấu một cách rõ rệt. Có thể nói rằng, “họ” là một tập hợp gồm những người có cùng một tổ tiên, một dòng máu, còn “tên họ” là một phần trong tên gọi đầy đủ của một người để chỉ ra rằng người đó thuộc về dòng họ nào. Như vậy, tên họ là tên riêng nhưng là tên riêng của một tập hợp người nhất định. Trong các nghiên cứu hiện nay, vẫn còn tồn tại nhiều quan niệm cũng như cách gọi tổ hợp tên riêng chỉ người và các yếu tố của THĐD, trong đó có danh tổ họ. Sở dĩ còn có những quan niệm khác nhau về tên gọi các yếu tố cấu tạo cũng như vị trí của chúng trong tên riêng, một phần do ảnh hưởng của vấn đề tên riêng trên thế giới, với sự tồn tại bởi những quan niệm và quy ước khác nhau của các dân tộc. Trong các ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Hà Lan và tiếng Pháp, người ta thường có hai tên hoặc nhiều hơn, và “họ” thông thường đứng ở cuối. Điều này giải thích tại sao đôi khi người ta gọi “họ” là *last name* (tên cuối). Đôi khi nó được gọi không chính xác là *second - name* (tên thứ hai). Điều này có thể gây nhầm lẫn với tên đệm. Tên riêng trong tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha người ta thông thường có một (hoặc nhiều) tên và hai họ. Họ thứ nhất là họ thứ nhất của người cha, họ thứ hai là họ thứ nhất của người mẹ (trong một số hoàn cảnh chỉ có họ đầu tiên được dùng). Ở Tây Ban Nha, phụ nữ khi lấy chồng vẫn giữ nguyên hai họ của mình, với kết cấu: tên cá nhân + họ cha đẻ + họ cha chồng. Các cặp vợ chồng có thể tự lựa chọn trật tự cho họ của con mình bằng cách: hoặc giữ cách đặt họ truyền thống, như đã nói ở trên hay theo trật tự ngược lại. Khi chọn cách nào thì phải duy trì cho tất cả mọi người con của cặp vợ chồng đó. Như vậy, việc đặt *họ* trong tên gọi hoàn chỉnh của một người nào đó không phải là hiện tượng phổ biến trên toàn thế giới. Từ điển *Khái niệm ngôn ngữ học* cho rằng “Trong tên người, cần phân biệt tên họ và tên riêng. Tên họ là tên chung cho tất cả những người cùng thuộc một họ, một tổ tiên. Tên riêng là tên của từng cá nhân, phân biệt với cá nhân khác” [34, tr.372]. Chức năng cơ bản của danh tổ họ là dùng để gọi tên họ của đối tượng mang tên trong tập hợp những người cùng chung dòng máu, tổ tiên (chúng tôi đặt kí hiệu danh tổ này là

Dh). Theo khảo sát (có thể chưa đầy đủ) của chúng tôi, bước đầu ghi nhận, người Êđê có 102 tên họ khác nhau, bao gồm tên của hệ dòng (dòng họ gốc), tên dòng họ (nhánh họ được phát triển trực tiếp từ dòng họ gốc) và tên chi họ (tên họ được phát triển trực tiếp từ các dòng họ). Cụ thể là các tên họ: Adrong, Ayũn, Ayũn Ćur, Ayũn tul, Aro, Arul, Alê, Alêo, Apuôt, Buôn Yă, Buôn Krông, Buôn Kriêng, Buôn Krung, Buôn Đong, Buôn Dao, Buôn Đap, Buôn Rit, Blô, Bi, Ćăm, Ćiêu, Duôt, Duôn Du, Điết, Êban, Êĉăm, Êban Rahlan, Êmăng, Êmô, Êñuôl, Êya, Êdun, Êđim, Êban Buôn Kang, Go, Hđok, Hruê, Hdruê, Hdao, Hmôk, Hmăng, Hmiăng, Hlang, Hlong, Hwing, Hra, Yă, Kpă, Kpă Hôji, Kdah, Kdam, Kgor, Kna, Knguôr, Ktê, Ktrôo, Kên, Knong, Kwăn, Kdoh, Kmăn, Kbuôr, Knul, Kpor, Ksor, Ktla, Ktul, Kut, Ksei, Kuan, Liêng Hot, Lông Ding, M'ô, Mriêng, Mla, Mkriêt, Mlô, Mlô Hut, Mjáo, Nay, Ndu, Niê, Niê Sah, Preh, Prong, Phôk, Ja, Je, Răn, Rĉăm, Rĉom, Rôk, Siêng, Siu, Tla, Teh, Thăm đo, Tô, Toh, Tor, Tung, Trei.

Về cấu tạo tên họ nói chung cho đến nay còn có nhiều ý kiến khác nhau. Đa số ý kiến cho rằng tên họ truyền thống của người Việt thường có cấu trúc dưới hình thức đơn âm tiết (tên họ đơn) như *Trần, Lê, Nguyễn, Phạm, Phan, Trương, Đinh, Vũ...* Theo Phạm Tất Thắng [108, tr.53], người Việt có khoảng 174 tên họ đơn (trong khoảng trên 300 tên họ mà Nguyễn Toại đưa ra năm 1967). Một số ý kiến cho rằng người Việt có cả tên họ ghép và tên họ kép. Phạm Hoàng Gia cho rằng “họ ghép là họ được cấu tạo từ hai họ đơn có sẵn liên kết lại với nhau, trong đó họ đơn đứng ở vị trí thứ nhất thường là họ của bố, còn họ đơn ở vị trí thứ hai lại chỉ ra họ mẹ của người đang nói đến. Ví dụ Trần Lê, Phạm Vũ, Nguyễn Hoàng... Còn họ kép là loại họ có cấu trúc hình thức gần giống với họ ghép, có nghĩa là chúng cũng được tạo thành từ hai yếu tố, trong đó yếu tố thứ nhất vẫn do một họ đơn có sẵn đảm nhận” [31, tr.33-34]. Theo tác giả, họ kép giống như một tên họ có sẵn dùng để phân biệt các chi họ trong một dòng họ lớn. Vì thế, nó khá ổn định về mặt cấu trúc, tồn tại trong nhiều thế hệ. Tên họ ghép thường có cấu trúc không chặt chẽ và không ổn định như tên họ kép, vì thế nó có thể bị thay đổi trong tên gọi của các thế hệ kế tiếp. Đỗ Việt Hùng cũng đã có một số ý kiến xung quanh vấn đề tên lót và tên họ của người Việt. Tác giả cho rằng “về cái gọi là “họ ghép”, yếu tố thứ hai trong họ

ghép cũng nên coi là một loại tiếng lót, được chọn dùng theo ý thích cá nhân hoặc gia đình. Không giống ở “họ kép”, yếu tố thứ hai trong “họ ghép” không phải là một từ cố định nào đó, dùng cho hết thành viên trong một họ, mà là tiếng chi họ của mẹ người có tên. Và nếu thừa nhận tiếng Việt có họ ghép thì số lượng họ ghép trong tiếng Việt sẽ là vô số. Do đó, tính quy ước xã hội của “họ ghép” rất yếu ớt. Bởi vậy, yếu tố thứ hai của “họ ghép” cũng nên xem là một loại tiếng lót đặc biệt mang tính quy ước riêng trong phạm vi một gia đình”[51, tr.105]. Tên họ của người Êđê có cấu tạo khá đa dạng, bao gồm tên họ đơn và tên họ phức. Trong cấu trúc phức chủ yếu có dạng thức ghép. Dạng thức ghép trong tên họ của người Êđê là sự kết hợp một hoặc một số yếu tố mới vào một yếu tố gốc (hệ dòng - dòng họ gốc) để tạo thành một tổ hợp, trong đó các yếu tố có mối quan hệ với nhau về huyết thống nhưng có vai trò độc lập với nhau trong cấu trúc, và về một phương diện nào đó chúng có ý nghĩa khác nhau. Tuy vậy, trong sử dụng để giao tiếp, các yếu tố trong họ ghép của tên riêng người Êđê lại diễn ra hết sức phức tạp. Trong nhiều trường hợp, các yếu tố (danh tố bộ phận) của tên họ có thể dùng độc lập tùy theo cách lựa chọn của chủ thể. Ví dụ: Y Nguyên Niê Buôn Yă, có thể dùng Y Nguyên Niê hoặc Y Nguyên Buôn Yă; Y Buôk Niê Kpă có thể dùng Y Buôk Niê hoặc Y Buôk Kpă. Trong khi đó một số trường hợp, các danh tố bộ phận trong tên họ lại kết hợp chặt chẽ với nhau giống với hình thức tên họ kép. Chẳng hạn, trường hợp Niê Kdam, Niê Siêng, Mlô Duôn Du. Trường hợp này, có thể dùng Niê (Y Quang Niê mà không thể dùng Y Quang Kdam); có thể dùng Niê (Y Miu Niê mà không thể dùng Y Miu Siêng); có thể dùng Mlô (YThok Mlô mà không thể dùng YThok Duôn Du... Vì vậy, việc xác định tên họ ghép/tên họ kép trong tên họ của người Êđê là dựa vào vị trí, vai trò của các yếu tố trong cấu trúc tên họ. Về hình thức tên gọi, nhiều trường hợp tên họ trùng nhau mặc dù ở các cấp độ khác nhau (tên hệ dòng, tên dòng họ, tên chi họ có hình thức giống nhau). Chẳng hạn, hệ dòng Niê, khi phát triển thành các dòng họ (6 dòng họ) thì dòng họ lớn nhất, có nhiều chi họ nhất (trên 30 chi họ) là dòng họ Niê. Hệ dòng Mlô cũng vậy, khi phát triển thành các dòng họ (15 dòng họ) thì dòng họ lớn nhất, có nhiều chi họ nhất (trên 10 chi họ) là dòng họ Mlô. Có trường hợp như tên chi họ Kpă lại xuất hiện cả trong dòng họ Niê và dòng họ

Adrong của hệ dòng Niê, đồng thời, *Kpã* với tư cách là dòng họ cũng xuất hiện trong (và thuộc) hệ dòng Mlô. Tiếp đó, *Kpã* lại xuất hiện với tư cách là một thành tố (thành tố thứ nhất) là tên gọi một chi họ của dòng Kpã (Kpã Hôji), và với tư cách là một thành tố (thành tố thứ hai) tên gọi một chi họ của dòng Êban (Êban Kpã). Ngoài ra, còn có trường hợp tên dòng họ hoặc tên chi họ có hình thức giống tên của nhóm tộc người. Chẳng hạn, Kpã là tên nhóm tộc người (cùng với nhóm Adham, là hai nhóm tộc người được coi là hai thị tộc đầu tiên của người Êđê ở Tây Nguyên), đồng thời là tên dòng họ và tên của chi họ. Có thể từ sự hấp dẫn của nội hàm tên gọi (kpã - trong tiếng Êđê có nghĩa là *thẳng, thật*) mà được người Êđê sử dụng làm tên gọi cho nhiều đối tượng khác nhau (cả hệ tộc và nhóm tộc người).

Theo các nhà dân tộc học, người Êđê khởi đầu chỉ có hai hệ dòng (dòng họ gốc) là Niê và Mlô. Từ hai hệ dòng này phát triển thành các dòng họ, các chi họ khác nhau trên cơ sở những biến động về địa bàn cư trú, về kinh tế, về chiến tranh sắc tộc,... đã hình thành thêm các tên họ khác nhau. “Có lẽ trong buổi bình minh lịch sử, toàn bộ tộc người Êđê là một cộng đồng bộ lạc gồm hai thị tộc Niê và Mlô. Từ hai thị tộc gốc đó sinh ra các thị tộc khác. Phải chăng, Niê và Mlô chính là tàn dư của tổ chức bào tộc thời xa xưa ở người Êđê?” [121, tr.11]. Vì vậy, về nguyên tắc phát triển dòng họ, các họ của người Êđê đều có hình thức cấu trúc gắn liền với tên gọi của hai hệ dòng (Niê và Mlô). Cũng do đặc điểm về văn hóa tộc người (các buôn vừa là đơn vị cư trú vừa là tổ chức cộng đồng được duy trì bởi bộ máy quản lý và luật tục riêng; thường định cư độc lập, không có một đơn vị quản lý chung trong suốt quá trình dài của lịch sử hình thành và phát triển) mà nguyên tắc này vừa được tuân thủ vừa bị phá vỡ. Một số dòng họ, chi họ được phát triển (cả về quy mô dân số và địa bàn) đã thành lập thêm dòng họ mới với tên gọi mới nhưng vẫn gắn liền với hệ dòng (giữ tên họ gốc ở đầu, cộng thêm tên họ mới). Chẳng hạn, chi họ Duôn Du, Buôn Dao được hình thành trên cơ sở hệ dòng Mlô đồng thời là dòng họ Mlô - một hệ dòng có thời gian cư trú lâu đời trên địa bàn Buôn Hồ, Krông Búk ngày nay - được lấy tên họ là Mlô Duôn Du, Mlô Buôn Dao. Chi họ Kdam, Blô, Siêng, Kpã,... được hình thành trên cơ sở hệ dòng Niê, đồng thời là dòng họ Niê - một hệ dòng có thời gian cư trú lâu đời trên địa bàn thuộc Buôn Ma Thuột và các địa phương phụ cận Buôn Ma Thuột ngày nay - được lấy tên họ là Niê Kdam, Niê

Blô, Niê Siêng, Niê Kpã, và rất nhiều trường hợp tương tự như vậy (Niê Buôn Đap, Niê Buôn Rit, Niê Buôn Kriêng)...

Tuy nhiên, như đã nói, nguyên tắc này về cơ bản cũng không được các dòng họ, các chi họ “nghiêm túc” duy trì, mà khá nhiều trường hợp đã thay đổi theo thực tế nơi cư trú mới mà người quyết định là nhân vật đứng đầu dòng họ hoặc chi họ được tách ra. Một số lấy địa danh (tên buôn) nơi đến định cư. Một số khác thì ngược lại, trên cơ sở đặt tên họ mới, rồi dùng tên họ để đặt tên buôn mới thành lập “Nếu chúng ta ngược lại quá khứ, lục tìm trong ký ức người già và kết hợp với những tên địa danh chỉ làng và con nước thì đó chính là những tên chỉ đích tên người chủ làng theo dòng nữ”[121, tr.45]. Vì vậy, một số nơi, tên buôn trùng tên họ. Chẳng hạn: Buôn Kbuôr (thuộc họ Kbuôr), Buôn Krông (thuộc họ Buôn Krông), Buôn Ktla (thuộc họ Ktla), Buôn Đap (thuộc họ Niê Buôn Đap), v.v ...

Như vậy, nguyên tắc tên họ mới được tiếp nối trên cơ sở tên họ gốc (giữ tên họ gốc ở đầu, cộng thêm tên họ mới) vẫn tồn tại trong tâm thức người Êđê và phần nào đã được thể hiện trong thực tế. Nói cách khác, nếu thừa nhận danh tổ và thành tổ zêrô (danh tổ và thành tổ vắng mặt) thì cấu trúc danh tổ họ của người Êđê cũng là một THĐĐ, tối thiểu có một danh tổ (Dh_1 hoặc Dh_2 hoặc Dh_3), tối đa có ba danh tổ ($Dh_1 + Dh_2 + Dh_3$). Về thành tổ, có ít nhất một thành tổ và tối đa có năm thành tổ. Ví dụ: *Niê Buôn Yă Hơ Lang* (chi họ Hơ Lang, dòng họ Buôn Yă, thuộc hệ dòng Niê). Tên họ đơn chiếm số lượng lớn trong các tên họ của người Êđê. Khảo sát 900 học sinh, sinh viên người Êđê đã và đang học tập trên địa bàn (tại thời điểm tháng 12/2015), có 729 người mang tên họ với cấu trúc đơn (tỷ lệ 81%), phần lớn là tên dòng họ (Dh_2) hoặc tên hệ dòng (Dh_1). Khảo sát 600 tên riêng người Êđê tại buôn Mnũt và buôn Cừ, xã Êa Sol thuộc huyện Êa H’Leo thì tất cả tên họ đều có cấu trúc đơn (100%). Có thể biểu thị các dạng cấu trúc tên họ của người Êđê theo bảng sau:

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát các hình thức cấu tạo tên họ người Êđê

Các nhóm Êđê	Cấu trúc đơn	Cấu trúc phức
Các nhóm chính	729/900 trường hợp (81%) ví dụ: Y Rom Mlô	171/900 trường hợp (19%) ví dụ: H’Linh Niê Buôn Yă
Nhóm ngoại biên	600/600 trường hợp (100%) Ví dụ: Kpã H’Nhu; Ksor Bin	0/600 trường hợp (0%)

Bên cạnh đó có thể thấy, danh tổ họ trong THĐD của tên riêng người Êđê còn có những diễn biến khác. Trong tên riêng người Việt, quan hệ giữa “đại tôn” với các “tiểu tôn”, “tiểu chi”,... trong quá trình phát triển là quan hệ có tính chất “hệ thống”, “tôn ti” trong tên gọi. Nghĩa là các “tiểu tôn”, “tiểu chi”,... đều mang tên họ gốc, sau đó có thể thêm vào một yếu tố (thành tố) khác nhằm mục đích xác định nguồn gốc xuất xứ và phân chia dòng họ. Vì vậy, cho dù phát triển thành bao nhiêu “tiểu tôn”, “tiểu chi” thì tên dòng họ đó vẫn tồn tại trong THĐD tên riêng của đối tượng mang nó. Chẳng hạn, họ Nguyễn → Nguyễn Đình, Nguyễn Văn, Nguyễn Sinh, Nguyễn Trường,... Họ Trần → Trần Đình, Trần Văn, Trần Sinh, Trần Chí, Trần Khắc... Vì vậy, cho dù là đơn tiết hay đa tiết thì cũng thấy rõ vấn đề, mỗi một âm tiết tham gia vào cấu tạo nên danh tổ họ (hay tên cá nhân) của tên riêng người Việt được xem là đơn vị nhỏ nhất để tạo nên các danh tổ. Chúng chỉ là yếu tố để cấu tạo nên danh tổ. Thực tế, trong THĐD tên riêng người Việt cũng như người Êđê, có một số lượng lớn các danh tổ có cấu trúc đơn âm tiết, nghĩa là về hình thức, chúng trùng với các thành tố. Có thể xem sự trùng hợp này tương tự như trường hợp từ đơn có hình thức trùng với hình vị (đơn vị cơ bản để cấu tạo từ) và trùng với âm tiết (đơn vị ngữ âm). Khái quát là như vậy, nhưng khi đi vào cụ thể các danh tổ trong THĐD có thể thấy, danh tổ họ trong cấu trúc tên riêng của người Êđê tình hình phức tạp hơn nhiều. Quan hệ giữa hệ dòng với các dòng họ, các chi họ là rất phức tạp. Mặc dù có thể được phát triển từ một hệ dòng, nhưng thực tế trong mỗi quan hệ hoặc trong tâm thức của họ, vấn đề xuất xứ này không phải bao giờ cũng được quan tâm. Thậm chí sau vài ba lần phân chi, nhiều người không còn nhớ đến hệ dòng của mình nữa, kể cả trong khai sinh, lí lịch. Có thể hình dung sự phát triển dòng họ của người Êđê ở Tây Nguyên từ 1975 trở về trước tương tự như sự hình thành các dòng họ của người Việt trong lịch sử. Chính vì vậy, mặc dù các dòng họ (hoặc các chi họ) đều được hình thành trên cơ sở hệ dòng, nhưng với người Êđê, sự phát triển này không đơn thuần là “sự tiếp nối” mà còn là “sự tạo mới”.

Trên cơ sở tham khảo ý kiến của Vũ Lợi [70] và khảo sát thực tế, có thể sơ bộ nhận thấy, từ hệ dòng Niê đã phát triển thành ít nhất 6 dòng họ, và từ 6 dòng họ

phát triển bằng cách phân chia tạo thành trên 50 chi họ khác nhau. Tương tự, hệ dòng Mlô đã phát triển thành ít nhất 15 dòng họ, và từ đó phát triển lên gần 30 chi họ khác nhau. Chúng tôi bước đầu thể hiện bức tranh phả hệ hệ thống tên họ của người Êđê qua quá trình phát triển bằng bảng sau:

Bảng 2.2. Bảng biểu thị bức tranh phả hệ hệ thống tên họ của người Êđê

Hệ dòng (dòng họ gốc) Niê		Hệ dòng (dòng họ gốc) Mlô	
1. Dòng họ Niê - chi họ Kdam - chi họ Hdao - chi họ Hra - chi họ Siêng - chi họ Tung - chi họ Ciêo - chi họ Blô - chi họ Kgor - chi họ Kpor - chi họ Sah - chi họ Buôn Đạp - chi họ Kdah - chi họ Yă - chi họ Alê - chi họ Kuan - chi họ Mla - chi họ Buôn Rit - chi họ Kên - chi họ Kpă - chi họ Mkiết - chi họ Tô - chi họ Mriêng - chi họ Trei - chi họ M'ô - chi họ Răn - chi họ Rôk - chi họ Buôn Kriêng - chi họ Duôt	2. Dòng họ Adrong - chi họ Hmiăng - chi họ Hmăng - chi họ Knong - chi họ Êya - chi họ Kpă 3. Dòng họ Êñuôl 4. Dòng họ BuônYă - chi họ Hlang - chi họ Ktê - chi họ Êđim - chi họ Êmăng - chi họ Kut - chi họ Kmăn - chi họ Êdun - chi họ Preh - chi họ Hlong - chi họ Phôc 5. Dòng họ Ktla - chi họ Yă - chi họ Go - chi họ Alio - chi họ Tla 6. Dòng họ Ksor - chi họ Ktráo - chi họ Knguôr - chi họ Prong - chi họ Điêt	1. Dòng họ Mlô - chi họ Duôn Du - chi họ Buôn Dao - chi họ Aro - chi họ Apuôt - chi họ Hut - chi họ Kpor - chi họ Kđok - chi họ Kwăn 2. Dòng họ Êban - chi họ Buôn Kang - chi họ Buôn Đong - chi họ Buôn Krung - chi họ Kpă - chi họ Rahlan 3. Dòng họ Hruê - chi họ Hdruê 4. Dòng họ Ayũn - chi họ Ayũn Ćư - chi họ Ayũn Tul 5. Dòng họ Hmôk 6. Dòng họ Hđok 7. Dòng họ Buôn Krông 8. Dòng họ Kbuôr - chi họ Tor - chi họ Teh - chi họ Toh 9. Dòng họ Ktul	10. Dòng họ Arul 11. Dòng họ Knul 12. Dòng họ Hwing 13. Dòng họ Mjáo - chi họ Ksei - chi họ Bi 14. Dòng họ Kpă - chi họ Hoji - chi họ Thăm đo 15. Dòng họ Êmô - chi họ Êcăm; Rcăm

Nhìn vào bảng biểu thị bức tranh dòng họ ở trên, đối chiếu danh sách cụ thể về các đối tượng tên riêng được khảo sát, rất khó có thể thấy được tính tiếp nối giữa các “thế hệ” dòng họ một cách rõ ràng (trừ một số trường hợp cá biệt). Mỗi dòng

họ, chi họ mới được tạo ra dường như đều có tính độc lập cả về hình thức tên gọi cũng như trong thực tế sử dụng, bởi phương thức “rút gọn”. Người Êđê không sử dụng toàn bộ các yếu tố của hệ thống tên họ trong tất cả các hoàn cảnh giao tiếp khi đã phát triển thành nhiều chi nhánh khác nhau như cách thức của người Việt mà chỉ dùng một hoặc hai yếu tố của hệ thống dòng họ trong giao tiếp. Ví dụ, với tổ hợp tên họ *Niê Kdăm Buôn Rit*, các yếu tố được sử dụng có thể là chính tên hệ dòng (Niê), có thể là tên hệ dòng + tên dòng họ (Niê Kdăm), có thể là tên hệ dòng hoặc tên dòng họ + tên chi họ (Niê Buôn Rit), có thể chỉ là tên chi họ (Buôn Rit). Như vậy, nếu xét về hình thức sử dụng trong giao tiếp thì các yếu tố trong danh tổ họ của người Êđê hoàn toàn mang tính độc lập và hoàn toàn đủ tư cách của một danh tổ bộ phận trong danh tổ họ, đồng thời trong nhiều trường hợp chúng có tư cách là một danh tổ họ. Tuy nhiên, xét trong hệ thống hệ tộc, những yếu tố này chỉ mang tính chất đại diện cho danh tổ họ mà thôi. Vì vậy, có thể nói rằng, danh tổ họ trong tên riêng người Êđê chứa trong mình nó các cấp độ khác nhau của tổ chức dòng họ. Mỗi cấp độ của chúng là những đơn vị định danh có vai trò của một “từ” được cấu tạo từ một hoặc nhiều hơn một hình vị và có thể được dùng độc lập. Và vì thế, xét về cấu tạo, trong nhiều trường hợp, tên họ của người Êđê cũng là một THĐD giữ vai trò một danh tổ trong toàn bộ THĐD của tên riêng.

Về vị trí, với phần lớn tên riêng người Êđê, vị trí của danh tổ họ rất giống với nhiều tộc người khác ở phương Tây, nghĩa là, danh tổ này luôn nằm ở vị trí cuối cùng trong THĐD. Chẳng hạn, một người Nga có tên là Vladimia Putin (Putin - tên họ); một người Anh là John E. Smith (Smith - tên họ); tên một người Pháp là Georges Condominas (Condominas - tên họ);...tên người Êđê là H’Lanh Niê hoặc Y Wel Mlô (Niê và Mlô là tên họ). Bộ phận người Êđê (nhóm ngoại biên), vị trí của các danh tổ trong tên riêng không giống với các nhóm Êđê còn lại nhưng giống với cấu trúc tên riêng của người J’rai: danh tổ họ đứng vị trí đầu tiên trong THĐD (*Ksor H’Mlim, Kpă H’Đoan,...*).

2.2.3. Phân loại các hình thức tổ hợp định danh của tên riêng người Êđê

Dựa vào nguyên tắc định lượng-cấu trúc, luận án tiến hành phân loại hình thức định danh tên người Êđê thành các kiểu THĐD với các dạng cấu trúc sau:

2.2.3.1. Các kiểu cấu trúc của tổ hợp định danh tính theo số lượng danh tố

Việc phân loại THĐD theo hình thức này là dựa trên số lượng danh tố theo nguyên tắc phân chia dòng họ. Thực tế, nguyên tắc này ở người Êđê được thực hiện theo quy luật phát triển. Sự phát triển dòng họ về bản chất là sự tiếp nối trên cơ sở dòng họ gốc như cách thức phát triển dòng họ của người Việt. Tuy vậy, về hình thức ta cảm nhận sự “phân chia” nhiều hơn là sự “tiếp nối”. Về nguyên tắc, khi phát triển, các yếu tố xuất hiện lần lượt theo trình tự nguồn gốc ra đời. Ví dụ, một người tên là Y Han, có nhánh họ là Hơ Lang, thuộc dòng họ Buôn Yă và hệ dòng Niê, nếu thể hiện một cách đầy đủ sẽ là Y Han Niê Buôn Yă Hơ Lang. Mặc dù vậy, trong giao tiếp và thói quen sử dụng, người Êđê sẽ chọn một trong các cách thể hiện sau:

- Y Han Niê (tên đệm - tên cá nhân - tên hệ dòng)
- Y Han Niê Buôn Yă (tên đệm - tên cá nhân - tên hệ dòng - tên dòng họ)
- Y Han Buôn Yă Hơ Lang (tên đệm - tên cá nhân - tên dòng họ - tên chi họ)
- Y Han Buôn Yă (tên đệm - tên cá nhân - tên dòng họ)

Như vậy, THĐD tên riêng người Êđê phải có 3 danh tố (danh tố đệm, danh tố tên cá nhân, danh tố họ). Trường hợp danh tố họ có các danh tố bộ phận (các danh tố được danh tố họ bao hàm) thì danh tố này trở thành một THĐD, với chức năng là một danh tố của THĐD trong cấu trúc tên riêng. Về lí thuyết, danh tố họ có thể có tối đa 3 danh tố bộ phận ($Dh_1 + Dh_2 + Dh_3$). Và nếu vậy, cấu tạo của THĐD là tên riêng người Êđê tối đa có 5 danh tố, trong đó có 3 danh tố bậc một và 3 danh tố bậc hai bị bao hàm bởi 1 danh tố bậc một (danh tố họ), theo mô hình:

Mô hình 2.4. Mô hình cấu tạo của tổ hợp định danh tên họ trong tên riêng Êđê

THĐD là tên riêng người Êđê		
+ danh tố đệm	+ danh tố tên cá nhân	+ danh tố họ (Dh_1 hoặc Dh_2 hoặc Dh_3) hoặc ($Dh_1 + Dh_2 + Dh_3$)

(chú thích: + Luôn có mặt; Dh_1 là tên hệ dòng; Dh_2 là tên dòng họ; Dh_3 là tên chi họ)

Tuy nhiên trong sử dụng, cấu trúc tổ hợp này tối đa có 4 danh tố (tên đệm - tên cá nhân - tên họ đôi). Trong các kiểu cấu trúc tên gọi tính theo số lượng danh tố nói trên, kiểu cấu trúc mà người Êđê ưa chuộng và sử dụng phổ biến nhất, đó là các

kiểu tên gọi 3 danh tố đều có cấu trúc đơn mà phần lớn ở danh tố họ chỉ được thể hiện tên dòng họ (Dh_2) hoặc tên hệ dòng (Dh_1). Ví dụ: Y Tlam Kbuôr; Y Nguyên Mlô; H'Nĩ Adrong; H'Nan Kbuôr. Tiếp đến là kiểu cấu trúc: tên đệm - tên cá nhân đơn - tên họ đôi. Ví dụ: Y Ngông Niê Kdam; Y Wang Mlô Duôn Du; H'Yảo Niê Siêng; H'Nec Niê Buôn Rit. Khảo sát 1900 tên riêng người Êđê (trừ nhóm ngoại biên) thì tên hệ dòng Niê có 415 trường hợp (21,8%), tên hệ dòng Mlô có 210 trường hợp (11,05%), trong khi đó tên gọi của dòng họ có đến 880 trường hợp (46,32%), tên gọi của hệ dòng hoặc dòng họ + chi họ có 356 trường hợp (18,73%), và còn lại 27 trường hợp (1,5%) chỉ dùng tên chi họ và 12 trường hợp (0,6%) tên họ không được phát triển từ hai hệ dòng Niê và Mlô mà là kết quả của hôn nhân song tộc (giữa Êđê và các tộc người khác). Có thể biểu thị các hình thức tên họ của người Êđê (tính theo danh tố) qua khảo sát theo sơ đồ như sau:

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát các hình thức tên họ trong tên riêng người Êđê (tính theo danh tố)

Các hình thức tên họ được sử dụng	Số lượng (tên họ)	Tỷ lệ	Ví dụ
Tên hệ dòng Niê	415	21,80 %	H'Nen Niê; Y Tuyn Niê
Tên hệ dòng Mlô	210	11,05 %	YThok Mlô; H'Lanh Mlô
Tên dòng họ (không cấu trúc nội bộ)	880	46,32 %	H'Dăm Êban; YTlam Kbuôr
Tên hệ dòng hoặc dòng họ + chi họ (cấu trúc 2 danh tố bộ phận)	356	18,73 %	Y Nguyên Mlô Duôn Du; H'Him Niê Hra
Tên chi họ (không cấu trúc nội bộ)	27	1,50 %	YBi Alio; H'Miu Ktla
Tên họ có nguồn gốc khác	12	0,60 %	Y Trông Dal Lông Ding

Trong thực tế, do nhiều trường hợp tên hệ dòng và tên dòng họ trùng nhau nên số lượng và tỷ lệ (giữa hệ dòng và dòng họ) trên đây chỉ mang giá trị tương đối.

Với THĐD tên riêng của bộ phận cư dân Êđê (nhóm ngoại biên), tối đa có 3 danh tố (tên họ - tên đệm - tên cá nhân), tối thiểu có 2 danh tố (tên họ - tên cá nhân), trong đó phổ biến nhất là 3 danh tố. Trường hợp cấu trúc 2 danh tố chỉ

xuất hiện trong tên riêng của nam giới. Khảo sát 600 tên riêng bộ phận tộc người này tại buôn Mnút và buôn Cừ của xã Êa Sol, huyện Êa H'Leo, tỉnh Dak Lăk có 362 tên riêng nam giới, trong đó chỉ có 75 trường hợp có tên đệm (20,7%), nghĩa là cấu trúc hai danh tố trong THĐD tên riêng nam giới chiếm tỷ lệ 79,3%).

2.2.3.2. Các kiểu, dạng cấu trúc của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê tính theo số lượng thành tố

Cấu trúc THĐD tên riêng người Êđê có thể phân loại dựa trên số lượng thành tố tham gia. Dựa trên cơ sở nguyên tắc phân chia dòng họ, cấu trúc THĐD tên riêng người Êđê (tính theo thành tố) về cơ bản, có các kiểu, khuôn và dạng cấu trúc theo sơ đồ như sau:

Bảng 2.4. Bảng hệ thống các kiểu, khuôn và dạng cấu trúc tổ hợp định danh tên riêng người Êđê (tính theo số lượng thành tố)

Kiểu	THĐD	Khuôn và dạng cấu trúc	Ví dụ
Kiểu 1	THĐD 3 thành tố	1) đệm - cá nhân đơn - họ đơn	Y Thing Ayün; Y Miu Niê H'Lanh Mlô; H'Trương Niê
Kiểu 2	THĐD 4 thành tố	1) đệm - cá nhân đôi - họ đơn 2) đệm - cá nhân đơn - họ đôi	Y Ka Nin Niê; H'Ni Na Ktla H'Bet Buôn Krông
Kiểu 3	THĐD 5 thành tố	1) đệm - cá nhân đôi - họ đôi 2) đệm - cá nhân đơn - họ 3 thành tố 3) đệm - cá nhân 3 thành tố - họ đơn	H'Zê Ni Niê Kdam; Y Kóp Niê Buôn Đạp H'Ta San Ra Mlô
Kiểu 4	THĐD 6 thành tố	1) đệm - cá nhân đôi - họ 3 thành tố 2) đệm - cá nhân đơn - họ 4 thành tố	H'Ri Na Niê Buôn Rit Y Miu Niê Kpă Thăm Đơ
Kiểu 5	THĐD 7 thành tố	1) đệm - cá nhân đôi - họ 4 thành tố 2) đệm - cá nhân 3 thành tố - họ 3 thành tố	Y Ka Nin Buôn Yă Hơ Lang H'Ta San Ra Mlô Duôn Du
Kiểu 6	THĐD 8 thành tố	1) đệm - cá nhân đôi - họ 5 thành tố.	Y Ka Nin Niê Buôn Yă Hơ Lang
Kiểu 7	THĐD 9 thành tố	1) đệm - cá nhân 3 thành tố - họ 5 thành tố	H'Ta San Ra Niê Buôn Yă Hơ Lang

Như vậy về bản chất, THĐD của tên riêng người Êđê với hầu hết các nhóm tộc người tối thiểu có 3 thành tố, tối đa có 9 thành tố. Có thể khái quát THĐD của tên riêng người Êđê (tính theo số lượng thành tố ở dạng đầy đủ) như sau:

Mô hình 2.5. Mô hình tổng quát cấu tạo tổ hợp định danh tên riêng Êđê
(tính theo số lượng thành tố)

THĐĐ là tên riêng người Êđê		
+ danh tố đệm	+ danh tố tên cá nhân (Tc ₁ +Tc ₂ +Tc ₃)	+ danh tố họ (Th ₁ +Th ₂ +Th ₃ +Th ₄ +Th ₅)

(chú thích: + Luôn có mặt; Tc là thành tố tên cá nhân; Th là thành tố họ)

Từ khảo sát thực tế các lớp tên riêng của người Êđê với nhiều lứa tuổi khác nhau, có thể thấy, số lượng các thành tố tham gia trong cấu trúc tên gọi tăng dần theo thời gian. Một phần bị chi phối bởi tiếp xúc văn hóa, một phần do sự phát triển của các dòng họ. Để nhớ nguồn gốc của mình, người Êđê cố gắng gắn kết tên họ (hoặc tên chi họ) mới với tên hệ dòng hoặc tên dòng họ. Trong thực tế định danh, người Êđê không hoàn toàn sử dụng các kiểu dạng cấu trúc trên. Khảo sát ngẫu nhiên 655 tên riêng người Êđê, đối tượng là học sinh, sinh viên được sinh ra sau 1975, chúng tôi có được kết quả như sau: Trong các kiểu cấu trúc tên gọi tính theo số lượng thành tố (theo bảng 2.4) thì kiểu cấu trúc 1 (3 thành tố) có tỷ lệ lớn nhất (429/655 trường hợp - tỷ lệ 65,5%). Tiếp đến là kiểu cấu trúc 2 (4 thành tố). Trong kiểu này thì dạng 2 có tần suất xuất hiện nhiều hơn trường hợp dạng 1 (với 102/655 - tỷ lệ 15,57% so với 56/655 - tỷ lệ 8,55%). Nhìn chung, các kiểu dạng cấu trúc được sử dụng ít dần lần lượt từ dạng 2 rồi dạng 1 của kiểu cấu trúc 3 (5 thành tố). Các kiểu cấu trúc 4, 5 và dạng 3 của cấu trúc 3 rất ít được sử dụng. Các kiểu cấu trúc 6, 7 về cơ bản chỉ tồn tại trên nguyên tắc định danh mà hầu như không được tộc người này vận dụng trong thực tế. Nguyên nhân chủ yếu là do việc rút gọn các thành tố trong danh tố họ, cùng với đó là việc đặt tên cá nhân đa tiết (2 tiếng, đặc biệt là trên 2 tiếng) chưa thực sự được người Êđê ưa chuộng. Hơn nữa, với người Êđê, khi tên họ đã có cấu trúc đa tiết thì tên cá nhân thường được định danh đơn tiết để phù hợp với nhu cầu đơn giản hóa trong giao tiếp. Với THĐĐ tên riêng người Êđê (nhóm ngoại biên), tối đa có 4 thành tố (tên họ đơn - tên đệm - tên cá nhân đôi), tối thiểu có 2 thành tố (tên họ đơn - tên cá nhân đơn), phổ biến nhất là 3 thành tố (tên họ đơn - tên đệm - tên cá nhân đơn). Cấu trúc 2 thành tố chỉ xuất hiện trong tên riêng nam giới. Trong các trường hợp có 2 hoặc 3 thành tố thì

thành tố trùng với danh tố và giữ chức năng của danh tố trong THĐD. Có thể khái quát THĐD tên riêng của bộ phận người Êđê nhóm tộc người này (theo số lượng thành tố ở dạng đầy đủ) như sau:

Mô hình 2.6. Mô hình tổng quát cấu tạo tổ hợp định danh tên riêng người Êđê nhóm ngoại biên (tính theo số lượng thành tố)

THĐD là tên riêng người Êđê (nhóm ngoại biên)		
+ danh tố họ	± danh tố đệm	+ danh tố tên cá nhân (Tc ₁ +Tc ₂)

2.3. Phương thức định danh tên riêng người Êđê

2.3.1. Về vấn đề phương thức định danh

Cách thức đặt tên cho một cá nhân là một trong những nội dung quan trọng trong nghiên cứu tên riêng. Từ việc nghiên cứu cách đặt tên đối tượng, người nghiên cứu sẽ hiểu sâu hơn về các đặc điểm của tên riêng cá nhân đó, và hơn thế nữa là đặc điểm về tên riêng của cả tộc người.

Trên thực tế, cách hiểu và cách gọi tên cho khái niệm được tạm gọi là “cách thức đặt tên” này chưa thực sự ổn thỏa với sự xuất hiện các hình thức khác nhau như: “phương thức cấu tạo tên gọi”, “phương thức đặt tên riêng chỉ người”, “phương thức định danh”. Nhìn chung các cách diễn đạt trên đều nhấn mạnh vấn đề “cách thức”, “phương thức” nhưng chưa có sự thống nhất trong cách hiểu, chưa có sự nhất quán trong cách dùng. Để có sự thống nhất trong cách hiểu về phương thức định danh và cách thức định danh cũng như việc sử dụng có sự nhất quán trong luận án, cần xác định nội hàm của mỗi khái niệm. Theo *Từ điển tiếng Việt* thì “phương thức là cách thức và phương pháp” [79, tr.782], còn “cách thức là hình thức diễn ra một hành động” [79, tr.116]. Như vậy, “cách thức” được hiểu là hình thức thể hiện của một phương pháp làm việc. Nó là khái niệm bị bao hàm bởi “phương thức”. Từ đó có thể hiểu một cách đại thể, phương thức định danh là phương pháp đặt tên cho đối tượng, còn cách thức định danh là những cách, những hình thức thể hiện của phương thức định danh trong thực tế. Qua nghiên cứu khái quát tên riêng người

Êđê, để tiện sử dụng hai thuật ngữ trên, chúng tôi tạm quy định tên gọi của các phương pháp đặt tên chủ yếu trong tên riêng của tộc người này là “các phương thức định danh”. Thiết nghĩ, đây là cách dùng phù hợp với lập luận trong luận án vì rằng, bản thân nó vừa bảo đảm các nội dung (sự thể hiện về ý nghĩa và các phương thức tạo lập hay cách cấu tạo tên gọi của đối tượng) vừa gắn với khái niệm “định danh” (định tên - cách đặt tên) trong lí thuyết định danh nói chung. Vấn đề cần quan tâm là quan hệ giữa các phương thức định danh với nguyên tắc đặt tên thể hiện qua “tính có lí do” đã tạo nên đặc điểm của các yếu tố cấu tạo tên riêng như thế nào và nó được phản ánh trong tên riêng của người Êđê ra sao.

2.3.2. Các phương thức định danh chủ yếu của tên riêng người Êđê

Khi nói về văn hóa định danh, Đỗ Việt Hùng cho rằng “mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng, theo các đặc điểm ngoài ngôn ngữ của riêng mình, như đặc điểm nhận thức, tư duy ngôn ngữ cộng đồng và các đặc điểm nội bộ ngôn ngữ như các phương thức cấu tạo từ - sẽ có những cách thức định danh khác nhau. Ngay cả đặt tên riêng, trong đó có tên người, các phương thức đặt tên của mỗi ngôn ngữ cũng cho thấy những cách nhìn nhận và các kiểu ý nghĩa - văn hóa khác nhau”[51, tr.124].

Từ các khảo sát và nghiên cứu cụ thể trên một số lượng cần thiết, luận án thấy rằng người Êđê sử dụng 4 phương thức định danh chủ yếu là *phương thức tạo mới*, *phương thức chuyển hóa*, *phương thức rút gọn* và *phương thức vay mượn*.

2.3.2.1. Phương thức tạo mới

Đây là phương thức mà chủ thể định danh sử dụng các yếu tố ngôn ngữ có sẵn, tạo ra một tên gọi theo cách của mình để định danh cho đối tượng. Có thể nói, đây là phương thức cơ bản nhất để tạo tên riêng. Nó vừa mang tính truyền thống vừa mang tính phổ biến, không chỉ cho từng vùng phương ngữ mà cho nhiều dân tộc, nhiều quốc gia. Chính vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu chỉ quan tâm đến phương thức này. Trong phương thức tạo mới, có thể có rất nhiều cách thức đặt tên người (tên cá nhân) tùy thuộc vào đặc điểm văn hóa của dân tộc và địa bàn. Điều này, có thể thấy qua *tên thường gọi* của các địa phương (vùng miền). Ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ trước đây (trước Cách mạng Tháng Tám) thường phổ biến các tên gọi theo tên các con giáp trong năm, như “Tý”, “Sửu”, “Tỵ”, “Dậu”, “Hợi”... Ở khu vực Bắc

miền Trung, thì Thanh Hóa có tên “Hĩm”, Nghệ Tĩnh có “Hoe, Chắt, “Cháu” “Cu”, “Bẹn”,... sau đó đặt thêm một tên khác để tiện trong giao tiếp xã hội nên thường có dạng tên kép. Chẳng hạn, “Cu Thắng”, “Bẹn Tiu”,... Trong lúc đó, ở Nam Bộ lại phổ biến đặt tên theo trình tự lần sinh mà người đầu tiên tên là “Hai”. Những người tiếp theo là “Ba”, “Tu”, “Năm”,... rồi đặt thêm một tên khác liền kề nhằm mục đích như trên. Chẳng hạn, “Hai Bền”, “Ba Thương”, “Tu Nghĩa” “Năm Thọ”, “Bảy Khai”,... Với người Êđê ở Tây Nguyên, tạo mới là phương thức định danh quan trọng và có thể nói là chính yếu của tên riêng. Những đặc trưng về địa hình, hiện tượng tự nhiên, sự vật, sự việc,... diễn ra trong thực tế đời sống đã chi phối mạnh mẽ việc đặt tên người. Phương thức này được tiến hành bằng một số cách thức như:

- Dựa vào đặc điểm không gian nơi sinh (Hang - bờ ruộng, Blôk - đồn điền,...)

- Trên cơ sở tên gọi các con vật, vật dụng gần gũi trong đời sống (Sin - con ngan, Tuô - con ốc, Ruê - con ruồi, Bĩ - con chim phỉ; Wăng - cái cuốc, Kam - trấu, Pen - cái kim, Bai - cái giỏ hoặc cái sọt, Pôk - bẹ cau,...)

Chính những biểu hiện nói trên làm người ta liên tưởng đến nghĩa của tên riêng.

Với tên đệm, Êđê cũng như nhiều tộc người thiểu số bản địa khác ở Tây Nguyên thường có hình thức tên đệm với mục đích để phân biệt giới tính. Chẳng hạn, Êđê → Y - nam giới, Hơ - nữ giới (Y Nguyên Mlô, H’Wel Niê). Nhiều nhóm tộc người Mnông → Điều - nam giới, Thị - nữ giới (Điều Kâu, Điều Kre, Thị Luan). Với người Sedang, Gié - Triêng → Y - nữ giới, A - nam giới (A Thơ, Y Mệt)..

Chiếm đa số các trường hợp trong phương thức định danh này của người Êđê là hướng đến những tên gọi mà ở đó không phản ánh phẩm chất một đối tượng nào tồn tại trong thực tế đời sống, đặc biệt là các đối tượng có vai trò của thần linh chi phối. Nói cách khác là ngoài những tên gọi trở nên gần gũi, giản đơn dễ hiểu, “vô can” thì cố gắng lựa chọn các yếu tố từ ngữ không mang ý nghĩa phản ánh hiện thực, nghĩa là tên gọi đó không đồng âm với các từ mang ý nghĩa từ vựng.

2.3.2.2. Phương thức chuyển hóa

Chuyển hóa là phương thức chuyển một tổ hợp tên riêng hoặc một bộ phận của tổ hợp tên riêng này thành một bộ phận hoặc toàn bộ tổ hợp tên riêng khác. Bên cạnh đó còn có sự chuyển hóa từ tên riêng địa lí sang tên riêng chỉ người. Trong quá

trình chuyển hóa, tên riêng chỉ người (mới) có thể giữ nguyên dạng tên riêng chỉ người (cũ) hoặc thêm yếu tố mới. Sau khi chuyển hóa, tên riêng chỉ người (cũ) có thể mất đi hoặc cùng tồn tại với tên riêng chỉ người (mới). Qua khảo sát cụ thể ở địa bàn nghiên cứu, chúng tôi thấy có các hình thức chuyển hóa sau đây:

a). Chuyển hóa trong nội bộ một danh tố của tên riêng

Hình thức chuyển hóa này phần lớn là do hiện tượng một danh tố chuyển hóa thành danh tố mới theo hình thức phát triển hoặc thay thế.

- *Về danh tố họ.* Từ tên gọi một danh tố họ gốc (hệ dòng) chuyển hóa theo hướng phát triển thành tên các dòng họ, rồi từ tên gọi dòng họ chuyển hóa theo hướng phát triển thành tên các nhánh họ (tiểu tông). Ví dụ: dòng họ Niê → Niê Kdam, Niê Buôn Rít, Niê Kpă. Dòng họ Mlô → Mlô Duôn Du, Mlô Buôn Dao,...

- *Về danh tố tên cá nhân.* Khi có gia đình, trong giao tiếp hàng ngày (không quy thức) tên người chồng và người vợ đều chuyển sang gọi theo tên đứa con đầu lòng. Chẳng hạn anh Y Miu Niê kết hôn với chị H'Lênh Mlô. Khi con đầu lòng của họ là Y Jhao Mlô ra đời, anh Y Miu Niê sẽ được gọi là Ama Jhao; chị H'Lênh Mlô sẽ được gọi là Amĩ Jhao. Bố mẹ của Y Thuật được gọi là Ama Thuật và Amĩ Thuật (tên gọi trung tâm hành chính của tỉnh Dak Lăk hiện tại là Buôn Ma Thuật - buôn của bố Y Thuật). Trong giao tiếp hàng ngày ở cộng đồng, người Êđê rất ít khi gọi đúng tên cá nhân của mình mỗi người khi đã có con cái. Tên gọi theo hình thức này (gọi theo tên con) sẽ theo họ suốt cả cuộc đời dù họ có thêm nhiều con cháu (Ama Khê, Amĩ Blôn, Amĩ Thương,...).

b) Chuyển hóa từ tên riêng địa lí sang tên riêng của người

Với tín ngưỡng “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh”, người Êđê có ý thức rõ rệt trong “ứng xử” với các thần linh. Họ có dụng ý tránh việc đặt tên người trùng với tên gọi các đối tượng tự nhiên, nghĩa là không muốn hay nói đúng hơn là không dám đụng chạm đến thần linh với mục đích để bảo vệ con người, đồng thời để thể hiện sự tôn kính đối với thần linh. Khi sự vật, hiện tượng xung quanh họ đều “hữu linh” thì con người không mang cùng tên gọi, vì sợ “phạm húy”, sợ sẽ làm ảnh hưởng đến sự uy nghiêm của các vị thần linh. Đặc biệt, tên riêng được định danh theo cách truyền thống của tộc người này hầu như rất ít khi trùng với tên gọi các

loại đối tượng có vị trí đặc biệt trong tình cảm và tâm thức của cộng đồng. Tuy nhiên, khi khảo sát thực tế trên địa bàn nghiên cứu chúng tôi thấy, một số trường hợp đối tượng địa lí và người có cùng tên gọi. Về vấn đề này, chúng tôi có một số ý kiến như sau:

- Với các đối tượng địa lí mang tên người được định danh sau 1975 hoàn toàn là do chuyển hóa từ tên người sang tên địa lí. Các cơ quan chức năng của nhà nước ở địa phương đã lấy tên một số nhân vật trong đó có người Êđê để định danh cho các đối tượng địa lí khi những con người đó đã có một vai trò lịch sử có quan hệ gắn bó với đối tượng địa lí liên quan. Với mục tiêu của nội dung luận án, chúng tôi không đề cập đến trường hợp chuyển đổi này.

- Với các trường hợp tên người, đặc biệt trong các tác phẩm nghệ thuật dân gian Êđê (truyền thuyết, cổ tích, khan,..) trùng với tên riêng các đối tượng địa lí, có thể khó lí giải về “con đường” chuyển hóa của chúng. Chúng tôi bước đầu có một số ý kiến như sau:

Trước hết, lấy tên người để định danh cho các đối tượng địa lí khi con người đó sau khi đã hoàn thành được một công việc “mang tính sứ mạng” cứu cả cộng đồng thoát khỏi một thảm họa nào đó hoặc hệ quả của một tình yêu đẹp không được như ý do những chế định xã hội hoặc hủ tục ngăn trở. Họ chết và hóa thân thành thần linh. Đây là sự minh chứng về tính “có lí do” cho một số địa danh mang tên người đã được tác giả dân gian lí giải qua các truyện cổ tích (sự tích thác Draih’Ling; sự tích dòng Êa H’Leo; sự tích dòng Krông Bũk; sự tích núi Cừ Mta; sự tích hồ Lăk;...). Sau đó một số (không nhiều) tên gọi này (H’Bhĩ, H’Ling, H’Leo, Lăk,...) được tái hiện trong các tác phẩm nghệ thuật. Như vậy, có thể thể hiện “con đường” chuyển hóa này như sau: nhân danh → địa danh → nhân danh. Trong một tác phẩm *khan* Êđê - *Khan Dăm Săn*, nhân vật H’Bhĩ được đặt theo tên của một loài chim (chim Bhĩ - chim phí). Theo chúng tôi, đây là hình thức tên gọi được tác giả dân gian định danh mang tính biểu trưng trong nghệ thuật.

2.3.2.3. Phương thức rút gọn

Trong hệ thống tên riêng của người Êđê ở Tây Nguyên, phương thức này chủ yếu diễn ra ở danh tố họ. Về nguyên tắc phát triển dòng họ ở tộc người này, tên họ

mới được tiếp nối trên cơ sở tên họ gốc (hệ dòng), tức là giữ tên họ gốc ở đầu, cộng thêm tên họ mới. Trong tâm thức người Êđê vẫn tồn tại nguyên tắc này và phần nào đã được thể hiện trong thực tế. Nói cách khác, cấu trúc danh tố họ của người Êđê hiện tại, tối thiểu có 1 âm tiết và tối đa có 5 âm tiết. Các âm tiết tham gia vào cấu trúc của các danh tố của THĐD chúng tôi gọi là thành tố. Ví dụ: *Niê Buôn Yă Hơ Miăng* (chi họ Hơ Miăng, dòng họ Buôn Yă, thuộc hệ dòng Niê - có 3 danh tố, 5 thành tố). Trong nội bộ danh tố họ, một số không ít trường hợp là tổ hợp các danh tố bộ phận. Và, như đã nói ở trên, lúc này danh tố họ là một THĐD. Chẳng hạn, với tổ hợp hệ thống tên họ *Niê Buôn Yă Hơ Miăng* trên đây có thể biểu thị:

$Dh \rightarrow Dh_1$ - hệ dòng Niê, Dh_2 - dòng họ Buôn Yă, Dh_3 - chi họ Hơ Miăng (Dh : danh tố họ của THĐD; $Dh_1 Dh_2 Dh_3$: là các danh tố bộ phận nằm trong danh tố họ).

Trong giao tiếp (hội thoại tự do cũng như qui thức) một bộ phận không nhỏ các ngành hoặc các chi họ tộc người Êđê thường có thói quen đơn giản hóa cách gọi hoặc viết tên họ bằng cách lược bớt một số danh tố bộ phận. Trong trường hợp hệ dòng (Dh_1) được phát triển thành các dòng họ (Dh_2) và dòng họ phát triển thêm các chi họ (Dh_3) thì chỉ sử dụng một hoặc hai Dh đại diện. Ví dụ: H'Lanh Mlô Kpă Hôji \rightarrow H'Lanh Mlô hoặc H'Lanh Kpă hoặc H'Lanh Kpă Hôji. Riêng người Êđê (nhóm ngoại biên) tình hình cũng tương tự, chỉ khác là đảo trật tự cấu trúc giữa $Dđ - Dt - Dh \rightarrow Dh - Dđ - Dt$, đồng thời, với đại bộ phận tên của nam giới có thể không có danh tố đệm.

2.3.2.4. Phương thức vay mượn

Hiện đang tồn tại một vài quan điểm khác nhau về phương thức định danh này. Một số ý kiến cho rằng đây là hệ quả của giao lưu và tiếp xúc văn hóa. Một số ý kiến khác lại cho đây là một trong những biểu hiện về *tính đa chiều* trong định danh. Hơn nữa, một số quốc gia và dân tộc trong lịch sử vốn có những quan hệ hết sức đặc biệt, có nhiều nét tương đồng về văn hóa trong đó có văn hóa định danh, đặc biệt là văn hóa dòng họ. Điều này có thể thấy rõ giữa người Việt Nam và người Trung Hoa cũng như mối quan hệ giữa các tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhiều tộc người bản địa Tây Nguyên cũng có tình hình tương tự. Đây là

một vấn đề lớn và phức tạp. Trong khuôn khổ nội dung luận án, chúng tôi chỉ đề cập một vài hiện tượng có tính thực tế trên cơ sở xem xét vấn đề ở diện đồng đại.

Một bộ phận người Êđê sống gần với người J'rai, tên họ thường giống tên họ người J'rai. Nếu dựa vào mối quan hệ giữa hai tộc người trong lịch sử thì khó có thể xác định được là một “sự vay mượn”. Căn cứ vào sự phát triển dòng họ của mỗi tộc người qua cách lập luận của các nhà dân tộc học cũng như truyền thuyết dân gian của hai tộc người, có thể cho phép chúng ta có cơ sở bước đầu nhận diện về gốc tích dòng họ của hai tộc người này. Chẳng hạn “Siu” (Siu Y Lai, Siu Pui, Siu Tam), “Nay” (Nay H'Nit, Nay Kla. “Nay” - người đầu tiên của dòng họ sinh ra ở gốc cây cổ thụ - theo truyền thuyết của người J'rai). Những trường hợp tên họ được tác giả dân gian J'rai lí giải trên đây không xuất hiện trong hệ thống các dòng và chi họ của người Êđê được phát triển từ hai hệ dòng Êđê là Niê và Mlô. Bên cạnh mượn trực tiếp, người Êđê còn có hình thức mô phỏng (biến âm) tên họ của người J'rai (Rơ Côm → Rơ Căm, Ksor → Ksor). Chẳng hạn, Rơ Căm H' Phuk, Rơ Căm Sơn; Ksor H'Leng, Ksor Y Thit... Một số tên họ của các tộc người khác trong khu vực cũng được người Êđê trực tiếp sử dụng (đặc biệt là các vùng cư dân phía nam và đông nam tỉnh Dak Lăk) thông qua con đường hôn nhân song tộc, như: Ja, Je, Ndu, Liêng, Liêng Hot, Lông Ding. Những trường hợp này chủ yếu là tên họ của người Mnông. Trường hợp Liêng và Liêng Hot còn thấy xuất hiện khá phổ biến trong tên riêng của người Koho. Bên cạnh đó, người Êđê còn mượn (toàn bộ hoặc bộ phận) các hình thức tên riêng người Việt, người Chăm-pa và tên riêng chỉ người của các quốc gia khác như Pháp, Anh...

Thực tế trong các thao tác định danh, các phương thức trên cũng không hoàn toàn mang tính độc lập, được phân định một cách rạch ròi mà thường có bóng dáng của nhau trong từng phương thức định danh. Chẳng hạn, các thao tác của phương thức chuyển hóa, rút gọn hay vay mượn đều là những thao tác mà có thể nhận ra trong phương thức tạo mới.

2.4. Tiểu kết

Tên riêng người Êđê là một đơn vị định danh có cấu tạo phức hợp dưới hình thức một tổ hợp các yếu tố định danh được kết hợp với nhau theo một cách thức

nhất định để trở thành một tổ hợp lớn hơn có chức năng gọi tên của một người cụ thể, gọi là một tổ hợp định danh. Cũng như với tên riêng (chính danh) người Việt và nhiều dân tộc khác, tổ hợp định danh tên riêng người Êđê được cấu tạo từ ba yếu tố được hình thành qua quá trình định danh, được gọi là danh tố, gồm danh tố đệm, danh tố tên cá nhân và danh tố họ. Mỗi danh tố trong tổ hợp định danh của tên riêng người Êđê là một đơn vị có cấu trúc - chức năng riêng. Đây cũng là những kí hiệu định danh hoặc có giá trị định danh. Về cấu tạo, một số danh tố lại được tạo thành từ một hoặc một số yếu tố được sử dụng (độc lập hoặc tham gia cùng với yếu tố khác theo những nội dung nhất định của chủ thể định danh) để trở thành yếu tố có khả năng tham gia vào tổ hợp cấu trúc tên gọi. Chúng là những thành tố của tổ hợp định danh. Trong tổ hợp định danh tên riêng chi người, thành tố là đơn vị nhỏ nhất, có hình thức trùng với âm tiết. Thành tố không có chức năng định danh mà chỉ là yếu tố tham gia cấu tạo nên các đơn vị định danh. Trong trường hợp danh tố có cấu trúc đơn, thành tố đứng ở vị trí của danh tố nào trong tổ hợp định danh sẽ trở thành chính danh tố đó. Một số trường hợp, danh tố họ của tổ hợp định danh tên riêng người Êđê có chứa các danh tố bộ phận. Đây là các danh tố được bao hàm bởi danh tố họ. Lúc này bản thân danh tố họ cũng là một tổ hợp định danh, giữ chức năng danh tố trong cấu trúc tên riêng. Xét về đặc trưng cấu tạo, trên cơ sở dựa vào định lượng - cấu trúc, luận án phân chia tên riêng người Êđê thành hai loại tổ hợp định danh với các kiểu cấu trúc - xét về số lượng các danh tố và các kiểu cấu trúc - xét về số lượng các thành tố tham gia. Về nguyên tắc, tên riêng của người Êđê có thể được kéo dài do sự mở rộng các thành phần cấu tạo của các danh tố, đặc biệt là danh tố họ, song, người Êđê thường định danh tên riêng của mình theo những khuôn cấu trúc đơn giản, tạo sự giản tiện trong hoạt động giap tiếp.

Người Êđê chủ yếu vận dụng 4 phương thức định danh phổ biến là *phương thức tạo mới*, *phương thức chuyển hóa*, *phương thức rút gọn* và *phương thức vay mượn*. Đây cũng là các phương thức định danh có tính phổ biến. Nét đặc trưng trong định danh của người Êđê có thể thấy biểu hiện rõ nhất là *phương thức rút gọn*. Nét riêng này là hệ quả của một tiến trình lịch sử đặc thù của tộc người Êđê, mà biểu hiện rõ nhất là lịch sử hình thành và phát triển dòng họ.

Tên riêng người Êđê mang những đặc điểm của tên riêng nói chung. Tuy nhiên, được hình thành và phát triển bởi một tiến trình lịch sử và một môi trường văn hóa riêng nên tên riêng người Êđê cũng ghi nhận nhiều nét đặc thù, đặc biệt về hình thức cấu tạo. Một lần nữa có thể khẳng định, với tên riêng người Êđê, hình thức cấu tạo là nét độc đáo nhất trong các đặc điểm của tên riêng tộc người này, và là nét khác biệt của tên riêng người Êđê với tất cả các tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tìm hiểu cấu tạo của tên riêng người Êđê, bên cạnh và trước hết là làm rõ bản chất của lớp tên gọi này về mặt cấu trúc thuộc bình diện ngữ pháp, còn là góp phần giải quyết một số vấn đề thực tiễn khác như: làm rõ đặc trưng về văn hóa, tâm lí - tộc người của một dân tộc, đặc biệt là trong hoạt động giao tiếp.

Chương 3

ĐẶC ĐIỂM VỀ Ý NGHĨA VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÊN RIÊNG NGƯỜI ÊĐÊ

3.1. Đặc điểm về ý nghĩa của tên riêng người Êđê

3.1.1. Khái luận về nghĩa và ý nghĩa của tên riêng chỉ người

3.1.1.1. Một số quan điểm trong nghiên cứu

Bàn về ý nghĩa của tên gọi, John Lyons đã từng nói “Từ rất lâu trong lịch sử ngữ pháp truyền thống, vấn đề đã được nêu ra về mối quan hệ giữa từ và “sự vật” mà nó quy chiếu hay “biểu nghĩa”. Các triết gia Hy Lạp vào thời Socrates, và sau họ là Platon đã nêu vấn đề này bằng những từ ngữ thường được nêu ra suốt từ thời đó đến nay. Đối với họ, mối quan hệ ngữ nghĩa giữa từ và “sự vật” là mối quan hệ “đặt tên”, và phải chăng các “tên gọi” ta gán cho các “sự vật” có nguồn gốc “tự nhiên” hay “theo quy ước” [60; tr.634]. Tác giả cho rằng, “cần đưa ra một thuật ngữ hiện đại chỉ “sự vật” trong chừng hạn chúng được từ “đặt tên” hay “biểu nghĩa”. Đó là thuật ngữ “cái quy chiếu”. Quan hệ giữa từ và sự vật (cái quy chiếu của nó) là quan hệ quy chiếu [60; tr.636]. Từ vấn đề thuật ngữ, tác giả cũng nêu ra những phức tạp của một số vấn đề như vấn đề đồng nghĩa và đồng âm; vấn đề đa nghĩa, trái nghĩa trong “quy chiếu” [60; tr. 636-640]. Có thể thấy rằng, về mặt lí thuyết, vấn đề nghĩa của tên gọi nói chung, của tên riêng chỉ người nói riêng đang là vấn đề khó và chưa có sự thống nhất cao trong cách thức tiếp cận, dẫn đến việc tồn tại những quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

“Trong lịch sử danh học thế giới, có 2 nhóm học giả quan niệm khác nhau về nghĩa của tên riêng. Một nhóm cho rằng, tên riêng không có nghĩa, mà đại diện là nhà triết học người Anh John Stuart Mill. Ông cho rằng, tên riêng không có tính hàm chỉ, nó giống như vệt phấn đánh dấu ở một cái nhà. Nó không có nghĩa, mà chỉ nhằm chỉ ra biểu vật”. “Một nhóm khác thì cho rằng, tên riêng có nghĩa, mà đại biểu cho nhóm này là một nhà danh học người Nga A.V. Superanxkaja” (dẫn theo Phạm Tất Thắng [114], tr.69). Quan điểm tên riêng không có nghĩa có thể chịu ảnh hưởng luận điểm của F.de Saussure về “tính võ đoán” của tín hiệu ngôn ngữ.

Ở Việt Nam cũng tồn tại 2 quan điểm tương tự. Năm 1979, Hoàng Phê [78] cho rằng “Tên riêng là những kí hiệu thuần túy không có nghĩa. Có những tên riêng vốn có nghĩa, thì cái nghĩa đó thường cũng không ai nghĩ đến, nó trở thành thật sự “vô nghĩa”. Tên riêng làm thành một lớp từ đặc biệt. Vì không có nghĩa, tên riêng thường không làm thành hệ thống, có thể là những tổ hợp âm nghe lạ tai, và trên chữ viết có thể là những tổ hợp con chữ không bình thường, không theo quy tắc chính tả thông thường. Bởi vì tên riêng là tự đặt ra theo nguyên tắc có thể theo sở thích riêng mà không theo quy tắc gọi là “cấu tạo từ”. Nguyễn Kim Thản thì cho rằng, tên riêng có nghĩa. Tác giả khẳng định: “Tên riêng không những thường được bố mẹ đặt cho một cách có lựa chọn mà còn thường được đặt ra một cách có lí do...Nói chung, tên riêng đều có nghĩa, đều bắt nguồn từ những từ hay từ tổ có nghĩa”[102, tr.75]. Cùng quan điểm với Nguyễn Kim Thản, Hoàng Tuệ cũng lập luận rằng, “Một tên riêng tạo nên trong trí óc ta sự liên hệ đến một thực thể trong tính chất cá thể. Trong một đội bóng đá, nếu 11 cầu thủ không ai mang số cả (trường hợp này là một tên riêng), thì trọng tài và khán giả sẽ gặp khó khăn như thế nào” (dẫn theo Phạm Tất Thắng [114], tr.70). Nguyễn Long Thao [103] còn cho rằng, “tên riêng của người mang ý nghĩa quan trọng đối với người mang nó (...). Một cái tên được coi là lý tưởng khi âm dương hòa hợp, ngũ hành tương sinh đem lại may mắn, thuận lợi”. Cao Từ Linh bên cạnh thừa nhận “tính có lí do” của tên riêng lại băn khoăn khi xem xét chức năng của nó. Tác giả cho rằng “Với con người thì cái tên đã phần nào phản ánh tính cách về tư tưởng, ý nguyện, nghề nghiệp và nhiều khi có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển vận mệnh của con người”. Cũng theo tác giả, “tên gọi xét về ý nghĩa có tốt có xấu, có lành có dữ, có vui có buồn, tâm lý của mọi người là tránh hung theo lành”. Tác giả đưa ra một số ví dụ tên các nhân vật nổi tiếng để minh chứng cho vấn đề. Tuy nhiên tác giả cũng cho rằng, “từ một góc độ thực tế nào đó, tên gọi hình như không có liên hệ gì với cuộc sống của chúng ta, nó giống như một ký hiệu riêng của mỗi người” [68, tr.5-6]. Phạm Tất Thắng trong các nghiên cứu [107], [108], [109], [112] đều cho rằng “Tên riêng (trong đó có tên người) là có nghĩa. Lí do đơn giản là, chúng tồn tại với tư cách là đơn vị của ngôn ngữ, nằm trong hệ thống ngôn ngữ và được sử dụng vào mục đích giao tiếp như là các từ thông thường (tên chung). Điều khác biệt căn bản là, tên riêng là đơn vị định danh đơn nhất và cá biệt, vì

thể nghĩa của tên riêng không giống như nghĩa của các tên chung”. Tác giả luận giải “Tên riêng có thể sử dụng những kí hiệu có sẵn của tên chung nhưng để gán vào nó những ý nghĩa mang tính chất hàm chỉ hay biểu thị cho một nguyên vọng nào đó của người đặt tên và mang tên chứ không hề mang tính khái quát hay biểu niệm như các tên chung đồng âm với nó”[114, tr.70]. Cùng quan điểm này còn có Lê Quang Thiêm, Trần Ngọc Thêm, Lê Trung Hoa, Bình Long... Mặc dù các ý kiến đều thống nhất cho rằng tên riêng có nghĩa nhưng quan niệm về nghĩa của tên riêng ở mỗi tác giả lại không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, Lê Quang Thiêm [118] đã xếp nghĩa của tên riêng vào tầng nghĩa thực tiễn và thuộc vào nhóm *nghĩa biểu chỉ* (designated meaning). Lê Trung Hoa lại cho rằng, nghĩa của địa danh (một loại tên riêng) là *một phạm trù lịch sử*.

3.1.1.2. *Vấn đề nghĩa của tên riêng chỉ người từ góc nhìn của luận án*

Hoàng Thị Châu từng nhận xét: “Mỗi từ ngữ trong ngôn ngữ ấy mang một nội dung ý nghĩa nhất định chỉ một loại sự vật nhất định. Nhưng khi từ ấy đã biến thành một tên riêng thì nó bị mất chức năng giao tế, không truyền đạt ý nghĩa mà nhận một chức năng mới, chức năng phân biệt, định danh”[12, tr.95]. John Lyons cũng cho rằng “vì mất chức năng giao tế, từ trong nhân danh không dùng để truyền đạt khái niệm nữa, cho nên nó mất dần ý nghĩa” [60, tr.640]. Chính vì tên riêng chủ yếu giữ chức năng phân biệt chứ không phải là biểu thị nghĩa của từ nên không mấy khi người ta quan tâm đến việc “dịch nghĩa” chúng... Mặc dù hiện thực trong tâm lý, văn hóa con người, trong nhiều trường hợp khi định danh đã có mục đích dùng để diễn đạt một nội dung tư tưởng nào đó, song các danh tố trong THĐD của tên riêng, về khách quan, không mang một nội dung tư tưởng nào. Bởi vậy trong thực tế, các tên gọi thuộc các đối tượng khác nhau về ngôn ngữ chúng vẫn làm đầy đủ chức năng của nó. Về phương diện này, chúng tôi thấy tên riêng chỉ người và tên riêng các đối tượng địa lí cũng có tình hình tương tự. Nghĩa là những trường hợp tên chung và tên riêng đồng âm với nhau không phải lúc nào cũng có cùng ý nghĩa. David Lee cũng đã phát biểu quan điểm của mình về nghĩa của từ và câu: “tôi đã nhấn mạnh rằng nghĩa không phải là thuộc tính của từ hay câu, mà là sản phẩm của những quá trình tương tác diễn ra trong tư duy của người ý niệm hóa. Đặc biệt, trong việc kiến tạo nghĩa, nền tảng tri thức của con người đóng vai trò quan trọng

ngang với vai trò của những từ nằm trong phát ngôn hay câu trên giấy (...) một từ “có những nghĩa” khác nhau đối với những người nói khác nhau, tùy theo trải nghiệm cá nhân của họ...”[66, tr.274].

Cũng như tên riêng các đối tượng địa lí và các đối tượng khác của danh học, tên riêng chỉ người được lấy trong vốn từ chung nên có thể nói, chúng không hoàn toàn mang tính võ đoán. Nói cách khác, tên riêng tồn tại trong hệ thống ngôn ngữ với tư cách là một loại kí hiệu ngôn ngữ có cấu trúc hai mặt (cái biểu hiện và cái được biểu hiện); có khả năng tham gia vào quá trình giao tiếp của một cộng đồng ngôn ngữ nhất định. Theo quan niệm truyền thống của ngôn ngữ học nói chung cũng như Việt ngữ học nói riêng, tên riêng được xếp vào từ loại danh từ, mặc dù thực chất, tên riêng là một tổ hợp từ, mang đặc điểm danh từ tính. Chính những đặc tính trên đây đã làm cho tên riêng có giá trị nhất định và giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ. Nói cách khác, nếu thừa nhận tên riêng là một loại kí hiệu ngôn ngữ thì nó là một loại đơn vị có nghĩa (đó là mặt thứ hai của kí hiệu ngôn ngữ mà trong các tài liệu về lí thuyết ngôn ngữ học thường gọi là *cái được biểu hiện*).

Từ những ý kiến trên đặt ra vấn đề: cái mà chúng ta cần hơn hết phải tìm kiếm là *cái ý nghĩa được phản ánh* thông qua tên gọi của con người đó, trong bối cảnh mặc dù tên riêng của người cũng như các bộ phận khác của danh xưng ra đời đều mang “tính có lý do” nhưng nhiều khi cũng mang “tính tùy tiện”. Hơn nữa, ý nghĩa của tên riêng chỉ được xem xét bên ngoài khuôn khổ giao tiếp. Nói đặc điểm phản ánh hiện thực chính là nói tới ý nghĩa của các danh tố và toàn bộ THĐD. Đặc điểm đó có tính chuẩn xác và được xác định chắc chắn hơn, đủ tin cậy hơn về hiện thực khách quan, còn đặc điểm về hiện thực trong tâm lý, văn hóa con người... thì việc "giải mã" là rất khó khăn.

Nhà ngôn ngữ học Wallace L. Chafe có nói “Không nhận thức được bản chất của cấu trúc ngữ nghĩa thì chúng ta không thể miêu tả được đầy đủ và bao quát các quá trình hậu ngữ nghĩa có tác động đến quá trình ngữ nghĩa vì chúng ta không hiểu gì về cái đã nuôi dưỡng các quá trình ấy”[16, tr.96]. Có thể nói, tìm hiểu những giá trị về văn hóa một bộ tộc, một dân tộc, một phần quan trọng là tìm hiểu ý nghĩa của các đối tượng trên một địa bàn thông qua tên gọi.

Như đã trình bày, tên riêng chỉ người và các đối tượng địa lí đều là bộ phận của danh xưng và là đối tượng của danh xưng học thuộc từ vựng học. Chúng nằm trong hệ thống tên riêng có trong đời sống giao tiếp. Và vì vậy, chúng có mối quan hệ với nhau về nhiều bình diện, trong đó có bình diện nghĩa. Sự khác nhau cơ bản giữa tên riêng chỉ người và tên riêng các đối tượng địa lí là ở đối tượng được gọi tên; là tính hệ thống trong xu hướng và quá trình định danh. Tính hệ thống của tên riêng các đối tượng địa lí ít bị tác nhân xã hội - chính trị nhất thời tác động. Trong khi định danh, “tính tùy tiện” của chúng không còn phụ thuộc vào ý chí cá nhân mà bị tác động bởi hàng loạt nhân tố thuộc về lịch sử, văn hóa cộng đồng; chịu ảnh hưởng của các quá trình tộc người đầy phức tạp; chịu ảnh hưởng của cả quá trình hình thành, tồn tại và phát triển một ngôn ngữ. “Địa danh có tính bảo thủ cao hơn, được bảo tồn khá lâu trong vốn từ và trong vốn văn hóa dân tộc. Trong khi đó, tính hệ thống của nhân danh thường bị chi phối trực tiếp bởi các nhân tố *nội ngôn ngữ* theo lát cắt đồng đại và xu hướng tâm lý xã hội, không khí chính trị có tính thời sự trong một khoảng thời gian nhất định xét trong cả tiến trình lịch sử của một cộng đồng. Chúng có tính nhất thời, ít tính bảo lưu như địa danh và về cơ bản, chỉ phản ánh đời sống của một ngôn ngữ trên bề mặt”[25, tr.21]. Tuy vậy, cùng với ngôn ngữ, hệ thống tên riêng chỉ người là chứng nhân đáng tin cậy của quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của một cộng đồng (có khi của nhiều cộng đồng cùng khu vực). Và bởi vậy, về một số phương diện, tên riêng chỉ người vẫn có tính hệ thống cao và tương đối ổn định. Qua chúng, ta có thể hiểu thêm từ ngữ địa phương mà ở đây là các nhóm ngôn ngữ của các dân tộc bản địa. Tuy vậy, về phương diện nghiên cứu, địa danh và nhân danh học đều chịu sự tác động qua lại của bộ công cụ tiếp cận khá giống nhau. Qua nghiên cứu tên riêng chỉ người và tên riêng các đối tượng địa lí, thấy rõ mối quan hệ giữa danh học và một số vấn đề về lý thuyết ngôn ngữ, đặc biệt là *Lý thuyết ngữ nghĩa học*. Trong *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, John Lyons đã đề cập những biểu hiện của ngữ nghĩa học trong tất cả các diễn biến cũng như các hình thức cấu trúc ngôn ngữ từ các đơn vị từ vựng đến các đơn vị ngữ pháp, các đơn vị giao tiếp (về siêu ngôn ngữ; nghĩa của từ; nghĩa của câu; nghĩa của phát ngôn).

Như vậy, mặc dù còn những ý kiến khác nhau, nhưng phần lớn các ý kiến đều nhất trí cho rằng, tên riêng nói chung và tên người nói riêng đều có nghĩa. Vấn đề cần xác định, nghĩa của tên riêng nói chung và của tên riêng chỉ người được nhìn nhận dưới góc độ biểu hiện của từ ngữ tương ứng hay chính là cơ sở của việc đặt tên. Nói cách khác, nghĩa của tên riêng nói chung, của tên riêng chỉ người nói riêng được biểu hiện như thế nào thông qua tên gọi.

3.1.2. Nghĩa và ý nghĩa của tên riêng người Êđê

3.1.2.1. Khái quát những nét cơ bản về nghĩa, ý nghĩa của tên riêng người Êđê

Ngoài việc tìm hiểu các vấn đề về kết cấu thì những nét đặc trưng về nghĩa và ý nghĩa của tên riêng nói chung, tên riêng người Êđê nói riêng cũng là một trong những nội dung quan trọng mà luận án đặc biệt quan tâm. Các nội dung cụ thể cần được làm rõ như vấn đề nghĩa của tên riêng chỉ người; các “kiểu” nghĩa của tên người; nghĩa của các yếu tố trong kết cấu cũng như của toàn bộ kết cấu tên gọi; mối quan hệ về nghĩa giữa các yếu tố từ vựng với tư cách là đơn vị ngữ pháp và khi sử dụng chúng trong THĐD của tên riêng người Êđê trong các hoàn cảnh giao tiếp. Nói cách khác là làm rõ mối quan hệ về nghĩa và ý nghĩa của tên riêng nói chung làm cơ sở cho việc xác định những giá trị ngữ nghĩa của tên riêng người Êđê nói riêng. Thực tế đây là một vấn đề khá phức tạp. Lê Quang Thiêm đã từng nói: “chúng ta thường gặp các từ *nghĩa*, *ý nghĩa*. Nội dung của những từ này thường là khó xác định”[118, tr. 5]. Từ điển *Khái niệm Ngôn ngữ học* cho rằng, “*nghĩa (meaning)* của từ (cũng như các đơn vị ngôn ngữ khác) là quan hệ của từ với cái gì đó nằm ngoài bản thân nó. Hiểu nghĩa của một đơn vị nào đó là hiểu đơn vị ấy có quan hệ với cái gì, tức là nó biểu thị cái gì”[34, tr. 284] còn “*ý nghĩa (sense)* của đơn vị ngôn ngữ (từ, ngữ, câu) là nội dung mà đơn vị ngôn ngữ ấy có được trong so sánh nó với các đơn vị ngôn ngữ khác. Nói cách khác, ý nghĩa là những đặc trưng ngữ nghĩa mà đơn vị ngôn ngữ ấy có, cho phép đơn vị ngôn ngữ ấy được áp dụng đối với một số đối tượng này mà không áp dụng được đối với những đối tượng khác”[34, tr. 600]. Như vậy, tìm hiểu ý nghĩa của tên riêng là tìm hiểu giá trị ngữ nghĩa của tên gọi đó được thể hiện thông qua nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ ấy, mà nghĩa của chúng lại được

xác định trên cơ sở mối quan hệ giữa đối tượng với đơn vị ngôn ngữ được chủ thể định danh sử dụng làm tên gọi. Nói cách khác, tìm hiểu ý nghĩa tên riêng chỉ người của một dân tộc là tìm hiểu những giá trị về ngữ nghĩa, về văn hóa của dân tộc đó thông qua tên gọi người. Có thể coi việc tìm ý nghĩa của tên riêng nói chung, tên người nói riêng là thực hiện “quy tắc ánh xạ” của tên riêng (từ dùng của Howard - dẫn theo Lê Quang Thiêm [118], tr. 23).

Tên riêng các đối tượng địa lí hay tên riêng chỉ người đều là sản phẩm, là kết quả nghiên cứu của bộ môn danh học, thuộc lĩnh vực từ vựng học. Chúng đều có nhiệm vụ nghiên cứu về định danh cho các đối tượng. Tuy vậy, về phương diện nghĩa, khác với tên riêng các đối tượng địa lí, tên riêng của người Êđê lại hầu như mang “tính võ đoán”, nghĩa là không (hoặc nói chính xác hơn là rất ít) mang nội dung phản ánh hiện thực thông qua tên gọi như tên riêng đối tượng địa lí theo cách định danh của tộc người này. Nói cách khác, giữa chúng ít có mối liên hệ về nghĩa.

Chúng ta đều biết, *âm* và *nghĩa* là hai mặt của đại bộ phận các đơn vị ngôn ngữ. Hai mặt cấu thành này làm nên tính đặc trưng cho ngôn ngữ trong sự so sánh nó với các sự vật, hiện tượng khác tồn tại khách quan. Âm và nghĩa kết hợp với nhau tạo thành một đơn vị ngôn ngữ, nhưng là một sự kết hợp hết sức đặc thù: một sự liên kết không tuân theo một quy luật thông thường nào cả. Tình trạng đó thể hiện qua tính không quy định và ràng buộc lẫn nhau giữa hai mặt cấu thành. Hình ảnh âm thanh được gọi là *cái biểu hiện*, ý nghĩa được gọi là *cái được biểu hiện*, giữa chúng không có sự tương ứng 1-1. Một cái biểu hiện có thể ứng với nhiều cái được biểu hiện khác nhau và ngược lại. Tình trạng này làm nảy sinh hiện tượng đồng âm và đồng nghĩa trong từ vựng học. Thuộc tính này của ngôn ngữ đã tạo cho nó khả năng đặt tên rất lớn. Tuy nhiên tính quy định đã hạn chế, hạn định khả năng này của nó một cách tự nhiên trong khả năng kiểm soát được của nhận thức con người về số lượng yếu tố của hệ thống. Tính độc lập và không quy ước lẫn nhau giữa *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt* được F. de Saussure gọi là *tính võ đoán* của ngôn ngữ [87; tr.119]. Hai mặt âm và nghĩa tồn tại võ đoán với nhau thể hiện qua *tính bất biến* và *tính khả biến* của tín hiệu ngôn ngữ. *Tính bất biến* thể hiện ở chỗ, khi đã được xác lập, một đơn vị ngôn ngữ nào đó khó có thể thay đổi được theo ý muốn cá nhân.

Tuy nhiên khi thể hiện tính liên tục trong thời gian thì chúng có thể biến đổi. Đây chính là *tính khả biến* của tín hiệu ngôn ngữ. Từ ý kiến về nguyên lí *tính vô đoán* của ngôn ngữ mà F. de Saussure đưa ra, có thể thấy rằng tên riêng chỉ người hay bất kỳ một danh xưng nào khác, mối quan hệ giữa hình thức và nghĩa về cơ bản đều không mang “tính có lý do”.

Tuy nhiên, có thể thấy, ngoài chức năng định danh, từ còn có các chức năng khác như: chức năng biểu vật, chức năng biểu niệm, chức năng ngữ pháp. Trên cơ sở các nội dung của lý thuyết ngữ nghĩa học cũng như qua thực tiễn nghiên cứu, tác giả của luận án có cơ sở để nói rằng, với tư cách là một đơn vị định danh, tên riêng chỉ người nói chung và trong tiếng Êđê nói riêng cũng là một đơn vị có nghĩa. Vấn đề cần làm rõ *nghĩa* của tên riêng là gì. Về mặt hình thức, phần lớn các tên riêng đều sử dụng các từ trong hệ thống tên chung. Như vậy, vấn đề đặt ra là, giữa ý nghĩa của tên riêng và nghĩa của các từ đồng âm với chúng có gì khác nhau? “Để hiểu tên chung, chẳng hạn như từ, người ta cần phải liên kết nó với một khái niệm nhất định, nghĩa là phải thông qua khái niệm loại. Do vậy, tính xác định của đối tượng được gọi tên không phải là yêu cầu có tính chất bắt buộc”[108, tr.79]. Trong khi đó, tên riêng, đặc biệt là tên riêng chỉ người là tên gọi xác định. Chính vì vậy, tên riêng không hề liên quan đến bất kỳ khái niệm nào cả. Chúng chỉ có ý nghĩa trong sự gọi tên một đối tượng cá biệt và duy nhất trong sự phân biệt với đối tượng khác cùng loại. “Tuy nhiên, nếu tên riêng chỉ có ý nghĩa duy nhất trong sự gọi tên thì các tên gọi đó chỉ giống như một thứ “phù hiệu” hay một cái “nhãn” được gán cho đối tượng mà thôi”[108, tr.80]. Thực tế quá trình định danh cho thấy, việc lựa chọn hình thức tên gọi này hay tên gọi khác, suy cho cùng không phải không có lý do. Chẳng hạn, một người đặt tên mình là *Hai*, là *Ba*, là *Tư*,... thì các tên gọi đó không đơn thuần chỉ là những kí hiệu số học khô khan mà chúng có ý nghĩa chỉ ra thứ tự lần sinh của người có tên. Các bậc cha mẹ khi sinh con thường mong muốn con cái mình sau này trưởng thành, nên người, và họ đã gửi gắm niềm hy vọng, sự mong muốn đó vào những cái tên có nội dung tốt như hiếu thảo,...(*Hiếu, Thảo, Trung, Lễ, Nghĩa, Trí*,...); xinh đẹp (*Mỹ, Diễm, Thục*); tài giỏi (*Hùng, Huệ, Minh, Mẫn*). Chúng tôi cho rằng, cơ sở của vấn đề văn hóa đặt tên của một tộc người là

dựa trên một số nhân tố như trình độ xã hội, vũ trụ quan hay quan điểm tôn giáo, quan điểm thẩm mỹ,... của cộng đồng tộc người đó. Đối với tên riêng chỉ người hay với bất kỳ một danh xưng nào khác, khi đặt tên cho một đối tượng nào đó thì chủ thể định danh đều có một mục đích rõ ràng. Trong tâm thức của người Việt, tên gọi không đơn thuần là một *tín mã* mà là một bộ phận hình thức luôn gắn bó hữu cơ đối với chủ thể - tức người mang nó. Tục ngữ Việt Nam từ xưa đã có câu: *xem mặt, đặt tên*. Bởi vậy, trước khi đặt tên, người ta chọn lựa kỹ càng trên cơ sở dựa vào đặc điểm: giới tính, hoàn cảnh gia đình, xã hội, dòng tộc, quê hương, tâm lí, ước vọng của cha mẹ... Tính lựa chọn còn được thể hiện ở sự khác nhau giữa các tầng lớp trong xã hội (vua chúa, quan lại, nho sĩ, trí thức, bình dân, tu sĩ,...); trong việc đặt tên cho các nhân vật nghệ thuật,...(nhân vật chính diện, phản diện, nhân vật tâm lí, nhân vật tư tưởng, nhân vật hài,...). Tính lựa chọn của người Việt được thể hiện trong cả việc đặt tên cá nhân và tên đệm, thậm chí trong một số trường hợp vì một nguyên nhân nào đó có thể được thể hiện trong cả tên họ; trong tên chính thức và các tên khác như tên hiệu, tên thụy... Tuy vậy, một bộ phận người dân nông thôn nước ta trước đây, đặc biệt là nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, với những gia đình khó và hiếm con cái, họ đặc biệt chú ý đến vấn đề “kiêng kỵ”. Khi sinh ra, để dễ nuôi, họ thường đặt cho con cháu mình một cái tên thật xấu (Đũi, Hĩm, Tèo...) với mục đích để các thế lực siêu nhiên cực đoan *không thèm để ý* đến, nhằm tránh được sự hãm hại của ma quỷ. Một bộ phận khác bên cạnh tên chính (tên khai sinh) lại đặt thêm một tên gọi mang yếu tố tôn giáo, cùng với việc làm các nghi lễ “gửi” vào chùa, vào đền nhằm nhờ cậy, “ủy thác” cho thần phật bảo vệ, đến lúc trưởng thành mới “làm thủ tục xin về”.

Như đã nói ở trên, khi thực hiện chức năng định danh, các tên riêng cũng đồng thời thực hiện chức năng biểu vật, bởi “chức năng định danh chỉ là một dạng của chức năng biểu vật”[10, tr.97]. Tuy nhiên, ý nghĩa biểu vật trong các tên riêng không có tính khái quát như ở tên chung. Để hiểu tên riêng, người ta phải xác định được mối liên hệ giữa đối tượng được gọi tên và kí hiệu tên gọi chứ không phải là thông qua sự “quy chiếu” giữa chúng như trong từ điển. Nói cách khác, tìm hiểu ý nghĩa của tên riêng không phải là thông qua nghĩa của các từ đồng âm với chúng.

“Tính lí do” của tên riêng thường là những “sự kiện” nằm ngoài ngôn ngữ, nhưng chúng lại được thể hiện thông qua các kí hiệu ngôn ngữ. Đó là việc chủ thể định danh sử dụng mối liên hệ về âm và nghĩa của kí hiệu ngôn ngữ để thể hiện ý nghĩ, tình cảm, ước vọng... nào đó của mình đối với đối tượng vào trong tên gọi. Dựa vào “tính có lí do” đó mà Lê Quang Thiêm [118] cho rằng ý nghĩa của tên riêng “gắn với sự vật văn hóa, xã hội” (...) “một bộ phận tên riêng thể hiện ước muốn, hi vọng có tính văn hóa - xã hội được gửi gắm của chủ thể đặt tên trở thành nội dung nghĩa”.

Trong tâm thức của người Êđê, tên cá nhân thường thể hiện mối liên hệ với những đặc điểm tâm lí, nhận thức,... của cộng đồng, đặc biệt là những người có mối quan hệ, vai trò và ảnh hưởng trực tiếp đến chủ thể được mang tên, cùng với đó là thực tế bối cảnh (thời gian, không gian, sự kiện,...) khi con người mới được sinh ra. Với tín ngưỡng “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” cùng với mục đích để bảo vệ con người, đồng thời để thể hiện sự tôn kính đối với các vị thần linh, người Êđê có dụng ý tránh việc đặt tên người trùng với tên gọi các đối tượng tự nhiên, nghĩa là không muốn hay nói đúng hơn là không dám đụng chạm đến thần linh. Khi sự vật, hiện tượng xung quanh họ đều “hữu linh” thì con người không mang cùng tên gọi, vì sợ “phạm húy”, sợ sẽ làm ảnh hưởng đến sự uy nghiêm của các vị thần linh. Đặc biệt, tên riêng chỉ người được định danh theo cách truyền thống (danh tổ tên cá nhân) của tộc người này hầu như rất ít trùng với tên gọi của các loài cây cối (nhất là những cây có vị trí đặc biệt trong tình cảm và tâm thức của cộng đồng), tên núi rừng, sông suối. Với người Êđê, tên cá nhân thường thể hiện mối liên hệ với những đặc điểm nào đó của cá nhân người đó khi sinh ra. Đây là biểu hiện của tư duy cụ thể trong điều kiện xã hội kém phát triển và sống khá biệt lập với các cộng đồng khác. Thông thường thì những thế hệ sau thường tìm kiếm các tên gọi của các thế hệ ông bà tổ tiên - người mà họ ngưỡng mộ để đặt tên cho con cháu, với tâm niệm là những phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên ông bà sẽ được “nhập hồn” cho đứa trẻ, nhằm giúp đứa trẻ cũng có được những phẩm chất đó trong lúc tên của các bậc tổ tiên, ông bà vốn cũng đã bị chi phối bởi quan niệm “vạn vật hữu linh”. Điều này không giống với lý do “kị húy” của người Việt. Phần lớn do trình độ xã hội cùng với ý thức “kính” và “sợ” thần linh nên đại bộ phận tên cá nhân người Êđê rất ít có

mối liên hệ với hiện thực, đặc biệt những tên gọi có liên quan đến những đối tượng được coi là linh thiêng trong tâm thức của họ. Bên cạnh đó, trong một thời gian dài của tiến trình lịch sử, môi trường cư trú của người Êđê bị biệt lập, làm cho kinh tế, văn hóa, nhận thức của các thành viên cộng đồng bị giới hạn trong một không gian chật hẹp. Tình hình trên dẫn tới hệ quả là đã thu hẹp phạm vi lớp từ ngữ mà họ sở hữu. Khảo sát trên 600 tên cá nhân của các nhóm tộc người Êđê được đặt theo cách truyền thống qua các tài liệu lịch sử địa phương và tên riêng các cán bộ, học sinh người dân tộc Êđê đã và đang công tác, học tập trên địa bàn cũng như trên 1000 tên gọi của các nhóm tộc người Êđê ở các địa bàn huyện Krông Năng, Buôn Ma Thuột, Krông Păc, Krông Ana, Êa H'Leo, Krông Búk, chúng tôi thấy rõ điều này. Từ nhận thức, quan điểm thẩm mỹ và quan niệm mang tính tôn giáo đó, người Êđê rất coi trọng việc đặt tên cho các thành viên của mình. Khi một thành viên mới ra đời phải được cộng đồng và đặc biệt là thần linh đón nhận. Vì vậy, đã từ bao đời, người Êđê vẫn duy trì các nghi lễ đặt tên cá nhân cho trẻ sơ sinh.

Chúng tôi xem toàn bộ những lí do đặt tên của người Êđê cũng như người Việt nói trên là cơ sở cho sự hình thành nên ý nghĩa của tên riêng. Ngoài *lí do của tên gọi*, ý nghĩa của tên riêng nói chung, của tên riêng chỉ người nói riêng còn bởi *tên riêng là một tín hiệu ngôn ngữ*, đồng thời nó là *một đơn vị từ vựng*. Như vậy, “nếu so sánh với ý nghĩa từ vựng của các từ mà tên riêng sử dụng làm kí hiệu cho tên gọi, thì ý nghĩa của tên riêng thường mang tính chất biểu trưng hoặc có giá trị biểu trưng”[108, tr.81]. Có thể thấy rằng “Tính có lí do” trong đặt tên người không phải là hiện tượng cá biệt của các tộc người ở Việt Nam. Chúng ta có thể tìm thấy trong cách đặt tên (tên họ hay tên cá nhân) của nhiều dân tộc trên thế giới, như Nga, Pháp, Đức, Anh, Nhật Bản,...

Mặc dù hình thức, các tên riêng cũng gọi tên sự vật, hiện tượng, quá trình,... nhưng chúng lại không gán cho sự vật, hiện tượng, quá trình bất cứ một thuộc tính nào cả mà chỉ thông qua các thuộc tính đó, các tên riêng thường gọi ra trong ý thức của cộng đồng về một sự liên tưởng hay dấu ấn về một kỷ niệm nào đó của người được đặt tên vào trong hình thức tên gọi. Nghĩa là, chúng mang nội dung ngữ nghĩa - tu từ bổ sung cho sự liên tưởng đối với hiện thực thông qua nghĩa từ vựng của các

từ đồng âm với tên riêng. Chúng tôi gọi đó là *ý nghĩa biểu trưng* hay có thể gọi là *ý nghĩa hàm chỉ* trong tên riêng theo cách gọi của Phạm Tất Thắng. Đây cũng là quan điểm và là hướng giải quyết vấn đề của nội dung tiêu mục này. Phạm Tất Thắng [114] cho rằng, thuật ngữ “ý nghĩa hàm chỉ” trong tên riêng có thể tương đương với nghĩa của từ “implication meaning” trong tiếng Anh (nghĩa là “ẩn ý” hay “ngụ ý”).

3.1.2.2. Ý nghĩa hàm chỉ của tên riêng người Êđê

Ý nghĩa hàm chỉ của tên riêng nói chung, trong tên riêng của người Êđê nói riêng là rất rộng và phong phú về dạng thức. Nó không chỉ được biểu hiện gián tiếp qua nghĩa của các từ đồng âm với chúng mà ý nghĩa đó còn phản ánh những dấu ấn văn hóa, nhận thức, tín ngưỡng, về tâm sinh lí, ... của người đặt tên và cả những dấu ấn của người mang tên. Ý nghĩa hàm chỉ của tên riêng nói chung, của tên riêng người Êđê nói riêng còn bao hàm cả nghĩa biểu tượng. Theo Lê Quang Thiêm [118], đó là hình thức “ánh xạ” của sáng tạo cá nhân. Tác giả luận giải “nghĩa biểu tượng đó có mối liên hệ mật thiết với những nghĩa do xã hội tạo ra đã được nêu một cách gián tiếp qua ngôn ngữ, mang nội dung xã hội và bao giờ cũng lĩnh hội và nhận thức được như hình tượng *rộng, phượng, nhân ngư, nhân mã*”.

Việc xác định các loại ý nghĩa hàm chỉ trong tên riêng người Êđê lại gặp phải những khó khăn, phức tạp hơn nhiều bởi tính đặc thù của nó. Trong lúc các tên riêng chỉ người về cơ bản đều sử dụng các từ để làm ký hiệu cho tên gọi, và do đó ý nghĩa của chúng thường có mối liên hệ nhất định với nghĩa từ vựng của từ thì tên riêng chỉ người trong tiếng Êđê tình hình lại không hoàn toàn như vậy. Phần lớn tên riêng (đặc biệt là tên đệm) trong hệ thống tên riêng của người Êđê không hoặc ít có mối liên hệ đó. Nói cách khác, một bộ phận không nhỏ các danh tố trong THĐD tên riêng người Êđê không mang chức năng của thực từ. Và như vậy, chúng cũng không xuất hiện trong từ điển. Từ những nội dung cụ thể của lý thuyết ngữ nghĩa học; dựa vào phạm vi logic - ngữ nghĩa do từ biểu thị và từ vựng - ngữ pháp của các kí hiệu tên gọi, luận án có cơ sở để tiến hành việc phân loại ý nghĩa hàm chỉ của tên riêng người Êđê (đối với các trường hợp chúng mang nội dung ngữ nghĩa - tu từ bổ sung cho sự liên tưởng đối với hiện thực thông qua nghĩa từ vựng của các từ đồng âm với tên riêng). Theo cách phân loại này, ý nghĩa hàm chỉ trong tên riêng người Êđê có thể phân

chia thành từng nhóm hoặc tiểu nhóm có sự đồng nhất với nhau về nghĩa. Phạm Tất Thắng [108] gọi là *trường nghĩa hoặc tiểu trường nghĩa*. Mỗi nhóm hoặc một trường nghĩa được gọi là một nhóm ý nghĩa hàm chỉ. Mỗi tiểu nhóm hoặc một tiểu trường nghĩa được gọi là một kiểu ý nghĩa hàm chỉ. Chẳng hạn, nhóm ý nghĩa hàm chỉ sự vật có các kiểu ý nghĩa hàm chỉ tên gọi các loại thú, các loại chim... Bên cạnh đó, có thể dựa vào đặc điểm từ vựng - ngữ pháp của các ký hiệu tên gọi, tức là dựa vào đặc điểm từ loại của các ký hiệu tên gọi để phân chia ý nghĩa hàm chỉ trong tên riêng người Êđê thành các nhóm. Ngoài ra, có thể dựa vào phạm vi sử dụng, vào nguồn gốc ra đời của các ký hiệu tên gọi để phân loại ý nghĩa hàm chỉ trong tên riêng người Êđê. Trong các căn cứ để phân loại ý nghĩa hàm chỉ, việc phân chia dựa vào phạm vi logic - ngữ nghĩa của vốn từ được xem là cơ sở phân loại chủ yếu đối với tên riêng người Êđê. Nói đến ý nghĩa hàm chỉ trong tên riêng chỉ người là nói đến ý nghĩa của các danh tố. Dựa vào mức độ khu biệt của các danh tố trong THĐD, luận án tiến hành phân loại, miêu tả ý nghĩa hàm chỉ trong các loại danh tố theo thứ tự: tên đệm, tên cá nhân, tên họ.

a) Ý nghĩa hàm chỉ của tên đệm

Phạm Tất Thắng cho rằng “trong phần lớn tên riêng chỉ người, tên đệm là một tập hợp mở. Do vậy về nguyên tắc, bất kỳ ký hiệu ngôn ngữ nào cũng có thể tham gia vào việc cấu tạo thành tên đệm trong cấu trúc tên riêng chỉ người. Vì vậy, trong tên riêng người Việt, tên đệm có một số lượng không thể kiểm soát và vô cùng đa dạng về cách thức lựa chọn cũng như phong phú về nghĩa” [108, tr.98]. Trong khi đó tên đệm trong cấu trúc tên riêng người Êđê lại rất hạn chế về số lượng, nghèo nàn về ý nghĩa, chỉ thực hiện duy nhất một chức năng và chỉ có duy nhất một cách thức lựa chọn.

Danh tố đệm trong tên riêng người Êđê thường xuyên chỉ một âm tiết và là một hình vị, với tư cách là một từ. Nếu như trong tên riêng (chính danh) người Việt, chức năng chủ yếu của danh tố đệm dùng để phân biệt giới tính, đồng thời, thực hiện chức năng khu biệt và chức năng thẩm mỹ thì danh tố đệm trong tên riêng người Êđê chỉ có một chức năng duy nhất là phân biệt giới tính. Có thể nói, sự có mặt của danh tố đệm trong THĐD tên riêng người Êđê đã mang ý nghĩa biểu trưng về giới tính của chủ thể mang tên. Tên đệm trong THĐD tên riêng người Êđê mang đậm dấu ấn đặc trưng văn hóa tộc người; là dấu tích của chế độ thị tộc bộ lạc.

b) Ý nghĩa hàm chỉ của tên cá nhân

Khi nói đến ý nghĩa của tên người, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, gánh nặng khu biệt ý nghĩa giữa các tên gọi chủ yếu ở tên cá nhân. Vì thế, khi nói đến ý nghĩa tên riêng (chính danh) của người Việt là chủ yếu nói đến ý nghĩa của tên cá nhân. “Khi nói đến ý nghĩa của tên cá nhân là nói đến những cơ sở hay những lí do mang tính xã hội mà người đặt tên và có tên lựa chọn. Phạm vi ý nghĩa đó rất rộng, bao trùm lên toàn bộ những thực thể vật chất và phi vật chất tồn tại trong ý thức con người. Có thể nói, bất kỳ sự vật, hiện tượng nào tồn tại trong hiện thực và cả trong thế giới tâm linh của loài người cũng có thể trở thành tên gọi người”[114, tr.74].

Từ việc tiếp cận các quan niệm về ý nghĩa tên riêng chỉ người của các nhà nghiên cứu, Phạm Tất Thắng [114] còn đưa ra một số ý kiến cho rằng, ý nghĩa của tên người Việt được giới chuyên môn khái quát thành một số kiểu như: tên gọi có mối liên hệ với tên gọi của bố mẹ hay anh chị em trong gia đình, bao gồm mối liên hệ cả âm và nghĩa của kí hiệu tên gọi; tên gọi có mối liên hệ với ngành nghề và sản phẩm; tên gọi có mối liên hệ về thời gian, không gian; tên gọi thể hiện nguyện vọng, mong ước tốt đẹp; tên gọi chỉ động, thực vật; tên gọi các vĩ nhân, nghệ sĩ, nhân vật trong các tác phẩm văn học nghệ thuật nổi tiếng; tên gọi của những con số; tên gọi có yếu tố nước ngoài. Ngoài ra người Việt còn dựa vào tên của những ân nhân, tên người yêu, tên kẻ thù, tên có nghĩa tục,... để đặt tên chính (chính danh). Như vậy, theo Phạm Tất Thắng và những người có quan điểm trên, thì ý nghĩa của tên riêng người Việt xuất phát từ *lí do của tên gọi*.

Trên cơ sở những đặc điểm về lịch sử và đặc trưng văn hóa tộc người nêu trên, có thể thấy rõ vấn đề: về cơ bản, tên cá nhân của người Êđê rất ít khi liên hệ đến nghĩa từ vựng. Lí do nằm ở chỗ, tộc người này “cố gắng” tạo ra tính không liên hệ với hiện thực trong định danh tên người, với mục đích tránh những tác động tiêu cực từ các thế lực siêu nhiên. Khảo sát 1000 tên cá nhân được định danh theo cách truyền thống của người Êđê trên cơ sở được thể hiện bằng chính ngôn ngữ của tộc người này qua đối chiếu từ điển cũng như nhận thức của mình chúng tôi thấy, số tên gọi của người Êđê đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng của ngôn ngữ này chiếm một tỷ lệ rất khiêm tốn (xấp xỉ 30%). Việc tránh né, kiêng kị những tên gọi của thế

giới tự nhiên bởi quan điểm “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” đã thu hẹp phạm vi lớp từ ngữ mà họ sở hữu. Đặc điểm lịch sử bộ tộc cũng chi phối không nhỏ đến tâm lí định danh. Như đã nói ở trên, hoàn cảnh lịch sử, môi trường sinh tồn trước đây đã thu hẹp phạm vi giao tiếp. Thực tế đó không cho phép người Êđê có nhiều sự lựa chọn. Với bộ phận những tên gọi (tên cá nhân) đồng âm với những từ mang nghĩa từ vựng, tên riêng chỉ người được định danh theo cách truyền thống của người Êđê thường là lớp từ ngữ bình dị, luôn gắn với tên gọi những sự vật gần gũi trong cuộc sống của họ. Nói cách khác, những tên gọi này mang ý nghĩa hàm chỉ, phản ánh trực tiếp những gì đang diễn ra trong đời sống của tộc người. Có thể thấy chúng được thể hiện qua các nhóm ý nghĩa hàm chỉ sau:

- Nhóm ý nghĩa hàm chỉ sự vật, hiện tượng, quá trình trong thực tế đời sống

Thông qua việc lấy tên các đối tượng gần gũi “vô can” với những tên gọi giản đơn, dễ hiểu để đặt tên cho các sinh linh mới chào đời. Với nhóm này có các kiểu như:

+ Tên gọi các con vật như: Ỗn (con heo - con lợn), Sin (con ngan), Tuôr (con ốc), Ruê (con ruồi), Kan (con cá), Bĩ (con chim phỉ), Ngông (con ngỗng), Krao (chim họa mi, chim khướu)...

+ Tên cây cỏ, hoa trái như: Jũt (trúc), Boh (quả, trái), Kram (tre - cây, rặng tre).

+ Tên đơn vị của sự vật: Pők (mảng, mảnh, tấm)

+ Tên gọi không gian, thời gian sinh tồn như: Tlung (trũng, nơi đất trũng), Trăp (chỗ lầy, đầm lầy), Kngur (dốc, con dốc), Hang (bờ, bờ ruộng, bờ bên), Blôk (đồn điền), Tum (chòi, lán), Wang (khuang, gian - gian nhà), Ứm (sớm),...

+ Tên đồ vật, sự vật như: Wãng (cái cuốc, cái cày), Kam (trấu), Ớũa (bã rọ), Pen (cái kim), Pel (cái xẻng), Bai (cái giỏ, cái sọt), Pông (cái lồng), Knguôr (cái nia), Pôk (bẹ-bẹ cau), Pui (lửa), Kal (kèo, đòn tay, cài lại), Mal (rui, rui mè),...

- Nhóm các ý nghĩa hàm chỉ về đặc điểm (tâm sinh lí, giới tính), hình dáng

+ Tên gọi đặc điểm về hình dáng: Jar (dáng, vóc), Jet (yếu), Điêt (bé, nhỏ), Prong (to, lớn), Man (vừa),...

+ Tên gọi đặc điểm giới tính của đối tượng: Ana (con cái, con gái - mẹ)

- Nhóm các ý nghĩa hàm chỉ đặc trưng tính cách

- + Tên gọi dựa vào đặc điểm tính cách như: Êmit, Ênang (hiền lành),...
- + Tên gọi dựa vào đặc trưng đối tượng Êmăt (tinh, nhạy),...

Có thể nhận thấy tên cá nhân thể hiện qua các nhóm ý nghĩa hàm chỉ qua bảng sau.

Bảng 3.1. Kết quả khảo sát ý nghĩa hàm chỉ tên riêng Êđê thể hiện qua tên cá nhân

Tên cá nhân không đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng	Tên cá nhân đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng (Tỷ lệ xấp xỉ 30%, được quy ra 100%)		
Số lượng ~ 700 Tỷ lệ xấp xỉ 70%	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ	Số lượng ~ 300	Tỷ lệ 100%
	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ sự vật, hiện tượng, quá trình	180	60%
	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ về đặc điểm (tâm sinh lí, giới tính), hình dáng	66	22%
	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ về đặc trưng tính cách	54	18%

c) Ý nghĩa hàm chỉ của tên họ

Phạm Tất Thắng [108] cho rằng, danh tổ họ trong THĐD tên riêng (chính danh) người Việt không chứa đựng ý nghĩa hàm chỉ do hầu hết tên họ người Việt hiện nay chưa xác định được nguồn gốc phát sinh. Với một số tộc người thiểu số của Việt Nam, tình hình lại có những phức tạp theo những chiều hướng khác nhau. Đặc trưng văn hóa và môi trường cư trú, sinh hoạt đã tạo nên sự khác biệt trong tâm lí định danh, đòi hỏi con người phải có sự cân nhắc, lựa chọn, đặc biệt là trong đặt tên người. Tính lựa chọn được thể hiện không chỉ trong đặt tên chính và tên đệm mà còn được thể hiện trong cả tên họ. Theo Tạ Văn Thông, “tên họ của người Kơho có thể phản ánh đặc trưng hình thái nơi cư trú, ví dụ: Đà Jur (nước tụt xuống), Liang Hót (thác nước), Làng Viang (tên núi), Bơsre (ruộng nước),...”[126, tr.25]. Lê Trung Hoa cũng có nhận xét: “Một số dân tộc ít người khác như Khomú lại có tên dòng họ vốn là tên gọi các loại thú rừng, chim chóc, cây cỏ...(Rvai-hỏ, Tmoong Hol-cây, Tmoong Rung-cáo, Tiasc-hrou, Mar-răn, Tựa Ngăm-rau dón, Tựa Voor-dương xỉ)” [43, tr. 33]. Với tên họ của người Êđê, những đặc trưng về lịch sử, văn hóa - tộc người đã dẫn đến một thực tế là, chúng vừa khác hẳn với quá trình phát triển dòng họ của người Việt, vừa không giống với quá trình này của các tộc người thiểu số khác, mà cụ thể là các tộc người được coi là bản địa ở Tây Nguyên. Từ kết

qua khảo sát bước đầu chúng tôi thấy, có 10/102 tên họ được phát triển theo hướng giao tiếp bằng con đường hôn nhân song tộc. Trong 92 tên họ còn lại được xem là tên họ gốc của người Êđê, có 48 tên họ (52,2%) không xuất hiện trong từ điển tiếng Êđê. Nghĩa là, chúng không đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng của ngôn ngữ này, và 44 tên họ đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng tương ứng (47,8%). Đối chiếu các trường hợp trên cho thấy, ý nghĩa hàm chỉ trong tên họ người Êđê thể hiện thông qua các nhóm đối tượng sau đây:

- *Nhóm các ý nghĩa hàm chỉ sự vật, hiện tượng, quá trình trong thực tế đời sống*: có 24/44 trường hợp là tên gọi các đối tượng gần gũi trong đời sống (54,55%), gồm tên động vật, sự vật, sự việc, cây trái,... với các kiểu ý nghĩa hàm chỉ như:

+ Tên gọi động vật hoặc bộ phận của động vật, có 4 trường hợp (0,9%): Ktráo (chim bồ câu), Mla (ngà, sừng), Êñuôl (con tê tê, con trút), Êmô (con bò);

+ Tên gọi các loài cây trái, có 7 trường hợp (15,9%): Alê (cây le), Blô (trái xoan), Hlang (cỏ tranh), Ktê (cây cà te), Kut (nụ hoa), M'ô (cây lồ ô), Hra (cây sung).

+ Tên gọi các đồ vật, chất liệu trong sinh hoạt, có 11 trường hợp (25%): Êa (nước) Êban Đuôn Kang (cái máu), Hruê (bột), Hmôk (vỏ-vỏ cây, vỏ hộp...), Hra (muối), Knguôr (cái nia), Kmăn (cái nẹp), Ksor (rẫy bỏ hoang), Mriêng (chái nhà), Tor (chân gùi), Tung (gian nhà, khoảng-không gian), Hlong (một loại chiêng của người Êđê).

- *Nhóm các ý nghĩa hàm chỉ về các hoạt động trong thực tế đời sống*, có 13/44 trường hợp (29,54%): Bi (nên, phải), Êmăng (trông, nom), Hmăng (mong, chờ), Kuan (tranh, giành), Yă (vâng), Kdah (gặm, cắn), Kdam (quyết định), Kpor (nhảy), Siêng (quảng), Tla (đền, trả), Toh (cởi, mở), Teh (bật lên), Rôk (đi qua).

- *Nhóm các ý nghĩa hàm chỉ về đặc điểm, tính chất của đối tượng*, có 7/44 trường hợp (15,9%), gồm: Điet (bé, nhỏ), HWing (choáng váng), Kpă (thẳng, thật), Mlô Hut (trượt, hụt), Prong (to, lớn), Trei (no, đủ). Niê Sah (nhật, phai).

Có thể nhận thấy ý nghĩa hàm chỉ tên họ Êđê thể hiện qua các nhóm sau:

Bảng 3.2. Kết quả khảo sát ý nghĩa hàm chỉ tên riêng người Êđê thể hiện qua tên họ

Tên họ không đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng	Tên họ đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng 44/92, (Tỷ lệ 47,8 %, được quy ra 100%)		
Số lượng 48/92 Tỷ lệ 52,2 %	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ	Số lượng	Tỷ lệ
	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ về sự vật, hiện tượng, quá trình	24/44	54,55%
	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ về các hoạt động trong đời sống	13/44	29,54%
	Nhóm ý nghĩa hàm chỉ về đặc điểm, tính chất của đối tượng	7/44	15,91%

Từ kết quả khảo sát ý nghĩa hàm chỉ của tên họ thể hiện thông qua hình thức từ vựng của người Êđê có thể thấy, có 14 tên gọi được lấy từ động từ; 6 tên gọi được lấy từ tính từ; 01 đối tượng lấy danh từ chung chỉ người làm tên gọi. Các tên gọi được lấy từ tên loài vật, đồ vật, không gian sống gần gũi của người Êđê chiếm tỉ lệ cao hơn so với các từ chỉ tên gọi có nghĩa khác. Điều đó cũng cho ta thấy một bức tranh tộc người với những nét văn hóa và lịch sử điển hình. Thực tế, do số lượng từ và vỏ ngữ âm tiếng Êđê hạn chế nên có nhiều trường hợp một từ mang nhiều nghĩa và có tư cách từ loại khác nhau ("Hruê" có nghĩa là "bột" cũng có nghĩa là "ngày"; "Yă" có nghĩa là "bà"(danh từ) cũng có nghĩa là "dạ, vâng"(cảm từ)... Cũng từ lí do trên nên trong tiếng Êđê, nhiều trường hợp tên cá nhân có hình thức ngữ âm và nghĩa (nghĩa từ vựng) giống tên họ. Trong tên riêng người Việt cũng có tình hình tương tự.

Như vậy, nếu nói rằng tìm hiểu ý nghĩa phản ánh hiện thực của tên riêng chỉ người thì thực chất là "đi tìm" cái được phản ánh qua tên riêng ("ánh xạ" qua tên riêng) chứ không đơn giản chỉ là đi tìm nghĩa tường minh của nó. Bên cạnh có ý nghĩa trong việc gọi tên một tập hợp người có quan hệ với nhau về huyết thống hoặc cùng nòi giống tổ tiên, tên họ Êđê còn chứa đựng những nét đặc trưng về văn hóa tộc người trong một môi trường sinh tồn và một quá trình lịch sử đặc thù.

Những biểu hiện về tên họ phản ánh một cách cụ thể về ý niệm và tâm thức người Êđê trong văn hóa định danh. Danh tố *họ* không phải giữ vai trò quan trọng nhất của THDD trong hoạt động giao tiếp (trong khả năng phân biệt đối tượng - trừ trường hợp đặc biệt có nhiều đối tượng trong một tập thể, một cộng đồng trùng tên cá nhân) nhưng về mặt lịch sử, truyền thống và trong tâm thức mỗi người, danh tố này lại có một vị trí đặc biệt. Vấn đề tên họ của người Êđê, một trong số không nhiều các tộc người theo chế độ mẫu hệ ở Việt Nam thiết nghĩ lại càng thêm nhiều nội dung để bàn luận.

Xét về từ loại, tên riêng chỉ người hay bất kỳ đối tượng nào cũng là danh từ hoặc tổ hợp danh từ tính. Ý nghĩa của tên riêng chỉ người là ý nghĩa của chính tên gọi đó xét về các phương diện khác nhau như vũ trụ quan hay quan điểm tôn giáo, tín ngưỡng, quan điểm thẩm mỹ, về tâm lí,... của cộng đồng tộc người đó. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ ngôn ngữ, chúng ta có thể xét đến bộ công cụ mà chủ thể định danh sử dụng để cá biệt hóa cho một đối tượng cụ thể, đó là từ (hoặc tổ hợp từ). Từ mục đích hàm chỉ, chủ thể định danh sử dụng những từ (tổ hợp từ) để “nhãn hóa” cho một đối tượng nào đó đã có hình thức ngữ âm trùng với một số từ mang bản chất từ loại khác nhau (động từ, tính từ, số từ,...) được nhận diện dựa trên cơ sở đặc điểm từ vựng - ngữ pháp.

Có thể nói rằng, tên riêng nói chung, tên riêng người Êđê nói riêng là một loại tín hiệu đặc biệt của hệ thống ngôn ngữ. Chúng không những có hình thức cấu trúc phức tạp mà tự thân chúng cũng như các thành phần tạo nên chúng còn chứa đựng những thông tin mang tính lịch sử, văn hóa - xã hội, cùng các yếu tố về tâm lí,... dân tộc đặc trưng cho một cộng đồng ngôn ngữ nhất định. Tất cả những yếu tố đó đều ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển của tên riêng (trong đó có tên riêng chỉ người). Chính vì thế, chúng đều có ý nghĩa nhất định. Vì vậy, để hiểu tên riêng, người ta phải xác định được mối quan hệ giữa tên gọi với đối tượng được gọi tên. Việc tìm hiểu ý nghĩa của tên riêng người Êđê cũng không thể tách rời những thao tác mang tính nguyên tắc đó.

3.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến tâm lí biểu nghĩa trong tên riêng người Êđê

Như đã từng đề cập, quá trình định danh các đối tượng, đặc biệt là tên riêng, người Êđê luôn bị tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó có hai yếu tố chi phối mạnh mẽ nhất, đó là quan điểm tôn giáo và sự hạn chế của trình độ xã hội. Các yếu tố này chi phối từ cấu trúc của các danh từ tham gia đến ý nghĩa của chúng.

3.1.3.1. Quan điểm tôn giáo với vấn đề ý nghĩa của tên riêng người Êđê

Như đã trình bày ở trên, tên riêng địa lí hay tên riêng chỉ người đều là sản phẩm, là kết quả nghiên cứu của bộ môn danh học, thuộc lĩnh vực từ vựng học. Chúng đều có nhiệm vụ nghiên cứu về các đặc điểm của đối tượng được định danh. Tuy nhiên, đi vào cụ thể, bước đầu có thể thấy, với các chủ thể khác nhau hoặc cùng một chủ thể nhưng với các đối tượng khác nhau có thể sẽ hướng đến các mục tiêu khác nhau trong cùng một lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng. Luận án trình bày một số vấn đề cơ bản về tâm lí biểu nghĩa trong định danh tên riêng chỉ người, đồng thời có liên hệ với văn hóa định danh tên riêng các đối tượng địa lí của người Êđê, với mục đích làm sáng tỏ mối quan hệ về nghĩa của hai đối tượng có cùng đặc điểm về tâm lí, tín ngưỡng của cùng một chủ thể định danh, qua đó có cơ sở để xác định rõ hơn những nguyên nhân tác động đến sự hình thành những giá trị về ngữ nghĩa được phản ánh qua tên riêng chỉ người của tộc người này.

Với người Êđê, thế giới vạn vật luôn gần gũi. Con người và môi trường tự nhiên xung quanh hoàn toàn có thể “cảm nhận được nhau” và “đối thoại” một cách bình đẳng. Các con sông, ngọn núi, cánh rừng, cây cỏ,... xung quanh luôn là hiện thân của các vị thần. Vì vậy, “các địa danh của người bản địa cơ bản đều mang “tính có lí do”, nghĩa là “đều sử dụng những từ ngữ mang ý nghĩa phản ánh hiện thực và đều mang đậm dấu ấn văn hóa tộc người”[25 tr.124]. Hàng loạt địa danh ở Dak Lăk, nơi tộc người Êđê cư trú tập trung đã nói lên điều đó. Với người Êđê, thế giới tự nhiên đều có linh hồn, thần linh, tạo nên một không gian huyền ảo bao quanh con người, cùng với quan niệm về “điềm mộng”, “kiêng kỵ” tạo nên một phong cách tư duy riêng của con người ở đây, đó là tư duy “hiện thực huyền ảo”. Quan niệm về *yang* phản ánh một thực tế rằng, trong tư duy của con người nơi đây

không có một cái gì trong thế giới tự nhiên này là vô tri, vô giác. Mọi hiện tượng tự nhiên, đất đai, sông núi, cỏ cây và các đồ vật do con người tạo ra đều có *yang* - thần (thần núi - *yang cũ (chư)*; thần sông - *yang không*; thần nước - *yang êa*, thần chiêng - *yang cing (chinh)*, v.v...). Thiên nhiên hùng vĩ làm cho con người trở nên nhỏ bé. Con người cảm thấy choáng ngợp trước sức mạnh của tự nhiên, và quan điểm “đa thần”, quan niệm “vạn vật hữu linh” xuất hiện trên cơ sở tâm lý đó. Những tập quán, thói quen, những nét văn hóa đặc thù của dân tộc trong một môi trường khép kín kéo dài hàng trăm, hàng nghìn năm đã tạo nên bản sắc văn hóa đậm nét của tộc người này. Quan điểm trên đây đã chi phối tất cả mọi phương diện của đời sống xã hội, trong đó có văn hóa định danh. Từ quan điểm đó, việc tránh lấy tên các đối tượng địa lí tự nhiên để đặt tên riêng cho người trong xã hội Êđê truyền thống đã trở thành ý thức một cách triệt để, nhất quán: *địa danh là cõi của thần, lấy tên của thần để định danh là để dễ bề nhận diện, còn tên người thì không được như vậy*. Và vì thế, nếu như khi định danh cho các đối tượng địa lí, người Êđê quan tâm đến giá trị ngữ nghĩa của các yếu tố từ ngữ sử dụng làm tên gọi thì ở tên riêng chỉ người, tộc người này lại có xu hướng ngược lại. Tên riêng người Êđê thường rất ít phản ánh hiện thực, nghĩa là rất ít mang nghĩa (nghĩa từ vựng). Những tên gọi đồng âm với các yếu tố từ ngữ mang nghĩa từ vựng thì thường gắn với tên các sự vật, đồ vật, hiện tượng gần gũi với đời sống sinh hoạt hàng ngày. Sinh ra, lớn lên giữa đại ngàn, khi từ già cõi đời cũng nằm lại giữa bao la rừng núi nên trong quan niệm về thần linh của người Êđê thì con người sinh ra từ cây, khi chết đi họ cũng nhập xác và hồn vào bên trong thân cây. Họ còn cho rằng, không chỉ con người được sinh ra từ cây, mà ngay các vị thần linh cũng thế. Cây có một vị trí vô cùng quan trọng trong tâm thức tộc người này. Trước khi đốn cây, họ có những nghi thức trang trọng để xin phép thần linh của cây đó. Bởi vậy, người Êđê có ý thức rất rõ điều này trong việc định danh cho các sinh linh bé nhỏ của mình khi chào đời. Trường hợp tên cá nhân trùng với tên một vài loài cây cỏ là rất hi hữu và rất đặc biệt, được định danh với những con người đặc biệt, trong những hoàn cảnh đặc biệt. Ví dụ: Y Jüt Hwing (jüt - cây

trúc). Những con sông, con suối, ngọn núi, đầm hồ, đường phố,... trùng với tên người chỉ xảy ra trong trường hợp ngược lại, đó là chủ thể định danh đã lấy tên người để đặt tên cho các đối tượng địa lí. Chúng thường xảy ra trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, đây là sự minh chứng về “tính có lí do” cho một số địa danh mang tên người đã được tác giả dân gian lí giải qua các truyện cổ cũng như các tác phẩm *khan* của người Êđê (như đã đề cập ở trên). Theo chúng tôi, đây là tên gọi được tác giả dân gian xây dựng mang tính ước lệ trong nghệ thuật. Nhân vật trong *khan* của người Êđê đều mang ý nghĩa biểu trưng. Các nhân vật *chính diện* đều được định danh với ý thức thâm mĩ cao, và họ cũng rất *gần gũi* với thần linh, thậm chí họ đã mang *phẩm chất* của thần linh.

Thứ hai, lấy tên người để định danh cho các đối tượng địa lí khi con người có một vai trò lịch sử có quan hệ gắn bó với đối tượng địa lí đó. Trường hợp này hầu hết xuất hiện sau năm 1975 (chủ yếu là lấy tên của các danh nhân lịch sử, văn hóa trong đó có người Êđê để đặt tên cho một số đường phố cũng như các đối tượng khác trên địa bàn) và chúng chỉ ra đời dưới các tác nhân “ngoài bản địa”.

3.1.3.2. Trình độ phát triển xã hội với vấn đề ý nghĩa của tên riêng người Êđê

Trình độ phát triển xã hội cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề ý nghĩa của tên riêng được định danh theo cách truyền thống của người Êđê. Từ khi thành lập Tỉnh, đặc biệt là giai đoạn trước 1945 dưới chế độ cũ, cách thức canh tác lạc hậu cùng với đó là những quan hệ xã hội truyền thống của các tộc người bản địa ở Dak Lăk được duy trì trong một thời gian dài. Nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy không cho phép đạt tới trình độ phát triển cao hơn. Các tộc người thiểu số ở đây (tiêu biểu là Êđê và Mnông) đã được nhiều học giả phương Tây gọi là các dân tộc mẫu hệ. Nơi đây, những tàn tích của các quan hệ thị tộc mẫu hệ còn khá rõ nét. Có thể nói một cách tổng quát là giai đoạn phát triển tộc người của các cư dân bản địa ở đây trước Cách mạng Tháng Tám là "giai đoạn tan rã của các quan hệ công xã nguyên thủy và sự phát triển các quan hệ công xã nông thôn"[28]. Về văn hóa - tộc người, trước những năm 20 của thế kỷ XX, toàn bộ xã hội Êđê được tổ chức thành

buôn, là những đại gia đình mẫu hệ. Đất đai và những nguồn lợi khác trên đất đai đó đều thuộc quyền sở hữu tập thể của buôn. Từ chinh phục thiên nhiên, săn bắt, sản xuất, sinh hoạt đều được tổ chức theo tập thể mà chủ yếu là theo đại gia đình trong nhà dài dưới sự quản lí của ana gổ. Buôn là một tổ chức gần như khép kín, vừa là đơn vị cư trú vừa là đơn vị tự quản duy nhất. Mọi quan hệ tiếp xúc với bên ngoài bị biệt lập kéo dài làm cho văn hóa, nhận thức của các thành viên cộng đồng bị giới hạn trong một không gian chật hẹp. Bởi vậy, từ góc độ văn hóa định danh ta thấy, hầu như người Êđê ít có các hình thức tên gọi có sự tác động của văn hóa và tôn giáo ngoại lai. Tên riêng chỉ người của họ ít có quan hệ với những lớp từ ngữ mang ý nghĩa từ vựng gắn với những ý tưởng, khát vọng mang tính “triết luận” như trong văn hóa định danh của đa số người Việt.

3.2. Nguồn gốc tên riêng và sự phát triển lớp từ ngữ tên họ của người Êđê

3.2.1. Một số vấn đề về nguồn gốc tên riêng của người Êđê

Như đã nói ở chương 2, tên riêng chỉ người là một kết cấu bao gồm tên họ, tên đệm và tên cá nhân. Việc tìm hiểu nguồn gốc tên riêng người Êđê chính là tìm hiểu nguồn gốc của toàn bộ kết cấu đó. Về sự ra đời của tên đệm, tên cá nhân đã được luận án làm rõ ở mục phương thức định danh (phương thức tạo mới) và ở nội dung về tâm lí định danh và tâm lí biểu nghĩa trong tên riêng của người Êđê. Có thể điềm qua vài nét sau đây:

Tên đệm trong tên riêng người Êđê được hình thành trong tiến trình lịch sử và được tộc người này lấy các yếu tố từ ngữ thể hiện mang tính biểu trưng về giới tính ($H' \rightarrow$ giới tính nữ; $Y \rightarrow$ giới tính nam). Những nét tương đồng về danh tố đệm trong tên riêng chỉ người các dân tộc bản địa Tây Nguyên sẽ được chúng tôi trình bày cụ thể trong mục 4.2.4.2. của luận án. Như vậy, có thể nói rằng, nguồn gốc tên đệm trong tên riêng người Êđê chính là dấu tích của chế độ thị tộc bộ lạc.

Trước hiện thực cuộc sống vô cùng đa dạng và phong phú, người Êđê cũng như bao tộc người khác phải tìm những kí hiệu trong ngôn ngữ của mình để cấp cho các đối tượng những tên gọi thích ứng. Với cá nhân mỗi người cần có một tên gọi riêng để phân biệt người này với người khác, đặc biệt là trong một xã hội thị tộc,

chưa hình thành các dòng họ. Như vậy, cùng với tên đệm, tên cá nhân trong tên riêng người Êđê là danh tố ra đời sớm hơn danh tố họ. Chức năng của danh tố này là cá thể hóa đối tượng thông qua tên gọi. Sự ra đời của tên cá nhân là hệ quả của nhu cầu giao tiếp và tâm lí tộc người. Vấn đề được thể hiện rõ trong thực tiễn các hình thức tên gọi của người Êđê và trong “Nghị lễ truyền thống đặt tên người” của tộc người này được trình bày cụ thể ở phần phụ lục của luận án.

3.2.2. Vấn đề nguồn gốc và sự phát triển lớp từ ngữ tên họ của người Êđê

Tên họ có một vị trí đặc biệt trong cấu trúc tên riêng người Êđê bởi quá trình hình thành và phát triển dòng họ cũng chính là quá trình phát triển văn hóa tộc người trong bối cảnh một xã hội mẫu hệ với những tác động của yếu tố lịch sử và văn hóa đặc thù. Bởi vậy, trong mục này, chúng tôi chủ yếu tìm hiểu những nét đặc trưng về quá trình hình thành, phát triển tên họ của người Êđê.

Cho đến nay, vẫn chưa có tài liệu nào nói về nguồn gốc tên họ tại Việt Nam một cách đầy đủ và thuyết phục. Vấn đề người Việt có tên họ từ bao giờ và có xuất xứ từ đâu; những tên họ nào xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam; mối quan hệ giữa các tên họ, đặc biệt là quan hệ giữa tên họ của người Việt với tên họ các tộc người thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam... đang là những vấn đề cần được bàn thêm. “Theo các nhà tính danh học, tên họ xuất hiện đồng thời với sự ra đời của chế độ phụ hệ. Các tác giả đều cho rằng, khi xã hội Việt Nam chịu sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và có những cuộc hôn nhân dị chủng Hán - Việt, thì lúc đó mới chính thức có tên họ và các tên họ này đều giống với tên họ Trung Hoa. Và nếu như vậy, sớm nhất Việt Nam có tên họ vào khoảng đầu công nguyên”[103, tr.4]. Theo chúng tôi, số liệu về tên họ của người Việt cũng như các dân tộc khác ở Việt Nam mà chúng ta biết được qua công bố của các tác giả như “Nguyễn Bạt Tụy (308 họ), Bình Nguyên Lộc (147 họ), Dã Lan (300 họ), Vũ Hiệp (150 họ), Nguyễn Đình Hòa (300 họ), Hà Mai Phương (351 họ)” (dẫn theo Nguyễn Long Thao [103] tr.4); “Nguyễn Toại (300 họ)” (Dẫn theo Phạm Tất Thắng [108] tr.52) và các tác giả khác như Nguyễn Ngọc Huy [52, tr.124], Nguyễn Khôi [58, tr.16], Lê Trung Hoa [43, tr.40] cho đến nay có lẽ

cũng chưa có cơ sở để chứng minh về tính đầy đủ của nó. Một số dân tộc ít người ở Việt Nam, do không hoặc ít chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, đến giữa thế kỷ XX vẫn chưa có tên họ. Ở thời điểm hiện tại, không ít tộc người được coi là bản địa ở Tây Nguyên và tộc người thiểu số cư trú dọc Trường Sơn vẫn chưa có một thuật ngữ riêng để chỉ dòng họ hoặc có nhưng chỉ ở một vài nhóm tộc người hoặc rất mờ nhạt. Một vài nhóm của dân tộc Tà Ôi ở Quảng Trị như Pa Cô cũng có tình hình trên, và đến những năm 1957-1960, người Pa Cô đã đồng nhất lấy họ *Hồ* đặt cho dòng tộc mình. “Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Trung Hoa là quốc gia sớm có hệ thống tên họ theo lối phụ hệ so với các quốc gia khác trên thế giới. Tên họ ở Việt Nam xuất phát từ hai nguồn chính: *một là* các tên họ Trung Hoa do những quan lại, binh lính, quý tộc, thương gia, nho sĩ,...người Trung Hoa đã sang nước ta. Họ và gia thuộc đã ở lại, kết hôn với người Việt và biến thành người bản xứ. Chính những lớp người này đã đem đến đa số họ mà người Việt Nam có hiện nay.”[52, tr.8]; *hai là* “một số các tên họ do người Việt Nam tự đặt. Các tên họ được ra đời theo hình thức này chủ yếu được vua chúa Việt Nam ban cho cư dân những vùng sống biệt lập, ít chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa và các sắc dân thiểu số trong thời gian gần đây (vào thời nhà Lê và đặc biệt vào thời kỳ nhà Nguyễn)”[52, tr.9]. Một số tên họ được triều đình phong kiến thay đổi cho phù hợp với tình hình chính trị, chủ yếu ở một số vùng đất mới được mở mang sau này [43, tr.2-4].

Các nhà nhân học theo trường phái tiến hóa thế kỷ XIX đã phác ra một lược đồ phát triển xã hội loài người từ thấp đến cao, theo đó xã hội đầu tiên của lịch sử loài người là xã hội mẫu quyền, và xã hội mẫu hệ là dấu vết của xã hội mẫu quyền. Ăngghen quan niệm “chế độ mẫu hệ là chỉ huyết tộc về phía mẹ, những người cùng họ hàng trong cùng một thị tộc mới được kế thừa và tài sản được trao cho những người cùng huyết tộc với người mẹ. Người đàn ông chết đi, con cái của họ lại không thuộc về thị tộc của người đó, mà thuộc về thị tộc của mẹ”[3, tr.79]. Theo *Bách khoa toàn thư về nhân học xã hội và văn hóa* (1996) thì “Mẫu quyền là chỉ tới sự thống trị của các thành viên nữ trong xã hội và mẫu hệ là cách tính dòng dõi về phía mẹ”(dẫn theo [75] tr.22).

Êđê cũng như nhiều tộc người khác, ban đầu chưa có tên họ. Thông thường, chỉ có tên cá nhân và một yếu tố để phân biệt giới tính. Như nhiều dân tộc trên thế giới, họ của người Êđê hình thành từ sự phân rã các bộ tộc. Ở thời kỳ hiện đại, họ của người Êđê có liên quan mật thiết với họ của người J'rai do quá trình gắn bó mật thiết lâu đời của hai dân tộc này như: Niê (Nai, Nay), Buôn Yă, (Kpă), Mlô (R'ô), Êban (Rahlan, Rbăm), Êcăm (Rcăm, Rcom), Kbuôr (Puih, Kpuih, Kbor), Adrong (Ajrong) Ksor (Ksor). Ngày nay, người Êđê đã có rất nhiều họ. Từ hai dòng họ gốc (hệ dòng) là Niê và Mlô, phát triển thành nhiều dòng họ, chi họ (các nhánh họ) khác nhau.

Theo Anne Hautesclocque - Howe [38] “Người Êđê xưa có 2 bào tộc, sau đó phân ra các thị tộc, rồi các thị tộc con”. Hai bào tộc (kpă và Adham) là khởi đầu cho hai hệ dòng Niê và Mlô (kpă - Niê và Adham - Mlô). Theo các nhà dân tộc học, Niê và Mlô vốn là hai dòng họ lớn (họ gốc) và chủ yếu của người Êđê thời xưa vốn xuất phát từ hai nhánh lớn nhất: Mlô từ Adham, và Niê từ Kpă. Trần Quốc Vượng lí giải vấn đề này như sau: “Tộc người Êđê cũng như nhiều tộc người khác đều theo một cấu trúc xã hội đã xuất hiện từ khi có loài người - nghĩa là rất xưa, rất cổ truyền - gọi là cấu trúc đôi (structure binaire) hay là “hai nửa của một”. Thực tế phức tạp hơn nhiều, nhưng nhìn chung tộc người Êđê có hai nửa riêng của một riêng (chung) là: ngành Kpă (còn gọi là Niê); ngành Adham (còn gọi là Mlô). Tất nhiên, theo sự diễn hóa của lịch sử, hai nửa gốc của một Êđê lại phân lập - phân hóa thành nhiều chi họ hơn nữa”[141, tr.298-299]. Như vậy, theo Anne Hautesclocque - Howe và Trần Quốc Vượng thì với người Êđê xưa, dòng họ ban đầu cũng chính là nhóm (nhánh, ngành) tộc người.

Người Êđê gọi *họ* là *djuê* (theo tiếng Êđê Kpă). Trước đây, khi chỉ tất cả những người cùng dòng họ gọi là *găp djuê ênuê êpul*, trong đó, *djuê* là khái niệm dùng để chỉ những người cùng huyết thống (cùng họ); *ênuê* (hoặc *nuê*) có nghĩa là *nòi giống*, tương tự như *nuai* (tiếng J'rai), *noi* (tiếng Bahnar); *êpul* là một từ cổ, xưa kia được dùng để chỉ những người cùng một tổ tiên, cùng một huyết thống và cũng là “một khái niệm chỉ đơn vị ngoại hôn của dòng họ”[72, tr.43]. Hiện nay, *êpul* được dùng để chỉ số đông (bầy, đàn, nhóm, tốp, đám, bọn,...), còn *găp* theo nghĩa đen là *bạn* hoặc *mái* (nhà), khi đứng trước *djuê* (găp djuê) trở thành một khái niệm chỉ gia đình, bà con, họ hàng, dòng họ. Ngày nay, người Êđê khi nói đến việc đặt

theo họ mẹ (mẫu hệ), gọi là *mã djuê amĩ* hoặc dùng *gấp djuê* để chỉ khái niệm *dòng họ*. Theo quan niệm truyền thống của người Êđê, *djuê* bao gồm những người thân thuộc theo huyết thống dòng mẹ, kể cả trực hệ và bàng hệ gần xa mà những người đó nếu có quan hệ hôn nhân sẽ phạm tội loạn luân (agam) và bị xử phạt theo luật tục. Những trường hợp quan hệ hôn nhân giữa anh chị em trực hệ hoặc anh chị em bàng hệ cùng một bà tổ (aduôn) tức những người cùng một *djuê* nhỏ - thế hệ thứ ba trở lại, bị phạt rất nặng. Trường hợp quan hệ hôn nhân giữa những người cùng một hệ dòng nhưng bàng hệ thân đẳng xa hơn bị tội nhẹ hơn, và hình thức hôn nhân này ngày nay hoàn toàn được chấp nhận, thậm chí rất phổ biến. Trong tiến trình lịch sử, các họ của người Êđê ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ phát triển rất nhiều với những hình thức khác nhau, trong đó có những dòng họ lại được chia thành các *chi*, rồi các *phân chi* nhỏ. Quá trình này diễn ra trong một thời gian dài và chỉ dừng lại khi không còn những nguyên nhân phát sinh, mà chủ yếu là tình trạng du cư và chiến tranh xung đột thôn tính lẫn nhau giữa các tộc người. Lúc này chỉ còn hiện tượng phân chia khi các bộ phận của dòng họ nào đó được phát triển quá đông.

Theo truyền thuyết của người Êđê [4], các dòng họ ra đời từ hang Adrêñ (chi tiết truyền thuyết và các dị bản được trình bày ở phụ lục của luận án). Các nhà dân tộc học thì nhất trí cho rằng, các dòng họ của tộc người này đều xuất phát từ hai dòng họ gốc (*djuê ana phũn*) là *Niê* và *Mlô*. Từ hai họ gốc (hay hệ dòng), dòng tộc Êđê được phân thành các dòng, chi nhỏ và được truyền lại thế hệ này sang thế hệ khác. Cho đến nay các dòng họ, chi họ về cơ bản đều nhận ra dòng họ gốc của mình. Việc xác định mình thuộc họ gốc nào (*djuê ana phũn Mlô* hay *djuê ana phũn Niê*) thông qua việc truyền lại từ các thế hệ trước đến thế hệ sau. Giữa các dòng họ có sự phân biệt về những đặc điểm cư trú, những tập quán trong sinh hoạt hay những huyền thoại riêng về nguồn gốc. Ở mỗi nhóm địa phương Êđê, sự phân bố các dòng họ không đều và không giống nhau. Có một số dòng họ lớn, dân số đông (*Niê Kđăm*, *Mlô Duôn Du*, *Adrông*, *Êban*,...) có mặt ở hầu hết các nhóm địa phương, nhưng cũng có những dòng họ cá biệt chỉ thấy ở nhóm này hay nhóm khác. Từ thực tiễn tồn tại cũng như qua khảo sát và trực tiếp phỏng vấn có thể thấy sự hình thành, phát triển dòng họ của người Êđê rất đa dạng và phức tạp. Trước hết có

thể nói đến nguyên nhân về kinh tế. Do tập quán du canh hoặc mở rộng thêm diện tích phù hợp với sự tăng thêm dân số, việc tách ra một bộ phận của dòng tộc để tìm đến nơi cư trú và canh tác mới có khi tách biệt với cộng đồng huyết thống cũ đã dần trở thành một nhánh hay thậm chí là một dòng họ mới. Chính người đầu tiên có công khai sáng vùng đất mới lập nên buôn làng không những được tôn vinh làm pơ pin êa (chủ bến nước) mà bà ta còn là bà tổ của một nhóm địa phương mới và một dòng họ mới. Việc tách khỏi cộng đồng cũ ra sinh sống riêng ở nơi khác để hình thành những họ mới có hai xu hướng: hoặc vẫn giữ tên họ gốc ở đầu cộng thêm tên họ mới (thường là lấy tên nơi cư trú mới). Ví dụ, Niê Buôn Đạp (họ Niê, nhánh ở Buôn Đạp); Niê Buôn Rit (họ Niê, nhánh ở Buôn Rit); Niê Ktla (họ Niê, nhánh ở Buôn Ktla); Niê Buôn Kriêng (họ Niê, nhánh ở Buôn Kriêng),... hoặc đổi hẳn tên họ thành tên một họ mới. Mỗi quan hệ tộc người bằng con đường hôn nhân giữa các nhóm trong cộng đồng người Êđê và người Êđê với các tộc người khác cũng là một trong những tác nhân quan trọng trong việc hình thành các dòng họ mới. Đây là nguyên nhân diễn ra khá phổ biến đối với các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên nói chung. Chẳng hạn, Buôn Ma Thuật xưa kia là nơi cư trú chủ yếu của người Êđê Kpă trong khi Buôn Hồ, xưa kia là nơi cư trú chủ yếu của người Êđê Adham, thì ngày nay tại vùng quanh Buôn Ma Thuật có một tỷ lệ khá lớn người Êđê gốc Adham (do di chuyển từ Buôn Hồ đến) đã được Kpă hóa. Theo nhiều bà con nơi đây thì cho đến nay, họ vẫn còn nhớ gốc gác tổ tiên của mình (Adham). Một số người còn duy trì cả quan hệ dòng họ với bà con ở nơi cư trú trước đây. Ở phía bắc và đông bắc tỉnh Dak Lăk (vùng Êa H'leo, Krông Năng và M'Drăk ngày nay), là nơi cư trú của nhiều dòng họ thuộc các nhóm địa phương khác nhau, trong đó có cả người J'rai. Theo nhà dân tộc học Vũ Lợi “đây chính là điều kiện dẫn đến quá trình hòa hợp tộc người thông qua hôn nhân giữa người Êđê và người J'rai, hình thành một nhóm địa phương mang đặc tính trung gian giữa hai tộc người này là nhóm Mdhur”[70, tr.46]. Nhóm này có thành phần dòng họ giống cả hai tộc người (Êđê và J'rai), như: Niê (Nay), Ksor (Ksor), Kpă, Alê, Rmô. Cũng theo Vũ Lợi [70], “ở phía nam Dak Lăk cũng diễn ra quan hệ hòa hợp tộc người thông qua hôn nhân giữa người Êđê và người Mnông, hình thành một nhóm địa phương mới là nhóm người

Bih”, và tình hình cũng diễn ra tương tự như trường hợp người Êđê với người J'rai. Các cuộc chiến tranh thôn tính lẫn nhau giữa các bộ tộc trên địa bàn và giữa các buôn làng nội bộ người Êđê đã tạo nên những diễn biến có tính lịch sử phức tạp của địa bàn cư trú, làm xáo trộn cuộc sống của cư dân bộ tộc này trên địa bàn, trong đó có vấn đề dòng họ. Phần lớn các cư dân bị cuốn vào các cuộc xung đột này. Hầu hết những người bên phía chiến bại sẽ phải trở thành nô lệ hoặc dân lệ cho những kẻ chiến thắng, và họ sẽ phải thay đổi hoặc mất đi tên họ của mình. Một số ít không bị cuốn vào những cuộc chiến thường phải phiêu bạt, lánh nạn đến một vùng xa xôi, cách biệt hẳn với cộng đồng huyết thống và nơi cư trú cũ. Tại đây, họ phải thay đổi tên dòng họ, thậm chí phải từ bỏ ngay cả cái bản sắc vốn có của nhóm địa phương mình để gia nhập vào một cộng đồng khác nơi mình đến cư trú. Có không ít trường hợp, chính bộ phận dòng họ sau khi đã tách ra sống ở một vùng khác hoàn toàn biệt lập với dòng họ và nhóm địa phương gốc, dần hình thành không những dòng họ mới mà còn hình thành cả nhóm địa phương khác, độc lập với nhóm địa phương cũ.

Từ những vấn đề trên, có thể thấy rõ một đặc điểm nổi bật trong kết cấu dòng họ của người Êđê là rất khó liên kết hệ thống. Sự phát triển tuy phức tạp của các dòng họ cũng đã hé lộ một điều hết sức đơn giản rằng, một bà tổ của một nhánh, một chi, một phân chi, thậm chí một gia đình khi có điều kiện (chủ động hay cưỡng bức; tự nhiên hay lịch sử - xã hội), trong điều kiện sống cách biệt với cộng đồng huyết thống cũ đều có thể hình thành một dòng họ mới. Phần lớn các dòng họ mới tách ra đều mang tên bà chủ hoặc địa danh (buôn) do bà chủ đó lập ra, cùng với đó - mặc dù không nhiều, nhưng có thể là tên một số đối tượng trong tự nhiên nơi họ di trú đến đầu tiên được lấy làm tên họ mới. Đến nay, số dòng họ của người Êđê đã phát triển lên một mức độ khá nhiều mà theo không ít người Êđê cho rằng không mấy ai trong tộc người của họ có thể biết được một cách đầy đủ và chính xác. Theo Nguyễn Khôi [58] và *Bách khoa thư*, người Êđê có một số họ, như: Adrâng, Ayũn, Ayũn C, Ayũn Tul, HWinng Atul, Atul Buôn Yă, Buôn Krông, Duôt, Êban, Êban Rah Lan, Êman, Êmo, Ênuôl, Hđok, Hdrue, Hmok, Hwing, Jdrong, Ktub, Kbuôr, Knul, Kpă, Kpor, Ksor, Ktla, Ktul, Mjao, Mlô, Mlô Duon Du, Mlô Hut, Mlô Ksei, Niê Blô, Niê Buôn Đạp, Niê Buôn Rit, Niê Chăm, Niê Mkriêk, Niê Mla, Niê Mlô,

Niê Siêng, Niê Sor, Niê Sok, Niê To, Niê Trang,...

Theo khảo sát của chúng tôi (rất có thể chưa đầy đủ), hiện người Êđê có trên 20 dòng họ và phát triển thành 102 tên họ khác nhau (bao gồm tên hệ dòng, tên dòng họ, tên chi họ). Phần lớn các dòng họ hoặc các chi họ này đều thuộc về một trong hai hệ dòng Niê hoặc Mlô mà người Êđê gọi là *sa djuê ana mbit* - nghĩa là cùng một họ gốc, họ cái (trừ các trường hợp được “du nhập” từ các dòng họ của các tộc người khác theo những con đường khác nhau, chủ yếu là hôn nhân giữa các tộc người trên địa bàn). Có thể hình dung, từ hai hệ dòng (Niê và Mlô), qua tiến trình, người Êđê ở Tây Nguyên đã hình thành ít nhất ba tầng họ khác nhau. “Có lẽ trong buổi bình minh lịch sử, toàn bộ tộc người Êđê là một cộng đồng bộ lạc gồm hai thị tộc Niê và Mlô. Từ hai thị tộc gốc đó sinh ra các thị tộc khác. Phải chăng, Niê và Mlô chính là tàn dư của tổ chức bào tộc thời xa xưa ở người Êđê?” [120, tr.11].

3.3. Tiểu kết

Từ việc xác định, tên riêng là một đơn vị định danh trên cơ sở kết hợp từ một số các đơn vị có chức năng định danh được bao hàm, có thể khẳng định tên riêng người Êđê là một đơn vị có nghĩa. Cũng như từ chung, nghĩa và ý nghĩa của tổ hợp tên riêng được tạo nên từ nghĩa của từng yếu tố cấu tạo nên nó. Do chức năng chủ yếu của tên riêng là gọi tên và phân biệt nên ý nghĩa của tên riêng nói chung, tên riêng người Êđê nói riêng không giống với nghĩa của các từ đồng âm với chúng. Nghĩa của tên riêng không hề liên quan đến khái niệm, bởi tên riêng không phản ánh sự vật, hiện tượng; không chỉ ra tính chất, hành động,... của các đối tượng như trong từ. Bởi vậy, tên riêng không mang nghĩa biểu niệm, biểu thái như từ. Về cơ bản, các tên riêng đều ra đời từ tên chung, vì vậy ý nghĩa biểu đạt của tên riêng được xác định trên cơ sở của sự liên tưởng đối với hiện thực thông qua các từ đồng âm với chúng. Nói cách khác, ý nghĩa của các yếu tố cũng như toàn bộ tổ hợp tên riêng được xác định ở tính “có lí do” hoặc tính “duyên có” khi nó được dùng để gọi tên một đối tượng. Ở tư cách tên riêng, nghĩa của từ đã được chuyển đổi sang một “diện mạo” mới, theo chủ quan của chủ thể định danh. Theo quan điểm của luận án, ý nghĩa của tên riêng nói chung hay tên riêng chỉ người cũng như của các danh tố trong tổ hợp định danh được xác định trên cơ sở mối quan hệ giữa tên gọi với đối tượng được gọi tên. Như vậy, “nếu so sánh với ý nghĩa từ

vựng của các từ mà tên riêng sử dụng làm kí hiệu cho tên gọi, thì ý nghĩa của tên riêng thường mang tính chất biểu trưng hoặc có giá trị biểu trưng”[108, tr.81]. Có thể gọi tính “có lí do” hay tính “duyên cớ” trong cách đặt tên riêng của người như đã nói ở trên là “ý nghĩa hàm chỉ”. Nói cách khác, tên riêng nói chung, tên riêng người Êđê nói riêng có ý nghĩa hàm chỉ. Trên cơ sở mối liên hệ giữa nghĩa của từ và ý nghĩa hàm chỉ trong tên riêng, có thể phân loại ý nghĩa của tên riêng người Êđê thành từng nhóm có sự đồng nhất với nhau về nghĩa. Theo đó, sẽ có các nhóm từ mang ý nghĩa hàm chỉ như: ý nghĩa hàm chỉ sự vật, sự việc; ý nghĩa hàm chỉ các hiện tượng, tính chất của tự nhiên, trạng thái của con người; ý nghĩa hàm chỉ về các hành động của đối tượng,...

Dựa vào các đặc điểm từ vựng - ngữ nghĩa - ngữ pháp của các từ, có thể phân loại ý nghĩa hàm chỉ tên riêng chỉ người thành các nhóm theo đặc điểm từ loại. Có thể thấy rằng, so với từ chung, các yếu tố cấu tạo tên riêng chỉ người có tính linh hoạt trong việc biến đổi từ loại của từ. Sự chuyển hóa chức năng của một từ trong từ chung vào việc thực hiện nhiệm vụ gọi tên trong tên riêng có thể kéo theo sự chuyển loại của các từ loại khác (động từ, tính từ, số từ,...) thành một danh từ với chức năng định danh, mặc dù nghĩa của các từ đó có thể thay đổi hoặc giữ nguyên. Vì vậy, cho dù được cấu tạo bằng các yếu tố giống nhau nhưng ý nghĩa phản ánh của các yếu tố trong tên riêng có sự khác biệt so với ý nghĩa phản ánh của từ chung.

Cũng như lịch sử tên riêng (chính danh) người Việt (đặc biệt là tên họ), tên riêng người Êđê được hình thành bởi tác động của nhiều yếu tố lịch sử và văn hóa tộc người của chính dân tộc Êđê cũng như các dân tộc bản địa khác trên địa bàn. Tuy nhiên, với tiến trình lịch sử riêng, sự ra đời của tên riêng người Êđê cùng các yếu tố của nó cũng mang những nét đặc trưng, đặc biệt là sự hình thành và phát triển các lớp từ ngữ chỉ tên dòng họ. Thực tế có thể thấy, kho từ vựng của người Êđê gần đây phát triển với một tốc độ nhanh và hiện tại nó đã trở nên giàu có, đa dạng và phong phú do sự tiếp xúc văn hóa. Mặc dù vậy, do sự ảnh hưởng của quan điểm tôn giáo và các quan niệm truyền thống của tộc người này trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên mà các lớp từ ngữ trong tên riêng người Êđê ít có quan hệ về những nội dung phản ánh hiện thực. Nghĩa là, các từ ngữ trong tên riêng người Êđê ít có hiện tượng đồng âm với các từ chung.

Chương 4

ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ - VĂN HÓA CỦA TÊN RIÊNG NGƯỜI ÊĐÊ

4.1. Một số vấn đề về ngôn ngữ - văn hóa

4.1.1. Nhận thức về khái niệm văn hóa

Văn hóa là sản phẩm được con người sáng tạo ra từ buổi bình minh của xã hội loài người. Tuy vậy, việc xác định và sử dụng khái niệm này thực sự không đơn giản. Văn hóa được hiểu theo nhiều góc độ, nhiều ý nghĩa khác nhau. Theo Nguyễn Từ Chi, “từ 1952, hai nhà khoa học Mĩ là A.L. Krocher và C.L. Kluckhohn đã trích lục được trên dưới ba trăm định nghĩa, mà các tác giả khác nhau của nhiều nước từng phát ra từ trước nữa cho đến lúc bấy giờ”[14, tr.553]. Ông cũng cho rằng “Văn hóa không tự hạn chế vào một số biểu hiện của cuộc sống tinh thần. Nó là toàn bộ cuộc sống - cả vật chất, xã hội, tinh thần - của từng cộng đồng”[14, tr. 554].

Với các nhóm khái quát về nội hàm của văn hóa, *Từ điển tiếng Việt* cho rằng “Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử”[79, tr.1062]. Theo Phạm Đức Dương; “Văn hóa là tất cả những gì do con người sáng tạo ra (khu biệt với cái tự nhiên) trong quá trình ứng xử với tự nhiên và xã hội”[26, tr.15]. Theo cách nhìn của Phan Ngọc thì “Văn hóa là một quan hệ. Nó là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng và thế giới thực tại” [74, tr.105]. Trên cơ sở phân tích, đánh giá những biểu hiện về nội dung và giá trị của văn hóa, Trần Ngọc Thêm xác định “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người và môi trường tự nhiên và xã hội của mình”[117, tr.20]. Jacques Dournes cho rằng “Tất cả những gì không phải là tự nhiên, thì là văn hóa (...), văn hóa là cái tự nhiên đã mang tính người”[22, tr. 29].

Căn cứ vào sự tồn tại các dạng thức của văn hóa, UNESCO phân chia các di sản văn hóa thành hai loại. *Thứ nhất*, những di sản văn hóa vật thể, gồm các di sản tồn tại ở dạng vật chất như: hang động, vật thể địa chất, vịnh, đền, miếu, lăng mộ... *Thứ hai*, những di sản văn hóa phi vật thể gồm các biểu hiện tượng trưng của văn

hóa ở dạng tinh thần, được lưu truyền qua thời gian với một số quá trình tái tạo kế tiếp nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác. Di sản phi vật thể bao gồm truyền thống, âm nhạc, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, dấu ấn ngôn ngữ... Hai loại di sản này gắn bó hữu cơ với nhau, tồn tại trong nhau, góp phần biểu hiện, bổ sung ý nghĩa cho nhau. Nhìn chung các nhà nghiên cứu đều đã thống nhất khi cùng xem văn hóa là một phức thể tổng hợp gồm cả sản phẩm vật chất và tinh thần trải qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, chủ yếu do con người sáng tạo ra trong quá trình hoạt động thực tiễn. Chúng tôi cho rằng *Văn hóa là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra phù hợp với nhận thức và tiêu chuẩn thẩm mỹ chung, mang đặc trưng của một cộng đồng nhất định và tích lũy qua quá trình thực tiễn, được lưu truyền qua thời gian.*

Trong nội hàm của văn hóa mà các định nghĩa đã đi đến sự thống nhất như trên, có các yếu tố liên quan đến nội dung nghiên cứu tên riêng người Êđê. Đó là tất cả các yếu tố thuộc di sản văn hóa phi vật thể như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, nghi lễ,... và phần nào được biểu hiện thông qua di sản vật chất (kiến trúc, vật dụng sinh hoạt). Các yếu tố này xuất hiện khá rõ nét trong tên riêng và chi phối tâm lí định danh của người Êđê. Chính các yếu tố này sẽ mang lại nét đặc trưng khi tên riêng người Êđê được nghiên cứu theo hướng tiếp cận ngôn ngữ - văn hóa.

4.1.2. Về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

Có thể khái quát rằng, giữa ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ gắn bó với nhau. Tất cả những biểu hiện của văn hóa đều được thể hiện qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ phản ánh những thuộc tính, bản chất và sự tồn tại của văn hóa.

Theo Đỗ Việt Hùng, “ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn hóa được nhìn nhận rất khác nhau. Vai trò của ngôn ngữ đối với văn hóa cộng đồng và văn hóa dân tộc cũng được quan niệm rất đa dạng”[51, tr.111]. Theo tác giả, “có ba hướng quan niệm chính: *Thứ nhất*, ngôn ngữ được coi là phương tiện phản ánh văn hóa. *Thứ hai*, ngôn ngữ được coi như là một bộ phận của văn hóa. *Thứ ba*, vai trò của ngôn ngữ được đề cao và được coi là quyết định đối với tư duy, nhận thức của cộng đồng, và theo đó là văn hóa cộng đồng”[51, tr.111-113]. Tác giả cũng cho rằng, “Mối

quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ liên quan chặt chẽ với sự thay đổi cách hiểu về ngôn ngữ. Ngôn ngữ học từ chỗ chối bỏ mọi ảnh hưởng ngoài ngôn ngữ - “ngôn ngữ tự thân nó và phục vụ chính nó” đi đến nhận thức về sự cần thiết phải tính đến các điều kiện ngoài ngôn ngữ như điều kiện tiếp xúc, tâm lí, cảnh huống giao tiếp... thậm chí đặt những điều kiện này vào một “điểm sáng trong nhận thức ngôn ngữ học”[51, tr.117]. Về vấn đề này, Nguyễn Đức Tồn cho rằng “Là một thành tố của của nền văn hóa tinh thần, ngôn ngữ giữ vị trí đặc biệt trong nó. Bởi vì “ngôn ngữ là phương tiện chính để nhận thức và thủ đắc thế giới bên ngoài. Nó cũng đóng vai trò là công cụ giao tiếp cơ bản. Cũng như thế, ngôn ngữ làm cho có thể làm quen với các nền văn hóa khác”[130, tr.44]. Đ.A. Silichep cũng khẳng định “Cùng với chiều kích dân tộc, ngôn ngữ đóng vai trò không kém phần quan trọng trong sự phát triển của văn hóa. Nó cũng gắn bó hữu cơ với văn hóa do tạo thành gần như là cơ sở, nền tảng của văn hóa. Văn hóa dân tộc không tồn tại ngoài ngôn ngữ. Chính vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà thông thường hơn cả chính ngôn ngữ đã đóng vai trò là tiêu chí khi loại hình hóa các nền văn hóa, để phân biệt các nền văn hóa với nhau” (dẫn theo Nguyễn Đức Tồn [130], tr.43). Theo Tạ Văn Thông, “Ngôn ngữ tham gia vào quá trình nhận thức thế giới của con người. Mặt khác, vì các kết quả nhận thức những tri thức được cố định trong ngôn ngữ, nên qua ngôn ngữ có thể hình dung được phần nào cách thức con người nhận thức thế giới và những nhân tố văn hóa xã hội ảnh hưởng tới quá trình nhận thức ấy”[126, tr.20]. Như vậy có thể nói, ngôn ngữ vừa là một bộ phận của văn hóa, vừa là phương tiện của văn hóa, đồng thời được coi là yếu tố đóng vai trò “tiêu chí khi loại hình hóa các nền văn hóa”. Với tư cách là một thành tố của của nền văn hóa tinh thần, ngôn ngữ là một yếu tố có vai trò vô cùng quan trọng. Nó vừa thể hiện ở bề nổi lại vừa biểu hiện ở chiều sâu của các tầng văn hóa. Đồng thời nó còn là địa hạt mà con người qua sự tư duy, giao tiếp, ứng xử của mình đã có thể bộc lộ rõ nét những đặc điểm của văn hóa.

Khuyh hướng nghiên cứu ngôn ngữ dưới góc độ ngôn ngữ - văn hóa hiện đang được nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm. Tuy vậy, “ngôn ngữ - văn hóa” là một

thuật ngữ đang tồn tại với nhiều cách hiểu theo các bình diện rộng hẹp khác nhau. Theo cách hiểu nghĩa ở bình diện hẹp thì ngôn ngữ - văn hóa là ngôn ngữ phản ánh những biểu hiện của văn hóa trong ứng xử, giao tiếp. Theo cách hiểu ở bình diện rộng hơn thì đó là sự phản ánh những yếu tố, những biểu hiện, những đặc điểm của văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong ngôn ngữ, thông qua ngôn ngữ.

Văn hóa không chỉ thể hiện qua cách ứng xử, hiểu biết hoặc qua những vật thể tồn tại, ghi dấu những chứng tích mà còn được biểu hiện trong một số địa hạt có tính chất trừu tượng. Văn hóa của mỗi con người, mỗi địa phương, mỗi dân tộc đều được tiềm ẩn bên trong và được thể hiện ra bên ngoài ở nhiều phương diện văn hóa, mà tiêu biểu là phương diện văn hóa sản xuất và phương diện văn hóa sinh hoạt. Bởi vậy, khi nghiên cứu những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của tên riêng phải quan tâm đến sự thể hiện của các phương diện văn hóa này trong tên riêng nói chung, trong tên riêng chỉ người nói riêng của dân tộc đó như thế nào.

Nghiên cứu tên riêng người Êđê từ cách tiếp cận ngôn ngữ - văn hóa là xem xét tên riêng đã phản ánh những đặc điểm của văn hóa như thế nào và văn hóa được biểu hiện qua tên riêng của người ra sao. Các di sản văn hóa thuộc yếu tố tinh thần, tâm linh như lễ hội, tôn giáo, tín ngưỡng, triết lí, ý niệm, ước vọng và môi trường sống... được thể hiện ở các mức độ, tần số khác nhau trong tên riêng chỉ người. Nghiên cứu những sự biểu hiện của văn hóa trong tên riêng là góp phần làm sáng tỏ thêm bản chất của ngôn ngữ - văn hóa.

Êđê là tộc người bản địa có thời gian cư trú lâu đời trên một địa bàn có nhiều tộc người sinh sống. Sự đa dạng về văn hóa trên địa bàn cùng với sự giao lưu tiếp xúc đã làm nên tính đa dạng và phức tạp về ngôn ngữ và văn hóa định danh. Nghiên cứu tên riêng người Êđê dưới góc độ ngôn ngữ - văn hóa góp phần tạo nên một bức tranh toàn cảnh về sự giao thoa giữa ngôn ngữ với lịch sử, văn hóa - tộc người của một dân tộc được coi là có tính tiêu biểu trên một địa bàn đa sắc tộc, đa ngôn ngữ.

4.2. Đặc trưng văn hóa Êđê thể hiện qua tên riêng chỉ người

Bằng phương pháp định lượng các hình thức tên riêng ở trên, chúng ta đã có thể khái quát được bức tranh tên riêng người Êđê một cách rõ nét. Bức tranh này

vừa phản ánh lịch sử, cấu trúc, vừa phản ánh sắc màu văn hóa của một dân tộc trên một địa bàn.

4.2.1. Đặc trưng văn hóa mẫu hệ

Trước những năm 20 của thế kỷ XX, người Êđê ở Tây Nguyên được tổ chức thành từng buôn, là nơi cư trú của những đại gia đình mẫu hệ. Các gia đình trong buôn có quan hệ với nhau về huyết tộc hoặc thân tộc ở mức độ khác nhau. Tôn giáo và tín ngưỡng của tộc người này trước khi Pháp xâm lược đang ở thời kỳ phát triển cuối cùng của tín ngưỡng nguyên thủy. Người Êđê đã trải qua quá trình phân rã các bộ tộc và đang phát triển theo một xu hướng mà đa số các tộc người thiểu số bản địa trên địa bàn đều có những nét đặc trưng chung, trong đó thể hiện sự ưu thế của giới nữ, và xã hội mẫu quyền đã trở thành nhân tố sản sinh chế độ mẫu hệ ở tộc người này. Trên cơ sở nghiên cứu văn hóa mẫu hệ của nhiều quốc gia khác nhau, các nhà nhân học xác định, mẫu hệ là cách tính dòng dõi theo phía mẹ. Mẫu hệ và mẫu quyền là hai khái niệm khác nhau, riêng biệt. Có khi chỉ thể hiện lấy họ mẹ đặt cho con cái gọi là mẫu tính (matronynic) hoặc người đàn ông về ở nhà vợ gọi là mẫu cư (matrilocal). Trong thực tế các nền văn hóa mẫu hệ thì mẫu hệ thường song hành với mẫu quyền. Theo đó thì quyền thừa kế tài sản, quản lý tài sản và con cái đều được truyền lại cho con cháu của người phụ nữ.

Ở Việt Nam, nhiều tộc người thiểu số khu vực Trường Sơn -Tây Nguyên thuộc loại hình văn hóa mẫu hệ, tiêu biểu là: Êđê, J'rai, Raglai, Mạ, Chăm. Các tộc người này đều có một điểm chung là con cháu tính theo dòng nữ; quản lý và thừa hưởng tài sản theo dòng mẹ; sau hôn nhân cư trú ở nhà vợ. Người phụ nữ là nhân vật trung tâm trong gia đình và dòng họ. Như vậy, các tộc người thiểu số thuộc loại hình văn hóa mẫu hệ ở Việt Nam, mẫu hệ đi đôi với mẫu quyền. Mẫu hệ được hiểu là một xã hội trong đó quan hệ huyết thống và quan hệ thừa kế được tính theo dòng mẹ. Chính đặc điểm này đã chi phối mọi lĩnh vực của đời sống tộc người từ phạm vi cá nhân, gia đình đến phạm vi xã hội. Xã hội mẫu hệ ở Tây Nguyên được Jacques Dournes đúc kết bằng ba chữ “m”: “matrilinéaire (theo dòng mẹ), matronymique (con cái) mang họ mẹ, matrilocal (vợ chồng) cư trú phía nhà mẹ (vợ). Người đàn bà

là rường cột của xã hội ấy. Bà là nền tảng sự ổn định của xã hội. Bà là “nội giới” [22, tr.20]. Trần Quốc Vượng cho rằng: “Mẫu hệ Êđê nằm trong một bối cảnh (contexte) chung của vùng Đông Nam Á mà các học giả phương tây gọi là “xứ sở của mẫu hệ” (Au Pays du Matriarcat). Hệ mẫu này-hay còn gọi là *nguyên lý mẹ* của một nguyên lý chung rộng hơn gọi là nguyên lý *cùng dòng giống* (Co -Descendance). Nguyên lý cùng dòng *mẫu* là nguyên lý tự nhiên, nguyên lý kết hợp cộng đồng đầu tiên của loài người mà F. Engels gọi là *ương lĩnh tự nhiên*” [141, tr.297].

Đặc trưng chế độ mẫu hệ trong xã hội truyền thống của người Êđê thể hiện ở nhiều khía cạnh của cuộc sống, từ quan hệ gia đình, xã hội đến hình thái kiến trúc,...

a) Văn hóa mẫu hệ trong hôn nhân và gia đình

Theo truyền thống từ xa xưa của người Êđê, quyền lực cao nhất trong gia đình là người phụ nữ. Họ thường chủ động trong hôn nhân. Người chồng cư trú bên nhà vợ. Con cái sinh ra mang họ mẹ. Trong trường hợp, người vợ hoặc người chồng qua đời trước thì gia đình hoặc dòng họ nhà vợ hoặc bên nhà chồng phải tìm một người phụ nữ (hoặc người đàn ông khác) để tiếp tục cuộc hôn nhân, nuôi dưỡng con cái, tiếp tục việc thừa kế và quản lý tài sản cho dòng họ vợ. Người Êđê gọi là *chuê nuê* (chuê nuê) hoặc *mchuê nuê* (*chuê* hoặc *mchuê* có nghĩa là nói lại, buộc lại; *nuê* là chỉ người (đàn ông hoặc đàn bà) được thay thế bởi người đã khuất. Người Kinh quen gọi là “nói dấy”. Luật tục Êđê nói cụ thể: “Rằm nhà gãy thì phải thay, giát sàn gãy thì phải vá, người mà mất đi thì phải nói lại” [120, tr.117]. *Chuê nuê* của người Êđê không giới hạn ở mối quan hệ giữa anh em chồng - chị em vợ mà còn được mở rộng quan hệ hôn nhân ở các thế hệ khác nhau. Tục *chuê nuê* của người Êđê là để bảo vệ quyền lợi và duy trì, củng cố gia đình mẫu hệ, cùng với đó là tránh được sự đơn côi của trẻ khi cha hoặc mẹ đẻ chúng không còn. Từ khía cạnh khác, tục này có thể kéo theo nhiều hệ lụy. Nhiều trường hợp đã trở nên bi kịch. Điều này đã thấy rõ trong khan Dăm Săn.

Chế độ mẫu hệ được thể hiện rõ nhất trong gia đình thông qua vai trò của người phụ nữ. Gia đình Êđê là một cấu trúc và là một không gian thể hiện rõ nét sắc thái mẫu hệ. Trong ngôi nhà sàn ấy gồm vợ chồng bà chủ và các con, cháu ruột

hoặc con của các chị em gái và những người đàn ông là anh em trai của bà chủ chưa vợ, góa vợ hoặc ly dị vợ mà chưa được nối dây, gọi là các *dam dei*. Theo truyền thống, ngôi nhà sàn là nơi ở của bà tổ cùng các hậu duệ của bà. Trong không gian ấy, đứng đầu là chủ nhà (pô sang), đó là một người phụ nữ lớn tuổi, được gọi là ana gổ (nồi cơm cái hay nồi cơm mẹ) có vai trò điều hành mọi công việc trong gia đình lớn, như quản lý tài sản của ông bà tổ tiên, phân chia lương thực cùng các thứ phục vụ sinh hoạt; trông coi con cháu của từng gia đình nhỏ (gổ êsei - nồi cơm của từng bếp nhỏ) trong nhà. Tác giả Vũ Đình Lợi cũng đã đưa ra những nhận xét về vai trò của người phụ nữ, đặc biệt là ana gổ trong xã hội Êđê truyền thống: “Phụ nữ trong đại gia đình mẫu hệ giữ vai trò chi phối, là người chủ của nhà dài, người coi giữ và phân phát khẩu phần cho mỗi thành viên, đáp ứng nhu cầu mặc cho cả gia đình, và chỉ phụ nữ mới được thừa kế tài sản” [72, tr.34]. Trong gia đình hoặc trong dòng họ khi quyết định một việc được coi là hệ trọng như cưới hỏi, mua bán, trao đổi tài sản giá trị, nếu không thông qua ý kiến bà chủ sẽ không được thực hiện.

b) Văn hóa mẫu hệ trong tổ chức và thiết chế xã hội

Với người Êđê xưa, *buôn* là đơn vị cư trú cơ bản, duy nhất, đồng thời là đơn vị hành chính thời kỳ đầu Pháp cai trị. Đây là không gian quy tụ những ngôi nhà dài (gia đình mẫu hệ) của những cư dân mà đại bộ phận là những người có quan hệ thân tộc hoặc cùng huyết thống trong quan hệ hôn nhân. Tùy vào quy mô của buôn mà số lượng nhà dài nhiều ít khác nhau. Buôn nhỏ, có khoảng 20-40 nhà. Buôn lớn có thể đến hàng trăm ngôi nhà dài. Trong các buôn, những gia đình cùng một dòng họ thường cư trú cạnh nhau, có người đứng đầu gọi là trưởng tộc (khua djuê), có lai lịch về dòng họ (như phả hệ). Mỗi buôn đều tồn tại tương đối độc lập và có mối quan hệ gần gũi với các buôn khác. Vì vậy, tuy mỗi buôn đều có cách quản lý, điều hành riêng theo luật tục của buôn mình, song về cơ bản, luật tục của các buôn Êđê trong quá trình phát triển đã có sự thống nhất, đã dần trở thành một *tập quán pháp* (klei bhiã) chung cho cả cộng đồng. Trong tổ chức truyền thống của người Êđê, bộ máy điều hành của buôn gồm một số thành viên chịu trách nhiệm về các lĩnh vực, trong đó người có quyền lực và trách nhiệm cao nhất là trưởng buôn (pô pin êa).

Tiếp đến là thầy cúng (pô iêo yang), người xử kiện (pô phat kđi) cùng một số thành viên giúp việc khác. Pô pin êa theo truyền thống phải là người đàn bà có uy tín, am hiểu luật tục, có khả năng tổ chức các thành viên làm kinh tế và các hoạt động khác, có điều kiện tốt về kinh tế (giàu có). Trường hợp trường buôn là đàn ông thì quyền quyết định vẫn thuộc về vợ của ông ấy. Như vậy, về cơ bản, pô pin êa vẫn thuộc về một dòng họ tính theo dòng nữ được truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác. Có thể nói, phụ nữ Êđê là người có vai trò quyết định trực tiếp đối với gia đình mẫu hệ, có vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận, lưu giữ văn hóa, phong tục tập quán truyền thống, đồng thời có vai trò chi phối các ứng xử xã hội và thiết chế cộng đồng.

c) Văn hóa mẫu hệ thể hiện qua một số loại hình văn hóa dân gian

Mẫu hệ Êđê còn biểu hiện qua nhiều loại hình văn hóa. Trong giới hạn của nội dung đề tài luận án, chúng tôi chỉ điểm qua vài nét những biểu hiện của chúng qua một vài loại hình tiêu biểu như kiến trúc và văn hóa công chiêng. Người Êđê không có nhà rông như người Sedang và Bahnar. Biểu hiện rõ nét trong kiến trúc dân gian Êđê phải kể đến cấu trúc chức năng của ngôi nhà sàn dài, còn gọi là nhà dài. Nhà dài kiến trúc theo mô hình một chiếc thuyền đi biển. Chiều dài và chiều rộng của nó tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và điều kiện kinh tế từng gia đình (có nhà dài đến cả vài trăm mét) và nó được tiếp tục kéo dài ra (được nối thêm) mỗi khi có thêm những gia đình nhỏ (gỗ êsei). Kiến trúc ngoại vi và nội thất trong nhà dài của người Êđê mang đậm đặc trưng văn hóa mẫu hệ. Vấn đề đã được tác giả Chu Thái Sơn trình bày khá kỹ [91, tr.20-25]. Tín ngưỡng của người Êđê có nhiều dấu ấn của văn hóa phồn thực. Trong cách nhìn nhận sự vật, họ cho rằng các thứ đều có giống cái, giống đực (*Krông Ana* - sông cái, sông mẹ; *Krông Knô* - sông đực, sông cha). Trống và chiêng cũng vậy. Theo quy định, khi làm trống, mặt trước (là mặt chính để sử dụng) phải được bọc bằng da trâu cái (kbao ana); mặt sau (mặt phụ để làm nền cho mặt trước) bọc bằng da trâu đực (kbao knô). Dàn chiêng gồm 10 chiếc, trong đó có 3 chiếc ở giữa nổi lên bầu sữa mẹ (cĩng mdũ). Chiếc to nhất được gọi là chiêng cái, chiêng mẹ (cĩng ana); những chiếc còn lại được sắp xếp thứ tự từ nhỏ đến lớn. Trong dàn chiêng, chiếc chiêng cái - chiêng mẹ luôn bắt nhịp đầu tiên.

Mẫu hệ Êđê nói riêng và Tây Nguyên nói chung đã được Jacques Dournes khẳng định: “Con cái đều mang họ mẹ; tất cả chúng đều là “con hoang”, bao giờ người ta cũng biết mẹ chúng, còn bố chúng thì không nhất thiết. Như vậy mỗi người đều có một tên họ, mỗi người đều được định vị, theo một dòng những người nữ - những người duy nhất được nhắc đến trong các phả hệ. Trong dòng nối tiếp các thế hệ, phần đóng góp của người đàn ông không bị phủ nhận, nhưng “dòng máu”, sự sống, sự di truyền, thì chỉ truyền theo dòng nữ”[22, tr.30]. Vũ Đình Lợi nhận xét về xã hội mẫu hệ của các dân tộc Malayo-polynesian như sau: “vấn đề *hệ* chỉ là quy định cách tính *tử hệ* (tính dòng họ và tên), quyền thừa kế tài sản, quyền sở hữu, quyền kế vị chức vụ xã hội và gắn với nó là các tập tục trong hôn nhân, gia đình do việc tính *tử hệ* quy định”[72, tr.139]. Một trong những tập tục đáng kể nhất trong văn hóa mẫu hệ của người Êđê là tục *chuê nuê* (nói dòng). Có thể nói, đây là điểm nổi bật và độc đáo nhất. Với tập tục này, cho dù “*nuê*” (người được nói) là ai (là đàn ông hay đàn bà), thuộc thế hệ nào đi nữa (được quy ước trong hôn đẳng) thì những người thuộc các thế hệ tiếp theo được sinh ra vẫn mang tên họ của dòng nữ.

Nhìn một cách tổng thể cách thức tổ chức sinh hoạt cộng đồng và cấu trúc gia đình Êđê thấy rõ, tất cả đều chịu sự chi phối bởi dòng nữ. Vì vậy, có thể hiểu rằng, mẫu hệ là một hình thái của thiết chế xã hội và được xem như một hình thái văn hóa trong đời sống tộc người. Xã hội Êđê truyền thống ở Tây Nguyên mang đầy đủ những nét đặc trưng trên. Thiết chế dòng mẫu của tộc người này hiện hữu trong tất cả các lĩnh vực của đời sống cộng đồng, trong đó có văn hóa định danh. Cụ thể là, cấu trúc tên riêng của người Êđê luôn hiện hữu dòng họ mẹ.

Trong gia đình và dòng tộc Êđê, các *gõ êsei* được tính theo huyết thống dòng nữ. Quan niệm “*nội*”, “*ngoại*” cũng dựa trên nguyên tắc đó, nghĩa là, bên gia đình chồng gọi là bên *ngoại*, gia đình vợ gọi là bên *nội*. Con cái gọi cha mẹ đẻ của mẹ mình là ông bà *nội*, cha mẹ đẻ của cha mình là ông bà *ngoại*. Và như vậy, mặc dù người Êđê không có khái niệm “*cháu đích tôn*” như người Việt, nhưng trong quan niệm về đối tượng này là có tính tương đồng, nghĩa là đẻ gọi người cháu có vai trò

nói đôi tông đường, điểm khác là người Êđê chỉ người cháu gái. Luật tục Êđê cũng đã nói rõ: “Con gái đẻ làm giống, con trai đẻ bông bế” [120, tr.121].

Với đặc trưng văn hóa mẫu hệ như trình bày ở trên, khi làm nghi lễ đặt tên cho trẻ, người Êđê cũng “lục tìm” các tên gọi của các bậc tổ tiên ông bà bên dòng họ mẹ mà họ ngưỡng mộ để xác định hướng định danh chứ không quan tâm đến phía dòng họ của cha.

4.2.2. Tên riêng người Êđê với vấn đề tiếp xúc văn hóa

4.2.2.1. Đặt vấn đề

Mặc dù trong lịch sử, Tây Nguyên là vùng đất ít chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa ngoại bang, song trong thực tế, các thủ lĩnh Tây Nguyên cũng đã ít nhiều có mối quan hệ với phong kiến Đại Việt vào thời Lý-Trần và đặc biệt là với nhà Nguyễn. Vào cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược và đô hộ Đông Dương đã làm cho khu vực này phần nào chịu sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây. Sau năm 1975, đất nước được thống nhất, Tây Nguyên cùng cả nước xây dựng và phát triển theo hướng đổi mới, hiện đại. Trong bối cảnh đó, văn hóa các tộc người Tây Nguyên biến đổi nhanh theo những khuynh hướng khác nhau. Nhiều nhà nghiên cứu gần đây đều có sự nhìn nhận khá thống nhất về các khuynh hướng biến đổi văn hóa hiện nay của các dân tộc thiểu số, đó là *khuynh hướng giao lưu và tiếp xúc văn hóa; khuynh hướng đồng hóa tự nhiên và khuynh hướng phục hồi văn hóa truyền thống*. Từ mục đích là tìm hiểu những yếu tố tác động đến sự biến đổi của tên riêng người Êđê nên trong nội dung này của luận án không đề cập đến khuynh hướng thứ ba.

Giao lưu và tiếp xúc văn hóa là một trong những khuynh hướng chung và là tác nhân quan trọng đối với sự biến đổi văn hóa của các tộc người. Tây Nguyên nói chung, người Êđê nói riêng cũng không tránh khỏi khuynh hướng này. Sự giao lưu, ảnh hưởng diễn ra giữa các tộc người trong vùng; giữa người Việt và người Êđê; giữa người Êđê và nhiều tộc người thiểu số khác trong khu vực và cả những tác động mang tính quốc tế. Sự tiếp xúc giữa các tộc người ở Tây Nguyên và với bên ngoài đã góp phần đẩy nhanh quá trình biến đổi văn hóa truyền thống các dân tộc, khiến nhiều giá trị văn hóa mới thâm nhập và phát huy ảnh hưởng lẫn nhau trong

đời sống xã hội như ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, văn hóa (trong đó có văn hóa định danh)... Mặt tích cực là đã góp phần tạo nên sự đa dạng về văn hóa trong khu vực. Bên cạnh đó, nó cũng gây nên những tác động tiêu cực, đó là sự xô bồ, lai căng, thậm chí chủ nhân văn hóa còn quay lưng lại với văn hóa truyền thống nếu chủ thể tiếp nhận chưa có được sự chuẩn bị đầy đủ khả năng lựa chọn. Hệ lụy của nó thể hiện trong văn hóa về tên riêng là sự “hỗn loạn” trong các xu hướng định danh về tên riêng chỉ người của các dân tộc thiểu số trên địa bàn mà Êđê là một trong những minh chứng cụ thể.

Khuynh hướng đồng hóa tự nhiên gần đây được các nhà nghiên cứu xác định là một trong những khuynh hướng biến đổi văn hóa truyền thống đáng lưu ý. Nhiều người cho rằng, khuynh hướng này ở Tây Nguyên đang diễn ra hai quá trình, đó là: quá trình đồng hóa trong nội bộ các dân tộc thiểu số trên địa bàn và đồng hóa giữa văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số với văn hóa người Việt. Quá trình đồng hóa tự nhiên giữa các dân tộc thiểu số trên địa bàn diễn ra giữa các tộc người có số cư dân đông và các tộc người có số lượng cư dân ít sống cạnh nhau diễn ra một cách nhẹ nhàng, khó nhận thấy một cách rõ ràng, vì quá trình phát triển giữa họ không tạo ra sự chênh lệch đáng kể. Quá trình tạo ra những thay đổi lớn về diện mạo văn hóa nơi đây là quá trình đồng hóa tự nhiên giữa văn hóa người Việt và các cư dân bản địa. Quá trình này được quan niệm đồng nhất với xu hướng *hiện đại hóa văn hóa* của các tộc người thiểu số. Quá trình đồng hóa theo khuynh hướng này diễn ra khá mạnh và trên nhiều lĩnh vực. Nó không hề có một sự tác động mang tính áp đặt, cưỡng bức mà diễn ra hoàn toàn tự nhiên. Tuy vậy, đây cũng là một khuynh hướng không thực sự tích cực, bởi sự tiếp nhận văn hóa từ các nền văn hóa khác không được dựa trên cơ sở truyền thống của mình mà có tính tiếp biến, vay mượn. Quan sát hệ thống tên riêng của người Êđê với các thế hệ, các lứa tuổi, các môi trường sinh hoạt và địa bàn cư trú khác nhau ta dễ dàng nhận thấy điều đó. Nếu không được “chỉ dẫn” hoặc biết cách dựa vào một số dấu hiệu hình thức, một số tên họ đặc trưng thì trong nhiều trường hợp khó có thể nhận diện được đâu là tên riêng của người Êđê trong tập hợp hệ thống tên gọi của các tộc người khác nhau.

Những khuynh hướng biến đổi văn hóa trên đây chắc chắn tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi của tên riêng người Êđê. Về cái gọi là *sự biến đổi* trong tên riêng của một tộc người, hiện cũng còn tồn tại những ý kiến khác, trong đó đáng chú ý là ý kiến cho rằng đây là biểu hiện *tính đa chiều* trong việc hình thành tên gọi trong đó có tên riêng chi người. Nhìn một cách tổng thể, quan điểm trên không phải là không có lí. Tuy vậy, khi đi vào cụ thể trường hợp tên riêng người Êđê, luận án có một vài ý kiến như sau:

Nói *tính đa chiều* trong hình thành tên gọi tức đề cập đến các cách thức khác nhau trong *tính đồng thuận* - xét về văn hóa truyền thống. Nghĩa là, nó không chủ trương xóa bỏ *cái bản chất, cái tinh hoa* của truyền thống, hay xa hơn là chối bỏ tín ngưỡng của cộng đồng. Ở người Êđê, tiếp xúc văn hóa đã thực sự tạo nên một sự *xung đột* bởi sự tiếp nhận văn hóa từ các nền văn hóa khác không được dựa trên cơ sở truyền thống của mình mà có tính *tiếp biến, vay mượn*, thậm chí đã dẫn đến *chối bỏ cả tập quán pháp* được xây dựng bởi hàng trăm năm của bao thế hệ và cả *tín ngưỡng* của cộng đồng mình. Bởi vậy, về *tiến trình* của tên riêng người Êđê, luận án cho rằng đây là một *sự biến đổi* chứ không chỉ là ở *tính đa chiều* của nó. Từ nhận thức này, luận án tiếp cận vấn đề là *những sự biến đổi* về tên riêng của người Êđê.

4.2.2.2. Hiện tượng biến đổi của tên riêng người Êđê

Như đã nói ở trên, các xu hướng biến đổi văn hóa của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên tất yếu đã làm thay đổi sâu sắc những đặc trưng văn hóa truyền thống của người Êđê trong đó có văn hóa định danh. Trong phạm vi của đề tài luận án, chúng tôi đề cập đến một số biến đổi cơ bản sau:

a) Sự biến đổi về hệ tộc

Sự giao lưu, tiếp xúc diễn ra giữa các tộc người trong vùng; giữa người Việt và người Êđê; giữa người Êđê và nhiều tộc người thiểu số khác trong khu vực và cả những tác động mang tính quốc tế, đã góp phần đẩy nhanh quá trình biến đổi văn hóa truyền thống các dân tộc trong đó có Êđê. Sự duy trì và phát triển dòng họ của tộc người này không còn đi theo một chiều hướng mang tính “quy luật” trong suốt

tiến trình lịch sử của tộc người mà bị chi phối bởi nhiều yếu tố, dẫn tới những biến đổi đáng kể về văn hóa dòng họ. Có một số trường hợp đáng chú ý sau:

- *Sự thay đổi về thiết chế mẫu hệ trong cấu trúc tên gọi.* Theo văn hóa định danh tên riêng truyền thống của người Êđê, con cái phải theo dòng mẹ. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, một số trường hợp con cháu trong gia đình tùy ý lựa chọn tên họ cho mình (theo họ mẹ hoặc họ cha). Đó là những trường hợp con của các vợ chồng song tộc (Êđê - Việt) thường chỉ lấy tên họ Êđê, cho dù là họ của cha. Ví dụ, cha họ Niê, mẹ họ Nguyễn → con H'Mai Niê (theo phụ hệ); cha họ Buôn Krông, mẹ họ Thạch → con Tuyết Hoa Buôn Krông (theo phụ hệ); cha họ Lí, mẹ họ Niê Kdam → con Lý Vân Linh Niê Kdam (theo mẫu hệ); mẹ họ Niê, cha họ Trịnh → con Trịnh Thị Thanh Tâm; mẹ họ Buôn Krông, cha họ Nguyễn → con Nguyễn Thị Hồng Hạnh (phụ hệ).

- *Sự biến đổi về cơ cấu các thành tố trong cấu trúc danh tố họ.* Các thành tố của danh tố họ trong một số trường hợp là sự kết hợp giữa các thành tố tên họ Êđê với thành tố tên họ người Việt, hoặc giữa các thành tố tên họ Êđê với thành tố tên họ người dân tộc khác. Có thể coi đây là trường hợp dùng tên họ ghép. Ví dụ: Nguyễn Mlô Anh Quang, Nguyễn Ayũn Thùy My, Lý Vân Linh Niê Kdam, Phan Buôn Krông Vân Anh, Nguyễn Êban Lan Anh.... Đây là những trường hợp từ kết quả của hôn nhân ngoại tộc (cha hoặc mẹ không phải là người Êđê).

b) Sự biến đổi về cấu trúc tên gọi

Về các hình thái cấu trúc tên riêng người Êđê, chúng tôi đã trình bày cụ thể và chi tiết ở chương 2 của luận án. Có thể khái quát vài nét chính về những thay đổi về cấu trúc của THĐD như sau:

- *Trật tự các danh tố của THĐD trong nhiều trường hợp có cấu trúc ngược lại* (danh tố họ - danh tố đệm - danh tố tên cá nhân). Nói cách khác, trật tự các danh tố trong THĐD thay đổi. Ví dụ: Niê Thuật, Mlô H'Dam, Kpã H'Klim, Êban H'Linh, Adrong Xrim, Rahlan Y Nĩ... Đây là trường hợp mà phần lớn những người sinh ra họ chịu ảnh hưởng bởi tiếp xúc văn hóa giữa người Êđê với những cư dân thuộc các tộc người khác, đặc biệt là với người Việt. Bên cạnh đó là con của những cặp vợ

chồng song tộc (chỉ cha hoặc mẹ là người Êđê). Sự biến đổi này đã dẫn tới khó khăn trong việc nhận diện tên riêng của cư dân Êđê vùng tiếp giáp với tỉnh Gia Lai (thuộc một số xã của huyện Êa H'Leo và huyện Krông Năng hiện nay mà họ vẫn tự cho là nhóm Êđê Mdhur) với các nhóm Êđê khác. Lúc này sự phân biệt chủ yếu dựa vào tên họ (các họ của nhóm Êđê này ở Êa H'Leo cơ bản giống các tên họ của người J'rai, do quá trình lịch sử và địa bàn cư trú.

- *Sử dụng THĐD tên riêng người Việt làm danh tổ tên cá nhân* (vẫn giữ trật tự: danh tổ tên cá nhân - danh tổ họ, không có danh tổ đệm tiếng Êđê). Ví dụ: Trần Hữu Hùng Ayũn, Trần Thảo Phương Niê Kdam, Nguyễn Thị Lan Êban,...

- *Một số trường hợp không sử dụng danh tổ đệm trong THĐD*. Ví dụ: Linh Nga Niê Kdam, Tuyết Lan Niê Kdam, Dư Hậu Ktul, Rahlan Phương, Rahlan Von Ga, Kpă Rôk, Mlô Nguyễn Kiều My... Hiện tượng này phổ biến đối với các trường hợp tên riêng của đối tượng là các cặp vợ chồng song tộc (Êđê với các tộc người khác).

c) Sự biến đổi về phương tiện biểu đạt (hình thức ngôn ngữ)

Một trong những biến đổi tên riêng người Êđê do quan hệ tiếp xúc văn hóa với các dân tộc khác trên địa bàn khá rõ nét là việc sử dụng đan xen các ngôn ngữ khác nhau khi định danh. Có người cho đây là sự vay mượn ngôn ngữ khác tham gia vào quá trình định danh. Nói một cách thực tế hơn, đây là việc sử dụng không nhất quán ngôn ngữ Êđê trong các danh tổ của THĐD. Chẳng hạn, có trường hợp danh tổ họ và danh tổ đệm là tiếng Êđê nhưng danh tổ tên cá nhân là tiếng Việt (Y Thanh Hà Niê Kdam, Y Dũng Êñuôl, Y Diệu Êban, H'Kiều Ayũn, Y Khuyên Niê, Y Hiếu Buôn Yă, H'Thủy Hlong,...). Hiện tượng này khá phổ biến với xu hướng văn hóa định danh của người Êđê hiện nay. Có trường hợp tên họ là tiếng Êđê nhưng tên đệm và tên cá nhân lại thuộc ngôn ngữ khác. Thậm chí danh tổ tên cá nhân được thể hiện bởi toàn bộ THĐD tên riêng người Việt (bằng tiếng Việt). Ví dụ: Trần Hữu Hùng Ayũn, Trần Thảo Phương Niê Kdam, Nguyễn Thị Lan Êban. Có khi sử dụng hoàn toàn bằng một ngôn ngữ khác trong tất cả các danh tổ của THĐD. Đây cũng là những trường hợp cha hoặc mẹ của đối tượng được định danh không phải là người Êđê. Ví dụ: Nguyễn Triệu Tuấn Anh, Trịnh Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (mẹ người Êđê, cha người Việt). Đặc biệt, có trường hợp tên riêng của người

Êđê được định danh một cách hết sức lí thú. Ví dụ: *Lý Vân Linh Niê Kdam*. Có thể phân tích cấu trúc THĐĐ của tên riêng này như sau: *Lý Vân Linh* (danh tổ tên cá nhân là một THĐĐ được tổ hợp từ một số yếu tố, trong đó *Lý* là tên họ, được lấy từ tên họ của cha, bằng tiếng Khmer (*Lý Son*) - người Khmer; *Vân Linh* là danh tổ tên cá nhân, bằng tiếng Việt, có cấu trúc hai thành tố, trong đó thành tố thứ hai được lấy từ thành tố thứ nhất trong tên cá nhân của mẹ (*Linh Nga*); còn tên họ được lấy từ tên họ của mẹ - một dòng họ Êđê, được định danh bằng ngôn ngữ Êđê (*Niê Kdam*).

d) Sự biến đổi trong nhận thức về nghĩa của tên cá nhân

Ngày nay, với sự phát triển của xã hội và dưới sự tác động của tiếp xúc văn hóa, cũng như người Việt, giới trẻ người Êđê có xu hướng thay đổi trong việc đặt tên cá nhân, đặc biệt là con cái của các thanh niên trí thức hoặc các cặp vợ chồng giữa người Êđê với người Việt. Họ thường sử dụng những yếu tố mang tính thẩm mỹ, thời thượng (Tuyết Nhung Niê, Thu Nhung Mlô Duôn Du, Linh Nga Niê Kdam, Mỹ Trang Kbuôr,...), thậm chí tên gọi các đối tượng tự nhiên, các loài cây cối, chim muông, hoa trái,...những tên gọi mà trong xã hội Êđê truyền thống đặc biệt kiêng kỵ trong việc sử dụng để đặt tên người thì ngày nay cũng được giới trẻ ưa thích (Tuyết Lan Niê Kdam, Tuyết Hoa Niê Kdam, Phong Lan Ksor, Hồng Đào Niê,...). Khảo sát 300 sinh viên, học sinh người Êđê đang học tập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và 100 học sinh tiểu học ở huyện Krông Năng, tỉnh Dak Lăk chúng tôi bước đầu thấy có xấp xỉ 5% đặt tên theo hình thức này và có xu hướng tăng lên ở các đối tượng nhỏ tuổi hơn. Như vậy, tín ngưỡng “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” trong văn hóa truyền thống đã mất dần hiệu ứng đối với giới trẻ người Êđê.

Những biểu hiện của sự biến đổi tên riêng chỉ người trên đây chủ yếu từ sự tiếp xúc văn hóa với người Việt. Bên cạnh đó, tên riêng người Êđê còn chịu ảnh hưởng bởi tiếp xúc văn hóa mang tính quốc tế. Cụ thể là sự ảnh hưởng văn hóa phương Tây. Trong lịch sử, Dak Lăk (địa bàn cư trú chủ yếu của người Êđê) là khu vực chịu sự cai trị và ảnh hưởng văn hoá người Pháp sớm và với thời gian khá dài. Qua tìm hiểu lịch sử các dòng họ Êđê, chúng tôi bước đầu nhận định: trật tự sắp xếp các danh tố trong cấu trúc tên riêng tộc người này (tên cá nhân trước tên họ) cũng

như quá trình hình thành chữ viết Êđê đã chịu sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây nói chung và văn hóa Pháp nói riêng. Nhiều phương diện ảnh hưởng văn hóa phương Tây đã làm thay đổi đến mức ngay cả nhiều người Êđê cũng đã không nhận ra. Chẳng hạn trong truyền thống xa xưa của người Êđê không có từ “khua buôn” mà chỉ dùng từ “pô pin êa”, nghĩa là người chủ bến nước. Với người Êđê, “bến nước” là tất cả đời sống vật chất và tinh thần của họ; là chủ thể thiêng liêng nhất đối với buôn làng. Chủ bến nước là người có quyền lực cao nhất của buôn, và chỉ có người này mới được đứng ra tổ chức cúng bến nước. Đây là một chức vụ đảm nhiệm vai trò người đứng đầu buôn, chi phối mọi hoạt động của buôn. Khi Pháp đặt bộ máy cai trị ở đây gọi là khua buôn (tức trưởng buôn). Một trường hợp khác là “Buôn Ma Thuật”, địa danh (tên riêng đối tượng địa lí) được người Pháp định danh trên cơ sở nhân danh (tên riêng của người). Sau khi “Đại lý hành chính” (Trung tâm hành chính của tỉnh Dak Lăk lúc đó) chuyển từ Bản Đôn (một ngôi làng (bản) đặt theo tiếng Lào) về địa bàn của “buôn” do Ama Thuật (bố của Y Thuật) làm chủ bến nước (1904), người Pháp đã lấy tên của vị tù trưởng này đặt tên cho trung tâm hành chính là “Đại lý hành chính Ban Mê Thuật (Banmethuot)”. Do cư trú cùng người Lào một thời gian nên người Pháp vẫn quen gọi đối tượng mà người Việt gọi là “làng”, người Êđê gọi là “buôn” bằng một cái tên mà họ quen gọi trước đó, tức là “bản”. Tiếng Pháp và tiếng Êđê không có thanh điệu nên đọc là “ban”. Còn “me” được lấy từ âm đầu của từ “monsieur” (ông - tiếng Pháp) khi phiên âm (me-si-eu), và “Thuật” là tên riêng, vẫn được giữ nguyên. Như vậy, trong khi người Pháp gọi địa danh này là Banmethuot (bản ông Ama Thuật) thì người Việt đọc là Ban Mê Thuật. Người Êđê gọi là Buôn Ma Thuật (buôn ông Ama Thuật) thì người Việt phát âm thành Buôn Ma Thuật. (Tính “có lí do” của địa danh này được lấy từ tên riêng của người đã được đề cập ở nội dung của chương 2 luận án). Một số chức sắc người Êđê thời kì thuộc Pháp cũng có xu hướng đặt tên con cháu (tên cá nhân) bằng ngôn ngữ phương Tây. Ví dụ Ni Na Ksor, Y Ka Nin Niê, Rahlan Von Ga,... Một số trường hợp (chủ yếu là tầng lớp thượng lưu), do tiếp xúc với người Champa vào

giai đoạn thế kỷ XIV-XVII và các thời gian về sau, đã có những hình thức tên riêng (tên cá nhân) giống người Champa (H'Mar Yam Niê, H'Drah Jan Kpă).

Quá trình giao lưu tiếp xúc bên cạnh những yếu tố mới là kết quả của sự lựa chọn tự giác, của đồng hóa tự nhiên, đồng thời cũng đã tạo ra những yếu tố mang tính cưỡng bức hay có thể nói là sản phẩm của ý chí nhà cầm quyền, các nhà quản lý xã hội trong các thời kì. Sau ngày giải phóng, các cơ quan chức năng của chính quyền cách mạng ở địa phương cũng đã lấy tên các danh nhân để định danh cho các đối tượng địa lí, mà chủ yếu là đặt tên cho các con đường trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, trong đó một số không ít là người Êđê. Xét về ý nghĩa, đây là những “tấm bia lịch sử” mà địa danh để lại cho các thế hệ. Xét về tâm lí tộc người, thực tế trên đây đã “phá vỡ” tín ngưỡng “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” trong văn hóa định danh của người Êđê.

Thời gian qua, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách ưu đãi, nhằm hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong bối cảnh tiếp xúc có tính toàn diện và sâu rộng như hiện nay, hôn nhân giữa thanh niên các tộc người bản địa nói chung, người Êđê nói riêng với người Việt trong khu vực diễn ra khá phổ biến. Phần nhiều các gia đình *song tộc* này chồng là người Êđê, vợ là người Việt hoặc tộc người khác (trường hợp ngược lại là rất hi hữu). Để gia đình, mà chủ yếu là cho con cháu được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước, con cái của họ đều được mang họ của cha (hoặc mẹ) là người dân tộc thiểu số (mà ở đây là người Êđê). Việc đặt tên họ theo dòng mẹ, với một bộ phận người Êđê ngày nay đã không còn quan trọng nữa, và hệ quả là *văn hóa mẫu hệ* trong các gia đình *song tộc* cũng không còn được duy trì.

Từ những vấn đề trên đây có thể thấy, sự biến đổi tên riêng của người Êđê xuất phát từ các nguyên nhân thuộc về ngôn ngữ và nguyên nhân ngoài ngôn ngữ, trong đó các nguyên nhân ngoài ngôn ngữ có tác động mạnh mẽ hơn và là tác nhân tạo nên các nguyên nhân thuộc về ngôn ngữ.

4.2.3. Tên riêng trong văn hóa giao tiếp của người Êđê

Là một đơn vị được sử dụng trong giao tiếp, tên riêng chỉ người nói chung, tên riêng của người Êđê nói riêng là một loại tên gọi có phạm vi hoạt động sâu rộng

trong tất cả mọi hoàn cảnh giao tiếp khác nhau, và có thể nói là được sử dụng với cách thức linh hoạt hơn so với các tên gọi khác cùng nhóm danh xưng như địa danh, hiệu danh, vật danh,...trong quá trình hành chức. Trong mục này, luận án đề cập đến một số nội dung có liên quan đến quá trình hoạt động của tên riêng người Êđê trong các phạm vi giao tiếp khác nhau.

Mục đích chính của luận án là nghiên cứu các đặc điểm của tên riêng người Êđê từ góc độ ngôn ngữ và văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, trong bối cảnh bị tác động bởi các yếu tố khách quan của quá trình tiếp xúc văn hóa như đã nói ở trên, ở mục này, luận án khảo sát thực trạng sử dụng tên riêng của người Êđê trong giao tiếp cả trên bình diện truyền thống và hiện đại, bởi quá trình tiếp xúc văn hóa luôn gắn liền với quá trình phát triển của chính tộc người này. Mặc dù vậy, trong quá trình phân tích, ở một mức độ nào đó, luận án cố gắng bóc tách nhằm có thể làm rõ trong mức độ có thể về các cách thức truyền thống và phi truyền thống trong việc sử dụng tên riêng của người Êđê vào tham gia hoạt động giao tiếp.

Như chúng ta đã biết, bên cạnh chức năng định danh, tên riêng chỉ người còn có chức năng ngữ dụng, nghĩa là chúng còn thể hiện mối quan hệ giữa chủ thể định danh cũng như vai xung hô đối với chủ thể được mang tên. Nói cách khác, trong giao tiếp, tên riêng người Êđê cũng như tên riêng chỉ người nói chung được dùng như là phương tiện biểu hiện nhận thức hay cảm xúc, sự đánh giá. Tùy thuộc vào các phạm vi và hoàn cảnh giao tiếp khác nhau mà việc sử dụng tên riêng cũng có những cách thức biểu hiện khác nhau. Trong phạm vi vấn đề được đề cập cũng như khả năng của người nghiên cứu, với tiểu mục này, luận án chỉ đề cập đến việc khảo sát và miêu tả những đặc điểm của tên riêng người Êđê được sử dụng trong *giao tiếp quy thức* và *giao tiếp không quy thức* (giao tiếp thông thường) mà chưa thể đặt ra được những nội dung vấn đề khác có tính khái quát như giao tiếp ngôn ngữ nói chung mà *lí thuyết về giao tiếp* đã đề cập.

4.2.3.1. Biểu hiện trong giao tiếp quy thức

Trong phạm vi giao tiếp này, quá trình giao tiếp thường diễn ra ở những nơi mà ở đó đòi hỏi phải thể hiện một nghi thức cần thiết, như ở nơi công sở, nơi hội họp... Nói cách khác, đây là hình thức giao tiếp mang tính hành chính; phạm vi giao

tiếp mang tính chất giao tiếp xã hội. Do đó, nội dung giao tiếp thường được thể hiện ở sắc thái trung hòa, nghĩa là giữa những người đối thoại, về nguyên tắc không có hình thức biểu hiện tình cảm thân mật, suồng sã như trong quan hệ gia đình, họ tộc, bạn bè, trong các giao tiếp thông thường khác. Khi xưng hô người Êđê cũng chịu sự chi phối và tuân theo hình thức xưng hô trong giao tiếp nghi thức có tính phổ biến. Theo đó, trong hình thức giao tiếp này, khi xưng hô người Êđê cũng gọi tên cá nhân của chính mình kèm theo tên đệm và tên họ (không gọi theo tên con) đặc biệt giống cách thể hiện trong giao tiếp của người phương Tây, mà cụ thể là người Pháp. Chẳng hạn, Y Li Niê Kdam, Y Nguyên Kpă, Y Bi Alio, H’Đoan Niê, Y Jūt Hwing, Y Tlam Kbuôr... Điểm khác biệt ở đây là với đại bộ phận các nhóm tộc người Êđê, trong giao tiếp bao giờ cũng hiện hữu danh tố đệm, trong khi với đối tượng là nam giới của người Êđê nhóm ngoại biên thì không nhất thiết như vậy. Do có mối quan hệ gần gũi với người J’rai nên với tên của nam giới trong nhiều trường hợp không có danh tố này. Và vì vậy, trong giao tiếp quy thức, THĐD của bộ phận người Êđê này rất giống với hình thức tên riêng người J’rai và người Việt. Bên cạnh đó, những người có chức vụ thường kèm chức vụ với tên riêng trong hội thoại. Theo quan điểm của lí thuyết hội thoại, xưng hô được coi là yếu tố trước tiên và bắt buộc phải có của giai đoạn thiết lập các cuộc thoại. Giao tiếp ngôn ngữ chỉ bắt đầu được thực hiện khi chủ thể giao tiếp xác lập được vai giao tiếp. Về vấn đề này, Phạm Văn Tình cũng đã có một số ý kiến nhận xét. Tác giả cho rằng “cách xưng hô “chức danh hóa” cũng có giá trị tích cực của nó. Trước hết, nó phản ánh một tâm lí chung trong xã hội hiện nay là trân trọng người đối thoại có cương vị hoặc là những người thành đạt trong sự nghiệp cũng như trong khoa học có tài năng. Thứ hai nó sẽ làm cho không khí đối thoại thêm trang trọng, nghiêm túc. Cách xưng hô cũng làm cho người tham gia trao đổi xác lập tư cách đối thoại của mình”[125, tr.290]. Chẳng hạn, Bí thư Y Ngông Niê Kdam, Chủ tịch Y Blôk Êban, Giáo sư Y Tlam Kbuôr... Tuy nhiên, đa số người Êđê, đặc biệt là ở khu vực nông thôn vẫn thích cách gọi tên người con đầu lòng của mình ngay cả trong hình thức giao tiếp này. Đây là một tâm lí đặc trưng của người Êđê trong việc khẳng định vị thế của mình. Khi có gia đình,

nhất là khi đã có con cái, vị thế của họ trong gia đình và xã hội khác hẳn vị thế của một người độc thân. Có thể nhận thấy một số trường hợp như sau:

- Xưng hô bằng cách lấy tên con đầu lòng (tên cá nhân) trong giao tiếp hội thoại nhưng trong văn bản lại ghi tên riêng của mình. Chẳng hạn, ông Ama Wê - nguyên Bí thư Ban cán sự đảng Buôn Hồ, trong các hoạt động giao tiếp (đối nội và đối ngoại) đều dùng như vậy, nhưng khi ghi vào văn bản, đặc biệt là tên được đăng ký sử dụng mang tính pháp lí, ông sử dụng tên thật - tức tên riêng của ông là Y Ling Mlô. Hiện tượng này là khá phổ biến đối với các cán bộ người Êđê ở địa phương, đặc biệt là đối với những người đã từng tham gia kháng chiến. Cá biệt có trường hợp sử dụng tên thường gọi (gọi theo tên con như đã nói ở trên) trong tất cả các hoạt động giao tiếp và trong các văn bản mang tính pháp lí mà không dùng tên thật. Chẳng hạn, ông Ama Pui - nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Dak Lăk, trong mọi hoàn cảnh giao tiếp ông đều chỉ sử dụng tên gọi này (Ama Pui) trong khi tên thật của ông là Y Đih Niê.

- Xưng hô bằng cách lấy tên cá nhân người con đầu lòng trong giao tiếp hội thoại cũng như văn bản đối với những trường hợp văn bản mang tính xác tín về tư liệu lịch sử, văn hóa - nghệ thuật, không mang nặng tính pháp lí. Chẳng hạn, ông Ama Khê, tên đệm và tên cá nhân của ông là Y Bun. Trong câu chuyện ông kể trong cuốn sách viết về tình cảm của nhân dân Dak Lăk với Bác Hồ (*Bác Hồ với nhân dân các dân tộc Dak Lak, 1997*), ông vẫn lấy tên người con đầu lòng kết hợp với yếu tố từ ngữ chỉ mối quan hệ (Ama Khê - cha của Y Khê). Trường hợp Amĩ Đoan (nguyên là ủy viên Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Hội trưởng Hội phụ nữ Giải phóng tỉnh Dak Lăk), cách thức thể hiện cũng tương tự. Tên đệm và tên cá nhân của bà là H'Klô. Trong cuốn sách nói trên, bà vẫn lấy tên cá nhân của con kết hợp với yếu tố từ ngữ chỉ mối quan hệ (Amĩ Đoan - mẹ của Đoan). Bên cạnh cách thức truyền thống, ở thời kỳ hiện đại, cũng giống như người Việt, một số cán bộ, trí thức người Êđê có thêm cách sử dụng hình thức biểu hiện khác như: tên thường gọi, bí danh... để xưng hô trong giao tiếp (Ái Phương - tên thường gọi của cố Giáo sư Y Nuê Buôn Krông, nguyên Viện trưởng Viện Vệ

sinh dịch tễ Tây Nguyên; Nguyễn Sĩ Lâm - tên thường gọi của cố Giáo sư Y Tlam Kbuôr, Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Tây Nguyên.

Trong giao tiếp quy thức, các nhân vật hội thoại có thể biết hoặc chưa quen biết nhau, vì vậy khi xưng hô thường sử dụng tên chính thức của mình là chủ yếu (hạn chế hình thức kết hợp tên của con). Việc xưng hô có thể sử dụng tên gọi đầy đủ (toàn bộ tổ hợp định danh) hoặc tên gọi bộ phận, mà thường là tên đệm và tên cá nhân.

4.2.3.2. Biểu hiện trong giao tiếp không quy thức

Ở hoàn cảnh giao tiếp này, quá trình giao tiếp thường diễn ra trong phạm vi gia đình, ở những nơi sinh hoạt công cộng không mang nghi thức hành chính như nơi họp chợ, nơi sinh hoạt văn nghệ, vui chơi giải trí, nơi trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ nỗi niềm, tình cảm... Do sự đa dạng về chủ thể và phong phú về chủ đề giao tiếp nên việc sử dụng tên riêng chỉ người cũng diễn ra dưới nhiều dạng thức khác nhau.

- Về hình thức tên gọi, trong phạm vi giao tiếp không quy thức, có thể sử dụng các danh từ chung làm đại từ nhân xưng dưới hình thức riêng hóa (chỉ đích danh người đó khi xưng hô) như: aê (ông), aduôn (bà), aê aduôn (ông bà), ama (cha, bố), amĩ (mẹ), ayông (anh), amai (chị), adei (em)...và nhiều hình thức biểu hiện khác nhau của tên người đó chẳng hạn, dùng từ gọi bố (ama) hoặc từ gọi mẹ (amĩ) + tên người con đầu lòng (Ama Oanh; Amĩ Luộc),...

Trong hình thức giao tiếp thông thường, cách xưng hô trong quan hệ dòng họ của người Êđê cũng có những nét đặc trưng. Các từ chỉ quan hệ thân tộc không chỉ quy định trong khuôn khổ các chi họ mà còn phụ thuộc vào dòng họ gốc của người mẹ. Những người phụ nữ được sinh ra từ một mẹ đều gọi con đẻ của mình cũng như các con của chị gái, của em gái mình là con (anak). Những người con trai cũng gọi con của anh em trai ruột của mình như vậy (anak). Bên cạnh việc gọi người sinh ra mình là mẹ (amĩ) thì những người con đó cũng gọi chị gái của mẹ mình là mẹ (amĩ prong - mẹ lớn), gọi em.gái của mẹ mình là mẹ (amĩ mneh - mẹ nhỏ). Tương tự, ama là từ thân tộc dùng để con cái gọi người đàn ông sinh ra mình cũng như anh em trai cùng huyết thống với cha đẻ mình và những người đàn ông là chồng của chị gái, em gái mẹ của mình. Anh trai của cha và chồng của chị gái mẹ được gọi là ama

prong hoặc mprong (cha lớn). Em trai của cha gọi là ama mneh (cha nhỏ) và chồng của em mẹ gọi là ama diêt hoặc ama mda (cha nhỏ nhất hay còn gọi là cha non).

Hình thức giao tiếp không quy thức cũng được người Êđê thể hiện trong các tác phẩm văn hóa dân gian như khan, cô tích, luật tục,... những nét đặc trưng. Người Êđê đặt tên các nhân vật nghệ thuật trên cơ sở tư duy hình tượng và quan điểm thẩm mỹ của mình. Nếu như người Việt gọi tên những người nông dân côi cút, nghèo khó, trung thực,... trong các truyện cổ là *anh trai cày, người anh, người em, cô bé mồ côi*,... (phiếm chỉ) thì người Êđê đặt hẳn cho lớp nhân vật này một số cái tên cụ thể như Y Rit, Y Thi, Y Tung, Y Tang, H'Bia,... đặc biệt là Y Rít - cái tên đã được người Êđê sử dụng với tần suất cao trong các nhân vật truyện cổ tích và truyền thuyết. Các chàng trai can trường, khỏe mạnh đều được gọi là Dam (tương tự như cách gọi nhân vật Drit trong văn hóa dân gian của người J'rai). Trong luật tục (klei bhiã), người Êđê coi việc xét xử cũng giống như buổi sinh hoạt thường xuyên của cộng đồng. Hình thức tổ chức và cách thức sinh hoạt mang phong cách giao tiếp thông thường. Trong hoạt động giao tiếp này, người Êđê không dùng tên riêng để xưng hô khi suy xét hành vi của người vi phạm mà chỉ dùng đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số ít (ñu - hắn, y, nó) hoặc khi đối tượng bị đưa ra xét xử là số đông thì dùng đại từ ngôi thứ ba số nhiều (di ñu - chúng). Ví dụ "*Ñu hup kơ khil kũng, kơ kdũng mah ñu hop kơ ngãn sah mdrõng, ñu duah chỉ anak arãng h'aĩ*" (*Hắn thềm có cái khiên khum, thềm có cái tay nải thêu chỉ vàng, hắn thềm có của cải của người tù trưởng nhà giàu, nên hắn đã đem người ta đi bán rẻ*) [120; tr.180].

Theo chúng tôi, những trường hợp trên đây là cách gọi mang tính biểu trưng.

4.2.4. Văn hóa tên riêng truyền thống của người Êđê trong sự so sánh với văn hóa tên riêng các tộc người bản địa khác ở Tây Nguyên

Sự ra đời, quá trình phát triển của một quốc gia, một bộ tộc,... luôn chịu sự tác động, ảnh hưởng bởi những nhân tố bên trong và bên ngoài của chủ thể đó. Bởi vậy, khi nói đến các vấn đề như "nguồn gốc", "ý nghĩa" hay "sự ảnh hưởng" lẫn nhau về các phương diện giữa các chủ thể trong quá trình lịch sử cũng chỉ là tương đối, đặc biệt là những vấn đề phức tạp như văn hóa tộc người; vấn đề dòng họ... Và cũng chính vì vậy, nói đến khái niệm "truyền thống" trong văn hóa gọi tên của một

tộc người thì cơ sở chính là dựa vào sự định danh bằng ngôn ngữ của tộc người đó được xác định qua “lát cắt đồng đại”. Từ những chứng cứ lịch sử và kết quả qua điền dã, luận án bước đầu có cơ sở để phân biệt các chủ thể định danh qua “bức tranh chung” về tên riêng chỉ người các dân tộc được xem là bản địa ở Tây Nguyên.

4.2.4.1. Quan niệm về vấn đề dân tộc bản địa

“Bản địa” là thuật ngữ được giới nghiên cứu sử dụng khá phổ biến hiện nay với nhiều lĩnh vực như *văn hóa, tập quán, tư duy, phương thức canh tác, ...* (văn hóa bản địa, tập quán bản địa, tư duy bản địa, ...). Những hiểu biết về các lĩnh vực đó trên một địa bàn có tính đặc thù, một tộc người cư trú trên một địa phương nào đó được xác định là mang yếu tố “gốc” được gọi chung là *tri thức bản địa*. Từ điển tiếng Việt cho rằng “Bản địa là bản thân địa phương được nói đến”. Chẳng hạn, dân bản địa; nền văn hóa bản địa”[79, tr.28]. Quan niệm thông thường tại Việt Nam thì thuật ngữ “người bản địa” hay “thổ dân” dùng để chỉ những quần thể người sống nguyên thủy và đầu tiên hay là lâu đời tại một địa phương nào đó. Ví như nguồn gốc của phần lớn các dân tộc Việt Nam được nhà sử học Hà Văn Tấn khẳng định là “người bản địa”.

Như vậy, có thể nói, các dân tộc bản địa Tây Nguyên là những dân tộc có thời gian cư trú lâu đời trên địa bàn này với những nét đặc trưng văn hóa - tộc người, tập quán, tín ngưỡng, ... được xác định trên cơ sở những tiêu chí nhất định có tính gắn gũi, được hình thành trong những điều kiện tự nhiên và lịch sử nhất định. Trên cơ sở đó có thể xác định, các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên theo các đơn vị hành chính hiện hành gồm có: Êđê, J'rai, Mnông, Bahnar, Gié-Triêng, Sedang, Brâu, Romăm, Koho, Churu, Mạ. Trong đó các tộc người sử dụng ngôn ngữ dòng Malayo - Polinesien (Mã Lai - Đa Đảo) là Êđê, J'rai, Churu. Các tộc người còn lại sử dụng ngôn ngữ thuộc dòng ngôn ngữ Môn - Khmer².

² Người Stiêng chỉ có một bộ phận nhỏ sống ở Nam Tây Nguyên (xưa). Theo địa giới hiện nay, tộc người này không còn thuộc địa bàn các tỉnh Tây Nguyên nữa. Người Raglai chủ yếu sống ở phía tây Ninh Thuận, Bình Thuận, một số ở tây Phú Yên, Khánh Hòa. Chỉ có một bộ phận rất nhỏ (không đáng kể) sống ở Lâm Đồng. Vì vậy, chúng tôi không còn xếp vào danh mục các dân tộc bản địa Tây Nguyên.

4.2.4.2. Những nét tương đồng và khác biệt

Cùng cư trú lâu đời trên một địa bàn, chịu sự tác động của nhiều yếu tố tự nhiên và lịch sử xã hội khá giống nhau nên về văn hóa nói chung, tên riêng chỉ người nói riêng giữa các tộc người được coi là bản địa trên địa bàn có nhiều điểm tương đồng. Tuy nhiên, với tiến trình lịch sử riêng của từng dân tộc cùng những tác động bên ngoài, tên riêng chỉ người giữa họ vẫn tồn tại những yếu tố khác biệt. Có thể sơ lược một số nét cơ bản sau đây:

a) Những nét tương đồng

- Về danh tố đệm

Đầu thế kỷ XX, các tộc người bản địa Tây Nguyên đang trong bối cảnh chung là sự tồn tại của các quan hệ thị tộc, bộ lạc. Ở đây, những dấu vết của tổ chức công xã thị tộc còn rõ nét. Tín ngưỡng của các tộc người ở đây trước khi Pháp xâm lược đang ở thời kỳ phát triển cuối cùng của tín ngưỡng nguyên thủy. Vì vậy, văn hóa dòng họ các tộc người Tây Nguyên được ra đời khá muộn. Đến thời điểm hiện tại vẫn còn những tộc người chưa có thuật ngữ riêng để gọi tên họ của mình. Trước tình hình đó, các tộc người ở đây đã dùng tên đệm đi liền với tên cá nhân để định danh cho các đối tượng, nhằm để gọi tên, để phân biệt người này với người khác mà đặc biệt là để phân biệt giới tính trong bối cảnh một xã hội mẫu quyền và huyết thống được tính theo dòng nữ. Bởi vậy, trong cấu trúc tên riêng của các tộc người Tây Nguyên về cơ bản đều có tên đệm, cho dù sau đó một số tộc người đã có tên họ. Đây là dấu tích rõ ràng nhất về một quá trình tồn tại của chế độ thị tộc bộ lạc. Trong giao tiếp, danh tố tên cá nhân trong tên riêng chỉ người của các dân tộc đều không có khả năng dùng độc lập như ở tên cá nhân người Việt. Chẳng hạn, người Gié - Triêng và người Sedang ở Kon Tum chỉ có yếu tố đi kèm tên cá nhân mà chủ yếu là để phân biệt giới tính. Ví dụ, tên của người Gié - Triêng: Y Một (Y- chỉ phái nữ), A Vương (A - chỉ phái nam); tên của người Sedang: A Nhong (A - chỉ phái nam), Y Hên (Y- chỉ phái nữ). Người Bahnar về cơ bản không có thuật ngữ chỉ tên họ một cách rõ ràng. Phần lớn cũng chỉ dùng các yếu tố để phân biệt giới tính như người Gié - Triêng và người Sedang (Y - nữ; A - nam). Chẳng hạn, Y Lur (nữ); A

Pun (nam). Một bộ phận người Bahnar cư trú phía đông bắc Kon Tum thường sử dụng yếu tố “Đinh” như là tên họ (có người cho rằng đây là tên họ được nhà Nguyễn ban cho một nhóm cư dân thiểu số cư trú khu vực này trong đó có người Bahnar). Ví dụ: Đinh Thị Luyện, Đinh Phip. Người Mạ ở Lâm Đồng không dùng tên họ cũng không dùng danh tố cụ thể để chỉ giới tính mà quy định một số tên gọi riêng biệt cho nam và nữ. Ví dụ: “K'va Răng (nam), K'Bình (nữ)”[43]. Người Romăm và người Brâu cũng không có tên để chỉ một dòng họ cụ thể. Họ sử dụng các yếu tố để phân biệt giới tính (A - nam; Y- nữ). Ví dụ: A Biên (nam), Y Loan, Y Nga (nữ). Với người Koho, yếu tố phân biệt giới tính (K' - nam; Ka - nữ) và một số nhóm tộc người Mnông, các yếu tố phân biệt giới tính (K', Y, Điều - chỉ giới nam và H', Thị - chỉ giới nữ) cũng có chức năng như “danh tố đệm” kiểu “Văn”, “Thị” trong nhiều ngôn ngữ trong khu vực). Ví dụ: K'Broh, K'Briêu - nam; Ka Mac, Ka Míng - nữ (người Koho); Điều Kâu, Điều Klung, K'Bay; Y Roi, Y Chang - nam; H'Nhin, H'Wen, Thị Thôn, Thị Grom, Thị Srao - nữ (người Mnông).

Điểm chung nữa được kể đến về yếu tố được coi là “danh tố đệm” này trong tên riêng của các tộc người bản địa Tây Nguyên là về vị trí và cách thể hiện trong giao tiếp. Các yếu tố “đệm” này đều đứng trước và gắn chặt với tên cá nhân.

Người J'rai, một tộc người có số dân đông nhất và được coi là tộc người có tiến trình lịch sử phát triển sớm nhất trong các tộc người bản địa ở Tây Nguyên đã không còn quan tâm nhiều đến yếu tố “đệm” trong tên riêng chỉ người. Tên đệm (H') chỉ còn được sử dụng trong cơ cấu tên riêng của nữ giới (có tính bắt buộc). Trong tên riêng nam giới, yếu tố này chủ yếu tồn tại trong tên riêng một số người thuộc một bộ phận cư trú đan xen với các nhóm Êđê.

Như vậy, danh tố đệm trong THĐD tên riêng các tộc người bản địa ở Tây Nguyên được định danh theo lối truyền thống luôn tồn tại và có hình thức cấu trúc đơn. Về bản chất, đây là tín hiệu phân biệt giới tính; là dấu tích của thời kỳ tồn tại các quan hệ thị tộc bộ lạc khi các tộc người này chưa xuất hiện khái niệm dòng họ.

- Về danh tố tên cá nhân

Điểm chung về danh tố tên cá nhân trong tên riêng các tộc người bản địa ở Tây Nguyên là về cấu trúc nội bộ của danh tố này. Tên cá nhân của các tộc người ở

đây về cơ bản có cấu trúc đơn. Đặc điểm này phản ánh một thực tế là môi trường cư trú và điều kiện sinh hoạt khép kín kéo dài đã hạn chế lượng từ vựng của các tộc người. Cùng với đó là sự ra đời chữ viết khá muộn, thậm chí có tộc người đến nay vẫn chưa có chữ viết riêng. Về ý nghĩa, nếu như tên cá nhân người Êđê ít có mối liên hệ với hiện thực, nghĩa là rất ít trường hợp đồng âm với các từ mang ý nghĩa từ vựng thì ở người Kơho, tên cá nhân hầu như không mang nghĩa. Thực tế, “tên người trong tiếng Kơho rất ít khi trùng nhau”[126, tr. 25].

- Về danh tổ họ

Nét tương đồng về danh tổ họ trong THĐD tên riêng chỉ người của các tộc người bản địa ở Tây Nguyên được nhận ra từ đặc điểm của địa bàn cư trú, và chỉ được xác định trên cơ sở mối quan hệ giữa tên riêng người Êđê với cá biệt tên riêng một vài tộc người khác trên địa bàn.

Vấn đề lịch sử, cơ cấu dòng họ và tên họ là vấn đề phức tạp nhất trong tên riêng của người Êđê cũng như các tộc người bản địa ở Tây Nguyên. Trong số 11 tộc người được coi là bản địa nói trên, Êđê và J'rai là hai tộc người có tên họ một cách đầy đủ và rõ ràng nhất. Đặc biệt, các tên họ và vị trí của chúng trong cấu trúc THĐD tên người được coi là nhóm Mdhur của tộc người Êđê khá giống với họ của người J'rai. Một số tên họ của người Êđê đã mượn trực tiếp hoặc mô phỏng tên họ của người J'rai. Theo các nhà dân tộc học, người J'rai và người Êđê đã có một tiến trình lịch sử đặc trưng, có nhiều điểm tương đồng trong sự hình thành và phát triển dòng họ. Thậm chí họ còn cho rằng, hai tộc người này trong lịch sử vốn cùng bào tộc.

Giữa người Êđê và người Mnông cũng có những nét tương đồng về danh tổ họ. Việc cùng cư trú trên một khu vực thượng nguồn của hai con sông (Krông Ana, Krông Knô) và một thung lũng nằm giữa địa bàn của hai tộc người đã làm cho văn hóa truyền thống của các cư dân ở đây có nhiều nét tương đồng, trong đó có văn hóa định danh tên riêng chỉ người. Một số nhóm tộc người cư trú gần Êđê như: Mnông Gar, Mnông Kuảnh, Mnông R'lâm, có một số tên họ giống tên họ của người Êđê. Đặc biệt, về cấu trúc của THĐD hoàn toàn giống THĐD của tên riêng người Êđê, nghĩa là cấu trúc theo dạng tên đệm - tên cá nhân - tên họ. Ví dụ, Y Phat Teh,

H'Nhin Cil, H'Wen Bjrang, Y Phich Đăk Căt... Khảo sát 300 tên họ của người Mnông ở huyện Lăk và khu vực phụ cận thuộc hai tỉnh Dak Lăk và Dak Nông, bước đầu chúng tôi nhận diện được 42 tên họ, trong đó có 13 tên họ vốn thuộc hai hệ dòng Niê và Mlô của người Êđê (Kuan, Kbuôr, Knul, Hđok, Mlô, Niê, Hlong, Ayũn, Kpor, Buôn Krông, Êban, Kmăn, Teh) và 1 tên họ có nguồn gốc Kơho (Liêng). Trái lại, một số tên họ của người Êđê hiện tại, chúng tôi xác định là chúng có nguồn gốc Mnông (Ja, Je, Lông Ding, Liêng Hot, Ndu).

Việc lấy tên địa bàn cư trú hoặc tên gọi các con vật, đồ vật, hiện tượng làm tên họ là khá phổ biến đối với những tộc người có tên họ. Chẳng hạn, một số tên họ trong nhóm người Mnông Preh chủ yếu là tên gọi các địa danh (các bon), như: Bon Ding, Bon Dot, Bon N'glao, Bon Jôc Du, Bon Bu Krăk, Bon Bu Prâng,... hoặc tên gọi các con vật, đồ vật, hiện tượng: Kpor, Ya, Jâng Ray Yieh, Priêng.... Tương tự, người Êđê trong một số trường hợp, tên buôn trùng tên họ. Ví dụ: Buôn HDuk (thuộc họ H'Dok), Buôn Kbuôr (thuộc họ Kbuôr), Buôn Krông (thuộc họ Buôn Krông), Buôn Ktla (thuộc họ Ktla), Buôn Đap (thuộc họ Niê Buôn Đap), v.v ...

Việc lấy tên ông bà tổ tiên để đặt tên cho con cháu của người Êđê về cơ bản khá tương đồng với một số tộc người trong khu vực như Bahnar, Sedang, Gié - Triêng và một số nhóm tộc người Mnông, tuy có những nét chi tiết khác nhau, như lấy toàn bộ hay bộ phận trong cấu trúc tên gọi. Chẳng hạn, người Êđê lấy toàn bộ danh tố tên cá nhân của thế hệ ông bà tổ tiên để đặt tên cho trẻ nếu tên gọi đó được chọn lựa. Người Kơho và một số nhóm người Mnông lấy một bộ phận được họ quan niệm như là tên họ (trường hợp này một số người coi là danh tố đệm). Ví dụ: nếu tên gốc nam là K'Bip, tên gốc nữ là Ka Mar thì tên của những đứa con trai trong gia đình có thể là K'Broh, K'Brêu... những đứa con gái có thể là Ka Mac, Ka Ming... Đây là một hình thức biểu lộ sự tôn kính và mến tiếc các thế hệ ông bà tổ tiên. Bên cạnh đó là mong muốn những phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên ông bà sẽ nhập hồn vào đứa trẻ, và đứa trẻ cũng có được những phẩm chất đó.

Xét về mặt cấu trúc, danh tố họ trong tiếng Êđê khá giống với danh tố này trong tiếng Kơho. Tên họ trong tên riêng chỉ người của hai tộc người này có thể là một, hai hoặc ba yếu tố ứng với một, hai hoặc ba từ.

Êđê cũng như đại bộ phận các tộc người hoặc nhóm tộc người có tên họ, con cái đều được tính theo họ mẹ (mẫu hệ).

Ngoài ra khá nhiều tộc người trong khu vực đều có những giải pháp nhận diện hoặc duy trì tính liên tục của dòng họ trong cộng đồng bằng việc truyền đạt phả hệ qua hình thức truyền miệng (kể gia phả). Tuy nhiên, việc xuất hiện chữ viết đã làm cho việc xác định lịch sử dòng họ theo hình thức này của một số tộc người (như Êđê, J'rai) không còn được quan tâm duy trì. Với các tộc người hoặc nhóm tộc người chưa có hình thức tên họ một cách rõ ràng hoặc chưa có chữ viết riêng thường “khắc phục khó khăn” trong vấn đề xác định dòng tộc của mình bằng việc sử dụng hình thức lời nói vẫn kể lại “lai lịch” các thế hệ thuộc huyết thống để mà nhớ, mà biết sự gần xa để tránh trường hợp anh em, chị em gần lấy nhau. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn ở đây là tránh “cận huyết thông” trong hôn nhân. Ví dụ, nghệ nhân Điểu Kâu (người Mnông Bu Nâr) xã Dak Rung, huyện Dak Song, tỉnh Dak Nông kể lại gia phả của dòng họ, có đoạn như sau:

“... Cây gle của ông Sơ

Cây gle pan, ông Sơ trồng; cây rhach dăm pang de ông Sơ trồng

Đất ở thung lũng do bà Pang canh giữ. Ông Sơ lấy bà Pang, sinh ra ông Tông.

Ông Tông lấy bà Bung sinh ra bà Khuă.

Núi N'jang ông Đông canh giữ. Bà Khuă lấy ông Đông, sinh ra ông Tôh...”

Một trong những nội dung của Sử thi Mnông *Nkoch rnoi deh konsau me Chêp* (Kể dòng con cháu mẹ Chêp) cũng đã thể hiện rõ điều này.

Ví dụ: *U Chêp bả dǎng saơ u Chăp*

(Bà Chêp sinh ra bà mẹ Chăp)

U Chăp bả dǎng saơ u Chau

(Bà Chăp sinh ra bà mẹ Chau)

U Chau bả dǎng saơ Grên me Grăn

(Bà Chau sinh ra bà mẹ Grên, Grăn)

Me Grăn bả saơ Kuah me Bong

(Mẹ Grăn sinh mẹ Kuah mẹ Bong)

Me Kuah bả saơ Srut ma Prăk...

(Mẹ Kuah sinh mẹ Srut mẹ Prăk)...

Có thể hình dung lịch sử dòng họ của người Mnông qua *tự truyện* của họ: “Lúc đầu sinh ra trăng sao, cây cỏ, muôn loài. Sau đó mẹ Chêp sinh ra mẹ Chăp, mẹ Chăp sinh ra mẹ Chau, mẹ Chau sinh ra mẹ Grên, Grăn,... Từ các bà tổ đó sinh ra 53

dòng họ Mnông, mỗi dòng họ do một bà mẹ đứng đầu, các con lấy tên của mẹ làm họ”[5, tr.8]. Người Brâu và người Romăm cũng có cách tính họ tộc theo huyết thống tới 10 đời với hình thức tự chọn (theo bên vợ hoặc bên chồng) nhưng chủ yếu là tính theo bên chồng, và được duy trì bằng phương thức truyền miệng. Ý nghĩa của giải pháp này là “truyền đạt” để các thế hệ biết được quan hệ huyết thống (sau 5 đời được kết hôn).

b) Những nét khác biệt

Nét khác biệt về tên riêng của người Êđê so với các tộc người khác ở Tây Nguyên là cấu tạo của THĐD. Về cấu tạo tên riêng chỉ người theo cách truyền thống có thể nhận thấy: các danh tố tham gia trong THĐD của tên riêng người Êđê, về cơ bản phải hội tụ đầy đủ 3 danh tố: danh tố đệm (Dđ), danh tố tên cá nhân (Dt), danh tố họ (Dh). Ví dụ: Y Ngông Niê Kdam, H’Luôk Niê, Y Nguyên Mlô Duôn Du...(trừ tên nam giới của nhóm Êđê Mdhur ở Êa H’Leo). Điều này khác với tên riêng chỉ người của nhiều tộc người khác trên địa bàn (kể cả người Việt). Một số trường hợp có tên họ nhưng tên đệm chỉ xuất hiện trong cấu trúc tên gọi của nữ giới mà không xuất hiện trong tên gọi của nam giới. Đây là cấu trúc tên gọi của người J’rai. Trường hợp có tên họ nhưng tên đệm chỉ xuất hiện trong cấu trúc tên gọi của nữ giới một cách bắt buộc mà không nhất thiết xuất hiện trong tên gọi của nam giới. Đây là cấu trúc tên gọi của người Êđê nhóm Mdhur ở Êa H’Leo (nhóm ngoại biên). Chẳng hạn: Ksor Phước, Nay Druanl, Siu Poi (nam giới - tên người J’rai - có tên họ, không có tên đệm); Ksor H’Chap, Nay H’Dul (nữ giới - tên người J’rai - có tên họ, tên đệm); R’căm Sơn, Kpă Glen, Ksor Leng (nam giới - tên người Êđê nhóm ngoại biên - có tên họ, không có tên đệm); Ksor H’Ding, R’căm H’Phuk, Kpă H’Đoan (nữ giới - tên người Êđê nhóm ngoại biên - có tên họ, tên đệm). Với người Mnông, những nhóm tộc người có tên họ thì tên đệm vẫn luôn xuất hiện trong THĐD của cả nữ giới và nam giới theo dạng cấu trúc: tên đệm - tên cá nhân - tên họ. Ví dụ: H’Uyn Ksrăng, H’Diêm Tor, H’Tâm Long Dinh, H’Ốc Dơng Jri (nữ giới); Y Dăm Cil, Y Hai Đăk Căt (nam giới - tên người Mnông - có tên đệm, tên họ). Trật tự sắp xếp các danh tố trong THĐD của tên riêng người Êđê phải theo trình tự: danh

tổ đệm - danh tố tên cá nhân - danh tố họ (trừ nhóm ngoại biên). Trật tự sắp xếp này có tính bắt buộc và khác hẳn với trật tự các danh tố trong THĐD tên riêng người Việt cũng như các tộc người thiểu số khác (trừ một số nhóm Mnông sống gần Êđê).

Nét khác biệt trong văn hóa về định danh tên riêng của người Êđê so với các tộc người khác trên địa bàn cần nhắc đến, đó là tâm lí định danh. Nếu như người J'rai, Mnông hay Koho quan tâm đến việc lấy tên gọi các đối tượng địa lí, đặc biệt là địa lí tự nhiên để định danh cho tên riêng của người, thì người Êđê lại có tâm lí ngược lại. Quan điểm tôn giáo “đa thần” và quan niệm “vạn vật hữu linh” đã chi phối tất cả mọi phương diện của đời sống vật chất và tinh thần của tộc người này, trong đó có văn hóa định danh. Vì vậy, tên riêng của người Êđê rất ít trường hợp liên quan đến những từ ngữ mang nội dung phản ánh hiện thực. Những trường hợp đồng âm với các từ ngữ mang ý nghĩa từ vựng thì cũng thường là những lớp từ ngữ chỉ các vật dụng gắn với sinh hoạt hàng ngày hoặc những con vật gần gũi,...

4.3. Vấn đề chính tả và cách đọc tên riêng người Êđê

“Chữ viết là vỏ vật chất bậc hai của ngôn ngữ sau vỏ âm thanh. Chức năng cơ bản của nó là chức năng biểu thị hệ thống âm thanh của ngôn ngữ” [108, tr.126]. Để thực hiện chức năng này, ngôn ngữ sử dụng hệ thống chữ cái được viết theo cùng một kiểu trên cơ sở một quy tắc kết hợp nhất định. Trong mục này, chúng tôi chủ yếu bàn về quy tắc chính tả, trong đó có quy tắc viết hoa tên riêng người Êđê cũng như cách thể hiện tên riêng từ hình thức tự dạng sang hình thức âm thanh.

4.3.1. Thực trạng vấn đề chính tả và cách đọc tên riêng người Êđê

Là một ngôn ngữ đơn lập, tiếng Êđê phát triển theo chiều hướng đơn tiết hóa mạnh. Chữ viết Êđê sử dụng bộ chữ cái Latin. Các lớp từ vựng Êđê, đặc biệt là lớp từ láy và từ ghép được tạo thành trên cơ sở các phương thức gắn với các phương thức cấu tạo từ tiếng Việt. Cấu trúc cú pháp của tiếng Êđê và tiếng Việt về cơ bản có tính tương đồng. Đây là những yếu tố thuận lợi cho vấn đề chính tả và đọc tên riêng của tộc người này đối với các đối tượng là người Việt. Tuy nhiên, tiếng Êđê cũng có một số yếu tố đặc trưng, khác biệt.

- Trong tiếng Êđê, bộ phận âm đầu có thể là một phụ âm, cũng có thể là một tổ hợp (gồm 2 hoặc 3 phụ âm). Trong tổ hợp nhiều phụ âm, thông thường các vị trí cũng xuất hiện một số phụ âm có tính định vị. Chẳng hạn, trường hợp tổ hợp 3 phụ âm thì vị trí thứ nhất trong tổ hợp thường là vị trí của các phụ âm k, h, m. Vị trí thứ ba thường là vị trí của các phụ âm r, h, l. Vị trí thứ hai là vị trí của tất cả các phụ âm có thể tham gia. Đây là khó khăn lớn nhất trong việc xác định các đơn vị ngôn ngữ (âm tiết, hình vị, từ) trong tiếng Êđê. Điều đó dẫn tới khó khăn trong chính tả và đọc tên riêng tộc người này.

- Tiếng Êđê không có thanh điệu. Điểm này giống với ngôn ngữ nhiều quốc gia. Thực tế trên đã gây nhiều trở ngại cho quá trình giao tiếp trên nhiều phương diện giữa người Êđê với các tộc người khác, trong đó có vấn đề sử dụng tên riêng.

- Về mặt hành chức, đại bộ phận âm tiết trong tiếng Êđê có giá trị tương tự như âm tiết tiếng Việt. Về mặt hình thức, mỗi hình vị trong tiếng Êđê thường là một âm tiết. Tuy vậy, trong tiếng Êđê vẫn còn một số phụ tố (chúng nhỏ hơn âm tiết). Ví dụ, trong một số trường hợp, hình vị nhỏ hơn âm tiết. Ví dụ: **m**khăp (yêu nhau), **m**boh (ra quả), **h**druôm (cái bọc),...

Có thể nói, những tồn tại về chính tả và cách đọc tên riêng hiện nay đối với người Êđê cũng như người Việt cũng xuất phát từ những sự khác biệt này.

Theo nguyên tắc chính tả, một âm chỉ do một kí hiệu biểu thị. Nghĩa là một kí hiệu luôn luôn chỉ có một giá trị, tức biểu thị một âm duy nhất ở mọi vị trí trong từ. Vi phạm nguyên tắc tương ứng 1-1, hoặc vi phạm tính đơn trị của kí hiệu là sai chính tả. Thực tế thì trong bản thân tiếng Việt hiện tại cũng chưa hoàn toàn đáp ứng được nguyên tắc này. Trong lúc đó, chữ viết trong tiếng Êđê cũng có một số ký tự khác biệt. Chẳng hạn, một số kí tự của tiếng Êđê mà tiếng Việt không có như: b, c, ẽ, ẽ, i, j, ñ, ỏ, ỏ, ỡ, ử, ử, w. Trong thực tế giao tiếp, ngoại trừ trường hợp c (tương ứng ch), ñ (tương ứng nh), w (tương ứng v) trong tiếng Việt, còn lại về cơ bản chúng không gây trở ngại đáng kể khi đọc, bởi chúng gần âm với các kí tự tương đương trong tiếng Việt mà người tiếp nhận đều có được một âm phù hợp khi nghe. Chúng ta chỉ nhìn thấy sự khác nhau rõ ràng nhất khi miêu tả âm vị học. Tuy nhiên,

với vấn đề chính tả thì sự khác nhau về ký tự trên đây cũng là một áp lực rất lớn. Có thể thấy một số biểu hiện về những bất cập và khó khăn về chính tả và đọc tên riêng người Êđê như sau:

- Người tham gia giao tiếp không biết được nguyên tắc cấu tạo chữ viết Êđê;
- Không nắm được mối quan hệ giữa âm tiết và hình vị trong ngôn ngữ này;
- Không xác định được các danh tố trong cấu trúc tên riêng của người Êđê;
- Không xác định được ranh giới giữa các âm tiết trong THĐD tên riêng chỉ

người trong tiếng Êđê

Việc không biết nguyên tắc cấu tạo chữ viết Êđê sẽ khó khăn trong việc viết và đọc tên riêng chỉ người của tộc người này. Không nắm được mối quan hệ giữa âm tiết và hình vị trong tiếng Êđê sẽ không xác định được ký tự trong âm tiết cần viết hoa (trong tiếng Êđê, một số trường hợp âm tiết lớn hơn hình vị).

Việc không xác định được cụ thể cách thức đặt tên người của các dân tộc thiểu số bản địa ở Tây Nguyên nói chung và người Êđê nói riêng đã dẫn tới việc nhận diện sai các danh tố trong THĐD của tên riêng. Đặc biệt, việc viết hoặc đọc tên riêng của cư dân tộc người này trở nên thiếu nhất quán và không phù hợp với văn hóa về tên riêng của đối tượng được phản ánh. Trong khi các tộc người (có thuật ngữ chỉ tên dòng họ), các danh tố trong THĐD đều được thiết lập theo trình tự tên họ - tên đệm - tên cá nhân thì Êđê là tộc người duy nhất ở Tây Nguyên và ở Việt Nam có cấu trúc tên riêng hoàn toàn khác biệt với bộ phận các tộc người còn lại và khá giống với cấu trúc tên riêng của nhiều dân tộc phương Tây. Sự khác nhau về ngôn ngữ và văn hóa định danh đã dẫn tới nhiều hệ lụy trong giao tiếp, gây trở ngại cho việc sử dụng tên riêng Êđê khi tham gia các hoạt động xã hội của tộc người này. Có thể chỉ ra hai vấn đề cơ bản sau: *Thứ nhất*, không hiểu văn hóa định danh tên riêng người Êđê. Thực tế này đã dẫn tới những nhầm lẫn trong nhận diện các danh tố. Nhiều cán bộ thống kê, cán bộ hộ tịch, giáo viên,... khi thiết lập danh sách người Êđê đã không phân biệt được đâu là tên họ, đâu là tên cá nhân và đâu là tên đệm. Nhiều trường hợp khi viết lại đảo trật tự theo trình tự cấu trúc tên riêng của các tộc người khác, đó là cấu trúc: tên họ - tên đệm - tên cá nhân. Họ quan niệm trong danh

sách thống kê, cột *họ và tên* nghĩa là phải ghi theo trình tự như vậy mà không hiểu rằng, cột này thực chất là để ghi tên riêng của mỗi người được thống kê theo cách thức của văn hóa định danh từng tộc người quy định. Chẳng hạn có trường hợp viết *Buôn Krông Y Nuê*, trong đó, *Buôn Krông* (tên họ) *Y* (tên đệm) *Nuê* (tên cá nhân), trong lúc đòi hỏi phải được thể hiện theo đúng trình tự của cấu trúc tên riêng người Êđê là *Y Nuê Buôn Krông*. Thực tế trong giai đoạn hiện nay, một số trường hợp đã có ý thức thay đổi vị trí các danh tố trong kết cấu tên gọi. Không ít người làm thống kê đã suy diễn, tự ý viết theo cách phổ biến của các nhóm Êđê. Ví dụ *Niê Thuật* được viết là *Y Thuật Niê* (đảo trật tự các danh tố). Ngược lại, trường hợp *Y Thanh Hà Niê Kdam* lại được viết là *Niê Kdam Thanh Hà* (thiếu danh tố đệm và không phù hợp với vị trí của danh tố họ và danh tố đệm trong tên riêng của đối tượng đó). Thứ hai, không nhận diện được các danh tố trong THĐD tên riêng người Êđê. Tình trạng này cũng đã dẫn tới một hệ quả là thể hiện không đúng vai trò của các hình vị cũng như các âm tiết trong cấu trúc. Chẳng hạn, tên riêng cố Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội, Nhà giáo nhân dân *Y Ngông Niê Kdam*, phải được phát âm theo đúng nhóm ký tự như vậy (*Y* - tên đệm, *Ngông* - tên cá nhân, *Niê Kdam* - tên họ), trong lúc nhiều người (kể cả trên phương tiện thông tin đại chúng) đọc là *Y Ngông Niêk đăm*. Đọc và viết như vậy là đã không ghi nhận được một cách đầy đủ và chính xác danh tố họ. Nói cách khác là đã viết và đọc sai tên họ. Nhiều con đường (kể cả ở thành phố cao nguyên Buôn Ma Thuột) mang tên các danh nhân người Êđê, chỉ được ghi tên cá nhân mà không ghi đầy đủ tổ hợp tên riêng (THĐD) như người Việt. Ví dụ: đường *Y Wang* (tên đầy đủ là *Y Wang Mlô Duôn Du*), đường *Y Bi* (tên đầy đủ là *Y Bi Aliô*), đường *Y Nuê* (tên đầy đủ là *Y Nuê Buôn Krông*),... trong khi những con đường mang tên các danh nhân người Việt thì được ghi đầy đủ các danh tố trong cấu trúc của THĐD. Chẳng hạn, đường *Nguyễn Chí Thanh*, đường *Lý Thường Kiệt*, đường *Nguyễn Du*, đường *Nguyễn Trãi*, đường *Lê Duẩn*,...

Theo nhìn nhận ban đầu của chúng tôi, nhiều trường hợp cha mẹ là người Êđê khi sinh con không biết chữ (chữ Êđê và chữ quốc ngữ), cho nên khi đặt tên con chỉ đưa ra một tên gọi trên cơ sở dựa vào đặc điểm, hoàn cảnh lúc đưa trẻ chào đời hoặc

thầy cúng đề xuất. Nhiều gia đình ở vùng sâu, vùng xa sinh con ba bốn năm sau mới làm giấy khai sinh. Khi đến ủy ban nhân dân xã, cán bộ hộ tịch được nghe chủ thể khai báo thông tin phát âm (gọi tên) đúng nhưng họ lại không có khả năng giúp người viết viết đúng tên đối tượng được định danh, trong lúc nhiều cán bộ hộ tịch của xã không biết tiếng và chữ Êđê. Vì thế, không ít trường hợp tên cá nhân của người Êđê được tạo thành bởi một tổ hợp các yếu tố không đúng với thực tế tên gọi mà chủ thể gửi gắm. Khi đến trường học, các giáo viên phải dựa vào giấy khai sinh để ghi họ tên của các em học sinh. Sau này, các em biết chữ mới ghi đúng tên của mình. Hậu quả là tên riêng giữa các hồ sơ sau đó đã không trùng khớp với tên riêng trong giấy khai sinh.

Khi người Êđê tham gia các hoạt động xã hội liên quan đến phần ghi *họ* và *tên* cũng không kém phần rắc rối. Đó là qua mỗi lần ghi tên, gọi tên là có sự thay đổi về ký hiệu do người đảm nhiệm công việc đó không biết tiếng của tộc người này. Phần lớn tên của người Êđê được những người này viết ra không phù hợp với ngôn ngữ của họ, và trong nhiều trường hợp được phiên âm thành tiếng Việt. Do khác nhau về ngôn ngữ (tiếng Êđê không có thanh điệu) nên khi viết và phát âm khác nhau. Nhiều người Việt không biết tiếng Êđê thường thêm thanh điệu khi viết và đọc tên riêng của tộc người này. Ví dụ: Buôn Ma Thuột được viết và đọc thành Buôn Ma Thuột; Y Niết Niê được viết và đọc thành Y Niết Niê; Y Bi Alio được viết và đọc thành Y Bí Alio; Y Jút Hwing được viết và đọc thành Y Jút Hwing; Y Tlũ Niê được viết và đọc thành Y Tlú Niê; Y Thok Mlô được viết và đọc là Y Thức Mlô... Các nhân vật trong các tác phẩm *khan, cổ tích* thường được người sưu tầm biên soạn ghi theo lối phiên âm.

Nguyên nhân của tình trạng trên không chỉ do các đối tượng liên quan không biết tiếng của nhau giữa người Êđê và người Việt mà còn do sự hòa trộn, giao thoa giữa tiếng Êđê và tiếng của các dân tộc khác như J'rai, Mnông, Koho,... và phần nào là ảnh hưởng của tiếng Pháp, tiếng Anh. Trước đây chưa có phần mềm chữ viết Êđê nên các văn bản đánh máy không có khả năng thể hiện các ký tự đặc trưng chữ viết này. Điều đó cũng dẫn tới những sai lệch đáng kể về sử dụng tên riêng trong các hoạt động giao tiếp.

4.3.2. Khuyến nghị

Từ những vấn đề trên, việc đọc và viết chính tả tên riêng người Êđê cần phải nhận diện một số vấn đề: *Thứ nhất*, cần xác định điểm khác biệt trong cấu trúc của THĐD tên người Êđê so với cấu trúc của tên riêng chỉ người trong các ngôn ngữ khác. *Thứ hai*, cần phải xác định được ranh giới của các âm tiết trong tiếng Êđê. Về những điểm khác biệt trong cấu trúc tên riêng của người Êđê, luận án đã phân tích ở mục (4.4.2.2). Việc không xác định được ranh giới các âm tiết trong tiếng Êđê có nghĩa là không xác định được các danh tố và thành tố tham gia cấu trúc của THĐD. Điều này cho thấy, cho dù nắm vững cách thức viết hoa tên riêng người Việt thì chưa hẳn đã không còn trở ngại trong vấn đề chính tả và đọc tên riêng người Êđê.

Để hạn chế được tình trạng trên, theo chúng tôi, cần xác định được vai trò của hai chủ thể, đó là chủ thể giao tiếp và vai trò quản lí của cơ quan nhà nước. Về chủ thể giao tiếp, trước hết cần có những hiểu biết nhất định về tiếng Êđê, đặc biệt là một số vấn đề cơ bản về âm tiết và cấu tạo từ trong tiếng Êđê. Cũng như tiếng Việt, tiếng Êđê là ngôn ngữ đơn lập, phát triển theo hướng đơn tiết hóa hoàn toàn. Bởi vậy, cách thức viết hoa tên riêng bằng tiếng Êđê cũng thực hiện như các quy định về cách viết hoa tên riêng trong tiếng Việt. Nghĩa là, viết hoa tất cả các chữ cái đứng đầu các âm tiết (kể cả các âm tiết có sự tham gia của nhiều phụ âm). Ví dụ: *Y Tlam Kbuôr* (*Tlam* - 2 phụ âm trước, *Kbuôr* - 2 phụ âm trước thì viết hoa phụ âm đứng đầu, tức phụ âm *T* của âm tiết *Tlam* và phụ âm *K* của âm tiết *Kbuôr*), *Y Bhiêp Ktla* (*Bhiêp* - 2 phụ âm trước, *Ktla* - 3 phụ âm trước thì viết hoa phụ âm đứng đầu mỗi âm tiết, tức là viết hoa phụ âm *B* của âm tiết *Bhiêp* và viết hoa phụ âm *K* trong âm tiết *Ktla*). Giữa các âm tiết trong cấu trúc tên riêng không dùng dấu gạch ngang (-). Tiếng Êđê là một ngôn ngữ không có thanh điệu. Vì vậy, trong chính tả tên riêng không tùy tiện đặt thanh điệu vào các vị trí theo lối suy luận hoặc dựa vào tính gần gũi trong phát âm. Khi chuyển đổi từ hình thức tự dạng sang hình thức âm thanh, cần thể hiện đúng với âm thanh của ngôn ngữ không có thanh điệu. Ví dụ: *Y Thuôt Niê*, *Y Thok Mlô* (các âm tiết *Thuôt* và *Thok* không có thanh điệu). Về mặt hình thức, cơ bản mỗi hình vị trong tiếng Êđê là một âm tiết. Trong chính tả tên

riêng người Êđê, không dùng lối viết tắt theo kiểu *B'krông*, *B'yă* mà phải viết đúng theo cách phát âm: *Buôn Krông*, *Buôn Yă*.

Về vai trò quản lí của cơ quan nhà nước, bên cạnh quy định cụ thể về viết tên riêng của người dân tộc thiểu số theo đúng ngôn ngữ của dân tộc đó, cần có đội ngũ cán bộ, giáo viên chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, điều chỉnh cho phù hợp với những quy định đó trong việc sử dụng các hình thức tên riêng trong các hoạt động giao tiếp. Với tên riêng người Êđê, phải viết đúng cách đọc cũng như đúng kí tự của ngôn ngữ này, bởi tiếng Êđê và tiếng Việt đang cùng sử dụng hệ thống *chữ cái* khá giống nhau. Điều đó thể hiện sự tôn trọng bản sắc văn hóa của người dân tộc thiểu số qua ngôn ngữ tên riêng, đồng thời biểu hiện được đúng bản chất các yếu tố từ ngữ trong giao tiếp.

Để thực hiện yêu cầu này, cán bộ hộ tịch, hộ khẩu các địa phương có cư dân là người dân tộc thiểu số sinh sống phải biết ít nhất một ngôn ngữ dân tộc thiểu số thông dụng. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương yêu cầu cán bộ hoạt động trên địa bàn có người dân tộc thiểu số phải học ngôn ngữ của người bản địa. Điều đó đã đáp ứng được phần nào yêu cầu trên.

Tuy nhiên, khi thực hiện những yêu cầu trên cần nắm được sự khác biệt giữa tên riêng của một bộ phận thuộc nhóm Mdhur ở Êa H'Leo (nhóm ngoại biên) với các nhóm khác của người Êđê, đặc biệt là về cấu trúc của THĐĐ. Cấu trúc THĐĐ tên riêng chỉ người của bộ phận thuộc nhóm ngoại biên giống cấu trúc THĐĐ tên riêng người Việt cũng như các tộc người thiểu số khác ở Tây Nguyên và cả nước. Dấu hiệu để có thể nhận diện nhóm tộc người này là hệ thống tên họ. Tên họ của nhóm Êđê này về cơ bản khá giống tên họ của người J'rai. Nếu là nam giới có thể dựa vào nét đặc trưng của tên đệm. Phần lớn, tên riêng nam giới của nhóm tộc người này không nhất thiết hiện hữu tên đệm. Ví dụ: *Nay Bleh*, *Nay Jăm*, *Ksor Bô*, *Kpă Hoan*... Trường hợp biểu thị danh tố đệm trong tổ hợp định danh tên riêng nam giới ở nhóm tộc người này là rất hi hữu. Ví dụ: *Ksor Y Hanh*, *Kpă Y Chung*... Khảo sát 600 người Êđê thuộc nhóm ngoại biên với nhiều lứa tuổi khác nhau tại buôn Mnüt và buôn Cừ, xã Êa Sol, huyện Êa Hleo (tháng 12/2015) có kết quả là: 27/363

nam có danh tố đệm (7,6 %), trong khi toàn bộ tên riêng nữ giới (237/237) đều có danh tố này.

4.4. Tiểu kết

Nội dung của chương này chủ yếu tìm hiểu những nét đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của tên riêng người Êđê được biểu hiện cụ thể trên một số phương diện. Kết quả khảo sát tên riêng người Êđê trên cơ sở mối quan hệ với ngôn ngữ và thực tế hành chức cho thấy: về một số phương diện, tên riêng chỉ người có thể ghi lại dấu ấn của văn hóa qua những yếu tố gọi tên. Tiếp cận tên riêng người Êđê dưới góc độ ngôn ngữ - văn hóa, ta thấy rõ những ảnh hưởng của văn hóa đối với ngôn ngữ, đối với tên riêng cũng như những nội dung, ý nghĩa, giá trị và sự biểu hiện của nó được phản ánh trong tên riêng, thông qua tên riêng.

Tên riêng người Êđê (đặc biệt là danh tố họ) góp phần lưu giữ trong mình những tư liệu, thông tin về văn hóa tinh thần của chủ thể sáng tạo ra nó và thể hiện khá rõ nét sự gắn bó lẫn nhau giữa các phương diện văn hóa sinh hoạt và văn hóa sản xuất. Người Êđê từ lâu không những đã biết chọn lựa những địa điểm tiện lợi cho việc sản xuất, cư trú mà còn biết ghi dấu ấn văn hóa qua những không gian địa lí này bằng việc tạo cho chúng những tên gọi gắn với các chủ thể (tên người) trong không gian sinh tồn ấy. Tên riêng người Êđê phản ánh những biểu hiện của văn hóa tộc người thông qua những yếu tố có liên quan như địa lí, lịch sử, tín ngưỡng, tâm lí ứng xử của con người và ngôn ngữ. Trong đó, ngôn ngữ là thành tố trực tiếp của văn hóa. Nó là phương tiện quan trọng nhất trong việc phản ánh văn hóa. Sự biểu hiện của văn hóa đa ngôn ngữ được thông qua các dấu hiệu về từ vựng, và cụ thể là tên riêng chỉ người qua tiếp xúc văn hóa. Những đặc trưng nghề nghiệp, những biểu hiện tín ngưỡng, những quan điểm tôn giáo, những ước vọng, cách ứng xử với tự nhiên và cộng đồng, cách lựa chọn và tiếp cận với những yếu tố ngoại lai,... đều là sự biểu hiện những nét đặc trưng văn hóa của người Êđê. Sự biến đổi của tên riêng người Êđê là một thực tế tất yếu của một xã hội phát triển đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào cộng đồng các dân tộc khác nhau kể cả các cộng đồng quốc tế, đặc biệt

là sự biến đổi do tiếp xúc với người Việt. Sự biến đổi tăng dần theo thời gian (giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước). Sự gia tăng dân số và sự phát triển kinh tế - xã hội kéo theo sự giao lưu, hội nhập đã tác động đến sự biến đổi về nhiều phương diện trong nhận thức của người bản địa. Thành phần dân tộc được phát triển theo tỷ lệ thuận của sự gia tăng dân số. Cơ cấu thành phần dân tộc đa dạng, tạo nên một nền văn hoá đa sắc tộc, đa ngôn ngữ, dẫn tới sự phát triển ngày càng phong phú các hình thức tên riêng chỉ người về phương diện cấu trúc, ý nghĩa và đa dạng về ngôn ngữ thể hiện. Sự phát triển các hình thức tên riêng người Êđê, bên cạnh thể hiện nét văn hóa đa dạng của quá trình hội nhập và phát triển của dân tộc này còn ghi nhận một thực tế: dấu ấn đặc trưng trong văn hóa tên riêng của dân tộc được lưu giữ bao đời đang đứng trước nguy cơ bị mai một, dần nhường chỗ cho các yếu tố ngoại lai. Sự biến đổi đó vừa là nguyên nhân bên trong vừa là nguyên nhân bên ngoài ngôn ngữ, trong đó nguyên nhân bên ngoài ngôn ngữ chi phối mạnh mẽ hơn cả. Chính nó đã kéo theo sự xuất hiện các nguyên nhân bên trong ngôn ngữ. Điều đó cho thấy, tên riêng người Êđê có thể biến đổi do sự diễn biến ngôn ngữ nhưng cũng có thể là do lịch sử, văn hóa mang lại.

So sánh một số đặc điểm của tên riêng người Êđê và tên riêng chỉ người các dân tộc bản địa trên địa bàn cho ta một bức tranh tổng quan (tuy rất sơ lược) những nét cơ bản về sự tương đồng và khác biệt về tên riêng chỉ người của các dân tộc bản địa Tây Nguyên. Giữa bức tranh toàn cảnh đó, tên riêng của người Êđê nổi lên với nhiều gam màu đặc trưng, và phải nói là có những nét độc đáo mà không tìm thấy trong bất cứ tên riêng chỉ người của dân tộc nào.

Việc tìm hiểu những đặc trưng cơ bản trong cách sử dụng tên gọi của người Êđê được biểu hiện thông qua các hình thức giao tiếp giúp ích cho việc tìm hiểu bản sắc văn hóa của dân tộc này thông qua việc đặt tên và gọi tên.

Chính tả và cách đọc tên riêng trong tiếng Êđê là một trong những vấn đề phức tạp và còn nhiều ý kiến khác nhau. Những ý kiến trên đây chỉ là giải pháp có tính chất đề xuất bước đầu qua nghiên cứu và thực tế trải nghiệm.

KẾT LUẬN

Khảo sát trên 2500 tên riêng các đối tượng với các lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính, các nhóm tộc người Êđê trên địa bàn nghiên cứu; trên cơ sở tham khảo các tư liệu thu thập được về những vấn đề liên quan, luận án kết luận một số vấn đề sau:

1. Tên riêng của người (hay tên riêng chỉ người) nằm trong hệ thống các loại tên riêng nói chung. Chúng đều là đối tượng của danh xưng học thuộc từ vựng học. Nghiên cứu tên riêng chỉ người là tìm hiểu các đặc điểm của chúng từ các bình diện khác nhau được tiếp cận trên cơ sở lí thuyết về tên riêng. Là sản phẩm của một cộng đồng sử dụng ngôn ngữ nhất định, tên riêng chỉ người mang đầy đủ những đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, tâm lý xã hội, đặc điểm không khí chính trị - xã hội... của cộng đồng đó. Bởi vậy, nghiên cứu tên riêng chỉ người nói chung, tên riêng người Êđê nói riêng, bên cạnh các phương pháp ngôn ngữ học mang tính chuyên biệt cần phải được tiếp cận vấn đề theo hướng đa ngành hoặc liên ngành.

2. Về cấu tạo và phương thức định danh tên riêng người Êđê ở Tây Nguyên có thể rút ra một số điểm chính yếu sau:

2.1. Bên cạnh phản ánh những đặc điểm của tên riêng chỉ người nói chung, cấu tạo của tên riêng người Êđê còn thể hiện nét đặc thù, và có thể nói là khác biệt so với hình thức cấu tạo của tên riêng các tộc người khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Sự khác biệt đó thể hiện ở cấu trúc của tổ hợp tên gọi cũng như cấu trúc các danh tố trong tổ hợp định danh, đặc biệt là danh tố họ và danh tố đệm. Trong lúc danh tố đệm chỉ duy nhất có một hình thức cấu trúc đơn, với chức năng duy nhất là để phân biệt giới tính thì danh tố họ lại có thể có nhiều yếu tố tham gia. Các danh tố họ có cấu trúc phức thường có hai hoặc ba danh tố bộ phận. Quan hệ giữa hệ dòng với các dòng họ, các chi họ là rất phức tạp. Mặc dù có thể được phát triển từ một hệ dòng, nhưng trong thực tế sử dụng cũng như trong tâm thức của người Êđê, vấn đề xuất xứ này không phải bao giờ cũng được quan tâm. Vì vậy, có thể nói rằng, danh tố họ trong tên riêng tộc người này chứa trong mình nó các cấp độ khác nhau của tổ chức dòng họ. Mỗi cấp độ của chúng là những đơn vị định

đanh có vai trò của một “từ” được cấu tạo từ một hoặc nhiều hơn một hình vị và có thể được dùng độc lập. Vì thế, xét về cấu tạo, trong nhiều trường hợp, tên họ của người Êđê cũng là một tổ hợp định danh giữ vai trò một danh tố trong toàn bộ tổ hợp tên riêng. Và cũng chính vì vậy, trong tên họ phức, các danh tố bộ phận đều được hình thành bởi hình thức ghép. Danh tố tên cá nhân có cấu trúc phức được hình thành bởi dạng thức kép. Trật tự sắp xếp các danh tố cùng sự phát triển đa dạng của các yếu tố trong tên họ làm nên sự độc đáo của tên riêng người Êđê.

2.2. Tên riêng người Êđê vận dụng các phương thức định danh cơ bản là phương thức tạo mới, phương thức chuyển hoá, phương thức rút gọn và phương thức vay mượn. Tên riêng người Êđê phản ánh sự phát triển ngôn ngữ của tộc người này trong mối quan hệ với tiếng Việt và ngôn ngữ các tộc người bản địa khác trên địa bàn - xét về mặt cấu tạo từ. Đó là việc sử dụng những yếu tố sẵn có của ngôn ngữ dân tộc mình, phát huy năng lực sản sinh của chúng, cùng với việc vay mượn có chọn lọc từ ngữ các ngôn ngữ khác để làm giàu cho vốn từ ngữ dân tộc.

3. Về ý nghĩa, nguồn gốc của tên riêng người Êđê, có thể thấy:

3.1. Cũng như tên riêng của các đối tượng trong danh học nói chung, tên riêng người Êđê không mang nghĩa từ vựng, bởi nó là tên gọi xác định. Tên riêng không hề liên quan đến bất kỳ khái niệm nào. Chúng chỉ có ý nghĩa trong sự gọi tên một đối tượng cá biệt và duy nhất trong sự phân biệt với đối tượng khác cùng loại. Đại bộ phận các danh tố của tên riêng người Êđê rất ít có mối liên hệ với hiện thực, đặc biệt rất ít có trường hợp đồng âm với những tên gọi có liên quan đến những đối tượng được coi là linh thiêng trong tâm thức của họ. Những yếu tố đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng đều mang ý nghĩa hàm chỉ, và có mối liên hệ với những gì thân quen, gần gũi trong cuộc sống gia đình hoặc cộng đồng. Tên riêng người Êđê ít có những lớp từ ngữ mang nghĩa từ vựng gắn với những ý tưởng, khát vọng mang tính “triết luận” như trong văn hóa về tên riêng của đa số người Việt. Cũng như tên riêng chỉ người nói chung, mỗi tên riêng của người Êđê đều mang tính *có lí do*. Ý nghĩa của các tên riêng này chỉ được hiểu đúng khi xác định nó là tên gọi, là có sự liên quan

đến đối tượng được đặt tên như thế nào. Trong số những nhóm ý nghĩa hàm chỉ trong tên riêng cũng như các bộ phận của tên riêng người Êđê được xác lập có thể nhận thấy, kiểu ý nghĩa thể hiện qua các yếu tố trong tên riêng là ý nghĩa phản ánh mối liên hệ giữa đối tượng với sự vật, hiện tượng hoặc một đối tượng khác có liên quan.

3.2. Việc xác định nguồn gốc của các danh tố trong tên riêng người Êđê, đặc biệt với danh tố họ là một việc không mấy giản đơn. Với những kết quả bước đầu có thể nói, nguồn gốc tên đệm trong tên riêng người Êđê chính là dấu tích của chế độ thị tộc bộ lạc. Sự ra đời của tên cá nhân là xuất phát từ nhu cầu giao tiếp và là hệ quả của tâm lí tộc người. Quá trình hình thành và phát triển lớp từ ngữ tên họ Êđê cũng chính là quá trình phát triển văn hóa tộc người trong bối cảnh một xã hội mẫu hệ với những tác động của yếu tố lịch sử và văn hóa đặc trưng. Với việc xác định, người Êđê ban đầu có hai nhóm chính là Kpã và Adham, cùng với đó là việc xác định các dòng họ của người Êđê được khởi nguồn từ hai hệ dòng Niê và Mlô, có thể thấy rằng, tên các dòng họ Êđê về cơ bản, luôn gắn với các nhóm tộc người và địa bàn cư trú. Nét đặc trưng trong việc phát triển dòng họ và sự hình thành nên hệ thống tên họ thể hiện tâm thức và lối tư duy truyền thống của người Êđê trong mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên.

4. Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa qua tên riêng người Êđê, cho thấy:

4.1. Mẫu hệ là nét văn hóa chung của đại bộ phận các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên. Xét về một số phương diện, đây là nét đặc trưng trong văn hóa về tên riêng của người Êđê - một trong những tộc người có hệ thống tên họ được hình thành và phát triển khá sớm. Các tập quán sinh hoạt, sản xuất; các quy tắc ứng xử, quy tắc quản lí cộng đồng,... của văn hóa tộc người Êđê đều được thể hiện rõ nét của văn hóa mẫu hệ, mà *chuê nuê* (nổi dòng) là điểm nổi bật và độc đáo nhất.

4.2. Cùng với sự tiếp xúc tộc người, sự tiếp xúc ngôn ngữ và văn hóa đã để lại những dấu ấn đậm nét trong tên riêng. Hầu hết tên riêng người Êđê đều được định danh bằng các phương thức vừa có tính phổ biến vừa có tính riêng biệt với các chế định ngôn ngữ - văn hóa khác nhau. Các tên riêng được định danh theo phương thức *chuyển hóa, rút gọn, vay mượn* là kết quả của chế định mang màu sắc văn hóa

học thuật, còn các tên riêng được định danh theo *phương thức tạo mới* là kết quả của chế định mang màu sắc văn hóa truyền thống.

4.3. Lịch sử hình thành và phát triển Tây Nguyên là nhân tố cơ bản tác động đến quá trình biến đổi của tên riêng tộc người này. Quá trình ấy thể hiện một sự biến động mạnh mẽ, sâu sắc về lịch sử, chính trị - xã hội của địa bàn. Sự biến đổi của tên riêng người Êđê thể hiện trên nhiều phương diện, trong đó có sự chi phối bởi quy luật ngôn ngữ. Có thể nói, sự biến đổi của tên riêng người Êđê thể hiện một sự biến đổi xã hội theo xu thế phát triển. Về phương diện nào đó của văn hóa, sự biến đổi này đã làm mất đi nét đặc trưng mang tính truyền thống của dân tộc. Như vậy, sự biến đổi của tên riêng người Êđê, về cơ bản phụ thuộc vào hiện thực khách quan, các chế định lịch sử và văn hoá của tộc người. Có thể nói rằng: dân tộc, tộc người với ngôn ngữ khác nhau sẽ tạo nên những hệ thống tên riêng khác nhau về phương thức định danh, cấu tạo, nguồn gốc, ý nghĩa và sự biến đổi. Thậm chí, trong một ngôn ngữ nhưng ở mỗi địa phương, mỗi thời kỳ khác nhau cũng tạo ra những khác biệt, đã kéo theo sự biến đổi của tên riêng chỉ người cả về ngữ âm và tự dạng.

4.4. Tên riêng người Êđê trong bức tranh chung về tên riêng các tộc người bản địa ở Tây Nguyên cung cấp những cứ liệu về sự tiếp xúc ngôn ngữ, văn hoá khu vực; cho ta một cái nhìn cụ thể hơn về những nét tương đồng và khác biệt giữa các nền văn hóa mà cụ thể là văn hóa định danh; thấy được sự đa dạng, phong phú trong quá trình hình thành, phát triển và biến đổi của tên riêng chỉ người trên địa bàn.

4.5. Cũng như tên riêng nói chung, tên riêng người Êđê thực hiện đầy đủ các chức năng của mình trong hoạt động giao tiếp. Người Êđê sử dụng tên riêng trong giao tiếp mang đậm phong cách hội thoại (kể cả trong giao tiếp quy thức). Bên cạnh sự tuân thủ có tính quy thức trong giao tiếp hành chính, người Êđê vẫn có thiên hướng “phi quy thức hóa” những trường hợp có thể. Đặc điểm môi trường cư trú trong lịch sử đã làm cho người Êđê định hình một tâm lí ưa chuộng cách sử dụng tên riêng trong giao tiếp một cách giản tiện, tạo sự gần gũi, thân mật.

4.6. Quá trình nghiên cứu tên riêng người Êđê cũng đã đặt ra một số vấn đề cần được xem xét giải quyết, như vấn đề chính tả và cách đọc tên riêng. Trong luận án, chúng tôi đã nêu một vài thực trạng cũng như trình bày một số ý kiến khuyến

ngộ cho vấn đề. Cần có sự thống nhất trong cách viết, cách gọi tên riêng chỉ người cho phù hợp trong giao tiếp, trong các loại hình văn bản và trên các phương tiện truyền thông trong bối cảnh một địa bàn đa sắc tộc, đa ngôn ngữ. Việc đặt tên mới, thay thế, sửa đổi tên ít nhiều phản ánh được sự kế thừa và bảo lưu. Đây mới chỉ là giải pháp có tính chất đề xuất dựa trên thực tế các kết quả nghiên cứu đã được trình bày trong luận án. Vấn đề này thiết nghĩ cần được tiếp tục nghiên cứu, thảo luận.

Những kết quả của luận án chắc chắn sẽ còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết thoả đáng, thậm chí có thể còn những sai sót nhất định. Chúng tôi mong được các nhà nghiên cứu, các đồng nghiệp góp ý kiến để vấn đề được tiếp tục giải quyết một cách đầy đủ, thuyết phục hơn ở các công trình nghiên cứu tiếp theo.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

1. Đặng Minh Tâm (2015), “Văn hóa địa danh và nhân danh của người Êđê ở Tây Nguyên dưới sự tác động của quan niệm “vạn vật hữu linh”, *Đại học Sư phạm Hà Nội* (số 5), tr. 64 - 71.
2. Đặng Minh Tâm (2015), “Bước đầu tìm hiểu sự hình thành và biến đổi nhân danh của người Êđê ở Tây Nguyên”, *Ngôn ngữ & Đời sống* (số 8), tr. 86 - 92.
3. Đặng Minh Tâm (2016), “Bước đầu tìm hiểu ý nghĩa của tên riêng người Êđê” *Khoa học Xã hội Tây Nguyên* (số 4), tr. 55 - 64.
4. Đặng Minh Tâm (2017), “Sự hình thành, phát triển lớp từ ngữ chỉ tên dòng họ của người Êđê ở Tây Nguyên”, *Ngôn ngữ & Đời sống* (số 1), tr. 97 - 102.
5. Đặng Minh Tâm (2017), “Về tên họ của các tộc người bản địa ở Tây Nguyên”, *Tạp chí LanBiang* (số 3), tr. 83 - 89.
6. Đặng Minh Tâm (2018), “Cấu tạo tên riêng của người Êđê”, *Ngôn ngữ* (số 2) tr. 65 - 80.
7. Đặng Minh Tâm (2018), “Tên họ của người Êđê - nguồn gốc, cấu tạo và cách sử dụng”, *Đại học Sư phạm Hà Nội* (Volume 63), tr. 86-96.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. A.A. Belik (2000), *Văn hóa học - những lý thuyết nhân học văn hóa*, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội (Đỗ Lai Thúy, Hoàng Vinh, Huyền Giang dịch)
2. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Ăngghen, Ph. (1972), *Nguồn gốc gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
4. Trương Bi - Y Thih (1997), *Truyện cổ Êđê*, Sở VH TT Dak Lăk.
5. Trương Bi - sưu tầm; người kể: Điều Klung, Điều Jach; người dịch: Điều Kâu (2003), *Kể dòng con cháu mẹ Chêp*, Sở VH TT Dak Lăk.
6. Trần Văn Bính (Văn Bính Trần) (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính trị Quốc gia.
7. Đặng Văn Bình (2018), *Đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người (chính danh) trong tiếng M'ông*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.
8. Đình Cao (2002) "Chung quanh chuyện người Việt mình đặt tên", *Ngôn ngữ & Đời sống* (số 1+2), tr. 16-17.
9. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb ĐH & THCN, Hà Nội.
10. Đỗ Hữu Châu (1998), *Từ vựng - ngữ nghĩa Tiếng Việt*, Nxb GD, Hà Nội.
11. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (2001), *Cơ sở ngữ dụng học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
12. Hoàng Thị Châu (1966), *Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông* (Thông báo KH, Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội).
13. Hoàng Thị Châu (2001), *Tiến tới chuẩn hóa cách viết tên riêng tiếng dân tộc thiểu số trong văn hóa tiếng Việt*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội.
14. Nguyễn Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
15. Trần Văn Cơ (1981), "Về những đơn vị định danh và những đơn vị thông báo trong ngôn ngữ", trong *Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam*, Nxb ĐH & THCN, Hà Nội.

16. Wallace L.Chafe (1998), *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ*, (Người dịch: Nguyễn Văn Lai), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Phan Hữu Dật (1991) "Dấu vết hệ thống 4 hôn đẳng ở Tây Nguyên - Việt Nam", *Dân tộc học* (số 4), tr. 2-5.
18. Khổng Diễn (1984) "Các dân tộc Trường Sơn Tây Nguyên", *Dân tộc học* (số 1), tr. 41-47.
19. Romah Del, Trương Văn Sinh (1984) "Vài nét về một số ngôn ngữ Malayô - Pôlynêxia ở Việt Nam", *Ngôn ngữ* (số 1), tr. 22-23.
20. Trần Trí Dõi (1999), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
21. Trần Trí Dõi (2001), "Không gian ngôn ngữ và tính kế thừa đa chiều của địa danh", trong *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội*, Nxb VHNT, tr.20-28.
22. Jacques Dournes (2006), *Rừng, đàn bà, điên loạn* (người dịch: Nguyễn Ngọc), Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
23. Cao Xuân Dục (1894), *Quốc Triều đặng khoa lục* (Lê Mạnh Liễn dịch), Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn ấn hành 1962.
24. Trần Văn Dũng (1995) "Về sự kế thừa và phát huy văn hóa của vùng đất Tây Nguyên", *Nghiên cứu Đông Nam Á* (số 1) tr.112-113.
25. Trần Văn Dũng (2005) *Những đặc điểm chính của địa danh ở Dak Lăk*, Luận án TS Ngữ văn, ĐH Vinh.
26. Phạm Đức Dương (2000), *Văn hoá Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb KHXH, Hà Nội.
27. Lê Duy Đại (1984), "Những đặc điểm về cư dân Tây Nguyên", *Dân tộc học* (số 1), tr. 61-70.
28. Bé Viết Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi (1982), *Đại cương về các dân tộc Êđê, M'ông ở Dak Lăk*, Nxb KHXH, Hà Nội.
29. Đinh Văn Đức (2013), *Ngôn ngữ và tư duy - một tiếp cận*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
30. Georges Condominas (2003), *Chúng tôi ăn rừng*, (Bản dịch của Lan Anh, Ngọc Hà, Thu Hồng, Thu Phương), Nxb Thế Giới & Bảo tàng DTH Việt Nam.

31. Phạm Hoàng Gia (1999), “Về số phận của các họ ghép và họ kép của người Việt”, *Ngôn ngữ* (số 3), tr.60-69.
32. Nguyễn Thiện Giáp (1984), “Về mối quan hệ giữa từ và tiếng trong Việt ngữ” *Ngôn ngữ và Đời sống* (số 1), tr.33-34.
33. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Từ vựng học tiếng Việt* (tái bản), Nxb Giáo dục.
34. Nguyễn Thiện Giáp (2016), *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
35. Z. S. Harris (2006), *Những phương pháp của ngôn ngữ học cấu trúc*, (Người dịch: Cao Xuân Hạo), Nxb Khoa học Xã hội.
36. Dương Lan Hải (1972), “Bàn thêm một số điểm xung quanh việc viết hoa tên riêng” *Ngôn ngữ* (số 1).
37. H. Maitre (2008), *Rừng người Thượng* (Luu Đình Tuân dịch, Nguyễn Ngọc hiệu đính, Nxb Tri thức, Hà Nội).
38. Hautesclocque Howe, A. D. (2004), *Người Êđê - một xã hội mẫu quyền*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
39. Hoàng Văn Hành, (2010), *Tuyển tập ngôn ngữ học*, Nxb KHXH, Hà Nội.
40. Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục.
41. Lê Trung Hoa (1992), *Họ và tên người Việt Nam*, Nxb KHXH, tp Hồ Chí Minh
42. Lê Trung Hoa (1992), “Cách đặt tên chính của người Việt”, trong *Tiếng Việt và các ngôn ngữ dân tộc ở phía Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.
43. Lê Trung Hoa (2013) *Nhân danh học Việt Nam*, Nxb Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
44. Nguyễn Thị Hòa (1988), “Tìm hiểu hệ thống thân tộc người Êđê ở Phú Khánh”, *Dân tộc học* (số 2), tr. 22-32.
45. Nguyễn Thị Hòa (1990), “Quá trình phân rã của tổ chức nhà dài Êđê”, *Dân tộc học* (số 2), tr. 58-61.
46. Nguyễn Thị Hòa (1996), *Nhà ở và sinh hoạt trong nhà của người Êđê ở Việt Nam*, Luận án PTS KH Lịch sử, tp Hồ Chí Minh.
47. Nguyễn Minh Hoạt (2010), “Tên riêng người Ê-đê ở Dak Lăk”, *Ngôn ngữ* (số 4), tr.33-40.

48. Nguyễn Minh Hoạt (2012), *Từ loại danh từ trong tiếng Êđê*, Luận án TS Ngữ văn, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
49. Lưu Hùng (1994), *Buôn làng cổ truyền xứ thượng*, Nxb Văn hóa dân tộc.
50. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (2003), *Phân tích phong cách ngôn ngữ tác phẩm văn chương*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
51. Đỗ Việt Hùng (2014), *Ngữ nghĩa học - Từ bình diện hệ thống đến hoạt động*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
52. Nguyễn Ngọc Huy (2013), *Tên họ người Việt Nam* (Posted on March 10, 2013 by Lê Thy)
53. Vũ Đức Huynh (2011), *Tự chọn tên hay*, Nxb Thanh Hóa.
54. Nguyễn Như Ý (chủ biên -1995). *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
55. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội, những vấn đề cơ bản*, Nxb KHXH, Hà Nội.
56. Nguyễn Văn Khang (2006), “Nghiên cứu tên người trên bình diện ngôn ngữ học-xã hội”, trong *Những vấn đề ngôn ngữ học xã hội*, Đề tài KH cấp Viện.
57. Phan Khôi (1930), “Theo thuyết chính danh - đính chính lại cách xưng tên của người Việt Nam”, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, No. 58 - 59.
58. Nguyễn Khôi (2006) *Các dân tộc ở Việt Nam - cách dùng họ và đặt tên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
59. Đỗ Hồng Kỳ (2008), *Văn học dân gian Ê Đê - Mơ Nông*, Nxb KHXH.
60. John Lyons (2006), *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, (người dịch: Nguyễn Văn Hiệp), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
61. Mông Lâm (2010), *Đặc điểm tên người Hán hiện nay (Đối chiếu với tên người Việt)*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.
62. Lưu Vân Lăng (1984), “Vị trí của từ và những đơn vị cấu tạo từ trong hệ thống ngôn ngữ”, Tạp chí *Ngôn ngữ* (số 3), tr 51-59.
63. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình Ngữ dụng học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

64. Linh Nga Niê Kdăm (1999), *Dăm Săn thời thơ ấu*, Nxb Văn hóa dân tộc.
65. Song Linh - Minh Huyền, (2012, 2013), *Đặt tên theo Âm dương ngũ hành, và Đặt tên theo phương pháp khoa học*. Nxb Hồng Đức.
66. David Lee (2016), *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận* (Người dịch: Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An), Nxb ĐHQG Hà Nội.
67. Đinh Văn Liên (1980), “Thử tìm hiểu các loại “họ” của người Khơ-Me phân bố trong các vùng thuộc đồng bằng Sông Cửu Long” *Dân tộc học* (số 4), tr. 60-63.
68. Cao Từ Linh (2013), *Việt danh học*, Nxb Bách khoa, Hà Nội.
69. Mai Thị Loan (2012), *Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa thuật ngữ luật sở hữu trí tuệ tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội.
70. Vũ Lợi (1983), “Sự phát triển dòng họ của người Êđê ở tỉnh Đắc Lắc”, *Dân tộc học* (số 3), tr. 43-48 và 68.
71. Vũ Đình Lợi (1985), “Cấu trúc gia đình Êđê”, *Dân tộc học* (số 3), tr. 63-69.
72. Vũ Đình Lợi (1994), *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayo - polynêxia Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb KHXH, Hà Nội.
73. Hoàng Văn Ma (2002), *Ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam - một số vấn đề về quan hệ cội nguồn và loại hình học*, Nxb KHXH, Hà Nội.
74. Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
75. Thu Nhung Mlô Duôn Du (2001) *Vai trò của người phụ nữ Êđê trong xã hội truyền thống*, Luận án TS Sử học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
76. Buôn Krông Thị Tuyết Nhung (2006), *Văn hóa mẫu hệ trong sử thi Êđê*, Luận án TS Ngữ văn, Đại học KHXH & NV tp. Hồ Chí Minh.
77. Phan Đăng Nhật (1991), *Sử thi Êđê*, Nxb KHXH, Hà Nội.
78. Hoàng Phê (1979), “Vấn đề cải tiến và chuẩn hóa chính tả” *Ngôn ngữ* (số 3,4).
79. Hoàng Phê (chủ biên -1998), *Từ điển tiếng Việt*, (tái bản lần thứ 6), Nxb Đà Nẵng.
80. Đoàn Văn Phúc (1996), *Ngữ âm tiếng Êđê*, Nxb KHXH, Hà Nội.
81. Đoàn Văn Phúc (1998), *Từ vựng các phương ngữ Êđê*, Nxb tp Hồ Chí Minh.

82. Đoàn Văn Phúc, Tạ Văn Thông (2008), *Ngữ pháp tiếng Êđê*, Công trình hợp tác giữa UBND tỉnh Dak Lăk và Viện Ngôn ngữ học.
83. Phan Văn Phúc (1993), *Cấu tạo từ tiếng Êđê*, Luận án PTS khoa học Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
84. Phan Văn Phúc (2009), “Hệ thống từ xưng hô tiếng Êđê”, trong *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb KHXH, tr.420 - 435.
85. Lê Hữu Phong (2008), *Từ vựng đối chiếu Việt - Bahnar, Bahnar - Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
86. Siu Poi (chủ biên, 1998), *Từ điển Jrai - Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
87. F. de Saussure (1973) *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* (người dịch Cao Xuân Hạo), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
88. Trịnh Sâm (2004), *Đi tìm bản sắc tiếng Việt*, Nxb Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
89. Lương Thanh Sơn (2011), *Góp phần bảo tồn văn hóa người Bih Tây Nguyên*, Nxb Thời Đại.
90. Chu Thái Sơn (1980), “Về ngôi nhà dài Êđê như là một phản ánh xã hội” *Dân tộc học* (số 4), tr. 53-59 và 70.
91. Chu Thái Sơn (1982), “Về những đồ đạc bày biện ở nội thất nhà dài Êđê” *Dân tộc học* (số 3), tr. 20-25.
92. Nguyễn Khắc Sử (chủ biên-2004), *Khảo cổ học tiền sử Dak Lak*, Nxb KHXH.
93. Superanxkaja A.V. (2002), *Địa danh là gì*, Maxcova (Nguyễn Nhã Bản dịch)
94. Đoàn Thị Tâm (2012), *Hệ thống từ ngữ chỉ người trong tiếng Ê đê*, Luận án TS Ngữ văn, Đại học Sư phạm tp. Hồ Chí Minh.
95. Đặng Minh Tâm (2015), “Văn hóa địa danh và nhân danh của người Êđê ở Tây Nguyên dưới sự tác động của quan niệm “vạn vật hữu linh””, *Đại học Sư phạm Hà Nội* (số 5), tr. 64-71.
96. Đặng Minh Tâm (2015), “Bước đầu tìm hiểu sự hình thành và biến đổi nhân danh của tộc người Êđê ở Tây Nguyên”, *Ngôn ngữ & Đời sống* (số 8), tr. 86-92.
97. Đặng Minh Tâm (2016), “Bước đầu tìm hiểu ý nghĩa của tên riêng người Êđê” *Khoa học Xã hội và Nhân văn Tây Nguyên* (số 4), tr. 55-64.

98. Đặng Minh Tâm (2017), “Sự hình thành, phát triển lớp từ ngữ chỉ tên dòng họ của tộc người Êđê ở Tây Nguyên”, *Ngôn ngữ & Đời sống* (số 1), tr. 97-102.
99. Đặng Minh Tâm (2017), “Về tên họ của các tộc người bản địa ở Tây Nguyên”, Tạp chí *LanBiang* (số 3), tr. 83-89.
100. Đặng Minh Tâm (2018), “Cấu tạo tên riêng của người Êđê”, *Ngôn ngữ* (số 2) tr.65-80.
101. Đặng Minh Tâm (2018), “Tên họ của người Êđê - nguồn gốc, cấu tạo và cách sử dụng”, *Đại học Sư phạm Hà Nội* (Volume 63), tr. 86-96.
102. Nguyễn Kim Thân (1975), “Vài nét về tên người Việt”, *Dân tộc học* (số 4), tr. 68-80.
103. Nguyễn Long Thao (2004), *Tính danh học Việt Nam*, VietCatholic News, ngày 19/12/2004.
104. Nguyễn Hữu Thấu (2003), *Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
105. Lý Toàn Thắng (1984), “Tên gọi và cách gọi tên”, *Ngôn ngữ* (số 2), tr 22-24.
106. Lý Toàn Thắng - Nguyễn Văn Lợi (2001), “Về sự phát triển của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thế kỉ XX”, *Ngôn ngữ* (số 2), tr. 1-11.
107. Phạm Tất Thắng (1988), “Vài nhận xét về yếu tố "Đêm" trong tên gọi người Việt”, trong *Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
108. Phạm Tất Thắng (1996) *Đặc điểm của lớp tên riêng chỉ người (chính danh) trong tiếng Việt*. Luận án PTS Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học.
109. Phạm Tất Thắng (1998), “Về ý nghĩa của tên riêng”, trong: *Tiếng Việt & ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Hội thảo khoa học, Viện Ngôn ngữ học.
110. Phạm Tất Thắng (2003), “Một cách phân loại tên riêng trong tiếng Việt”, *Ngôn ngữ*, (số 5), tr. 31-37.
111. Phạm Tất Thắng (2003), “Các kiểu cấu trúc tên chính của người Việt”, *Ngôn ngữ*, (số 11), tr.42-47.
112. Phạm Tất Thắng (2004), “Sự khác biệt giữa tên riêng và tên chung”, *Ngôn ngữ và Đời sống*, (số 6), tr. 11-12.

113. Phạm Tất Thắng (2010), “Sự biến đổi của hình thức tên riêng người *Việt*”, *Ngôn ngữ*, (số 8), tr 15-19.
114. Phạm Tất Thắng (2015), “Tình hình nghiên cứu tên riêng chỉ người trong Việt ngữ học”, *Ngôn ngữ*, số 8 - 9, tr 66 - 76.
115. Bùi Khánh Thế (1996), *Từ điển Chăm - Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
116. Trần Ngọc Thêm (1976), “Về lịch sử hiện tại và tương lai của tên riêng người Việt”, *Dân tộc học* (số 3), tr. 11-20.
117. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
118. Lê Quang Thiêm (2008), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
119. Trương Thìn (2013), *Đặt tên theo phong tục dân gian*, Nxb Bách khoa, HN.
120. Ngô Đức Thịnh - Chu Thái Sơn - Nguyễn Hữu Thấu (1996), *Luật tục Êđê (Tập quán pháp)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
121. Ngô Đức Thịnh (1992), *Văn hóa dân gian Êđê*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
122. Ngô Đức Thịnh (2007), *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*, Nxb Trẻ.
123. Phan Hữu Thịnh (2014) “Cách đặt tên người, một màu sắc văn hóa làng Quỳnh”, *KHXH&NV Nghệ An* (số 11).
124. Nguyễn Nam Tiến (1979), “Ít nét về trạng thái sinh hoạt trong buôn làng Êđê trước ngày giải phóng (1975)” *Dân tộc học* (số 3), tr. 14-22 và 36.
125. Phạm Văn Tình (2007), “Xung hô dùng chức danh - dưới góc độ của lí thuyết giao tiếp”, trong *Ngôn ngữ và văn hóa Hà Nội*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
126. Tạ Văn Thông (1993), “Tên riêng trong tiếng Kôho”, *Ngôn ngữ* (số1), tr. 23 - 31.
127. Tạ Văn Thông (chủ biên - 2015), *Từ điển Êđê - Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
128. Nguyễn Minh Thuyết (1995), “Quanh cái tên người”, *Ngôn ngữ & Đời sống* (số 1), tr. 11-12.
129. Vương Toàn (2002), “Về tên gọi các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, trong *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong những năm 90*, Trung tâm KHXH & NV Quốc gia, Hà Nội.
130. Nguyễn Đức Tồn (2010), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

131. Nguyễn Đức Tồn (2013), *Những vấn đề của ngôn ngữ học cấu trúc dưới ánh sáng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại*. Nxb KHXH, Hà Nội.
132. Nguyễn Kiên Trường (1996) *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng*, Luận án TS Ngữ Văn, Trường Đại học KHXH-NV Hà Nội.
133. Nguyễn Kiên Trường (2009), *Từ điển Việt - Mnông*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
134. Trương Thông Tuấn (2011), “Vấn đề tên họ của người M’ nông ở tỉnh Đắk Nông” *Khoa học xã hội và Nhân văn Tây Nguyên* (số 3).
135. Nguyễn Bạt Tụy (1954), “Tên người Việt Nam” *Tập kỷ yếu Hội Khuyến học Nam Việt*, Sài Gòn.
136. Vương Tuyển (2009), *Văn hóa đặt tên*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
137. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên -2000), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục.
138. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2006), *Kho tàng sử thi Tây Nguyên - Sử thi Êđê*, Nxb KHXH, Hà Nội.
139. Phạm Hùng Việt (2000), "Viết hoa tên riêng trong tiếng Việt", *Ngôn ngữ* (6).
140. Viện Ngôn ngữ học (2017), *Nghiên cứu xác định lại tên gọi một số dân tộc và nhóm địa phương*, đề tài cấp Bộ thuộc Ủy ban Dân tộc (2016), chủ nhiệm đề tài: Đoàn Văn Phúc (nghịem thu 6/2017).
141. Trần Quốc Vượng (1998), “Mẫu hệ Êđê trong bối cảnh chung của vùng Đông Nam Á” trong *Giữ gìn và phát huy tài sản văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc và Tây Nguyên*, Nxb KHXH.
142. Đặng Kim Xuyên (2006), *Khám phá những bí ẩn của tên gọi*, Nxb VH-TT.

B. Tiếng Pháp & tiếng Anh

143. B.Y. Joanh (1950), *Enquête desmographique au Darlac 1943-1944*, Extrait du Bulletin de la Société des Etudes in dochinoc'ses, Nouvelle série Tome XXV - N° 3.
144. Davias - Baudrit P.J (1966) *Dictionnaire Rhadé - Francai*, Banmethuôt.
145. Mon Fleur (1931), *Monographie de la province du Darlac*, Tài liệu đánh máy lưu trữ tại Phòng Lịch sử, Văn phòng Tỉnh uỷ Dak Lăk.

146. H. Bernard (1907) *Les populations Moi du Darlac*, Extrait du Bulletin de L'Ecole Francaise.
147. James A. Tharp - Y Bħăm Buôn Yă (1980), *A Rhade - English Dictionary with English - Rhade, Findexlist*, Australia.
148. Gardiner. A (1954), *The theory of proper name*, London - New York.
149. Searle. J (1971) *The problem of proper name*, "Semantics" Cambridge (Mass).
150. Willy Van Langendonck (2007), *Theory and Typology of Proper Names*, Mouton de Gruyter, Berlin - New York.
151. Y Ćang Niê Siêng (1979), *Rade vocabulary*, California: Summer Institute of Linguistics Huntington Beach.
152. Tam Thi Minh Nguyen (2006), *Topic in Êđê syntax*, A thesis Master of Arts, University Oregon, USA.

C. Tiếng Nga

153. Арутюнова Н. Д. (1977), *Номинация, референция, значение - в кн. "Языковая номинация. Общие вопросы."* М.
154. Белецкий А. А. (1972), *Лексикология и теория языкознания (ономастика)*. Киев.

D. Tiếng Trung Hoa

155. 中国人的姓名：姓名的由来和名字的取法（作者：郭让舜，2000年10月版 安徽人民出版社 (Họ tên người Trung Quốc: nguồn gốc họ tên và phương pháp đặt tên (Tác giả: Quách Nhượng Thuấn, 10/2000, Nxb Nhân dân An Huy).

E. Tiếng Êđê

156. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2000), *Klei Êđê - hđruôm hră kơ nai mtô, hđruôm 1, 2* (sách thực nghiệm), Nxb GD, Hà Nội.

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC CỦA LUẬN ÁN

	Trang
Phụ lục 1. BẢNG TÓM TẮT CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA TÂY NGUYÊN.....	1
Phụ lục 2. DANH SÁCH VÀ BẢNG ĐỐI CHIẾU NGHĨA TÊN HỌ ÊĐÊ (Tên họ đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng).....	3
Phụ lục 3.1. DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ ĐỊNH DANH TRƯỚC 1955 (TỈNH ĐAK LẮK).....	5
Phụ lục 3.2. DANH SÁCH MỘT SỐ NGƯỜI ÊĐÊ ĐỊNH DANH TỪ 1955 ĐẾN 1985	11
Phụ lục 3.3. DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ ĐỐI TƯỢNG LÀ SINH VIÊN, THANH NIÊN (SINH SAU THỜI KỲ ĐỔI MỚI 1985)	17
Phụ lục 3.4. DANH SÁCH HỌC SINH NGƯỜI ÊĐÊ THPT DÂN TỘC NỘI TRÚ ĐAK LẮK VÀ DỰ BỊ ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN (CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ƯU TIÊN)	40
Phụ lục 3.5. DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ (NHÓM ADHAM) BUÔN DLUNG A, XÃ ÊA SIÊN (HUYỆN KRÔNG BŨK- ĐAK LẮK.....	47
Phụ lục 3.6. DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ (BUÔN ÊA YÔNG, PHƯỚC AN (HUYỆN KRÔNG PÁCH - ĐAK LẮK).....	52
Phụ lục 3.7. DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ (NHÓM MDHUR) (TẠI ĐỊA BÀN XÃ ÊA SOL, HUYỆN ÊA H'LEO, ĐAK LẮK).....	57
Phụ lục 4. DANH SÁCH NGƯỜI DÂN TỘC J'RAI (KHẢO SÁT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN)	72
Phụ lục 5. DANH SÁCH MỘT SỐ HỘ NGƯỜI MNÔNG (KHẢO SÁT TẠI BUÔN ĐÔNG RIÊNG (TT LIÊN SƠN, LẮK, ĐAK LẮK)	75
Phụ lục 6. DANH SÁCH MỘT SỐ SINH VIÊN NGƯỜI MNÔNG (KHẢO SÁT TẠI ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN).....	81
Phụ lục 7. DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ NHÓM MDHUR VÀ NGƯỜI J'RAI KHẢO SÁT TẠI XÃ EA SOL, HUYỆN EA H'LEO, ĐAK LẮK (NĂM 2016).....	83
Phụ lục 8. SINH VIÊN HỖN HỢP MỘT SỐ DÂN TỘC BẢN ĐỊA Ở TÂY NGUYÊN	86
Phụ lục 9. TÊN NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ VÀ SỬ THI ÊĐÊ	91
Phụ lục 10. NGHI LỄ ĐẶT TÊN CHO TRẺ CỦA NGƯỜI ÊĐÊ.....	92
Phụ lục 12. MỘT SỐ NGUYÊN ÂM, PHỤ ÂM, ÂM VỊ CỦA TIẾNG ÊĐÊ TRONG TƯƠNG QUAN VỚI TIẾNG VIỆT	94
Phụ lục 13. NHÀ DÀI CỦA NGƯỜI ÊĐÊ	95

Phụ lục 1
BẢNG TÓM TẮT CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA TÂY NGUYÊN

TT	Dân tộc	Tên khác	Số dân (người)	Chế độ	N. Ngữ	Chữ viết	Địa bàn cư trú chính
1.	Bahnar	Bơ Nâm, Ro, Kon Kde, Ala Kông, Kpang Kông (6 nhóm địa phương)	227.716	Huyết thống dòng mẹ đang tan rã; cư trú bên vợ	Môn - Khmer		Gia lai; Kon Tum và tây Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Đơn vị cư trú: làng
2.	Brâu	chuyển từ vùng Nam Lào và Đông Bắc Campuchia vào VN khoảng 100 năm nay	397	Huyết thống dòng cha đang thiết lập; dòng mẹ còn tồn tại	Môn - Khmer		làng Đắc Mế, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum. Đơn vị cư trú: làng
3	Churu	Chơ ru, Kru, Thượng (vốn là 1 bộ phận trong khối cộng đồng Chăm tách ra)	19.314	Huyết thống dòng mẹ; cư trú bên vợ	Malayô - Pôlynexia		2 xã Đơn và Loan thuộc Đơn Dương, Lâm Đồng. Đơn vị cư trú: plei
4	Koho	Tên tự gọi: Cơ Ho (6 nhóm địa phương)	166.112	Huyết thống dòng mẹ; cư trú bên vợ	Môn - Khmer	mẫu tự Latin; đầu thế kỷ 20	chủ yếu ở Lâm Đồng. Đơn vị cư trú: bon
5	Êđê	Tên tự gọi: Anăk Êđê. Tên khác: Anăk Êa đê, Ra đê (Rha đê) Ê đê-Ê gar, Đê (9 nhóm địa phương)	331.194	mẫu hệ; cư trú bên vợ	Malayô - Pôlynexia	mẫu tự Latin; đầu thế kỷ 20	chủ yếu ở Dak Lăk; một số nơi ở nam Gia Lai và tây Phú Yên, Khánh Hòa. Đơn vị cư trú: buôn

6	J'rai (Gia Rai)	Tên tự gọi: Gia Rai. Tên khác Giơ Ray, Chơ Ray (5 nhóm địa phương)	411.275	mẫu hệ; cư trú bên vợ	Malayo - Pôlynexia	mẫu tự Latin; đầu thế kỷ 20	chủ yếu ở Gia Lai Đơn vị cư trú: ploi; bôn
7	Jeh-Triêng (Gié-Triêng)	Tên tự gọi: Gié, Triêng, Ve, Bnoong. Tên khác: Cà Tang, Giang Rẫy (4 nhóm địa phương)	50.962	Huyết thống dòng cha; còn tàn dư dòng mẹ; không tên họ	Môn - Khmer	mẫu tự Latin; trước 1975	Đắc Glây có Jeh, Triêng, Quảng Nam có Triêng, Ve, Bnoong Đơn vị cư trú: ploi; bôn
8	Mạ	Tên khác: Chơ Mạ, Châu Mạ, Chê Mạ (4 nhóm địa phương)	41.405	Huyết thống dòng cha; cư trú bên chồng	Môn - Khmer	chưa có chữ viết riêng	chủ yếu ở Lâm Đồng (Bảo Lộc, Di Linh, Đạ Tẻ). Đơn vị cư trú: bôn
9	Mnông	Tên tự gọi Mnông (13 nhóm địa phương)	102.741	mẫu hệ; cư trú bên vợ không có tên họ rõ ràng	Môn - Khmer	mẫu tự Latin; đầu thế kỷ 21	chủ yếu ở Dak Nông; một ít ở Dak Lăk, Lâm Đồng, Đồng Nai. Đơn vị cư trú: bôn, buôn
10	Rơ Măm	Tên tự gọi Rơ Măm Gần gũi với Sedang. Xưa ở xen với Jrai. Nay tập trung tại một làng	436	Huyết thống dòng cha; còn tàn dư dòng mẹ; không tên họ	Môn - Khmer. nói phổ biến tiếng Kinh	chưa có chữ viết riêng	chủ yếu ở Kon Tum, tập trung ở Làng Le, Mơ Rai (Sa Thầy) Đơn vị cư trú: làng
11	Sedang	Tên khác: Xê đăng, Xơ Đăng, Brila, mẵng, Con Lan (7 nhóm địa phương)	169.501	cư trú luân cư; không có tên họ	Môn - Khmer	mẫu tự Latin; cuối thế kỷ 20	chủ yếu ở Kon Tum. Một bộ phận ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. Đơn vị cư trú: bôn

Ghi chú:

- Người Stieng chỉ có một bộ phận nhỏ sống ở nam Tây Nguyên (xưa) Theo địa giới hiện nay, tộc người này không còn thuộc địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.
- Người Raglai chủ yếu sống ở tây Ninh Thuận, Bình Thuận, Một số ở tây Phú Yên, Khánh Hòa. Chỉ có một bộ phận rất nhỏ (không đáng kể) sống ở Lâm Đồng. Vì vậy, chúng tôi không còn xếp vào danh mục các dân tộc bản địa Tây Nguyên.
- Số người tính theo Tổng điều tra dân số toàn quốc 0 g ngày 01/04/2009.

Phụ lục 2
DANH SÁCH VÀ BẢNG ĐỐI CHIẾU NGHĨA TÊN HỌ ÊĐÊ
(Tên họ đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng)

TT	Tên họ	Nghĩa từ vựng	TT	Tên họ	Nghĩa từ vựng
01	Adrong	(-)	52	HWing	choáng váng
02	Ayũn	(-)	53	Yã	bà, dạ, vâng
03	Ayũn Ćư	(-)	54	Ktê	cây cà te
04	Ayũn tul	(-)	55	Kpã Hôji	(-)
05	Aro	(-)	56	Kdah	gặm, cắn
06	Arul	(-)	57	Kdam	quyết, quyết định
07	Alê	cây le	58	Kgor	(-)
08	Alio	(-)	59	Knguôr	cái nia
09	Apuôt	(-)	60	Ktráo	chim bồ câu
10	Buôn Yã	(-)	61	Kên	(-)
11	Buôn Krông	(-)	62	Knong	(-)
12	Buôn Kriêng	(-)	63	Kwăn	(-)
13	Buôn Krung	(-)	64	Kdoh	(-)
14	Buôn Đong	(-)	65	Kmăn	nẹp (cái nẹp)
15	Buôn Dao	(-)	66	Kbuôr	(-)
16	Buôn Đap	(-)	67	Knul	(-)
17	Buôn Rit	(-)	68	Kpã	thẳng, thật
18	Blô	trái xoan	69	Kpor	nhảy tốt lên
19	Bi	cùng, nên, phải	70	Ksor	rẫy bỏ hoang (gốc Jrai)
20	Ciêo	(-)	71	Ktla	(-)
21	Duôt	(-)	72	Ktul	(-)
22	Duon Du	(-)	73	Kut	nụ (hoa)
23	Điét	bé, nhỏ, con	74	Ksei	(-)
24	Êban	(-)	75	M'ô	cây lô ô
25	Êban Rahlan	(-)	76	Mriêng	chái (nhà)
26	Êmăng	trông nom	77	Mla	ngà, sừng
27	Êmô	con bò	78	Mkriêt	(-)
28	Êñuôl	con tê tê, con trút	79	Mlô Hut	hụt, trật, trượt
29	Êa	nước	80	Mlô	(-)
30	Êya	gừng	81	Mjáo	phù thủy
31	Êdun	(-)	82	Niê	(-)
32	Êđim	(-)	83	Preh	(-)
33	Êban Buôn Kang	cái mẩu	84	Prong	to, lớn
34	Go	(-)	85	Răn	(-)
35	Hđok	(-)	86	Rôk	đi qua
36	Hruê	bột, ngày, hôm	87	Siêng	ném, quăng
37	Hdruê	(-)	88	Tla	đèn, trả
38	Hmôk	vỏ (cây)	89	Tô	(-)
39	Hmăng	mong, chờ, ngóng	90	Toh	cởi, mở

40	Hmiăng	(-)	91	Thăm đo	(-)
41	Hlang	cỏ tranh	92	Trei	no (ăn no), đủ
42	H Dao	(-)	93	Tung	gian (nhà), khoảng
43	Êcăm	(-)	94	Hlong	Tên 1 loại chiêng Êđê
44	R'căm	Lấy họ người J'rai	95	Phôk	(-)
45	R'côm,	họ của người J'rai	96	Niê Sah	(sah - nhạt, phai)
46	Ja (tranh-M'nông	họ của M'nông	97	Tor (chân)	tor bưng - chân gùi)
47	Je	họ của M'nông	98	Teh	bật, bật lên
48	Kna	cọc để leo cây	99	Lông Ding -	họ của người M'nông
49	Kuan	tranh, giành	100	Nay -	họ của người J'rai
50	Ndu (ô trời-Mn)	họ của M'nông	101	Liêng Hot -	họ của người M'nông
51	Hra	muối, cây sung	102	Siu -	họ của người J'rai

- Kí hiệu (-): không có nghĩa (không đồng âm với các từ mang nghĩa từ vựng) trong tiếng Êđê.

- Có 102 tên họ, trong đó có 10 tên họ được tiếp nhận từ các tộc người bản địa khác ở Tây Nguyên thông qua con đường hôn nhân song tộc (bố Êđê, mẹ thuộc tộc người khác). Trong 92 tên họ được xác định là của Êđê được hình thành thông qua con đường phát triển dòng họ từ hai hệ dòng (Niê và Mlô). Tuy nhiên, do số từ vựng của tiếng Êđê bị hạn chế nên có trường hợp một từ nhưng có các nghĩa khác nhau và có thể là khác nhau về từ loại. Chẳng hạn, *Yă* - vừa có nghĩa là *bà* (danh từ), vừa có nghĩa là *vâng, dạ* (cảm từ). *Trường hợp “Kpă”* vừa là tên dòng họ vừa là một chi họ của dòng Êban của hệ dòng Mlô, vừa là một chi họ của dòng Niê thuộc hệ dòng Niê.

- Theo bà Anne Hauteclocque - Howe... (nhà dân tộc học người Pháp, tác giả *Người Rade, một xã hội mẫu quyền* (Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2004) “*Người Êđê xưa có 2 bào tộc, sau đó phân ra các thị tộc, rồi các thị tộc con*”. Hai bào tộc (kpă và Adham) là khởi đầu cho hai hệ dòng Niê và Mlô (kpă - Niê và Adham-Mlô). Theo các nhà Dân tộc học, Niê và Mlô vốn là hai dòng họ lớn và chủ yếu của người Êđê thời xưa vốn xuất phát từ hai nhánh lớn nhất: Mlô từ Adham, và Niê từ Kpă. Từ những vấn đề trên, luận án có cơ sở cho rằng, từ hai hệ dòng này phát triển thành các dòng họ rồi các chi họ Êđê.

- Theo nhà dân tộc học Vũ Lợi, Người Êđê có tên họ Êa (là chi họ của dòng Adrong thuộc hệ dòng Niê). Tuy nhiên, qua khảo sát trên 2500 tên riêng của nhiều thế hệ người Êđê ở tỉnh Dak Lăk, chúng tôi chưa gặp tên họ này, trong lúc lại gặp tên họ “Êya” trong trường hợp H' Ut Êya, sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên, mã số 14601004 trong danh sách thống kê của chúng tôi.

Phụ lục 3.1
DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ ĐỊNH DANH TRƯỚC 1955
(TỈNH ĐẮK LẮK)

TT	Họ và tên	na m	nữ	Ghi chú
01	H'Drah Jan Kpă (1)		+	(1630-1654) là hoàng hậu thứ của vua Chămpa
02	Y Jūt Hwing	+		Trí thức 1888-1934, có công tạo chữ viết Êđê
03	Y Chang Niê Siêng	+		Trí thức đầu thế kỉ 20
04	Y Chôn Mlô Duôn Du	+		Trí thức đầu thế kỉ 20
05	Y Luật Niê Ksor	+		Trí thức đầu thế kỉ 20
06	H' Ngăm Niê Kdam		+	Phó Chủ tịch TW Hội Liên hiệp Phụ nữ VN
07	Y Ut Niê Buôn Rit	+		Ủy viên UB hành chính lâm thời BMT
08	Y Ut Niê	+		Người có công tạo chữ viết Êđê đầu TK 20
09	Y Blul Niê	+		Trí thức đầu TK 20
10	Y Plô Êban	+		Nhân sĩ, ủy viên UBHC lâm thời BMT
11	Y Ngông Niê Kdam	+		Nguyên PCT Hội đồng Nhà nước
12	YWang Mlô Duôn Du	+		Nguyên PCT Ủy ban Dân tộc của QH
13	Y Tlam Kbuôr	+		Đại tá, GS quân y, Hiệu trưởng ĐHTN
14	Y Nuê Buôn Krông	+		GS, nguyên viện trưởng Viện VSDTTN
15	Y Bih Aleo	+		Nguyên PCT UB MTTQ tỉnh Đắk Lắk
16	Y Blôk Êban	+		Thiếu tướng, nguyên CT UBND tỉnh ĐL
17	Y Yan Buôn Krông	+		ĐB Quốc hội VNDCCH Khóa 1
18	Y Thu Knul	+		Tên Êđê của vua săn voi Khun Ju Nốp
19	Y Prông Êban,	+		Tên thật của Ama Kông - thợ săn voi
20	Y Sôk Êban	+		Trung sĩ, người ủng hộ Việt Minh 1945
21	Y Wang Niê Kdam	+		Ủy viên UB hành chính lâm thời Buôn Hồ
22	Y Dhon Niê Kdam	+		Thành viên mặt trận dân tộc
23	H'Doan Niê,		+	Cán bộ Tỉnh Dak Lắk thời kháng chiến chống Mỹ
24	H'Luan Mlô Duôn Du		+	Cán bộ Tỉnh Dak Lắk thời kháng chiến chống Mỹ
25	Y Ling Mlô	+		Bí thư Ban cán sự đảng Buôn Hồ (1960)
26	Y Khê Niê Kdam	+		Thành viên mặt trận dân tộc
27	Y Ôn Eăăm	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
28	Y Bliêng Hmôk	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
29	Y Pe Êban	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
30	Y Hing Adrong	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
31	Y Wan Mlô	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
32	Y Tum Niê	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
33	Y Blam Niê	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
34	Y San Niê	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
35	Y Tuk Hwing	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
36	Y Blol Êban	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
37	Y Ho Kbuôr	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
38	Y Bung Niê	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
39	Y Kiu Niê	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975

40	Y Ao Mlô	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
41	Y Ang Niê	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
42	Y Sôk Êban	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
43	Y Tuic Mlô Duôn Du	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
44	Y Thang Niê Kdam	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
45	Y Hồng Niê	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
46	Y Say Ktla	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
47	Y Lăk Êban	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
48	Y Bham Ênuôl	+		Chủ tịch mặt trận BAJARAKA (cục đoàn)
49	Y Dhon Adrong	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
50	Y Nuin Hmôk	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
51	Y Nam Êban	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
52	Y Bhan Kpor	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
53	Y Chôn Mlô Duôn Du	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
54	Y Dhê Adrong	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
55	Y Wick Buôn Yă	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
56	Y Het Kpor	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
57	Y Thuôp Kpor	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
58	Y Sênh Niê	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
59	Y Bun Ksor	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
60	Y Yu Êban	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
61	Y Wung Niê	+		Thành viên mặt trận BAJARAKA
62	Y Thih Êban	+		Nhà hoạt động chính trị dưới thời Diệm
63	Y Prông Kbuôr	+		Nhà hoạt động chính trị dưới thời Diệm
64	Y Klong Niê	+		Nhà hoạt động chính trị dưới thời Diệm
65	Y Bach Êban	+		Ủy viên mặt trận giải phóng cao nguyên FLHP
66	Y Djao Niê	+		Ủy viên mặt trận giải phóng cao nguyên FLHP
67	Y Bhan Kpor	+		Ủy viên mặt trận giải phóng cao nguyên FLHP
68	Y Bhim Niê	+		Ủy viên mặt trận giải phóng cao nguyên FLHP
69	Y Dhou Êban	+		Ủy viên mặt trận giải phóng cao nguyên FLHP
70	Y Char Hdok	+		Đại diện lâm thời người Thượng 1964
71	Y Ćeng Niê	+		Nhà hoạt động chính trị dưới thời VNCH
72	Y Prêh Niê	+		Nhà hoạt động chính trị dưới thời VNCH
73	Y Bling Niê	+		Nhà hoạt động chính trị dưới thời VNCH
74	Y Ngô Buôn Yă	+		Nhà hoạt động chính trị dưới thời VNCH
75	Y Nham Niê	+		Đại diện lâm thời người thượng 1964
76	H'Zap Niê		+	Đại diện lâm thời người thượng 1964
77	Y Dhăt Niê Kdam	+		P Chủ tịch Ptrào đoàn kết các sắc tộc CN
78	H'Bi Buôn Yă		+	P Chủ tịch Ptrào đoàn kết các sắc tộc CN
79	Y Kuôt Ayũn	+		Thành viên thư kí phong trào đoàn kết sắc tộc
80	Y Buăn Niê	+		Thành viên FULRO

81	Y Mơ Êban	+		Đứng đầu phong trào FULRO đầu thập niên 60
82	Y Bhan Kpor	+		Chỉ huy biệt kích FULRO hải ngoại (1970)
83	Y Kham Niê	+		Đại diện thanh niên sắc tộc thời VNCH
84	Y Nguê Niê Kdam	+		Thành viên FULRO
85	Y Peng Ayũn	+		Thành viên FULRO
86	Y Bông Êcãm	+		Thành viên FULRO
87	Y Dhê Buôn Đap	+		Thành viên FULRO
88	Y Ghok Niê Kriêng	+		Thủ tướng FULRO 1979
89	Y Jũt Buôn Yă	+		Thành viên FULRO
90	Y John Niê Kdam	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
91	H'Mar Yam Niê		+	Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
92	H'Ci Êban		+	Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
93	Y San Mlô	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
94	Y Arol Êcãm.	+		Nhà hoạt động chính trị ở TN trước 1975
95	Y Bhiu Ênuôl	+		Nguyên lục sự Tòa án phong tục thời Pháp
96	Kpă Nguyên	+		Nguyên Chỉ huy trưởng BCHQS tỉnh Dak Lăk
97	Rahlan Y Nĩ	+		Nguyên phó phòng TCCB ĐH Tây Nguyên
98	Y Luyện Niê Kdam	+		Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Dak Lăk
99	Y Li Niê Kdam	+		Nguyên Phó chủ tịch UBND Tỉnh Dak Lăk
100	Niê Thuật	+		Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Dak Lăk
101	Y Đih Niê	+		(Ama Pui), nguyên Chủ tịch UBND Tỉnh D.Lăk
102	Siu Pui	+		Nguyên Phó chủ tịch UBND tỉnh DL
103	Y Bun Niê Kdam	+		(Ama Khê), cán bộ Tỉnh ủy Dak Lăk
104	H'Klô Niê		+	Hội trưởng phụ nữ Giải phóng tỉnh Dak Lăk
105	Mai Hoa Niê Kdam		+	Nguyên Phó chủ tịch UBND Tỉnh Dak Lăk
106	Linh Nga Niê Kdam		+	Nhạc sĩ, Chủ tịch Hội VHNT Tỉnh Dak Lăk
107	Y Nguyễn Mlô Duôn Du	+		TS. Nguyên Phó Hiệu trưởng ĐHTN
108	Y Nam Kbuôr	+		Dược sĩ cao cấp được đào tạo tại CHDC Đức
109	Y Dham Niê	+		Nguyên Phó chủ tịch UBND Tỉnh Dak Lăk
110	Y Tuyn Kmăn	+		Nguyên P. Giám đốc Đài PTTH Dak Lăk
111	Krông Y Tuyên	+		Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa Dak Lăk
112	Y Tuynh Bing	+		Trí thức
113	Y Thu Knul	+		Tên thật của vua săn voi Khun Ju Nốp Bản Đôn
114	Y Prông Êban	+		Tên thật (đặt theo người Êđê) của ông Ama Kông
115	Nay Y Blôk	+		Sinh 1945, xã Êa Sol, Êa H'Leo, Dak Lăk
116	H'Mar Yam Niê		+	Nhân vật lịch sử đầu thế kỉ 20
117	H'Ci Êban		+	Nhân vật lịch sử đầu thế kỉ 20
118	Y Arol Êcãm	+		Nhân vật lịch sử đầu thế kỉ 20
119	H' Wam Buôn Yă		+	(Yă Wam), vua của tiểu quốc Adham (Mtao Mniê)
120	Ksor H'Jũt		+	Sinh 1944, xã Êa Sol, Êa H'Leo, Dak Lăk
121	Y Buôl Niê	+		Sinh 1947, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk

122	Y Blô Niê	+		Sinh 1930, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
123	Y Sem Ktla	+		Sinh 1950, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
124	Y Riu Ayũn	+		Sinh 1950, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
125	Y Kril Buôn Krông	+		Sinh 1950, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
126	Y Biêng Buôn Krông	+		Sinh 1950, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
127	H'Lut Buôn Krông		+	Sinh 1942, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
128	Y Sich Buôn Krông	+		Sinh 1953, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
129	Y Buk Niê	+		Sinh 1940, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
130	Y Bung Buôn Krông	+		Sinh 1937, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
131	Y Siãm Buôn Krông	+		Sinh 1949, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
132	Y Bhuât Buôn Krông	+		Sinh 1931, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
133	Y Sun Niê	+		Sinh 1950, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
134	Y Blô Buôn Krông	+		Sinh 1949, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
135	Y Bông Buôn Krông	+		Sinh 1948, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
136	Y Bing Buôn Yă	+		Sinh 1950, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
137	Y Dhing Niê	+		Sinh 1924, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
138	Y Thok Niê	+		Sinh 1938, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
139	H'Yun Êban		+	Sinh 1933, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
140	Y Sual Ktla	+		Sinh 1946, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
141	Y Duăt Mlô	+		Sinh 1943, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
142	Y Tiu Buôn Krông	+		Sinh 1952, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
143	Y Ler Niê	+		Sinh 1947, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
144	Y Draï Niê	+		Sinh 1948, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
145	Y Dung Hwing	+		Sinh 1945, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
146	Y Duân Niê	+		Sinh 1946, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
147	H'Rieo Niê		+	Sinh 1949, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
148	Y Dhãm Buôn Yă	+		Sinh 1946, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
149	Y Wit Niê	+		Sinh 1940, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
150	H'Proi Niê		+	Sinh 1936, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
151	Y Bhiêp Ktla	+		Sinh 1927, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
152	H'Nin Niê		+	Sinh 1946, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
153	Y Wăk Ktla	+		Sinh 1950, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
156	Y Nuh Niê	+		Nghệ nhân, 1944, xã Êa Kênh, Krông Păc, D Lăk
157	Y Niêt Niê	+		Sinh 1946, phường Êa Tam, Buôn Ma Thuột, D.L
158	H' Suêc Mlô		+	1928, Buôn Wiáo, Krông Năng, Dak Lăk
159	H'Nên Buôn Krông		+	1940, Buôn Dham, Krông Ana, Dak Lăk
160	H'Prin Buôn Krông		+	1931, Buôn Mblot, Krông Ana, Dak Lăk
161	H'Bin Niê		+	1953, Buôn Alê B, Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
162	H' Nũên Niê		+	1924, Buôn Alê A, Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
163	H' Dlan Mlô		+	1950, Buôn Kli A, Krông Búk, Dak Lăk
164	H' Ghi Mlô		+	1937, Buôn Cũah, Krông Năng, Dak Lăk

165	H' Mai Mlô		+	1950, Buôn Mrum, Krông Búk, Dak Lăk
166	H' Mui Niê		+	1947, Thị trấn Cư Mgar, Dak Lăk
167	H' Thar Mlô		+	1942, Buôn Weô, Krông Năng, Dak Lăk
168	H'Thoar Buôn Krông		+	1942, Buôn Čuah, Krông Ana, Dak Lăk
169	Y Khit Mlô	+		1938, Buôn Alê, Krông Năng, Dak Lăk
170	H'Lao Buôn Krông		+	1935, Buôn Mblot, Krông Ana, Dak Lăk
171	Y Prin Buôn Krông	+		1930, Buôn Mblot, Krông Ana, Dak Lăk
172	Y Thin Mlô	+		1939, Buôn Wiáo, Krông Năng, Dak Lăk
173	H'Wur Mlô Duôn Du		+	1943, Buôn Tring, Krông Búk, Dak Lăk
174	H' Mek Mlô Duôn Du		+	1950, Buôn Tring, Krông Búk, Dak Lăk
175	Y Prông Êban	+		Tên thật của ông Ama Kông (Bản Đôn)
176	H' U ất Apuôt		+	1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
177	H'Jon Kbuôr		+	1954, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
178	H'Loi Romah		+	1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
179	Y Dhu Hđok	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
180	Y Jih Hđok	+		1950, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
181	H' Di Apuôt		+	1950, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
182	Y Quy Buôn Yă	+		1948, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
183	Y Kruôt Apuôt	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
184	Y Sual Apuôt	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
185	H' Nguồn Apuôt		+	1954, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
186	Y Blor Kbuôr	+		1949, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
187	Y Tôch Hđok	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
188	Y Thiah Buôn Yă	+		1951, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
189	Y Jeng Kbuôr	+		1943, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
190	Y Drin Apuôt	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
191	H'Lan Niê		+	1951, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
192	H' Blum Apuôt		+	1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
193	Y Lăng Buôn Yă	+		1951, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
194	H' Dung Apuôt		+	1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
195	Y Bhim Niê	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
196	Y Wan Buôn Yă	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
197	Y Dha Buôn Krông	+		1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
198	Y Pluih Buôn Krông			1953, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
199	Y Mrok Buôn Yă	+		1954, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
200	H' Nguồn Apuôt		+	1954, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk

Ghi chú: Đây là những người Êđê được sinh ra vào thời kỳ đầu thuộc Pháp và các giai đoạn từ 1945 đến 1954 (Trước khi Ngô Đình Diệm xóa bỏ chế độ “Hoàng Triều cương thổ” của nhà Nguyễn ở Tây Nguyên, nghĩa là bắt đầu một thời kì mới-thời kì hình thành các đơn vị hành chính của người Kinh (người Việt) ở Dak Lăk, và là bắt đầu một thời kì người Việt đến cao nguyên này một cách ồ ạt). Chúng tôi thống kê riêng danh sách những người thuộc lứa tuổi

này để thấy rõ được cách thức định danh truyền thống của người Êđê khi chưa chịu ảnh hưởng văn hóa định danh của người Việt (trong danh sách chỉ có 4 trường hợp là con của cán bộ tập kết ra Bắc, được định danh hoặc sửa đổi tên cá nhân và tên đệm). Phần lớn trong danh sách, họ là những nhân sĩ, trí thức được giác ngộ cách mạng hoặc bị cuốn vào những biến động xã hội ở Tây Nguyên trong một thời gian dài và bị phân hóa sâu sắc bởi môi trường chính trị mà họ tiếp cận. Một bộ phận đi theo cách mạng và có nhiều cống hiến; một số bị lôi kéo vào các tổ chức cực đoan dưới danh nghĩa bảo vệ quyền tự do bình đẳng cho người Thượng Tây Nguyên, do một số thế lực chính trị phản động nuôi dưỡng và giật dây. Cùng với đó là một số trường hợp được định danh cùng thời kì, là cư dân xã Êa Siên, Krông Búk (nơi cư trú tập trung của người Êđê nhóm Adham - là một trong hai nhóm (cùng với nhóm Kpă) lớn nhất của tộc người Êđê ở Tây Nguyên. Chúng tôi cũng đưa vào danh sách một vài trường hợp thuộc đối tượng này là cư dân của nhóm Êđê Mdhur ở huyện Êa H'Leo, là một trong những nơi có mật độ dân số nhóm tộc người này cao.

Chú thích: (1) H' Drah Jan Kpă (1630-1654) là con gái của một thủ lĩnh Êđê Adham thuộc vùng Cũ M'gar (phía bắc Dak Lăk ngày nay. H'Drah Jan có nghĩa là *Công chúa Hạt Mưa*, sau này trở thành hoàng hậu thứ của Vương triều Champa suy tàn (vua Pô Rômê, 1624-1654). Khi quân nhà Nguyễn tấn công Panduranga, nhà vua bị bắt và bị giết. Theo tục lệ Chăm, người ta hỏa thiêu xác vua, đồng thời các bà vợ đều phải chết theo. Khi đó chỉ có bà hoàng hậu Êđê là H' Drah Jan Kpă nhảy vào lửa chết theo chồng.

Phụ lục 3.2

DANH SÁCH MỘT SỐ NGƯỜI ÊĐÊ ĐỊNH DANH TỪ 1955 ĐẾN 1985

TT	Họ và tên	nam	nữ	Ghi chú
01	Êban Y Phu	+		Bí thư Tỉnh ủy Dak Lăk
02	Y Wai Niê Kdam	+		Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa Dak Lăk
03	Y Muan Êñuôl	+		(1957-2010), nhạc sỹ, ca sỹ.
04	Y Thing Ayũn	+		Nguyên Trưởng khoa Dự bị-TN, ĐHTN
05	Y Trou Alio	+		TS. Phó Hiệu trưởng ĐHTN
06	Y Thanh Hà Niê Kdam	+		Ủy viên dự khuyết TW Đảng
07	Y Pel Buôn Yă	+		Kỹ sư
08	Y Pen Niê	+		Kỹ sư
09	Y Thũ Niê	+		Cử nhân sinh học
10	Y Rai Kbuôr	+		Bác sĩ, giảng viên ĐH
11	Y Trương Niê	+		Bác sĩ, giảng viên ĐH
12	Y Ka Nin Niê	+		Bác sĩ, giảng viên ĐH
13	Y Buôk Niê	+		Giáo viên
14	Y Quang Mlô	+		Bác sĩ, giảng viên ĐH
15	Y Thok Mlô	+		Bác sĩ, giảng viên ĐH
16	Y Miu Niê	+		Bác sĩ, cán bộ Sở Y tế Dak Lăk
17	H'Lanh Mlô		+	Bác sĩ, giảng viên ĐH
18	Y Trung Mlô Duôn Du	+		Trung học
19	Y Khoa Niê Kdam	+		Thạc sĩ, giảng viên ĐH
20	H'Mai Niê		+	Kỹ sư, cán bộ Đại học Tây Nguyên
21	Ksor H'Ni Na		+	Bác sĩ, giảng viên ĐH
22	Ksor H'Phong Lan		+	Bác sĩ, giảng viên ĐH
23	Thu Nhung Mlô Duôn Du		+	Tiến sĩ Sử học, giảng viên ĐH
24	Tuyết Lan Niê Kdam		+	Kỹ sư, cán bộ Ban Dân tộc Chính phủ
25	Tuyết Hoa Niê Kdam		+	Tiến sĩ Kinh tế, giảng viên ĐH
26	Y Ghi Niê	+		TS. P. Giám đốc Sở KH-CN Dak Lăk
27	Y Pos Tor	+		Nguyên Giám đốc Sở GTVT Dak Lăk
28	Y Liê Tor	+		Bs, P.Trưởng ban tổ chức Tỉnh ủy Dak Lăk
29	Y Vinh Tor	+		Bí thư Huyện ủy Buôn Hồ, Dak Lăk
30	Mỹ Trinh Kbuôr		+	Giảng viên ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh
31	Mỹ Trang Kbuôr		+	Giảng viên ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh
32	Tuyết Nhung Buôn Krông		+	Tiến sĩ, giảng viên ĐH
33	Rahlan Tuyết Hoa		+	Bác sĩ, cán bộ Sở Y tế Dak Lăk
34	Rahlan Phương	+		Kỹ sư, cán bộ Sở NN Ỉ PTNT Dak Lăk
35	Rahlan Von Ga	+		Ths, Hiệu trưởng Cao đẳng nghề Dak Lăk
36	Y Toan Niê			1959, Êa Tam, Buôn Ma Thuột, D.Lăk
37	H'Wen Niê		+	1962, Thạc sĩ, Giảng viên ĐH
38	Nay H' Ban		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
39	H'Loanh Niê		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
40	H' Mi Cũl		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
41	H' Juaih Niê Kdam		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk

42	H' Phlai Buôn Yă		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
43	Y Jek Niê Kdam	+		Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
44	Y Toang Niê Kdam	+		Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
45	H' Jin Niê		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
46	H' Lum Niê		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
47	H' Mih Niê		+	Giáo viên ở Buôn Ma Thuột, Dak Lăk
48	Y Khe Niê	+		Bác sĩ, cán bộ Sở Y tế Dak Lăk
49	Y Chen Niê	+		Thạc sĩ, cán bộ Đại học Tây Nguyên
50	Y Map Niê	+		1958, xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
51	Y Bri Ktla	+		1968 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
52	Y Phên Niê	+		1974 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
53	Y Nhi Buôn Krông	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
54	Y Der Buôn Krông	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
55	Y Anh Mlô	+		1962 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
56	Y Tin Kbuôr	+		1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
57	Y Riệp Buôn Krông	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
58	Y Thân Buôn Krông	+		1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
59	Y Mul Buôn Krông	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
60	Y Hoi Niê	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
61	Y Jin Ktla	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
62	H' Buât Ktla		+	1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
63	Y Mdhur Ktla	+		1963 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
64	H' Bliã Ktla		+	1962 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
65	Y Rai Niê	+		1961 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
66	Y Chã Buôn Krông	+		1961 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
67	Y Jek Niê Kdam	+		Trí thức, tham gia biên soạn ST Dăm Săn
68	Y Kõ Niê Kdam	+		Trí thức, tham gia biên soạn ST Dăm Săn
69	Nay Jôn	+		1959 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
70	Y Wel Ksor	+		1960, Thạc sĩ, Giảng viên ĐH
71	Y Rin Buôn Krông	+		1957 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
72	H' Wiêp Buôn Krông		+	1967 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
73	H' Bân Buôn Krông		+	1967 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
74	Y Khim Buôn Krông	+		1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
75	H' Lên Ktla		+	1959 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
76	Y Then Buôn Krông	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
77	Y Sin Niê	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
78	Y Ban Buôn Yă	+		1967 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
79	Y Jem Buôn Krông	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
80	Y Phăn Ktla	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
81	Y Hun Buôn Yă	+		1968 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
82	Y Môk Buôn Yă	+		1971 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
83	Y Som Ktla	+		1955 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
84	Y Jom Niê	+		1975 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
85	Y Tơl Buôn Yă	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
86	Y Nuêng Niê	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk

87	Y Ai Niê	+		1957 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
88	Y Mêk Buôn Yă	+		1974 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
89	H'Ner Niê		+	1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
90	Y Nom Ktla	+		1964 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
91	Y Dem Buôn Krông	+		1974 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
92	Y Ngul Buôn Krông	+		1971 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
93	Y Set Ktla	+		1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
94	Y Wil Buôn Krông	+		1963 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
95	Y Biêr Ktla	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
96	Y Nôt Ayũn	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
97	Y Uich Ktla	+		1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
98	H'Nguôn Buôn Yă		+	1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
99	H'Gui Buôn Krông		+	1974 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
100	Y Nuel Ktla	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
101	Y Ngon Buôn Krông	+		1966 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
116	Y Mip Buôn Yă	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
117	Y Rit Ktla	+		1959 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
118	Y Hior Niê	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
119	Y Jam Niê	+		1966 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
120	H' Lai Mlô		+	1956 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
121	Y Lot Niê Kdam	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
122	Y Nghi Niê	+		1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
123	Y Kiên Ktla	+		1961 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
124	H'Rim Niê		+	1979 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
125	Y Bhuât Niê	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
126	Y Gen Buôn Yă	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
127	Y Lim Buôn Krông	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
128	Y Buk Buôn Krông	+		1963 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
129	H'Wuai Niê		+	1967 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
130	H'Tlut Niê		+	1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
131	Y Khat Ktla	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
132	H'Lem Buôn Yă		+	1962 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
133	Y Jũ Buôn Krông	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
134	Y Wă Ktla	+		1964 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
135	Y Siăm Mlô	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
136	Y Ker Ayũn	+		1963 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
137	Y Khiêm Buôn Krông	+		1959 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
138	Y Wer Buôn Krông	+		1971 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
139	Y Sim Niê	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
140	Y Khôh Ktla	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
141	H'Brũi Buôn Krông		+	1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
142	Y Tem Buôn Krông	+		1968 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
143	Y Siễn Niê	+		1975 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
144	H'Hoa Niê		+	1962 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
145	H'Nhon Niê		+	1975 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk

146	H'Bunh Êban		+	1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
147	Y Wen Buôn Krông	+		1972 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
148	Y Som Buôn Krông	+		1962 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
149	H'Búi Mlô		+	1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
150	Y Sok Buôn Krông	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
151	Y Me Buôn Krông	+		1975 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
152	Y Thi Buôn Krông	+		1971 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
153	Y Guê Buôn Krông	+		1969 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
154	Y Khual Ktla	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
155	Y Phong Buôn Krông	+		1975 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
156	Y Nguất Niê	+		1962 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
157	Y Nam Niê	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
158	Y Cũn Buôn Krông	+		1963 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
159	Y Blen Ktla	+		1960 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
160	Y Đai Niê	+		1964 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
161	Y Bơh Buôn Krông	+		1963 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
162	Y Noi Niê	+		1975 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
163	Y Blăk Niê	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
164	Y Đing Buôn Krông	+		1970 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
165	Y Nguôm Ktla	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
166	Y Lan Buôn Krông	+		1958 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
167	Y Thu Niê	+		1973 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
168	Y Na Êban	+		1962 xã Êa Siên, Krông Búk, Dak Lăk
169	Y Won Kna	+		Madrak, tham gia biên soạn ST Dăm Săn
170	Y Blam Niê Kdam	+		Bs, huyện Ea Kar, Dak Lăk
171	H' Rô Buôn Krông		+	1956, xã Êa Na, Krông Ana, Dak Lăk
172	H' Min Niê		+	1955, Buôn Alê A, Buôn Ma Thuột,
173	Y Drim Buôn Krông	+		1957, xã Êa Na, Krông Ana, Dak Lăk
174	H' Brin Buôn Krông		+	Buôn Akô Êmông, Krông Ana, Dak Lăk
175	Y Quan Buôn Krông	+		1959, xã Êa Na, Krông Ana, Dak Lăk
176	Y Thương Buôn Krông	+		1956, xã Êa Na, Krông Ana, Dak Lăk
177	Y Drim Buôn Krông			1956, Buôn Kuê, Krông Ana, Dak Lăk
178	Y Vui Niê Buôn Yă	+		1955, Buôn Cũ Nê, Krông Păc, Dak Lăk
179	Y Wiya Niê	+		1967, Buôn Alê B, Buôn Ma Thuột, D.Lăk
180	Y Rô By Buôn Krông	+		1983, Giảng viên Đại học
181	Y Nga Buôn Yă	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
182	Y Ky Apuôt	+		1963, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
183	H' Mai Apuôt		+	1070, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
184	H'Bi Buôn Yă		+	1963, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
185	Y Mêk Niê	+		1984, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
186	Y Krông Hđok	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
187	Y Đen Hđok	+		1983, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
188	Y Ku Hđok	+		1965, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
189	Y Hoang Hđok	+		1975, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
190	Y Bin Niê	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk

191	Y Suên Hđok	+		1966, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
192	Y Đek Hđok	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
193	Y Tlam Buôn Krông	+		1966, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
194	Y Hao Buôn Krông	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
195	Y Nghiêng Kpă	+		1966, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
196	Y Phương Apuôt	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
197	Y Yun Hđok	+		1958, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
198	Y Loan Apuôt	+		1959, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
199	H'Dung Niê		+	1957, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
200	Y Rôn Buôn Krông	+		1962, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
201	Y Lon Niê	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
202	Y Noan Niê	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
203	Y Dat Apuôt	+		1962, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
204	Y Mìn Niê	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
205	Y Hip Niê	+		1970, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
206	Y Đam Niê	+		1982, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
207	Y Mlăng Niê	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
208	Y Khênh Apuôt	+		1975, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
209	Y Thuin Apuôt	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
210	Y Rô Ken Kbuôr	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
211	Y Sual Buôn Krông	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
212	Y Đon Hđok	+		1962, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
213	Y Sar Apuôt	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
214	Y Duất Hđok	+		1970, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
215	Y Biăt Kpă	+		1982, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
216	Y Kor Hđok	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
217	Y Rik Kbuôr	+		1975, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
218	Y Chinh Buôn Krông	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
219	Y Suen Buôn Yă	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
220	Y Sion Hđok	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
221	Y Lon Apuôt	+		1962, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
222	Y Điem Hđok	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
223	Y Brao Êban	+		1970, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
224	Y Sai Hđok	+		1982, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
225	Y Ngir Êñuôl	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
226	Y Thanh Niê	+		1975, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
227	Y Da Ni Hđok	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
228	Y Tông Ktla	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
229	Y Kam Apuôt	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
230	H' Boc Hđok		+	1962, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
231	H' Sui Buôn Krông		+	1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
232	Y Krue Kbuôr	+		1970, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
233	Y Thuê Apuôt	+		1982, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
234	Y Jut Apuôt	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
235	Y Sư Hđok	+		1975, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk

236	H' Rôn Buôn Krông		+	1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
237	Y Noi Niê	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
238	Y Čuê Hđok	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
239	Y Luet Apuôt	+		1962, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
240	H' Blim Buôn Yă		+	1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
241	Y Yas Kbuôt	+		1970, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
242	Y Yuit Apuôt	+		1982, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
243	Y Sali Buôn Yă	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
244	Y Thuan Buôn Yă	+		1975, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
245	Y Nem Buôn Krông	+		1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
246	Y Hinh Hđok	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
247	Y Tinh Apuôt	+		1970, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
248	Y Bloi Niê	+		1982, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
249	Y Moi Niê	+		1964, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
250	Y Quân Buôn Yă	+		1975, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
251	H' Bri Buôn Yă		+	1974, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk
252	Y Khiêm Niê	+		1978, Buôn Kla, Krông Ana, Dak Lăk

Ghi chú: Đây là những người Êđê được sinh ra vào giai đoạn trước đổi mới. Giai đoạn này đại bộ phận người Êđê vẫn cư trú khá độc lập. Phần lớn họ là những người ở lứa tuổi trung niên mà không ít trong số họ là con em của những nhân sĩ, trí thức, công chức thuộc các chế độ và các đối tượng khác cùng thời kỳ. Điểm chung mà luận án quan tâm là ngoại trừ một số trường hợp bản thân họ là những trí thức hoặc con của những trí thức, công chức viên chức các thời kì, chịu ảnh hưởng của văn hóa định danh người Việt và người phương tây, còn về cơ bản những người trong danh sách được định danh theo lối truyền thống của người Êđê. Từ đó, luận án có cơ sở xác định các tiêu chí được coi là “truyền thống” trong định danh tên riêng người Êđê.

Phụ lục 3.3**DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ ĐỐI TƯỢNG LÀ SINH VIÊN, THANH NIÊN
(SINH SAU THỜI KỲ ĐỔI MỚI 1985)**

TT	Mã số sv	Họ và tên	nam	nữ	Ghi chú
01	10304002	Y Jen Ktul	1989		
02	10305001	H' Galli Buôn Krông		1991	
03	11304031	Y Joăt Ksor	1992		
04	11304033	Y Tân Niê	1992		
05	13304001	Y Jan Arul	1995		
06	13304103	Y Tinh Niê	1993		
07	13305042	H' Ly Sa Kbuôr		1993	
08	13767073	Y Can Niê	1993		
09	11101050	Ksor Nguyễn Hoàng Phi	1993		
10	11101086	H' Win Niê		1992	
11	11101087	Y Bel Niê	1991		
12	11102042	Y Dươi Mlô	1993		
13	11103003	Y Hê Li Buôn Krông		1993	
14	11103065	Y Troi Êban	1993	Nam	
15	11104007	Y Môn Buôn Yă	1993	Nam	
16	11104046	H' Linh Niê		1993	
17	11104081	H' Nan Kbuôr		1992	
18	11104085	H' Juin Mlô		1992	
19	11104087	H' Hậu Niê		1992	
20	11301001	H' Nĩ Adrong		1992	
21	11301041	Y Tuấn Buôn Krông	1990		
22	11301056	H' Danh Mlô		1993	
23	11301061	Nguyễn Thị Kim		1993	
24	11501001	Y Ngọc Adrong	1993		
25	11501003	Y Jăn Êban	1993		
26	11501014	Phạm Ngọc Huy	1992		
27	11502002	Y Gon Ayũn	1990		
28	11502003	H'Phen Ayũn		1992	
29	11502004	Y Mer Êban	1990		
30	11502023	H' Duân Kbuôr		1993	
31	11502024	H' Thủy Kbuôr		1992	
32	11502034	Y Kốp Niê	1993		
33	11502036	Y Phren Ntor (Tor)	1992		
34	11502061	Nguyễn Triệu Tuấn Anh	1992		
35	12101054	Y Ka Niê	1991		

36	12101086	H' Bet Kbuôr		1993	
37	12101087	Y La Dap Mlô	1993		
38	12102041	H' Sarana Mlô		1993	
39	12102051	H' Blôn Niê		1993	
40	12102052	H' Trinh Niê		1992	
41	12102053	Y Zut Niê	1993		
42	12102054	Chu Thị Niêm		1994	
43	12102080	Y Niêm Kbuôr	1989		
44	12102081	H' Yo Niê		1993	
45	12103029	Y Di Dim Mlô	1991		
46	12103030	Y Mi Nô Mlô	1994		
47	12104005	H' Oanh Buôn Yă		1994	
48	12301005	H' Nal Êban		1993	
49	13101002	H' Mui Ayũn		1994	
50	13101033	Y Phai Niê	1994		
51	13102028	H' Djuôih Kbuôr		1994	
52	13102040	Y Kuang Niê	1992		
53	13102041	Y Tuyen Niê	1994		
54	13103003	Y Bel Êban	1995		
55	13103029	Y Sin Hđok	1994		
56	13104018	H' Liong Knul		1991	
57	13301005	H' Thoa Ayũn		1994	
58	13301032	H' Giuên Mlô		1994	
59	13301042	H' Zu Ni Niê		1994	
60	13310008	Y Buih Ktla	1995		
61	13310011	Y Di Dim Mlô	1991		
62	13310012	H' Iêng Niê		1994	
63	13310013	H' Rao Niê		1993	
64	13310014	Y Pi Đen Niê	1994		
65	13313029	H' Tha Kbuôr		1995	
66	13313031	Y Ngong Buôn Krông	1991		
67	11401002	Y Bel Êban	1990		
68	11401021	Y Hung Knul	1992		
69	11401022	Y Phi Kpă	1992		
70	11401037	H' Lĩn Niê		1992	
71	11401038	Y Puinh Niê	1990		
72	11401081	Y Hăm Adrong	1984		
73	11402006	Y Hùng Êñuôl	1993		
74	11402007	Y Si Vol Êban	1993		
75	11402010	H' Jelli Buôn Krông		1993	

76	11402011	H' Bé Buôn Yă		1993	
77	11402070	Y Wunh Ksor	1992		
78	11402079	Nay Dam Linh	1993		
79	11402189	Hoàng Phi Yên Adrong		1992	
80	11403100	Niê Văn Ni		1993	
81	11406002	Y Loai Êban	1993		
82	11406095	Y Phi Lip HWing	1991		
83	11406096	Y Đăn Kpor	1990		
84	11406099	Y Nguyên Mlô	1992		
85	11406100	H' Ngôn Niê		1992	
86	12360009	H' Tlah Buôn Krông		1994	
87	12362001	H' Yăo Niê Siêng		1992	
88	12362010	H' Mekxi Buôn Yă		1993	
89	12362131	Phan Buôn Krông Vân Anh		1994	
90	12403006	H' La Ayũn		1993	
91	13360122	Hồ Kênh Văn Quý	1995		
92	13401003	H' Lôs Răăm		1994	
93	13401004	H' Yuăn Êñuôl		1994	
94	13401005	Y Dũng Êñuôl	1995		
95	13401021	H' Sichia Êban		1994	
96	13401035	Y Băk Niê Hra	1994		
97	13401066	H' Nho Niê		1995	
98	13401073	H' Nec Niê Buôn Rit		1995	
99	13402007	H' Trinh Êban		1993	
100	13402034	Y Diệu Êban	1990		
101	13402035	Y Diêm Êñuôl	1992		
102	13402073	H' Dịu Ksor		1993	
103	13402096	Y Rom Mlô	1994		
104	13402128	Nguyễn Mlô Anh Quang	1995		
105	13403132	Kiên Thi Mai Tâm		1994	
106	13403134	Trịnh Thị Thanh Tâm		1995	
107	13406001	H' Blim Adrong		1994	
108	13406022	H' Diệp Buôn Krông		1991	
109	13406040	H' Triều Niê		1995	
110	13410020	H' Miu Ktla		1994	
111	13410048	H' Chi Ayũn		1995	
112	13410134	H' Nen Niê		1995	
113	13410135	H' Yaly Niê		1995	
114	11604001	H' Đăm Êban		1993	
115	11604004	Y Rô Bin Buôn Yă	1992		

116	11604014	H' Nhuin Ktul		1993	
117	11604019	Y Nép Mlô	1990		
118	11604039	H' En Ly Za Bet Niê		1992	
119	11604044	H' Jên Niê		1991	
120	11604045	H' Niê Ktul		1992	
121	11604046	H' ZêNy Mlô		1990	
122	11604075	Y Dinh Buôn Yă	1985		
123	11604077	Y Diên Mlô	1985		
124	11608001	Y Thôn Ayũn	1993		
125	12604001	H' Triom Apuôt		1993	
126	12604002	Y Na Buôn Krông	1989		
127	12604006	H' Su Ra Kbuôr		1994	
128	12604012	H' Luy Ja		1994	
129	12604013	Y Niêm Ktul	1988		
130	12604021	Ksor Y Proach	1990		
131	12604050	H' Lem Buôn Yă		1991	
132	12604070	H' Riu Mlô		1993	
133	12608012	H' Hnur Mlô		1993	
134	12608033	H' Zih Je		1992	
135	13604003	H' Út Buôn Yă		1994	
136	13604005	H' Zôl Buôn Yă		1994	
137	13604006	Y Jiêm Buôn Yă	1993		
138	13604007	H' Lina Buôn Yă		1994	
139	13604008	H' Sa La Buôn Yă		1994	
140	13604009	Y Kuang Buôn Yă	1995		
141	13604010	Y Mi La Buôn Yă	1994		
142	13604014	Mlô H' Đam		1993	
143	13604024	H' Ni Kbuôr		1992	
144	13604025	H' Jôl Niê Kdăm		1990	
145	13604029	H' Ly Kpă		1991	
146	13604030	H' Nawi Ksor		1994	
147	13604031	Y Joăt Ksor	1992		
148	13604035	Y Thó Mlô	1993		
149	13604040	H' Hăng Niê		1995	
150	13604041	H' Prăk Niê		1993	
151	13604045	Vi Vàn Quang	1992		
152	13604053	Niê Thị Phương Thảo		1994	
153	13604080	H' Năn Mlô		1995	
154	13604081	Y Phố Mlô	1993		
155	13604085	H' Oanh Niê		1994	

156	11701006	H' Sinh Êban		1990	
157	11701009	H' Duê Buôn Krông		1992	
158	11701010	H' Sinh Buôn Yă		1992	
159	11701030	H' Đê Ra Kên		1992	
160	11701031	H' Bót Knul (60)		1993	
161	11701059	H' Beng Niê		1991	
162	11701060	H' Yim Niê		1993	
163	11702001	H' Lu Ba Ayũn		1993	
164	11702032	H'Bip Niê		1992	
165	11702082	Nguyễn Thị Hồng Loan Mlô		1993	
166	12701048	H' Moet Niê		1993	
167	12701049	H' Nhung Niê		1994	
168	12702003	H' Bê Ka Êban		1994	
169	12702024	H' Ngui Mlô		1993	
170	12702035	H' Muôn Niê		1993	
171	13701025	H' Tria Kuan		1994	
172	13701034	Nguyễn Ayũn Thùy My		1994	
173	13701040	H' Kruit Niê		1993	
174	13702003	H' Sara Êban		1995	
175	13702007	H' Đrim Buôn Yă		1995	
176	13702025	Y Sa Ciên Kbuôr	1989		
177	13702026	Kpă H' Klim		1994	
178	13702027	H' Ra Net Ktla		1995	
179	13702046	H' Phêo Niê		1995	
180	11302047	Y Khuên Êñuôl	1991		
181	11303032	Y Đũc Niê	1993		
182	11303060	H' An Na Niê		1992	
183	11303061	Y Din Niê	1991		
184	11306003	Y Ban Ayũn	1989		
185	11306004	Y Sen Êban	1990		
186	11306006	Y Bia Buôn Yă	1992		
187	11306010	Y Kop Buôn Dap	1993		
188	11306026	Y Gia Ksor	1993		
189	11306032	Y Thảo Mlô	1990		
190	11306036	Y Siêng Niê	1993		
191	11306061	H' Ang Niê		1990	
192	11306095	H' Vân Niê		1993	
193	11306100	Y Mul Rôm	1991		
194	11404029	Y Long Niê Kdăm	1993		
195	11404048	H' Me Êñuôl		1992	

196	11405003	Y Niêm Êban	1989		
197	11405040	Niê Siêng Y Lyby	1992		
198	11405042	H' Piêr Knul		1992	
199	12265121	Y Nuin Hđok	1991		
200	12269005	Y Quang Êđuôl	1993		
201	12269047	Y Dưa Niê	1992		
202	12302007	Siu Cu Li	1991		
203	12303024	H' Ri Na Buôn Yă		1992	
204	12303027	H' Bây Êban		1991	
205	12303028	H' Trinh Êban		1993	
206	12303030	H' Rê Bê Ka Buôn Yă		1992	
207	12404001	Y Troi Êban	1993		
208	12404030	Y Win Niê	1994		
209	13265019	Y Jor Ayũn	1994		
210	13265079	H' Drõng Kbuôr		1993	
211	13265100	Y From Mlô	1994		
212	13265101	Y Sang Mlô	1993		
213	13265116	Y Lương Niê	1994		
214	13266108	H' Man Niê		1995	
215	13268012	Y A Rôn Êban	1992		
216	13268015	Y Yôel Buôn Yă	1995		
217	13268039	Y Bôly Niê Hra	1991		
218	13269016	Y Đinh Ayũn	1993		
219	13269017	H' Kiêu Ayũn		1995	
220	13269021	Ksor Choai	1992		
221	13269094	H' Quynh Niê		1994	
222	13269097	Y Khôi Niê	1993		
223	13303016	Y Fifa Êban	1992		
224	13303036	Y Jiă Hwing	1995		
225	13303039	Y Mận Knul	1995		
226	13303064	Y Bũ Niê	1995		
227	13306027	Y Phi Kẽn	1993		
228	13306043	Y Ninh Ndu	1993		
229	13306046	Y JuLat Niê	1993		
230	13308004	H' Băm Ayũn		1993	
231	13308089	Y Gan Niê	1990		
232	13404003	H' Zĩu Ayũn		1995	
233	13404004	Y Lek Êcăm	1995		
234	13404054	Y Thanh Ktla	1992		
235	13404076	H' Ly Ly Niê		1995	

236	13404077	H' Rôl Niê		1994	
237	13404079	Y Yot Niê	1994		
238	13405015	H' Dương Êban		1992	
239	13405016	H' Linh Êban		1993	
240	13405057	Y Kôp Niê	1993		
241	13405058	Y Sang Niê	1993		
242	11601003	Cê - Ci - Lia - Êban		1992	
243	11601004	H' Nghe Ênuôl		1993	
244	11601008	H' Iêng Buôn Krông		1991	
245	11601009	H' Hương Buôn Yă		1992	
246	11601010	H' Uyn Buôn Yă		1991	
247	11601016	Y Trông Dal Lông Ding	1991		
248	11601024	H' Ging Hđok		1992	
249	11601028	H' Muôl Hmôk		1992	
250	11601034	H' Bê Ly Kbuôr		1993	
251	11601035	H' Tranh Kbuôr		1992	
252	11601037	H' Thời Kmăn		1993	
253	11601038	H' Hao Knul		1993	
254	11601048	H' Enl Mlô		1991	
255	11601049	H' Khoa Mlô		1992	
256	11601050	H' Thích Mlô		1991	
257	11601051	H' Phuêc Mlô		1993	
258	11601057	H' Loet Niê		1993	
259	11601058	H' Mao Niê		1992	
260	11601059	Y Nô Niê	1992		
261	11601080	H' Luên Ayũn		1991	
262	11601081	H' Nhìn Ayũn		1992	
263	11601083	Mlô Bình		1991	
264	11601093	H' Duyên Niê		1990	
265	11601098	H' Valy Kbuôr		1990	
266	11601100	Y Niu Rahlan	1989		
267	11605001	Y Hòa Adrong	1989		
268	11605002	Y Phúc Alio	1991		
269	11605005	Y Phạm Ayũn	1991		
270	11605006	Y Than Êban	1992		
271	11605007	Y Bhu Êban	1991		
272	11605008	Y Sáu Êban	1989		
273	11605014	H' Lila Buôn Krông		1993	
274	11605040	Y Chôm Kpor	1992		
275	11605041	Y Jon Buôn Krông	1992		

276	11605048	Y Wiêt Mlô	1993		
277	11605055	Y Duyệt Niê	1990		
278	11605056	Y Lru Niê	1990		
279	11605057	Y Ngân Niê	1990		
280	11605058	Y Zôn Niê	1992		
281	11605065	Y Gôl Teh	1991		
282	11605078	Niê Y Thiêm	1993		
283	11606006	H' Trang Knul		1991	
284	11606009	H' Huyền Niê		1993	
285	11606016	H' Ngur Êban		1990	
286	11606041	H' Nher Mlô		1991	
287	11901003	H' Juh Êban		1993	
288	11901004	H' Uêl Buôn Yă		1993	
289	11901014	H' Bôc Êñuôl		1992	
290	11901042	H' Duêt Hđơh		1991	
291	11901044	H' Chuyên Kmăn		1990	
292	11901058	H' Ngon Niê		1991	
293	11901087	H' Giang Êban		1990	
294	11901097	H' Đêbôra Ktla		1991	
295	11901100	H' Đô Mlô		1991	
296	11901103	H' Am Niê		1992	
297	11901104	H' Djuă Niê		1991	
298	11901105	H' Hruh Niê		1990	
299	11901106	H' Xa Niê		1990	
300	11901112	H' Djuên Siu		1990	
301	11901125	H' Djal Niê		1992	
302	11902016	H' Nghil Kbuôr		1993	
303	11902017	H' Ni Ly Kbuôr		1991	
304	11902022	H' E Gôl Mlô		1992	
305	11902023	H' Zen Mlô		1993	
306	11902037	H' Sâm Buôn Yă		1992	
307	11902038	H' Bina Buôn Yă		1990	
308	11902039	H' Muyn Niê Hra		1992	
309	11902042	H' Hoa Niê		1990	
310	11902043	H' Ngân Niê		1992	
311	11902044	Y Yô Han Niê	1990		
312	11902047	H' Tuyêt Knul		1988	
313	11902049	H' Cut Niê		1991	
314	11902050	H' Djup Ayũn		1992	
315	11902051	H' Ngân Niê		1991	

316	11902056	H' Mlô Ông		1990	
317	11902057	H' Minh Kbuôr		1992	
318	11902061	Y Hen Niê	1991		
319	11903003	H' Ứng Êban		1993	
320	11903044	Nguyễn Thị Nga		1992	
321	11903057	H' Hoa Niê		1993	
322	12601024	H' Mo Ni Kbuôr		1992	
323	12601025	H' Gia My Knul		1994	
324	12601026	H' Muil Buôn Krông		1993	
325	12601036	H' Juôn Mlô		1993	
326	12601037	H' Lum Mlô		1994	
327	12601038	H' Thôi Mlô		1994	
328	12601051	H' Bloan Niê		1993	
329	12601053	H' Hăng Niê		1994	
330	12601069	Ayũn Đức Tịnh	1993		
331	12605004	Y Din Êban	1994		
332	12605009	Y Lí Buôn Yă	1993		
333	12605010	Y Hăn Buôn Yă	1992		
334	12605011	Y Rô Ti Ma Buôn Yă	1991		
335	12605028	H' Thủy Hlong		1992	
336	12605029	Y Phăng Tô Mat Hmôk	1991		
337	12605039	Y Tiến Buôn Krông	1992		
338	12605040	Y Diu Ktla	1992		
339	12605052	Y Lịch Mlô	1993		
340	12605053	Y Nghe Mlô	1991		
341	12605054	Y Toang Hmôk	1992		
342	12605059	H' Trang Niê		1992	
343	12605060	H' Noang Niê		1993	
344	12605072	Y Lê Vi Niê Siêng	1992		
345	12605089	Y Hiều Buôn Yă	1991		
346	12605090	Y Vinh Buôn Yă	1990		
347	12606006	H' Mười Hmôk		1992	
348	12606007	H' Wang Hmôk		1993	
349	12606009	H' Him Niê Hra		1993	
350	12606018	H' ten Mlô		1993	
351	12606021	H' Lệ Niê		1992	
352	12901003	H' Diêng Buôn Krông		1993	
353	12901017	H' Bion Hđok		1994	
354	12901026	H' Luyện Liêng Hot		1993	
355	12901045	H' Sri Mlô		1993	

356	12901046	H' Wuen Mlô		1994	
357	12901055	H' In Niê		1993	
358	12901056	H' Nhân Niê		1992	
359	12901057	H' Sân Niê		1993	
360	12902009	H' Tha Hđok		1991	
361	12902013	H' Duin Kbuôr		1990	
362	12902015	Hà Thị Mơ		1993	
363	12902017	H' Rốp Niê		1992	
364	12902045	H' Nhon Ayũn		1993	
365	12902066	H' Chi Kmăn		1993	
366	12902078	H' Lila Niê		1992	
367	12903003	H' Dịu Ayũn		1992	
368	12903005	H' Yuin Êñuôl		1994	
369	12903025	H' Hot Hđok		1992	
370	12903026	H' Huy Hđok		1991	
371	12903043	H' Joel Mlô		1994	
372	12903049	H' Den Niê		1994	
373	13601002	H' Oai Ayũn		1994	
374	13601004	H' Sara Buôn Krông		1993	
375	13601005	H' Trinh Buôn Krông		1994	
376	13601006	H' Vôt Buôn Krông		1994	
377	13601007	H' Yom Buôn Krông		1994	
378	13601008	H' Ôlia Buôn Yă		1994	
379	13601014	H' Jôl Êban		1993	
380	13601021	H' Sandi Niê Hra		1994	
381	13601025	H' Thoa Knul		1993	
382	13601026	H' Lum Kriêng		1994	
383	13601027	H' Try Phen Ktla		1995	
384	13601042	H' Anh Niê		1995	
385	13601043	H' Đương Niê		1994	
386	13601044	H' Phioh Niê		1995	
387	13601047	Y Phong Phôk	1995		
388	13601050	H' Kúp Niê Sah		1993	
389	13605002	Y Hel Aliô	1995		
390	13605003	Y Pê Tư Ayũn	1992		
391	13605004	H' Nao Buôn Krông		1993	
392	13605006	Y Juh Buôn Yă	1989		
393	13605025	Y Chôch Hwing	1995		
394	13605039	H' Đêm Niê		1994	
395	13605040	Y Filêmôn Niê	1994		

396	13605041	Y Thom Niê	1993		
397	13606001	H' My Ly Ayũn		1994	
398	13606003	H' Nhũi Buôn Yă		1994	
399	13606041	H' Sandra Hmôk		1995	
400	13606053	H' Diêm Kpor		1994	
401	13606108	H'Uôm Buôn Yă		1994	
402	13901001	H' Juli Ayũn		1994	
403	13901002	H' Para Ayũn		1994	
404	13901024	H' Xoan Knul		1994	
405	13901031	H' Dri oh Mlô		1995	
406	13901032	H' Hông Mlô		1994	
407	13901033	H' Yuôr Mlô		1994	
408	13901036	H' Duyên Niê		1993	
409	13901037	H' Nghiên Niê		1993	
410	13901038	H' Trang Niê		1993	
411	13901039	H' Vui Niê		1993	
412	13901040	H' Yuyn Niê		1993	
413	13901042	Vy Thị Kiều Oanh		1994	
414	13902001	H' Mora Êban		1994	
415	13902015	H' Nĩ Ktla		1994	
416	13902016	H' Đê Ly Ktul		1995	
417	13902017	H' Noel Ktul		1995	
418	13902023	H' Thương Mlô		1992	
419	13902024	H' Yă Mlô		1994	
420	13902030	H' Bêt Thy Niê		1994	
421	13902031	H' Sa Nát Niê		1994	
422	13903004	H' Trưa Êban		1995	
423	13903037	H' Mik Niê		1994	
424	13903056	H' Juil Buôn Yă		1994	
425	09307057	Y Sowel Ktla	1990		
426	09307058	Kpă Tou Lai	1990		
427	09307093	Y Khuyên Niê	1989		
428	09307169	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		1990	
429	09307189	K Sor Nguyễn Kiều My		1990	
430	10307070	H' Thu Mi Ktla		1992	
431	11307044	Dư Hậu Ktul		1993	
432	11307057	Y Hũng Mlô	1993		
433	11307120	Y Pal Ayũn	1992		
434	11307126	H' Hiên Êban		1991	
435	11307127	H' Oel Ênuôl		1991	

436	11307141	H' Tarina Kbuôr		1991	
437	11307159	H' Lat Niê		1992	
438	11307160	H' Lôi Niê		1992	
439	11307161	H' Yaly Niê		1991	
440	11307162	Y Bhoi Niê	1992		
441	11307163	Y Khuyêt Niê	1992		
442	11307164	Y Nhung Niê	1989		
443	11307165	Y Trung Niê	1992		
444	11309101	H' In Mlô		1992	
445	12307141	Y Meo Ayũn	1992		
446	12307142	Y Piare Buôn Krông	1993		
447	12307144	Y Chang Buôn Yã	1993		
448	12307152	H' Su Juê Hđok		1993	
449	12307159	Y Tí Niê	1990		
450	12307160	H' Uk Knul		1993	
451	12307168	KSor H' Mat		1992	
452	12307169	Y Gram Mlô	1992		
453	12307174	H' Luôt Niê		1993	
454	12307175	H' Pat Niê		1993	
455	12307176	Y' Tuin Niê	1993		
456	12307177	Ađrong Y Sai	1991		
457	12309099	H' Ral Mlô		1992	
458	13307241	Y Môn Buôn Yã	1993		
459	13307249	H' Wup Êban		1993	
460	13307250	H' Bok Hđok		1993	
461	13307256	H'Rom Hmđok		1994	
462	13307268	Y Phai Mlô	1994		
463	13307273	Y Nhật Niê Kđăm	1994		
464	13307297	Trần Hữu Hùng Ayũn	1994		
465	13309009	H' Châu Buôn Krông		1994	
466	14303004	Y La Ayũn	1994		
467	14313051	Y Trúoc Ktul	1995		
468	14268005	Y Tương Ayũn	1995		
469	14601044	H' Niu Niê		1995	
470	14901058	H' Như Ayũn		1994	
471	14902005	H' Yim Ayũn		1996	
472	14404106	H' Rô Nê Buôn Krông		1995	
473	14401010	H' Bol Buôn Yã		1996	
474	14601004	H' Ut Buôn Yã		1995	
475	14268006	Y Nô Êđuól	1996		

476	14504036	Y Thiết Hwing	1995		
477	14306017	Y Gão Êñuôl	1996		
478	14101039	Y Nê Ri Êñuôl	1995		
479	14702063	H' Thuel Niê		1996	
480	14606003	H' Pi Êban		1995	
481	14307140	TrầnThảoPhuong Niê Kdam		1996	
482	14902007	H' Na Thel Buôn Yă		1995	
483	14266064	H' Din Mlô		1996	
484	14401070	H' Nôc Niê		1996	
485	14605003	Y An Drê Êban	1996		
486	14104066	H' Pia Adrong		1994	
487	14902008	H' Ti Buôn Dap		1996	
488	14606001	H' Kuôn Ayũn		1996	
489	14101006	Y Yuđa Buôn Krông	1993		
490	14269004	Y Thư Ktla	1994		
491	14601005	Thái Quang Êban	1994		
492	14103111	H' Ra Bi Niê		1994	
493	14605039	Y Ađin Niê	1995		
494	14308003	H' Luân Êban		1996	
495	14308110	Y Duy Niê	1993		
496	14268019	H' Hong Hlong		1995	
497	14604002	H' Miri Êban		1996	
498	14605041	Y Phan Niê	1994		
499	14410189	H' Mliêt Niê		1993	
500	14604054	Y' Giang Niê	1994		
501	14307411	Y Joan Han Adrong	1995		
502	14901002	H' Rom Ayũn		1995	
503	14307413	H' Sinh Ayũn		1995	
504	14604001	H' Yên Arul		1995	
505	14266063	H' Bluyn Mlô		1996	
506	14304024	H' Rang Niê		1996	
507	14265064	Y Vinh Niê	1993		
508	14265011	Y Phên Ayũn	1995		
509	14265056	H' Ta San Ra Mlô		1996	
510	14608001	H' Rina Êban		1996	
511	14901055	H' Win Ktul		1995	
512	14309100	H' Ju Lia Êban		1994	
513	14702049	H' Mat Mlô		1995	
514	14902015	H' Điệp Hđok		1995	
515	14901054	H' Mlôn Êban		1992	
516	14268022	H' Joaih Hđok		1996	
517	14604009	H' Mrung Buôn Yă		1996	

518	14405039	H' Phia Niê		1996	
519	14601046	H' Lai Êñuôl		1993	
520	14401073	Y Tuân Niê	1996		
521	14405026	H' Zuên Niê Kdăm		1996	
522	14410037	Y Jol Niê	1995		
523	14702047	H' Biza Mlô		1996	
524	14404025	Y Ngoan Hđok	1993		
525	14702050	H' Zima Mlô		1996	
526	14307422	H' Yên Êban		1995	
527	14307423	Nguyễn Thị Lan Êban		1995	
528	14103003	Y Trôih Ayũn	1995		
529	14404120	H' Ra Cel Êñuôl		1995	
530	14309038	H' Ha Mlô		1996	
531	14405073	Y Jap Êban	1994		
532	14401071	Y Ben Niê	1995		
533	14902023	H' Bong Hwing		1996	
534	14307424	Y Khoa Êban	1994		
535	14605012	Y Pap Buôn Yă	1992		
536	14308004	H' Nuin Êñuôl		1996	
537	14410152	H' Loat Knul		1996	
538	14305131	Y Khoa Niê Siêng	1994		
539	14310013	Y Noel Niê Kdăm	1995		
540	14304045	H' Hiên Êban		1994	
541	14902024	H' Yin Niê Kdăm		1994	
542	14265013	Y Đổ Êban	1993		
543	14308108	H' Ter Buôn Yă		1995	
544	14401020	H' Nghê Êban		1994	
545	14504046	H' Me Mlô		1996	
546	14901008	H' Lai Buôn Yă		1996	
547	14601008	H' Đê Buôn Yă		1996	
548	14902025	H' Yang Knul		1994	
549	14401021	Y Zang Êban	1991		
550	14902033	H' Juan Hmôk		1994	
551	14604020	Adrong H'Hương		1995	
552	14601026	H' Diulen Ktul		1996	
553	14601002	H' Trim Ayũn		1995	
554	14702060	H' Bĩn Niê		1996	
555	14268028	H' Ding Buôn Krông		1996	
556	14605037	H' Yel Niê		1995	
557	14604036	H' Dri Niê		1996	
558	14401045	Y Phên Buôn Krông	1996		
559	14405003	Y Djhang Êban	1994		

560	14310005	Y Sao Mlô	1993		
561	14404010	H' Lon Kbuôr		1994	
562	14101067	H' Luar Ktla		1995	
563	14604038	Y Thơm Niê	1993		
564	14410016	H' Nel Hwing		1995	
565	14608011	H' Lãng Nhi Niê		1994	
566	14103056	Y Thuận Mlô	1996		
567	14401060	H' Ru Da Mlô		1996	
568	14901059	H' Bruôi Ayũn		1995	
569	14307435	H' Vy Na Kbuôr		1995	
570	14404112	H' Đuên Niê		1995	
571	14266011	Y Duy Buôn Krông	1996		
572	14410188	H' Điệp Niê		1994	
573	14701005	H' Jil Êban		1996	
574	14308109	Y Thih Hđok	1994		
575	14504064	H' Wiên Niê		1996	
576	14504042	Kim Thành Ksor	1996		
577	14310061	Y Samuel Niê Hmôk	1995		
578	14404011	Y Tor Kbuôr	1995		
579	14401040	H' Ngìn Niê Kdăm		1996	
580	14102041	H' Hen Niê		1995	
581	14301051	H' Al Niê		1996	
582	14403006	Y Won Êban	1995		
583	14604021	H' Đuìn Buôn Krông		1996	
584	14103066	Y Nhon Niê	1993		
585	14101064	H' Ju Ly Buôn Yă .		1994	
586	14404111	H' Nuin Mlô		1995	
587	14265039	Y Xuân Hwing	1995		
588	14605009	Y Thêu Mlô	1995		
589	14310023	H' Nuar Buôn Yă		1994	
590	14407161	Y Duìn Hwing	1995		
591	14604003	H' Phó Êban		1996	
592	14410082	Nguyễn Lan Anh Êban		1996	
593	14504038	H' Sa Ra Hđok		1996	
594	14310087	H' Sen Knul		1996	
595	14401046	Y Long Ksor	1994		
596	14601043	H' Kê Niê		1995	
597	14902040	H Mari Niê		1995	
598	14269077	H' Hân Niê		1996	
599	14606019	H' Tuyên Êđuôl		1994	
600	14301007	H' Bé Buôn Yă		1995	
601	14269079	Y Li Niê	1995		

602	14268036	H' Mão Mlô		1996	
603	14901060	H' Sân Dra Knul		1995	
604	14702048	H' Buel Mlô		1996	
605	14604010	Y Trinh Buôn Yă	1994		
606	14604037	H' Rô Ma Niê		1996	
607	14605026	Y Lăng Kpă	1993		
608	14403188	H' Nga Mlô		1994	
609	14403010	Y Yuôr Buôn Krông	1992		
610	14402080	H'Ô Niê		1996	
611	14406172	H' Trinh Niê		1995	
612	14401004	H' Lin Đa Ayũn		1994	
613	14307457	H' Bơ Li Ta Niê		1995	
614	14266040	Y Ti Ti Kbuôr	1995		
615	14310021	H' Da Rin Êñuôl		1996	
616	14408113	Y Jor Niê	1996		
617	14401062	H' Nasorơ Niê		1996	
618	14903037	H' Tha Niê		1995	
619	14401059	H' Dương Mlô		1996	
620	14404004	Y Thanh Arul	1995		
621	14702004	H' Nga Êban		1996	
622	14604008	H' Hà Buôn Yă		1995	
623	14303046	Y Sanh	1994		
624	14268043	H' Nur Niê		1996	
625	14903002	H' Ter Ayũn		1996	
626	14605005	Y Sêlas Êñuôl	1996		
627	14902059	Kpă H'Uyn		1996	
628	14901004	H' Mui Êban		1996	
629	14101068	H' Trần Rim Niê		1995	
630	14103112	Y Nik Niê	1992		
631	14405038	H' Bi Niê		1995	
632	14601045	Y Tuyl Niê	1996		
633	14404006	H' Neo Êban		1994	
634	14604028	H' Đào Mlô		1993	
635	14307232	Mlô Duy Phương	1996		
636	14601009	H' Hiếu Buôn Yă		1996	
637	14604015	H' Mil Mlô Duôn Du		1996	
638	14102032	TrầnThịPhương Quỳnh Mlô		1995	
639	14903036	H' Oai Niê		1995	
640	14902064	H' Phương Buôn Yă		1995	
641	14101032	H' Ka Ly Mlô		1995	
642	14309050	H' Mươn Niê		1995	
643	14903022	H' Nhoa Kbuôr		1995	

644	14504002	Y Wun Êban	1996		
645	14265012	H' Vinh Êban		1995	
646	14404064	H' Uin Niê		1995	
647	14404008	Y Phi La Buôn Krông	1995		
648	14606011	Y Thu Niê	1995		
649	14265044	H' Mecxi Ksor		1995	
650	14702062	H' Nuin Niê		1995	
651	14504041	H' Alên Knul		1996	
652	14310117	Y Mi Lô Niê	1994		
653	14408112	H' Hồng Niê		1996	
654	14266039	Y Da Kbuôr	1994		
655	14406246	Y Jing Niê	1996		
656	11307127	H' Oel Ê N्हuôl		1991	
657	12307141	Y Mễo Ayũn	1992		
658	12307142	Y Piare Buôn Krông	1993		
659	12307144	Y Chang Buôn Yă	1993		
660	12307152	H' Su Juê Hđok		1993	
661	12307159	Y Tí Ktê	1990		
662	12307160	H' Uk Knul		1993	
663	12307168	KSor H' Mát		1992	
664	12307169	Y Gram Mlô	1992		
665	12307174	H Luôt Niê		1993	
666	12307175	H' Pat Niê		1993	
667	12307176	Y' Tuin Niê	1993		
668	12307177	Y Sai ADrong	1991		
669	13307241	Y Môn Buôn Yă	1993		
670	13307249	H' Wúp Êban		1993	
671	13307250	H' Bok Hđok		1993	
672	13307256	H' Rom Hmők		1994	
673	13307268	Y Phai Mlô	1994		
674	13307273	Y Nhật Niê Kđăm	1994		
675	13307297	Trần Hữu Hùng Ayũn	1994		
676	14307232	Mlô Duy Phương	1996		
677	14307140	Trần Phương Niê Kđăm		1996	
678	14307411	Y Joan Han ADrong	1995		
679	14307413	H' Sinh Ayũn		1995	
680	14307414	H' Thoa Buôn Dap		1994	
681	14307421	H' Phương Êban		1995	
682	14307422	H' Yên Êban		1995	
683	14307423	Nguyễn Thị Lan Êban		1995	
684	14307424	Y Khoa Êban	1994		
685	14307435	H' Vy Na Kbuôr		1995	

686	14307445	H' Dịp Mlô		1994	
687	14307446	H' Vân Mlô		1995	
688	14307455	Mlô Phạm Khánh Nhật		1995	
689	14307457	H' Bơ Li Ta Niê		1995	
690	14307458	H' Thi Niê		1995	
691	14307459	Y Lek Niê	1994		
692	14309038	H' Ha Mlô		1996	
693	14309050	H' Mươn Niê		1995	
694	15309006	H' Zim Buôn Yă		1997	
695	15309015	Y Wun Êban	1996		
696	15309026	H' Lon Kbuôr		1994	
697	15309041	H' Quen Niê		1997	
698	15309062	H' Thu Kđoh		1996	
699	15309063	H' Đim Mlô		1996	
700	16307307	H' Yang Êban		1996	
701	16307314	H' Nê Hwing		1997	
702	16307320	H' Tre Mlô		1997	
703	16307336	Y Čuan Niê	1997		
704	14303004	Y La Ayũn	1994		
705	14303046	Y Sanh Kuan	1994		
706	14306017	Y Găo Ênuôl	1996		
707	14308003	H' Luân Êban		1996	
708	14308004	H' Nuin Ênuôl		1996	
709	14308108	H' Ter Buôn Yă		1995	
710	14308109	Y Thih Hđok	1994		
711	14404006	H' Neo Êban		1994	
712	14404008	Y Phi La Buôn Krông	1995		
713	14404064	H' Uin Niê		1995	
714	14404106	H' Rô Nê Buôn Krông		1995	
715	14404111	H' Nuin Mlô		1995	
716	14404112	H' Đuên Niê		1995	
717	14404120	H' Račel Ênuôl		1995	
718	14405003	Y Djhang Êban	1994		
719	14405026	H' Zuên Niê Kđăm		1996	
720	14405038	H' Bi Niê		1995	
721	14405039	H' Phia Niê		1996	
722	15265001	H Navi Buôn Yă		1997	
723	15265014	H Ly Na Niê		1995	
724	15265029	Y Đông Niê	1996		
725	15266008	H' July Hmők		1996	
726	15269014	Y Titi Kbuôr	1995		
727	15269016	H' Sui Ktla		1997	

728	15302005	Y Bot Buôn Krông	1997		
729	15302071	H' Wai Êban		1996	
730	15302072	H' Quý Niê		1995	
731	15302076	Y Thư Niê	1997		
732	15303032	H' Duyên Ktla		1997	
733	15303048	H' Hra My Niê		1995	
734	15303050	H' Rêl Niê		1997	
735	15303051	Y Duyên Niê	1996		
736	15303073	H' Răng Niê Kđăm		1996	
737	15306001	Y Luìh Ayũn	1996		
738	15306013	H' Điem Niê		1996	
739	15308017	H' Yom Hwing		1997	
740	15308018	H'Sa Ka Kpã		1996	
741	15308041	Y Thoi Buôn Yã	1995		
742	15404003	H' Uyên Arul		1996	
743	15404004	Y Kim Ayũn	1996		
744	15404006	H' Yôi Buôn Krông		1997	
745	15404027	Y Pê Trôs Ktla	1997		
746	15404038	H' Lim Mlô		1996	
747	15404045	H' Rê Niê		1995	
748	15404047	Y Nghiệp Niê	1995		
749	15404090	H' Ana Niê Siêng		1996	
750	15404091	H: Mìn Mlô		1995	
751	15404093	H' Wun Mlô		1996	
752	15405017	H Thesra Niê Buôn Rít		1997	
753	16268007	H' Diam Kbuôr		1998	
754	16268016	Y Dhin Buôn Yã	1997		
755	16302003	Y Gôl Ayũn	1998		
756	16302100	H Brôk Niê		1997	
757	16302101	H Liêu Niê		1997	
758	16303001	H' Ghin Ayũn		1998	
759	16303029	H' Bê Ka Niê		1997	
760	16303054	Y Thít Kbuôr	1997		
761	16306001	Y Tin Buôn Yã	1997		
762	16306014	H' Duyệt Aliô		1997	
763	16306020	Y-Bak Ksor	1995		
764	14401004	H' Lin Đa Ayũn		1994	
765	14401010	H' Bol Buôn Yã		1996	
766	14401040	H Ngìn Niê Kđăm		1996	
767	14401060	H' Ru Đa Mlô		1996	
768	14406172	H' Trinh Niê		1995	
769	14410016	H' Nel Hwing		1995	

770	14410037	Y Jol Niê	1995	
771	14410152	H' Loat Knul		1996
772	14410188	H' Điệp Niê		1994
773	14410189	H' Mliêt Niê		1993
774	14401062	H' NaSorơ Niê		1996
775	14601002	H' Trim Ayũn		1995
776	14601004	H' út Êya		1995
777	14601005	Thái Quang Êban	1994	
778	14601008	H' Đê Buôn Yă		1996
779	14601009	H' Hiếu Buôn Yă		1996
780	14601026	H' Diulen Ktul		1996
781	14601043	H' Kê Niê		1995
782	14601044	H' Niu Niê		1995
783	14601045	Y Tuyl Niê	1996	
784	14601046	H' Lái Êñuồỉ		1993
785	14605003	Y AnDrê Êban	1996	
786	14605005	Y' Sêlas Êñuồỉ	1996	
787	14605009	Y Thêu Blô	1995	
788	14605012	Y Pap Buôn Yă	1992	
789	14605026	Y Lăng Kpă	1993	
790	14605037	H' Yel Niê		1995
791	14605039	Y Ađin Niê	1995	
792	14605041	Y Phan Niê	1994	
793	14606001	H' Kuôn Ayũn		1996
794	14606003	H' Pi Êban		1995
795	14606011	Y' Thũ Niê	1995	
796	14606072	H' Âm Niê		1994
797	14901008	H' Lai Buôn Yă		1996
798	14902005	H' Yim Ayũn		1996
799	14902007	H' Na Thel Buôn Yă		1995
800	14902008	H' Ti Buôn Dap		1996
801	14902015	H' Điệp Hđơk		1995
802	14902023	H' Bong Hwing		1996
803	14902024	H' Yin Niê Kđăm		1994
804	14902025	H' Yang Knul		1994
805	14902033	H' Juan Hmôk		1994
806	14902040	H' Mari Niê		1995
807	14902059	Kpă H' Uyn		1996
808	14903002	H' Ter Ayũn		1996
809	14903022	H' Nhoa Kbuôr		1995
810	14903036	H' Oai Niê		1995
811	14903037	H' Tha Niê		1995

812	16601017	H' Luyn Buôn Krông		1998
813	16601029	H' Eo Niê		1996
814	16601030	H' Ép Niê		1998
815	16601031	H' Bạch Êñuôl		1998
816	16606004	H' Sâm Êban		1996
817	16606011	H' Racel Êban		1998
818	16606012	H' Êra Êñuôl		1998
819	16606019	H' Duyên Hđok		1998
820	16606025	H' Diệp Buôn Yă		1995
821	16606026	H' Yup Knul		1997
822	16606037	H' Mêli Niê		1997
823	16606059	H' Mi Buôn Yă		1998
824	16606060	H' Bé Hđok		1997
825	16903009	H' Đuên Êñuôl		1996
826	16903022	H' Rôyu Knul		1998
827	16903039	H' Be Na Niê		1998
828	16903040	H' Rô Za Niê		1997
829	14604001	H' Yên Arul		1995
830	14604003	H' Phó Êban		1996
831	14604009	H' Mrung Buôn Yă		1996
832	14604010	Y Trinh Buôn Yă	1994	
833	14604015	H' Mil Mlô Duôn Du		1996
834	14604020	Adrong H' Hương		1995
835	14604021	H' Đuin Buôn Krông		1996
836	14604028	H' Đao Mlô		1993
837	14604036	H' Dri Niê		1996
838	14604037	H' Rô Ma Niê		1996
839	14604038	Y Thom Niê	1993	
840	14604054	Y' Giang Niê	1994	
841	14604066	H' Díp Drao		1996
842	14604092	H' Phương Thảo Niê		1996
843	14608001	H' Rina Êban		1996
844	14608011	H' Lăng Nhi Niê		1994
845	14608046	Nhật Lệ Niê		1996
846	15604001	H' Jũh Aliõ		1997
847	15604003	H' Ly Ayũn		1996
848	15604008	H' Đao Buôn Krông		1997
849	15604010	H' Hòa Buôn Yă		1997
850	15604011	H' July Buôn Yă		1997
851	15604022	Y Gi Êban	1996	
852	15604033	H' Nam Niê Kdăm		1997
853	15604040	H' Chương Niê		1997

854	15604041	H' Diệu Niê		1997	
855	15604043	H' Thoa Niê		1997	
856	15604044	H' Xani Niê		1997	
857	15604045	H' Yin Niê		1996	
858	15604069	H' Niê Mlô		1995	
859	15604077	H' Nơ Kbuôr		1995	
860	15604080	H' Linh Đa Mlô		1993	
861	15608009	Y Sang Êcăm	1994		
862	15608016	H' Trúc Kbuôr		1995	
863	15608021	H' Kuyñ Mlô		1997	
864	15608026	H' Nuin Niê		1994	
865	16604001	H' Quynh Buôn Krông		1998	
866	16604002	H' Danh Ayũn		1998	
867	16604003	Y Cháo Ayũn	1997		
868	16604005	H' Lâu Ra Buôn Yă		1998	
869	16604006	H' Luom Buôn Yă		1998	
870	16604014	H' Thảo Hđok		1998	
871	16604022	H' Zuyñ Kbuôr		1998	
872	16604027	H' Đương Kpor		1998	
873	16604034	Y Hưng Mlô	1998		
874	16604065	Y Giuê Niê	1998		
875	14701005	H' Jil Êban		1996	
876	14702004	H' Nga Êban		1996	
877	14702048	H' Buel Mlô		1996	
878	14702049	H' Mát Mlô		1995	
879	14702050	H' Zima Mlô		1996	
880	14702062	H' Nuin Niê		1995	
881	14702063	H' Thuel Niê		1996	
882	16702003	H' Mól Apuôt		1996	
883	16702005	H' Ủi Buôn Dap		1997	
884	16702024	H' Riyer Buôn Krông		1991	
885	16702076	H' Loan Buôn Yă		1997	
886	16702077	H' Milka Buôn Yă		1998	
887	13304001	Y Jan Arul	1995		
888	14304045	H' Hiên Êban		1994	
889	14304046	H' Nễ Êban		1996	
890	14101006	Y Yuđa Buôn Krông	1993		
891	14101032	H' Ka Ly Mlô		1995	
892	14101039	Y Nê Ri Êñuôl	1995		
893	14101064	H' Ju Ly Buôn Yă		1994	
894	14101068	H' Trần Rim Niê		1995	
895	14102032	Trần Thị Phương Mlô		1995	

896	14102041	H' Hen Niê		1995	
897	14103056	Y Thuận Mlô	1996		
898	14103066	Y Nhon Niê	1993		
899	14301007	H' Bé Buôn Yă		1995	
900	14301051	H' Al Niê		1996	
901	14310005	Y Sao Mlô	1993		
902	14310021	H'darin Êñuôl		1996	
903	14310061	Y' Samuel Niê Hmok	1995		
904	14310087	H' Sen Knul		1996	
905	14310117	Y Mi Lô Niê	1994		
906	14504036	Y Thiết Hwing	1995		
907	14504038	H' Sa Ra Kđoh		1996	
908	14504041	H' Alên Knul		1996	
909	14504042	Kim Thành Ksor	1996		
910	14504046	H' Me Mlô		1996	
911	14504064	H' Wiên Niê		1996	
912		Y Nhok Hđok	1986		Buôn Kla, Krông Ana
913		Y Suil Apuôt	1988		Buôn Kla, Krông Ana
914		Y Ty Êcăm	1985		Buôn Kla, Krông Ana
915		Y Hông Kbuôr	1986		Buôn Kla, Krông Ana
916		Y Phu Ly Hđok	1987		Buôn Kla, Krông Ana
917		Y Chia Hđok	1986		Buôn Kla, Krông Ana
918		Y Pô Brit Niê	1986		Buôn Kla, Krông Ana

Ghi chú: Đây là những người Êđê được sinh ra vào giai đoạn sau thời kì đổi mới của đất nước (cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21) - giai đoạn chịu ảnh hưởng nhiều bởi tiếp xúc văn hóa. Trong danh sách là những thanh niên, sinh viên mà không ít trong số họ là con em của những nhân sĩ, trí thức, công chức thuộc chế độ mới và các đối tượng khác cùng thời kỳ. Điểm chung mà luận án quan tâm là những người chịu ảnh hưởng của văn hóa định danh người Việt và người các dân tộc khác. Từ đó, luận án có cơ sở để đánh giá những biến đổi về tên riêng của tộc người này được biến đổi theo thời gian và lứa tuổi. Và đây là mục đích của việc lập bản danh sách trên.

Phụ lục 3.4

DANH SÁCH HỌC SINH NGƯỜI ÊĐÊ
THPT DÂN TỘC NỘI TRÚ ĐAK LẮK VÀ DỰ BỊ ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
(CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ƯU TIÊN)

TT	Họ và tên	Năm sinh (nam)	Năm sinh (nữ)	Ghi chú
01	H'Thui Ayũn		24/02/2000	10A2
02	H' Dang Niê		10/01/2000	10A2
03	H' Li Nar Êban		22/01/2000	10A2
04	Nguyễn Linh Nga Niê		25/01/2000	10A2
05	H' Nguồn Niê		14/11/2000	10A2
06	H' Nhan Ktla		10/08/2000	10A2
07	H Thui Ayũn		19/07/2000	10A2
08	Y Tô Tô Kbuôr	11/07/2000		10A2
09	H' Chín Niê		29/09/1999	11A1
10	H' Doanh Byă		24/02/1999	11A1
11	H' Lê Na Niê Kdam		25/01/1999	11A1
12	H' Năc MLô		13/06/1999	11A1
13	H' ThaB Knul		28/05/1999	11A1
14	Ayũn Thị Uyên Vy		05/12/1999	11A1
15	H' Yiêm Niê		14/04/1999	11A1
16	H' En Niê		18/12/2000	10A6, Êa Kar
17	H' Nhon Niê		14/02/2000	10A6, Krông Năng
18	H' Đa Nen MLô		13/03/2000	10A2, Krông Năng
19	H' Lon MLô		19/10/1998	10A2, Krông Năng
20	Y Dân Niê	27/08/2000		10A2, Krông Búk
21	H'Linh Na Buôn Krông		05/01/2000	10A2, Buôn Nũan
22	Y LyÛ Ksor	02/05/1999		10A2, Ea H'leo
23	Nay H'Ma sa		31/07/2000	10A2, Ea H'leo
24	H' Hoa Adrong		14/02/2000	10A2, Ea H'leo
25	H' Quyên Niê		27/02/2000	10A2, M'drak
26	Y Li zen Niê	16/11/2000		10A6, Cư Mgar
27	H' Na Li Ayũn		28/02/2000	10A6, Cư Mgar
28	Mỹ Văn Niê		01/04/2000	10A6, Cư Mgar
29	H' Mlai Kên		08/11/2000	10A6, Cư Mgar
30	Y Jen Hi Niê	22/11/2000		10A6, Cư Mgar
31	Y Dam Săn Kriêng	11/04/2000		10A6, Krông Búk
32	H' Sơ Li NiêẤ		22/09/2000	10A6, Krông Búk
33	H' Sa Na Ayũn		21/08/2000	10A6, Krông Păc
34	Y Khánh Ênuôn	11/01/2000		10A, Krông Ana
35	Kpă H'Nhon		25/05/2000	10A6, Krông Ana
36	H' Ngọc Sương H'Môk		06/04/2000	10A6, Krông Ana
37	H' An B'Krông		01/07/2000	10A6, Krông Ana
38	Y Da Nat Adrong	08/09/2000		10A6, Cư Mgar

39	H' Ter Niê Buôn Rit		09/04/1999	11A2, Krông Ana
40	H' Na Knul		26/08/1999	11A2, Krông Ana
41	H' Nôt Êban		23/12/1999	11A2, Krông Ana
42	H' Luôn Ênuôn		02/04/1998	11A2, Krông Ana
43	H' Yon Niê		11/11/1999	11A2, Krông Ana
44	H' Jier Ksa Niê Buôn Rit		09/04/1999	11A2, Krông Ana
45	H' La Da Niê Siêng		16/04/1999	11A2, Krông Ana
46	H' Liê Hđok		22/12/1998	11A2, Krông Ana
47	H' Lê Đê Êcăm		29/06/1999	11A2, Krông Ana
48	Ayũn Thị Uyên Vy		05/12/1999	11A1, Krông Búk
49	H' Roa Niê		02/01/1999	11A1, Krông Búk
50	H' Tha Knul		28/05/1999	11A1, Krông Búk
51	H' Danh Buôn Yă		24/02/1999	11A1, Krông Búk
52	H' Thúy Ksor		14/03/1998	11A1, Krông Búk
53	H' Năk Mlô		13/06/1999	11A1, Krông Búk
54	Y Huy Mlô	21/02/1999		11A1, Krông Búk
55	H' Hương Mlô		06/03/1999	11A1, Krông Búk
56	Y Jin Mlô	10/10/1998		11A1, Krông Búk
57	Y Thức Mlô	30/11/1999		11A1, Krông Búk
58	Y Bom Ayũn	12/03/1999		11A1, Krông Búk
59	H' Như Ktla		29/04/1999	11A1, Krông Búk
60	H' Djoan Knul		26/02/1999	11A1, Krông Búk
61	Dương Niê Quốc Phong	22/02/1999		11A1, Krông Búk
62	H' Di Buôn Krông		16/11/1999	11A1, Buôn Ma Thuột
63	H' Dê Niê		20/04/1999	11A1, Buôn Ma Thuột
64	H' Nguyễn Hđok		24/06/1998	11A1, Buôn Ma Thuột
65	Y Ran Êban	06/03/1999		11A1, Buôn Ma Thuột
66	H' Neo Êban		12/11/1999	11A1, Buôn Ma Thuột
67	H' Mliêu Drao (H'Dao)		28/07/1998	11A1, Krông Bông
68	H' Trinh Buôn Yă		28/06/1999	11A1, Krông Bông
69	H' Lê Na Niê Kdam		25/01/1999	11A1, Krông Búk
70	H' Bích Mlô		18/09/1999	11A1, Krông Búk
71	Y Toang Hđoh	30/05/1999		11A1, Krông Búk
72	H'Lo Ra Ayũn		30/12/1999	11A1, Krông Búk
73	Y Thiên Adrong	24/04/1997		11A1, Krông Búk
74	H' Chi Niê		20/03/1998	11A1, Krông Búk
75	H' Hân Mlô		01/01/1999	11A1, Krông Búk
76	H' Duyên Niê		01/11/1999	11A1, Krông Búk
77	H' Yên Niê		24/02/1997	11A1, Krông Búk
78	H' Bô Ra Mlô		14/08/1999	11A1, Krông Búk
79	Y Tin Niê	17/08/1999		11A1, Krông Búk
80	H' Hoa Kpă		22/05/1999	11A1, Krông Búk
81	H' Ngân Niê		20/06/1999	11A1, Krông Búk
82	H' Lin Niê		00/09/1999	11A1, Krông Búk
83	Vũ Thị Ngọc Mai Buôn Yă		25/01/1999	11A2, Krông Ana

84	Y Khâu Buôn Đạp	26/10/1998		11A2, Krông Ana
85	H' May Ênuôn		23/01/1999	11A2, Krông Ana
86	H' Đum Kbuôr		03/01/1999	11A2, Krông Ana
87	H' Mai Êban		29/07/1999	11A2, Krông Ana
88	H' Mon Buôn Krông		28/02/1999	11A6, Buôn Đôn
89	Ksor Sao Hiền		02/09/1999	11A 6, Buôn Đôn
90	H' Yjơ Kbuôr		01/01/1999	11A 6, Buôn Đôn
91	Sao Bun Trâm Adrong		06/05/1999	11A6, Buôn Đôn
92	H' Liễu Niê		24/05/1999	11A6, Buôn Đôn
93	H' Liam Alio		29/06/1999	11A6, Buôn Đôn
94	H'Chin Niê		29/09/1999	11A6, Cư M'gar
95	H'Luin Niê		26/04/1999	11A6, Cư M'gar
96	K pã H'Lan		26/03/1999	11A6, Cư M'gar
97	H'Jol Ayũn		03/09/1999	11A6, Cư M'gar
98	Y Jô La Ktla	19/06/1999		11A6, Cư M'gar
99	Y Khôi Niê	18/06/1999		11A6, Cư M'gar
100	H'Đê Ayũn		25/03/1999	11A6, Cư M'gar
101	Y Đô Nel Niê	08/10/1999		11A6, Cư M'gar
102	H'Ri Mlô		07/04/1999	11A6, Cư M'gar
103	H' Bích Ly Buôn Yã		01/06/1999	11A6, Cư M'gar
104	Y Đô Niê	27/10/1999		11A6, Buôn Đôn
105	Y Long Niê Kdam	13/11/1999		11A6, Cư M'gar
106	H'Nguyệt Niê		13/11/1999	11A6, Cư M'gar
107	H'Ny Kôn Niê		24/02/1999	11A6, Cư M'gar
108	Rahlan Nguyễn Kim Ngân		26/08/1999	11A6, Cư M'gar
109	H'Bui Niê		25/05/1999	11A6, Cư M'gar
110	H'Rô Jin Ayũn		01/07/1999	11A6, Cư M'gar
111	H'Mươn Niê		14/04/1999	11A6, Cư M'gar
112	H'Rum Ba Niê Kdam		01/06/1999	11A6, Cư M'gar
113	H'Blia Niê		24/12/1999	11A6, Cư M'gar
114	H'Ân Ayũn		26/02/1999	11A6, Cư M'gar
115	Y Hưng Niê	10/04/1999		11A6, Cư M'gar
116	H'Ne Hilia Mlô		11/01/1999	11A6, Êa Kar
117	Y Zô Na Niê	17/10/1999		11A4, Êa H'Leo
118	H'Rim Knul		25/10/1998	11A4, Êa H'Leo
119	Adrong H'Thuât		23/09/1998	11A4, Êa H'Leo
120	Adrong H'Tuyết		27/10/1999	11A4, Êa H'Leo
121	H'Hiêng Niê		08/02/1999	11A4, Êa H'Leo
122	Adrong H'Lang		28/04/1999	11A4, Êa H'Leo
123	H'My Li Mlô		15/02/1999	11A4, Krông Năng
124	H'Chi Rim Niê		02/08/1999	11A4, Krông Năng
125	H'Jit Kpã		12/12/1999	11A4, Krông Năng
126	Y Lai Buôn Krông	05/08/1999		11A4, Krông Năng
127	H'Điệp Niê Kdam		07/10/1999	11A4, Krông Năng
128	H'Bion Niê		17/10/1998	11A4, Krông Năng

129	H'Quin Mlô		01/02/1998	11A4, Krông Năng
130	H'Del Mlô		16/08/1999	11A4, Krông Năng
131	H'Vân Ksor		02/04/1999	11A4, Krông Năng
132	H'Mô Ba Bi Mlô		27/09/1999	11A4, Krông Năng
133	H'Mĩ Nuong Mlô		30/07/1999	11A4, Krông Năng
134	Y Chiến Niê	04/05/1999		11A4, Krông Năng
135	H'Blak Niê		28/02/1998	11A4, Krông Năng
136	Y Khoa Niê		10/12/1996	11A3, Buôn Hồ
137	Y Yiêm Niê	14/04/1999		11A4, Krông Năng
138	H'Đê Bô Ra Niê		01/09/1999	11A4, Krông Năng
139	H'Li Sa Hdruê		30/01/1999	11A4, Krông Năng
140	H'Lan Niê		08/01/1999	11A4, Krông Năng
141	H'Wa Ra Buôn Krông		11/06/1999	11A4, Krông Năng
142	H'Ma Đi La Ayũn		03/02/1999	11A4, Krông Năng
143	H'Tâm Knul		15/10/1999	11A4, Krông Năng
144	H'Je Niê		05/02/1999	11A4, Krông Năng
145	Y Hùng Niê	02/05/1999		11A4, Krông Năng
146	H'My Ryam Adrong		25/06/1999	11A4, Krông Năng
147	H'Ngori Niê		20/04/1999	11A4, Krông Năng
148	H'Uyên Buôn Krông		14/03/1998	11A4, Krông Năng
149	Y Na Phi La Ayũn	29/10/1997		11A4, Krông Năng
150	H'Sa Rai Ktla		02/04/1999	11A4, Krông Năng
151	H'Si La Niê		12/10/1999	11A4, Krông Năng
152	Y Kiệt Hwing	23/06/1999		11A2, M'drak
153	H'Bich Ksor		17/12/1998	11A2, M'drak
154	H'Tiểu Linh Niê		20/08/1999	11A2, M'drak
155	H'Cheo Niê		24/04/1999	11A2, M'drak
156	H' Dream Niê Kbuôr		05/10/2001	10 A1
157	Y Khuong Niê	12/11/2001		10 A1
158	H' Nê Buôn Yă		10/08/2001	10 A1
159	H' Nhi Kpă		04/02/2001	10 A1
160	Y Thoan Ayũn	19/02/2001		10 A1
161	H'Đê Ra Hwing		04/09/2000	11 A1
162	H'Giô Na B'yă		21/03/2000	11 A1
163	Y Gyly Niê Kdam	30/05/2000		11 A1
164	H' La Yi Mlô		06/10/2000	11 A1
165	H' Lin Đa Niê		04/08/2000	11 A1
166	H' Nes Buôn Krông		22/04/2000	11 A1
167	H' Thu Ayũn		11/05/2000	11 A1
168	Rahlan Thảo Vân		21/12/2000	11 A1
169	H' Bic Mlô		18/09/1999	12 A2
170	H' Đê Bô Ra Niê		01/09/1999	10 A, Krông Păc
171	H'Ês Ter Niê Buôn rit		09/04/1999	10 A, Krông Păc
172	Y Huy Mlô	21/02/1999		10 A, Krông Păc
173	H' Hương Mlô		06/03/1999	10 A, Krông Păc

174	H' Na Knul		26/08/1999	10 A, Krông Păc
175	H' Roa Niê		02/01/1999	10 A, Krông Păc
176	H' Thuy Ksor		14/03/1998	10 A, Krông Păc
177	Y Yiêm Niê	14/4/1999		10 A, Krông Păc
178	Y Na Phi La Ayũn	20/9/1997		10 A, Krông Păc
179	H'Li Sa Hdruê		30/01/1999	10 A, Krông Păc
180	H'Nhon Niê		14/02/2000	10A6, Krông Năng
181	H'Đa Nhen Mlô		13/03/2000	10A6, Krông Năng
182	H'Hon Mlô		19/10/1998	10A6, Krông Năng
183	H'An Buôn Krông		20/04/2000	10A6, Krông Năng
184	H' Chí Niê		29/09/1999	12A1, Krông Năng
185	H'Blăk Niê		28/02/1999	11A4, Krông Păc
186	H'Jen Kbuôr		1991	Dự bị C- 2011
187	H'Piêr Knul		1992	Dự bị B 2011
188	H' Djal Niê		1992	Dự bị B- 2011
189	H'Djup Ayũn		1992	Dự bị B - 2011
190	H'Tuyêt Knul		1988	Dự bị B - 2011
191	H'Cut Niê		1991	Dự bị B - 2011
192	H'Ngân Niê		1991	Dự bị B - 2011
193	H'Ngur Êban		1990	Dự bị C - 2011
194	H'Jên Kbuôr		1991	Dự bị C - 2011
195	H'Niê Ktul		1992	Dự bị C - 2011
196	H'Zê Ny Mlô		1990	Dự bị C - 2011
197	H'Piêr Knul		1992	Dự bị B - 2011
198	Y Ly By Niê Siêng	1992		Dự bị B - 2011
199	H'Ang Niê		1990	Dự bị B - 2011
200	Y Din Niê	1991		Dự bị B - 2011
201	Nay Vinh	1991		Dự bị B - 2011
202	Y Cu Bi Niê	1987		Dự bị A 2006-2007
203	Y Duân Niê	1985		Dự bị A 2006-2007
204	Ksor Y Cương	1986		Dự bị A 2006-2007
205	R'căm Y Min	1986		Dự bị A 2006-2007
206	Rahlan Tranh	1983		Dự bị A 2006-2007
207	Y Khiêm Êban	1985		Dự bị B 2006-2007
208	Siu H'Đo		1984	Dự bị B 2006-2007
209	Kdoh H'Dji		1987	Dự bị C 2006-2007
210	Kruôi Niê	1986		Dự bị C 2006-2007
211	Y Linh Niê	1988		Dự bị C 2006-2007
212	H'Mel Ayũn		1984	Dự bị C 2006-2007
213	Y Niêm Ktul	1988		Dự bị C 2006-2007
214	H'Vel Knul		1986	Dự bị C 2006-2007
215	H'Jer Mlô		1986	Dự bị C 2006-2007
216	Y Khiêm Êban	1985		Dự bị C 2006-2007
217	Hà Tung Buôn Krông	1984		Dự bị C 2006-2007
218	Kpă Hà Âu	1987		Cử tuyển 2006-2007

219	H'Thúy Ayũn		1988	Cử tuyền 2006-2007
220	H' Nghi Buôn Krông		1985	Cử tuyền 2006-2007
221	Y Sel Buôn Yă	1988		Cử tuyền 2006-2007
222	H'Djin Êban		1988	Cử tuyền 2006-2007
223	H'Mel Êban		1984	Cử tuyền 2006-2007
224	Y Diêm Hlong	1987		Cử tuyền 2006-2007
225	Siu H'Pluai		1988	Cử tuyền 2006-2007
226	Rahlan H'Huong		1988	Cử tuyền 2006-2007
227	Y Bông Buôn Krông	1984		Cử tuyền 2006-2007
228	H'Nguôm Niê		1986	Cử tuyền 2006-2007
229	H'Rung Niê		1988	Cử tuyền 2006-2007
230	Y Phôt Hwing	1984		Cử tuyền 2006-2007
231	Kpă H' Uy		1987	Dự bị A 2007-2008
232	Y Đức Buôn Krông	1989		Dự bị A 2007-2008
233	Y Phinh Buôn Yă	1988		Dự bị A 2007-2008
234	Y Phô Kbuôr	1987		Dự bị A 2007-2008
235	Y Thoan Mlô	1987		Dự bị A 2007-2008
236	Y Khoa Niê Kdam	1984		Dự bị B 2007-2008
237	Y Jan Ktla	1986		Dự bị B 2007-2008
238	H'Uyên Niê		1988	Dự bị B 2007-2008
239	Y Moan Niê	1987		Dự bị B 2007-2008
240	Y Khuin Niê	1987		Dự bị B 2007-2008
241	Y Yum Buôn Yă	1982		Dự bị B 2007-2008
242	H'Khuyên Ayũn		1989	Dự bị C 2007-2008
243	H'Đanê Buôn Yă		1989	Dự bị C 2007-2008
244	H'Phlai Buôn Yă		1988	Dự bị C 2007-2008
245	H'Jem Kpor		1988	Dự bị C 2007-2008
246	H' Briêt Buôn Krông		1987	Dự bị C 2007-2008
247	H'Rai Buôn Krông		1985	Dự bị C 2007-2008
248	H' Thuận Mlô		1987	Dự bị C 2007-2008
249	H' Nghi Buôn Krông		1985	Dự bị C 2007-2008
250	H'Mil Niê		1986	Dự bị C 2007-2008
251	H'Thủy Ayũn		1988	Cử tuyền 2007-2008
252	Siu H'Bing		1989	Cử tuyền 2007-2008
253	Niê Thị Lai		1988	Cử tuyền 2007-2008
254	H'My R'ô		1986	Cử tuyền 2007-2008
255	H'Jăn Mlô		1987	Cử tuyền 2007-2008
256	Ng. Thị Hải Yên Buôn Yă		1989	Cử tuyền 2007-2008
257	Y Đức Buôn Krông	1994		Cử tuyền 2007-2008
258	Y Thoan Mlô	1995		Cử tuyền 2007-2008
259	Y Phô Kbuôr	1994		Cử tuyền 2007-2008
260	Y Phinh Buôn Yă	1994		Cử tuyền 2007-2008
261	H'Khuyên Ayũn		1994	Cử tuyền 2007-2008
262	Y Nhật Niê Kdam	1994		Cử tuyền Y 2012-2013
263	H'Thoa Buôn Đạp		1994	Cử tuyền Y 2013-2014

264	H'Phuong Êban		1995	Cử tuyển Y 2013-2014
265	H'Yên Êban		1995	Cử tuyển Y 2013-2014
266	H'Vy Na Kbuôr		1995	Cử tuyển Y 2013-2014
267	H'Vân Mlô		1995	Cử tuyển Y 2013-2014
268	H'Lek Niê		1994	Cử tuyển Y 2013-2014
269	H'Nghê Êban		1994	Cử tuyển Y 2014-2015
270	H'Môya Niê Kdam		1996	Cử tuyển Y 2014-2015

Ghi chú: Đây là những người Êđê được hưởng chính sách ưu tiên, đang học THPT tại Trường Dân tộc nội trú Tỉnh Dak Lăk và học dự bị đại học tại Trường Đại học Tây Nguyên. Trong danh sách là con em những người có quan hệ tiếp xúc nhiều trong xã hội; là những người chịu ảnh hưởng của văn hóa định danh người Việt và người các dân tộc khác.

Phụ lục 3. 5
DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ (NHÓM ADHAM)
BUÔN DLUNG A, XÃ ÊA SIÊN (HUYỆN KRÔNG BŨCK- ĐAK LĂK)

TT	Họ và tên	Năm sinh (nam)	Năm sinh (nữ)	Ghi chú
01	Y Map Niê	1958		
02	Y Ghim Niê	1978		
03	Y Blim Niê	1985		
04	Y Bri Ktla	1968		
05	Y Phên Niê	1974		
06	Y Wôn Ktla	2011		
07	Y Nhi Buôn Krông	1973		
08	Y Der Buôn Krông	1972		
09	Y Anh Mlô	1962		
10	Y Tin Kbuôr	1969		
11	Y Riệp Buôn Krông	1970		
12	Y Dui Ktla	1991		
13	Y Thân Buôn Krông	1969		
14	Y Mul Buôn Krông	1964		
15	Y Hoi Niê	1972		
16	Y Tuan Ktla	1983		
17	Y Jin Ktla	1972		
18	H'Yai Buôn Krông		1988	
19	H'Buât Ktla		1972	
20	Y Mdhur Ktla	1963		
21	H'Blia Ktla		1962	
22	Y Rai Niê	1961		
23	Y Chă Buôn Krông	1961		
24	Y Buôl Niê	1947		
25	Y Blô Niê	1930		
26	Nay Jônh	1959		
27	Y Sem Ktla	1950		
28	Y Rin Buôn Krông	1957		
29	Y Quang Mlô	1985		
30	Y Tôk Buôn Yă	1978		
31	H'Wiệp Buôn Krông		1967	
32	H'Bân Buôn Krông		1967	
33	Y Khim Buôn Krông	1969		
34	Y Riu Ayũn	1950		
35	H'Bich Ly Ktla		1997	
36	Y Kril Buôn Krông	1950		
37	H'Lên Ktla		1959	
38	H'Loanh Ktla		1992	

39	H'Nga Ktla		1994	
40	Y Ćư Ktla	1997		
41	H'Phuong Ktla		2000	
42	H'Bé Ktla		2004	
43	Y Biêng Buôn Krông	1950		
44	Y Vương Ktla	1979		
45	Y Sâm Éban	1982		
46	Y Then Buôn Krông	1973		
47	Y Sin Niê	1972		
48	Y Ban Buôn Yă	1967		
49	H'Lut Buôn Krông	1942		
50	Y Sich Buôn Krông	1953		
51	Y Jem Buôn Krông	1973		
52	Y Phăn Ktla	1973		
53	Y Hun Buôn Yă	1968		
54	Y Mók Buôn Yă	1971		
55	Y Buk Niê	1940		
56	Y Som Ktla	1955		
57	Y Sai Buôn Krông	1979		
58	Y Jom Niê	1975		
59	Y Tol Buôn Yă	1972		
60	Y Bung Buôn Krông	1937		
61	Y Nuêng Niê	1972		
62	Y Ai Niê	1957		
63	Y Mék Buôn Yă	1974		
64	Y Siăm Buôn Krông	1949		
65	Y Niên Buôn Krông	1977		
66	Y Bhuăt Buôn Krông	1931		
67	Y Vinh Buôn Krông	1983		
68	Y Sun Niê	1950		
69	H'Ner Niê		1970	
70	Y Blô Buôn Krông	1949		
71	Y Bông Buôn Krông	1948		
72	Y Cương Buôn Krông	1978		
73	Y Bing Buôn Yă	1950		
74	Y Nom Ktla	1964		
75	Y Nem Buôn Kriêng	1983		
76	Y Dem Buôn Krông	1974		
77	Y Dhing Niê	1924		
78	Y Ngul Buôn Krông	1971		
79	Y Nu Ka Ktla	1996		
80	Y Set Ktla	1969		
81	Y Wil Buôn Krông	1963		
82	Y Biêr Ktla	1973		
83	Y Nôt Ayũn	1972		

84	Y Uich Ktla	1969		
85	H'Gui Buôn Krông	1974		
86	Y Nghiệp Kbuôr	1980		
87	Y Sơ Mlong Buôn Krông	1980		
88	Y Sol Niê	1983		
89	H'Nguôn Buôn Yă		1969	
90	Y Nhân Niê	1980		
91	Y Nuel Ktla	1970		
92	Y Ngon Buôn Krông	1966		
93	Y Thok Niê	1938		
94	Y Nhung Ktla	1983		
95	H'Yun Êban	1933		
96	Y Mip Buôn Yă	1972		
97	Y Sual Ktla	1846		
98	Y Rit Ktla	1959		
99	Y Hio Niê	1972		
100	Y Jam Niê	1966		
101	Y Soi Mlô	1981		
102	H' Lai Mlô		1956	
103	Y Lot Niê Kdam	1973		
104	Y Duăt Mlô	1943		
105	Y Tiu Buôn Krông	1952		
106	Y Nghi Niê	1969		
107	Y Kiên Ktla	1961		
108	H'Rim Niê		1979	
109	Y Ler Niê	1947		
110	Y Bhuăt Niê	1972		
111	Y Gen Buôn Yă	1972		
112	Y Lim Buôn Krông	1972		
113	Y Buk Buôn Krông	1963		
114	H'Wuai Niê		1967	
115	Y Yô Buôn Krông	1988		
116	H'Tlut Niê		1970	
117	Y Khat Ktla	1970		
118	Y Draï Niê	1948		
119	H'Lem Buôn Yă		1962	
120	Y Khuyên Ktla	1980		
121	Y Nin Niê	1977		
122	Y Kân Niê	1981		
123	Y Dung Hwing	1945		
124	Y Jũ Buôn Krông B'krông	1972		
125	Y Wă Ktla	1964		
126	Y Siâm Mlô	1973		
127	Y Ker Ayũn	1963		
128	Y Wit Niê	1940		

129	Y Khiêm Buôn Krông	1959		
130	Y Wer Buôn Krông	1971		
131	Y Sim Niê	1972		
132	Y Khôh Ktla	1972		
133	H'Brũi Buôn Krông	1970		
134	Y Tem Buôn Krông	1968		
135	H' Proi Niê		1936	
136	Y Sit Niê	1984		
137	Y Siễn Niê	1975		
138	Y Son Ktla	1980		
139	H'Hoa Niê		1962	
140	H'Nhon Niê		1975	
141	H'Bunh Eban		1969	
142	Y Wen Buôn Krông	1972		
143	Y Som Buôn Krông	1962		
144	Y Bhiêp Ktla	1927		
145	H'Bũi Mlô	1973		
146	Y Sok Buôn Krông	1970		
147	Y Me Buôn Krông	1975		
148	Y Thi Buôn Krông	1971		
149	Y Guê Buôn Krông	1969		
150	Y Khual Ktla	1970		
151	Y Phong Buôn Krông	1975		
152	Y Bham Niê	1985		
153	Y An Hwing	1981		
154	Y Nguất Niê	1962		
155	Y Nam Niê	1970		
156	H'Nin Niê		1946	
157	Y Wăk Ktla		1950	
158	Y Čuăn Buôn Krông	1963		
159	Y Blen Ktla	1960		
160	Y Liễu Ênuól	1985		
161	Y Bôh Buôn Krông	1963		
162	Y Noi Niê	1975		
163	Y Sũk Niê	1983		
164	Y Wiêt Mjáo	1978		
165	Y Toan Buôn Yă	1981		
166	Y Blăk Niê	1970		
167	Y Đing Buôn Krông	1970		
168	Y Dhăm Buôn Yă	1946		
169	Y Nguôm Ktla	1973		
170	Y Kum Buôn Krông	1993		
171	Y Đai Niê	1964		
172	Y Lan B'krông	1958		
173	Y Rung Niê	1921		

174	Y Nguôt Buôn Krông	1988		
175	Y Thu Niê	1973		
176	H'Jũ Buôn Krông	1952		
177	Y Na Êban	1962		
178	Y Duân Niê	1946		
179	H' Rieo Niê		1949	
180	H' Biêp Niê		1978	
181	Y Sam Niê	1990		
182	Y Phor Hđơk	1998		
183	H' MyLa Niê		1990	
184	Y My Ka Niê	2011		

Ghi chú: Đây là nhóm tộc người Êđê Adham một trong hai trung tâm của tộc người Êđê xưa, (bên cạnh nhóm Êđê Kpă).

Phụ lục 3.6
DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ
(BUÔN ÊA YÔNG, PHƯỚC AN (HUYỆN KRÔNG PẮC - ĐAK LẮK))

TT	Họ và tên	Năm sinh (nam)	Năm sinh (nữ)	Ghi chú
01	Y Ra Un Êban	2004		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
02	Y Sơ Mit Ayũn	2003		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
03	H'Chúc Êban		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
04	H'Chu Li Zô Êban		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
05	H'Nin Da Niê		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
06	Y Sun Gi Buôn Yă	2004		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
07	Y Ngel Niê	2004		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
08	H'Săn Ka Buôn Yă		2003	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
09	Y Quyết Niê	2004		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
10	H'Thuyết Niê		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
11	H'Phương Ayũn		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
12	H'Jêu Buôn Krông		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
13	H'Li Zô Niê		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
14	H'Li Zô Ayũn		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
15	H'Diệp Adrong		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
16	H'Nhiêm Niê Kdam		2004	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
17	Y Di Knul	2004		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
18	Cham Malia Mlô Hoàng Huy	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
19	H'Ăn Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
20	H'Bạch Sanh Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
21	H'Huai Mlô		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
22	H'Lan Mlô		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
23	H'Lê Anh Êban		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
24	H'Li La Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
25	H'Na Ra Knul		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
26	H'Nguyệt Êban		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
27	H'Như Êban		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
28	H'Su Me Buôn Krông		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
29	H'Thu Na Êban		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
30	H'Trinh Ayũn		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
31	H'Truc Ayũn		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
32	H'Zi La Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
33	Ksor Ut Trinh	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
34	Nông Trương Sinh Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
35	Y Chức Mlô	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
36	H'Da Tự Ayũn		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông

37	Y Nguyên Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
38	Y Nguyễn Tuấn Khang Ayũn	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
39	Y Phãm Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
40	Y Phich Ayũn	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
41	Y Tuyên Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
42	Y Zi Lân Knul	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
43	Y Hen Ri Knul	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
44	H' Ana Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
45	H'Bi Tha Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
46	H' Đan Knul		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
47	H'Đon Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
48	H'La Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
49	H'Na Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
50	H'Ngim Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
51	H'Nguai Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
52	H'Oanh Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
53	H'Ri Ta Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
54	H'Rô Sa Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
55	H'Thăm Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
56	H'Minh Tuyệt Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
57	H'Nguyên Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
58	H'Tuyệt Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
59	Y Bhum Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
60	Y Chu Bin Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
61	Y Chuyên Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
62	Y Phran Ky Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
63	Y Huy Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
64	Y Ja Li Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
65	Y Ka Nin Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
66	Y Khang Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
67	Y Khoanh Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
68	Y Khôi Kpor	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
69	Y Khuê Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
70	Y Kiệt Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
71	Y Thơ Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
72	Y Tin Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
73	Y Jô Na Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
74	Y Jin Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
75	Y Ka Ra Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
76	Y Ô Wi Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
77	Y Jô Lat Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
78	Y Zip Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
79	Y Phach Êban	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
80	H'Chi Ra Ayũn		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông

81	H'Đê Bô Ra Ayũn		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
82	H'Du Liu Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
83	H'Chuyên Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
84	H'Phi La Buôn Yă		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
85	H'Mo Bich Niê		2010	Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
86	Y Phi Na Êban	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
87	Y Rô Nan Niê	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
88	Y Sơ Zon Ayũn	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
89	Y Xuyên Buôn Yă	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
90	Y Ya Min Triệt	2010		Học sinh Trường tiểu học Êa Yông
91	H'Phin Êban		1978	Mẹ của Y Ra Un Êban (1)
92	H'Huê Ayũn		1980	Mẹ của Y Sơ Mit Ayũn (2)
93	H'Vân Êban		1975	Mẹ của H'Chúc Êban (3)
94	H'Blin Êban		1975	Mẹ của H'Chu Li Zô Êban (4)
95	H'Phen Niê		1968	Mẹ của H'Nin Da Niê (5)
96	H'Cam Buôn Yă		1980	Mẹ của Y Sun Gi Buôn Yă (6)
97	H'Thu Niê		1980	Mẹ của Y Ngel Niê (7)
98	H'Quyên Buôn Yă		1976	Mẹ của H'Săn Ka Buôn Yă (8)
99	H'Phing Niê		1972	Mẹ của Y Quyết Niê (9)
100	H'Blua Niê		1972	Mẹ của H'Thuyết Niê (10)
101	H'Lan Ayũn		1977	Mẹ của H'Phương Ayũn (11)
102	H'Rinh Buôn Krông		1980	Mẹ của H'Jêu Buôn Krông (12)
103	H'Nging Niê		1965	Mẹ của H'Li Zô Niê (13)
104	H'Nuh Ayũn		1976	Mẹ của H'Li Zô Ayũn (14)
105	H'Nging Adrong		1978	Mẹ của H'Diệp Adrong (15)
106	H'Djũ Niê Kdam		1980	Mẹ của H'Nhiêm Niê Kdam (16)
107	H'Blach Knul		1976	Mẹ của Y Di Knul (17)
108	Cham Malia Thị Đê (mẹ Chăm, bố Êđê)		1984	Mẹ của Cham Malia Mlô Hoàng Hu (18)
109	H'Joi Niê		1981	Mẹ của H'Ân Niê (19)
110	H'Yam Buôn Yă		1981	Mẹ của H'Bạch Sanh Buôn Yă (20)
111	H'Mniê Mlô		1983	Mẹ của H'Huai Mlô (21)
112	H'Thôn Mlô		1981	Mẹ của H'Lan Mlô (22)
113	H'Điêu Êban		1978	Mẹ của H'Lê Anh Êban (23)
114	H'Sa Ra Niê		1978	Mẹ của H'Li La Niê (24)
115	H'Nhan Knul		1977	Mẹ của H'Na Ra Knul (25)
116	H'Ngân Êban		1982	Mẹ của H'Nguyệt Êban (26)
117	H'Ka Li Êban		1982	Mẹ của H'Như Êban (27)
118	H'Jhuch Buôn Krông		1983	Mẹ của H'Su Me Buôn Krông (28)
119	H'Ha Êban		1981	Mẹ của H'Thu Na Êban (29)
120	H'Mniê Ayũn		1979	Mẹ của H'Trinh Ayũn (30)
121	H'Buôn Ayũn		1980	Mẹ của H'Truc Ayũn (31)
122	H'Đih Niê		1980	Mẹ của H'Zi La Niê (32)
123	Ksor H'Chi Na (Mdhur, bố Kpă)		1983	Mẹ của Ksor Ut Trinh (33)
124	H'Pun Buôn Yă (bố Tày,		1981	Mẹ của Nông Trương Sinh Buôn Yă

	me Êđê)			(34)
125	H'Nuìh Mlô		1977	Mẹ của Y Chức Mlô (35)
126	H'Chia Aỷn		1976	Mẹ của H'Da Tự Ayũn (36)
127	H'Nữ Niê		1978	Mẹ của Y Nguyên Niê (37)
128	H'Yon Aỷn		1979	Mẹ của Y Nguyễn Tuấn Khang Aỷn
129	H'Uên Niê		1977	Mẹ của Y Phãm Niê (39)
130	H'Phiêng Aỷn		1980	Mẹ của Y Phích Ayũn (40)
131	H'Vũ Bi Niê		1980	Mẹ của Y Tuyên Niê (41)
132	H'Mnông Knul		1979	Mẹ của Y Zi Lân Knul (42)
133	H'Bhut Knul		1979	Mẹ của Y Hen Ri Knul (43)
134	H'Nga Niê		1980	Mẹ của H' Ana Niê (44)
135	H'Điêm Buôn Yă		1978	Mẹ của H'Bi Tha Buôn Yă (45)
136	H'Brit Knul		1981	Mẹ của H' Đan Knul (46)
137	H'Dê Buôn Yă		1980	Mẹ của H'Đon Buôn Yă (47)
138	H'Uìh Buôn Yă		1981	Mẹ của H'La Buôn Yă (48)
139	H'Uìh Buôn Yă		1980	Mẹ của H'Na Buôn Yă (49)
140	H'Nhuan Buôn Yă		1982	Mẹ của H'Ngim Buôn Yă (50)
141	H'Ăn Buôn Yă		1979	Mẹ của H'Nguai Buôn Yă (51)
142	H'Wai Niê		1979	Mẹ của H'Oanh Niê (52)
143	H'Mới Buôn Yă		1978	Mẹ của H'Ri Ta Buôn Yă (53)
144	H'Li Wơ Niê		1978	Mẹ của H'Rô Sa Niê (54)
145	H'Sơ La Buôn Yă		1979	Mẹ của H'Thăm Buôn Yă (55)
146	H'Bliêm Buôn Yă		1978	Mẹ của H'Minh Tuyết Buôn Yă (56)
147	H'Châu Niê		1977	Mẹ của H'Nguyên Niê (57)
148	H'Blut Buôn Yă		1978	Mẹ của H'Tuyết Buôn Yă (58)
149	H'Đoan Niê		1976	Mẹ của Y Bhum Niê (59)
150	H'Điêt Buôn Yă		1977	Mẹ của Y Chu Bin Buôn Yă (60)
151	H'Mri Buôn Yă		1080	Mẹ của Y Chuyên Buôn Yă (61)
152	H'Roa Buôn Yă		1981	Mẹ của Y Phran Ky Buôn Yă (62)
153	H'Mới Buôn Yă		1976	Mẹ của Y Huy Buôn Yă (63)
154	H'Nhài Buôn Yă (họ bố)		1978	Mẹ của Y Ja Li Niê (64)
155	H'Păc Niê		1977	Mẹ của Y Ka Nin Niê (65)
156	H'Ji Niê		1977	Mẹ của Y Khang Niê (66)
157	H'Not Buôn Yă		1978	Mẹ của Y Khoanh Buôn Yă (67)
158	H'Bung Kpor		1975	Mẹ của Y Khôi Kpor (68)
159	H'Nia Niê		1976	Mẹ của Y Khuê Niê (69)
160	H'Ngăm Niê		1979	Mẹ của Y Kiệt Niê (70)
161	H'Yăk Buôn Yă		1976	Mẹ của Y Thơ Buôn Yă (71)
162	H'Pi Buôn Yă		1977	Mẹ của Y Tin Buôn Yă (72)
163	H'Rang Niê		1978	Mẹ của Y Jô Na Niê (73)
164	H'Liêô Niê		1976	Mẹ của Y Jin Niê (74)
165	H'Rung Buôn Yă		1976	Mẹ của Y Ka Ra Buôn Yă (75)
166	H'Nghien Niê (lấy họ bố)		1975	Mẹ của Y Ô Wi Buôn Yă (76)
167	H'Buel Buôn Yă		1978	Mẹ của Y Jô Lat Buôn Yă (77)
168	H'Plon Buôn Yă		1978	Mẹ của Y Zip Buôn Yă (78)

169	H'Mra Êban		1978	Mẹ của Y Phach Ê ban (79)
170	H'Sa Bat Ayũn		1978	Mẹ của H'Chi Ra Ayũn (80)
171	H'Sư Trim Ayũn		1976	Mẹ của H'Đê Bô Ra Ayũn (81)
172	H'Bo Buôn Yã		1976	Mẹ của H'Du Liu Buôn Yã (82)
173	H'Buôm Buôn Yã		1977	Mẹ của H'Chuyên Buôn Yã (83)
174	H'Si Wel Buôn Yã		1980	Mẹ của H'Phi La Buôn Yã (84)
175	H'Yãn Niê		1979	Mẹ của H'Mo Bich Niê (85)
176	H'Dunh Êban		1978	Mẹ của Y Phi Na Êban (86)
177	H'An Niê		1979	Mẹ của Y Rô Nan Niê (87)
178	H'Gruê Ayũn		1981	Mẹ của Y Sơ Zon Ayũn (88)
179	H'Dâu Buôn Yã		1980	Mẹ của Y Xuyên Buôn Yã (89)
180	H'Nim Triêt		1978	Mẹ của Y Ya Min Triêt (90)

Ghi chú: Đây là địa bàn nằm giữa hai trung tâm định cư chủ yếu của người Êđê là Kpă và Adham (Những người trong danh sách chủ yếu thuộc nhóm Kpă); là những người Êđê mà quá trình giao lưu tiếp xúc do những biến động về xã hội nhưng vẫn bảo lưu được những nét văn hóa truyền thống, đặc biệt là về cách thức đặt tên người (Đặc điểm của buôn này là vẫn định cư khá ổn định từ trước đến nay, ít chịu ảnh hưởng bởi tiếp xúc văn hóa). Về cơ bản những người trong danh sách thống kê được định danh theo lối truyền thống của người Êđê. Từ đó, luận án có cơ sở để xác định các tiêu chí được coi là “truyền thống” trong định danh tên riêng của người Êđê cũng như có cơ sở để đánh giá những biến đổi về tên riêng của tộc người này.

Phụ lục 3.7

DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ (NHÓM MDHUR)
(TẠI ĐỊA BÀN XÃ ÊA SOL, HUYỆN ÊA H'LEO, ĐAK LẮK)
 (Theo nhiều nhóm lứa tuổi khác nhau)

TT	Họ và tên	Năm sinh (nam)	Năm sinh (nữ)	Ghi chú
01	Ksor Djoanh	1974		(Buôn.Mnut)
02	R'căm Dư	2003		(Buôn.Mnut)
03	R'căm Hùng	1999		(Buôn.Mnut)
04	R'căm H'Phuk		1996	(Buôn.Mnut)
05	R'căm Sơn	1998		(Buôn.Mnut)
06	Ksor MLim	1950		(Buôn.Mnut)
07	Kpă Kai	1993		(Buôn.Mnut)
08	Kpă Môi	1992		(Buôn.Mnut)
09	Kpă Pá	1989		(Buôn.Mnut)
10	Kpă Y Chung	1994		(Buôn.Mnut)
11	Kpă H'Đêm		1995	(Buôn.Mnut)
12	Kpă H'Đoan		1997	(Buôn.Mnut)
13	Kpă Đot	1992		(Buôn.Mnut)
14	Kpă H'Hành		2008	(Buôn.Mnut)
15	Kpă GLen	1989		(Buôn.Mnut)
16	Kpă Rôk	1940		(Buôn.Mnut)
17	Nay Druan	1950		(Buôn.Mnut)
18	Ksor H'Ding		2006	(Buôn.Mnut)
19	Ksor H'Mua		1989	(Buôn.Mnut)
20	Ksor Xiệp	1996		(Buôn.Mnut)
21	Nay Duk	1999		(Buôn.Mnut)
22	Ksor Moi	1999		(Buôn.Mnut)
23	Ksor Suât	2009		(Buôn.Mnut)
24	Ksor Leng	1990		(Buôn.Mnut)
25	Ksor H'Bư		1997	(Buôn.Mnut)
26	Ksor H'Đoan		2006	(Buôn.Mnut)
27	Ksor H'Juat		1995	(Buôn.Mnut)
28	Ksor H'Nhu		1994	(Buôn.Mnut)
29	Ksor Y Bun	2001		(Buôn.Mnut)
30	Ksor H'Đoan		1965	(Buôn.Mnut)
31	Ksor H'Biết		1973	(Buôn.Mnut)
32	Nay Veo	1970		(Buôn.Mnut)
33	Ksor Biết	1990		(Buôn.Mnut)
34	Ksor BLôt	1994		(Buôn.Mnut)
35	Ksor Hào	2001		(Buôn.Mnut)
36	Nay BLang	1968		(Buôn.Mnut)
37	Ksor H'Sô A		2008	(Buôn.Mnut)

38	Ksor Đúc	2005		(Buôn.Mnut)
39	Ksor H'Honh		1998	(Buôn.Mnut)
40	Ksor In	1996		(Buôn.Mnut)
41	Ksor H'Kon		1994	(Buôn.Mnut)
42	Ksor H'Sial		1998	(Buôn.Mnut)
43	Kpã Khuah	1971		(Buôn.Mnut)
44	Ksor H'Dong		2007	(Buôn.Mnut)
45	Ksor Plang	2009		(Buôn.Mnut)
46	Ksor Tai	1994		(Buôn.Mnut)
47	Ksor H'Viêt		1996	(Buôn.Mnut)
48	Nay Lop	1975		(Buôn.Mnut)
49	Ksor Buh	1998		(Buôn.Mnut)
50	Ksor Chăm	2002		(Buôn.Mnut)
51	Ksor Công	2006		(Buôn.Mnut)
52	Ksor Ji	1999		(Buôn.Mnut)
53	Ksor H'Nheo		1992	(Buôn.Mnut)
54	Ksor Pân	2004		(Buôn.Mnut)
55	Nay Suai	1970		(Buôn.Mnut)
56	Ksor H'Doanh		1998	(Buôn.Mnut)
57	Ksor H'En		1993	(Buôn.Mnut)
58	Ksor H'Hiam		1989	(Buôn.Mnut)
59	Ksor Y Lâm	1991		(Buôn.Mnut)
60	Ksor H'Ngao		1995	(Buôn.Mnut)
61	Ksor Soa	1953		(Buôn.Mnut)
62	Ksor Kram	1983		(Buôn.Mnut)
63	Ksor H'Ngáp		1992	(Buôn.Mnut)
64	Ksor Nhuyên	2003		(Buôn.Mnut)
65	Ksor An	2008		(Buôn.Mnut)
66	Ksor Phuc	1960		(Buôn.Mnut)
67	Kpã Phim	1999		(Buôn.Mnut)
68	Kpã H'Ninh		2000	(Buôn.Mnut)
69	Kpã H'Rin		2007	(Buôn.Mnut)
70	Kpã Pan	1972		(Buôn.Mnut)
71	Ksor H'Dap		1996	(Buôn.Mnut)
72	Ksor H'Oal		1994	(Buôn.Mnut)
73	Ksor H'Tuyết		2002	(Buôn.Mnut)
74	Ksor Y Lich	2000		(Buôn.Mnut)
75	Ksor Kmâ	1972		(Buôn.Mnut)
76	Ksor Môi	2002		(Buôn.Mnut)
77	Ksor Thin	2008		(Buôn.Mnut)
78	Ksor Y Thit	1993		(Buôn.Mnut)
79	Nay Soch	1974		(Buôn.Mnut)
80	Ksor Danh	2003		(Buôn.Mnut)
81	Ksor Doanh	2004		(Buôn.Mnut)
82	Ksor H'Hua		2001	(Buôn.Mnut)

83	Ksor Hiệp	1998		(Buôn.Mnut)
84	Ksor Hôn	1988		(Buôn.Mnut)
85	Ksor Vot	1990		(Buôn.Mnut)
86	Nay Duil	1972		(Buôn.Mnut)
87	Kpă Much	1998		(Buôn.Mnut)
88	Kpă ĐLong	1990		(Buôn.Mnut)
89	Kpă H'Yuan		1998	(Buôn.Mnut)
90	Ksor Gur	2002		(Buôn.Mnut)
91	Nay H'Nit		1970	(Buôn.Mnut)
92	Nay H'Chia		2010	(Buôn.Mnut)
93	Nay H'Kip		1997	(Buôn.Mnut)
94	Nay Kla	1989		(Buôn.Mnut)
95	Nay Mrim	1990		(Buôn.Mnut)
96	Kpă H'Li Kha		2010	(Buôn.Mnut)
97	Kpă Jong Gun	2000		(Buôn.Mnut)
98	Kpă Y Than	1989		(Buôn.Mnut)
99	Kpă H'Trinh		1992	(Buôn.Mnut)
100	Ksor H'Leng		1994	(Buôn.Mnut)
101	Ksor Mrim	1989		(Buôn.Mnut)
102	Ksor Bre	1965		(Buôn.Mnut)
103	Kpă Y Việt	1994		(Buôn.Mnut)
104	Kpă H'Ren		1995	(Buôn.Mnut)
105	Kpă Beng	1985		(Buôn.Mnut)
106	Kpă H'Trinh		1992	(Buôn.Mnut)
107	Kpă H'Truk		1985	(Buôn.Mnut)
108	Ksor Buat	1968		(Buôn.Mnut)
109	Kpă H'Nhum		1986	(Buôn.Mnut)
110	Kpă Liêp	2001		(Buôn.Mnut)
111	Kpă Loai	2006		(Buôn.Mnut)
112	Kpă H'Đia		2003	(Buôn.Mnut)
113	Kpă H'Luyên		2007	(Buôn.Mnut)
114	Kpă Sơ	2008		(Buôn.Mnut)
115	Nay Pe	1999		(Buôn.Mnut)
116	Nay H'Po		1998	(Buôn.Mnut)
117	Kpă H'Tiêt		1970	(Buôn.Mnut)
118	Kpă H'Cut		1992	(Buôn.Mnut)
119	Kpă Y Quach	1983		(Buôn.Mnut)
120	Kpă Djao	1967		(Buôn.Mnut)
121	Kpă H'Lim		1987	(Buôn.Mnut)
122	Kpă Ting	1991		(Buôn.Mnut)
123	Kpă H'Lê Na		1989	(Buôn.Mnut)
124	Kpă Hot			(Buôn.Mnut)
125	Ksor H'Blong		1992	(Buôn.Mnut)
126	Ksor Chuông	1990		(Buôn.Mnut)
127	Ksor H'Leng		1994	(Buôn.Mnut)

128	Ksor Liêm	1988		(Buôn.Mnut)
129	Ksor Liu	1997		(Buôn.Mnut)
130	Ksor Quây	2008		(Buôn.Mnut)
131	Kpă H'Surt		1960	(Buôn.Mnut)
132	Kpă H'Djah		1985	(Buôn.Mnut)
133	Kpă H'Nôi		1985	(Buôn.Mnut)
134	Kpă Triêt	2007		(Buôn.Mnut)
135	Kpă H'Viên		2009	(Buôn.Mnut)
136	Nay Bleh	1960		(Buôn.Mnut)
137	Ksor H'Bao		1989	(Buôn.Mnut)
138	Ksor Bo	1995		(Buôn.Mnut)
139	Ksor Kêr	1990		(Buôn.Mnut)
140	Kpă Phim	1958		(Buôn.Mnut)
141	Êban H'El		2000	(Buôn.Mnut)
142	Ksor Thái	2006		(Buôn.Mnut)
143	Ksor Tụ	2012		(Buôn.Mnut)
144	Ksor Lâm	2009		(Buôn.Mnut)
145	Nay Jan	1980		(Buôn.Mnut)
146	Ksor Chreo	2006		(Buôn.Mnut)
147	Ksor Ktăng	2007		(Buôn.Mnut)
148	Ksor H'Hương		1996	(Buôn.Mnut)
149	Ksor Ju	1998		(Buôn.Mnut)
150	Ksor Nhưa	2002		(Buôn.Mnut)
151	Ksor Plu	1965		(Buôn.Mnut)
152	Ksor H'Kênh		1987	(Buôn.Mnut)
153	Ksor Bĩ	1975		(Buôn.Mnut)
154	Kpă H'Oan		2000	(Buôn.Mnut)
155	Kpă H'Oan		1995	(Buôn.Mnut)
156	Kpă H'Wen		1996	(Buôn.Mnut)
157	Kpă Giêr	1960		(Buôn.Mnut)
158	Ksor Nhôm	1980		(Buôn.Mnut)
159	Ksor Nok	1985		(Buôn.Mnut)
160	Ksor Êban	2005		(Buôn.Mnut)
161	Kpă Quach	1983		(Buôn.Mnut)
162	Ksor H'Doanh		2006	(Buôn.Mnut)
163	Ksor Bor	1975		(Buôn.Mnut)
164	Kpă H'Duyên		1998	(Buôn.Mnut)
165	Kpă Khul	1997		(Buôn.Mnut)
166	Kpă H'Luyên		2001	(Buôn.Mnut)
167	Kpă Kleo	1968		(Buôn.Mnut)
168	Ksor H'Bcan		2007	(Buôn.Mnut)
169	Ksor H'Djêch		2001	(Buôn.Mnut)
170	Ksor H'Sem		2006	(Buôn.Mnut)
171	Ksor Thơ	1995		(Buôn.Mnut)
172	Ksor H'Nguyễn		2005	(Buôn.Mnut)

173	Mlô Y Bich	1998		(Buôn.Mnut)
174	Êban Ter	1998		(Buôn.Mnut)
175	Êban Trir	1999		(Buôn.Mnut)
176	Ksor Khet	1974		(Buôn.Mnut)
177	Kpă Li Sa Bet		2004	(Buôn.Mnut)
178	Kpă H'Djam		1996	(Buôn.Mnut)
179	Kpă Lot	2000		(Buôn.Mnut)
180	Kpă Tam	1968		(Buôn.Mnut)
181	Ksor H'Der		1994	(Buôn.Mnut)
182	Ksor Y Hanh	2003		(Buôn.Mnut)
183	Ksor Khánh	2001		(Buôn.Mnut)
184	Ksor Tea	1989		(Buôn.Mnut)
185	Ksor Thơ	1998		(Buôn.Mnut)
186	Ksor Vong	1996		(Buôn.Mnut)
187	Kpă Djao	1960		(Buôn.Mnut)
188	Kpă H'Lim		1987	(Buôn.Mnut)
189	Kpă Ting			(Buôn.Mnut)
190	Kpă H'Lê Na		1990	(Buôn.Mnut)
191	Kpă H'Tiêt		1989	(Buôn.Mnut)
192	Kpă H'Cut		1992	(Buôn.Mnut)
193	Kpă Y Quách	1985		(Buôn.Mnut)
194	Kpă Sor	1974		(Buôn.Mnut)
195	Ksor Mlô	1989		(Buôn.Mnut)
196	Ksor H'Til		1996	(Buôn.Mnut)
197	Ksor H'Xuân		2012	(Buôn.Mnut)
198	Y Loi Mlô			(Buôn.Mnut)
199	Ksor Mrao	1985		(Buôn.Mnut)
200	Ksor Chrong	1960		(Buôn.Mnut)
201	Kpă H'Ngôn		1968	(Buôn.Mnut)
202	Kpă H'Boai		1986	(Buôn.Mnut)
203	Kpă H'Nê		1989	(Buôn.Mnut)
204	Kpă Thon	1991		(Buôn.Mnut)
205	Kpă Việt	1993		(Buôn.Mnut)
206	Kpă H'Trôi		1996	(Buôn.Mnut)
207	Ksor Khuyên	2000		(Buôn.Mnut)
208	Ksor Ngoi	1992		(Buôn.Mnut)
209	Ksor H'Quil		1985	(Buôn.Mnut)
210	Ksor H'Woi		1993	(Buôn.Mnut)
211	Ksor H'Munh		2008	(Buôn.Mnut)
212	Êñuôl Y Lam	1974		(Buôn.Mnut)
213	Êñuôl Nam	1990		(Buôn.Mnut)
214	Êñuôl H'Loan		2004	(Buôn.Mnut)
215	Êñuôl Y Rim	2009		(Buôn.Mnut)
216	Êñuôl Y Lam	2002		(Buôn.Mnut)
217	Ksor Det	2010		(Buôn.Mnut)

218	Ksor Gul	2002		(Buôn.Mnut)
219	Ksor Man	1989		(Buôn.Mnut)
220	Ksor Y Jong	2000		(Buôn.Mnut)
221	Ksor But	1972		(Buôn.Mnut)
222	Kpă H'Boai		1998	(Buôn.Mnut)
223	Kpă H'Duôi		1996	(Buôn.Mnut)
224	Kpă H'Ne		1990	(Buôn.Mnut)
225	Kpă Y Viêt	1994		(Buôn.Mnut)
226	Nay Du Ny	2008		(Buôn.Mnut)
227	Nay H'Phi		2013	(Buôn.Mnut)
228	Nay Ju Ny	2003		(Buôn.Mnut)
229	Ksor Runh	2012		(Buôn.Mnut)
230	Ksor Bra	1985		(Buôn.Mnut)
231	Ksor Kan	1997		(Buôn.Mnut)
232	Ksor Tró	1989		(Buôn.Mnut)
233	Ksor Bru	1985		(Buôn.Mnut)
234	Ksor Y Nghệ	2007		(Buôn.Mnut)
235	Ksor H'Uâl		1994	(Buôn.Mnut)
236	Ksor Phui	1985		(Buôn.Mnut)
237	Kpă H'Nhen		1992	(Buôn.Mnut)
238	Kpă Phai	1993		(Buôn.Mnut)
239	Ksor H'Reh		1998	(Buôn.Mnut)
240	Ksor Y Tuán	2005		(Buôn.Mnut)
241	Ksor Vo	1993		(Buôn.Mnut)
242	Ksor H'Mai		1997	(Buôn.Mnut)
243	Ksor H'Quỳnh		1999	(Buôn.Mnut)
244	Ksor Djoai	1995		(Buôn.Mnut)
245	Kpă H'Bep		1986	(Buôn.Mnut)
246	Kpă H'Dor		2002	(Buôn.Mnut)
247	Kpă Kim	1997		(Buôn.Mnut)
248	Ksor Soh	1966		(Buôn.Mnut)
249	Kpă H'Bai		1989	(Buôn.Mnut)
250	Kpă H'Be		1992	(Buôn.Mnut)
251	Kpă Đưa	2001		(Buôn.Mnut)
252	Kpă Ky	1997		(Buôn.Mnut)
253	Kpă H'Nek		1995	(Buôn.Mnut)
254	Rcăm Plup	2000		(Buôn.Mnut)
255	Kpă H'Seo		1986	(Buôn.Mnut)
256	Ksor Y Hang	2004		(Buôn.Mnut)
257	Ksor H'Jang		2000	(Buôn.Mnut)
258	Ksor H'Jang		2002	(Buôn.Mnut)
259	Ksor Y Mông	2007		(Buôn.Mnut)
260	Nay Nhut	1997		(Buôn.Mnut)
261	Kpă H'Đok		1997	(Buôn.Mnut)
262	Kpă Hộ	2002		(Buôn.Mnut)

263	Kpã Nhân	2004		(Buôn.Mnut)
264	Kpã Tuấn	2010		(Buôn.Mnut)
265	Ksor Phiêu	1976		(Buôn.Mnut)
266	Ksor H'Mip		1996	(Buôn.Mnut)
267	Ksor Drong	1973		(Buôn.Mnut)
268	Kpã Bat	1999		(Buôn.Mnut)
269	Kpã H'Choanh		1997	(Buôn.Mnut)
270	Kpã Y Đạt	2008		(Buôn.Mnut)
271	Kpã H'Nham		1993	(Buôn.Mnut)
272	Kpã Prot	2002		(Buôn.Mnut)
273	Kpã H'Rach		2008	(Buôn.Mnut)
274	Nay Nhang			(Buôn.Mnut)
275	Ksor H'Dôk		1996	(Buôn.Mnut)
276	Ksor H'Du		1991	(Buôn.Mnut)
277	Ksor Đut	2003		(Buôn.Mnut)
278	Ksor Ken	1996		(Buôn.Mnut)
279	Ksor Kran	1999		(Buôn.Mnut)
280	Ksor Mang	1989		(Buôn.Mnut)
281	Ksor Phang	1985		(Buôn.Mnut)
282	Ksor H'Diu		2007	(Buôn.Mnut)
283	Kpã Hoan	2008		(Buôn.Mnut)
284	Kpã H'Diêm		1998	(Buôn.Mnut)
285	Kpã H'Ja		1987	(Buôn.Mnut)
286	Kpã Kam	1996		(Buôn.Mnut)
287	Kpã Y El	2004		(Buôn.Mnut)
288	Kpã Riên	1997		(Buôn.Mnut)
289	Y Pôl Buôn Yã	1960		(Buôn.Mnut)
290	Êban H'Gái		2003	(Buôn.Mnut)
291	Êban H'Môk		2007	(Buôn.Mnut)
292	Ksor H'Diu		2007	(Buôn.Mnut)
293	Ksor Jit	2002		(Buôn.Mnut)
294	Ksor Sai	2006		(Buôn.Mnut)
295	Ksor Săk	2004		(Buôn.Mnut)
296	Ksor Y Thủy	2003		(Buôn.Mnut)
297	Kpã H'Lina		2010	(Buôn.Mnut)
298	Kpã H'Duk		2013	(Buôn.Mnut)
299	Ksor Y Plu	1976		(Buôn.Mnut)
300	Ksor H'Keng		1985	(Buôn.Mnut)
301	Ksor Khoa	1981		(Buôn.Mnut)
302	Ksor Khuê	1982		(Buôn.Mnut)
303	Ksor Y Tuaih	1985		(Buôn.Mnut)
304	Ksor H'Tim		1995	(Buôn.Mnut)
305	Ksor H'Yôt		2003	(Buôn.Mnut)
306	Ksor H'Nêm		2008	(Buôn.Mnut)
307	Ksor Muh	1976		(Buôn.Mnut)

308	Kpã Long	2004		(Buôn.Mnut)
309	Kpã Mol	2007		(Buôn.Mnut)
310	Ksor Y Ruai	1980		(Buôn.Mnut)
311	Kpã Lăk	2006		(Buôn.Mnut)
312	Kpã Lua	2008		(Buôn.Mnut)
313	Kpã Tul	2004		(Buôn.Mnut)
314	Kpã Y Học	2006		(Buôn.Mnut)
315	Kpã Bân	2008		(Buôn.Mnut)
316	Ksor Y Brang	2004		(Buôn.Mnut)
317	Ksor Y Nơ	2007		(Buôn.Mnut)
318	Kpã Kong	2004		(Buôn.Mnut)
319	Ksor H'Lin Đa		1992	(Buôn.Mnut)
320	Ksor Y Vot	2007		(Buôn.Mnut)
321	Ksor Mlô	1974		(Buôn.Mnut)
322	Lô Ra Êban	2006		(Buôn.Mnut)
323	Êban Y Hưng	2008		(Buôn.Mnut)
324	Kpã H'Beng		1982	(Buôn.Mnut)
325	Ksor H'Phong		2007	(Buôn.Mnut)
326	Ksor H'Munh		2008	(Buôn.Mnut)
327	Ksor Y Vo	1982		(Buôn.Mnut)
328	Ksor H'Krek		2008	(Buôn.Mnut)
329	Nay Thúc	1985		(Buôn.Mnut)
330	Kpã H'Ghep		2006	(Buôn.Mnut)
331	Kpã H'Gên		2009	(Buôn.Mnut)
332	Ksor Y Gêk	1980		(Buôn.Mnut)
333	Êban H'Bung		2005	(Buôn.Mnut)
334	Êban Y Nhựa	2009		(Buôn.Mnut)
335	Kpã Khôn	1986		(Buôn.Mnut)
336	Ksor H'Loan		2006	(Buôn.Mnut)
337	Ksor Y Lươn	2008		(Buôn.Mnut)
338	Kpã Y Bre	1989		(Buôn.Mnut)
339	Ksor H'Binh		2009	(Buôn.Mnut)
340	Ksor Ruông	1978		(Buôn.Mnut)
341	Dương Klê Na		2008	(Buôn.Mnut)
342	Ksor Tâm	1965		(Buôn.Mnut)
343	Kpã H'Be		1990	(Buôn.Mnut)
344	Kpã H'Ya		1985	(Buôn.Mnut)
345	Kpã Liêm	2006		(Buôn.Mnut)
346	Kpã Nhan	2008		(Buôn.Mnut)
347	Kpã Vương	2010		(Buôn.Mnut)
348	Ksor Liêu	1985		(Buôn.Mnut)
349	Nay Lương	2008		(Buôn.Mnut)
350	Kpã Đot	1970		(Buôn.Mnut)
351	Ksor H'Côn		1991	(Buôn.Mnut)
352	Ksor Giê Ri En	2008		(Buôn.Mnut)

353	Ksor H'An		2010	(Buôn.Mnut)
354	Ksor Thur	1993		(Buôn.Mnut)
355	Ksor H'Nhuong		1994	(Buôn.Mnut)
356	Ksor Y Tranh	2011		(Buôn.Mnut)
357	Ksor Tý	2008		(Buôn.Mnut)
358	Kpã H'Lim		1987	(Buôn.Mnut)
359	Ksor Til	1986		(Buôn.Mnut)
340	Kpã H'Huyên		2004	(Buôn.Mnut)
341	Ksor H'Vênh		2006	(Buôn.Mnut)
342	Ksor Y Yuk	2010		(Buôn.Mnut)
343	Kpã Hông	1988		(Buôn.Mnut)
344	Ksor Y Hao	2010		(Buôn.Mnut)
345	Ksor Tia	1990		(Buôn.Mnut)
346	Ksor H'Won		2008	(Buôn.Mnut)
347	Nay Kong	1972		(Buôn.Mnut)
348	Ksor H'Đôr		1992	(Buôn.Mnut)
349	Ksor H'Su Mi		2008	(Buôn.Mnut)
350	Ksor H'Loan		2012	(Buôn.Mnut)
351	Nay Thanh	1963		(Buôn.Mnut)
352	Ksor Hâm	2007		(Buôn.Mnut)
353	Ksor H'Pun		1983	(Buôn.Mnut)
354	Ksor Thuyêt	2009		(Buôn.Mnut)
355	Ksor Pháo	2008		(Buôn.Mnut)
356	Ksor H'Hân		2008	(Buôn.Mnut)
357	Ksor H'Lê		2006	(Buôn.Mnut)
358	Ksor H'Yin		2006	(Buôn.Mnut)
359	Nay Thanh	1980		(Buôn.Mnut)
360	Ksor Y Nuan	2008		(Buôn.Mnut)
361	Ksor Tron	2006		(Buôn.Mnut)
362	Ksor H'Oan		2005	(Buôn.Mnut)
363	Ksor Y Hun	2007		(Buôn.Mnut)
364	Ksor H'Ôn		1991	(Buôn.Mnut)
365	Kpã Chí	1980		(Buôn.Mnut)
366	Ksor H'Munh		2008	(Buôn.Mnut)
367	Ksor H'Dlan		1980	(Buôn.Mnut)
368	Ksor Bun	2001		(Buôn.Mnut)
369	Ksor Ban	2004		(Buôn.Mnut)
370	Ksor Y Nguyên	2008		(Buôn.Mnut)
371	Ksor Neo	2006		(Buôn.Mnut)
372	Kpã H'Pur		1992	(Buôn.Mnut)
373	Kpã H'Hợp		2011	(Buôn.Mnut)
374	Kpã Y Đan	2014		(Buôn.Mnut)
375	Ksor Y Liêm	2008		(Buôn.Mnut)
376	Kpã Ưong	2010		(Buôn.Mnut)
377	Kpã Puk	1980		(Buôn.Mnut)

378	Ksor H'Tiếp		2008	(Buôn.Mnut)
379	Êban Y Lư	2008		(Buôn.Mnut)
380	Ksor H'Nên		2009	(Buôn.Mnut)
381	Nay Linh	1980		(Buôn.Mnut)
382	Ksor Dân	2009		(Buôn.Mnut)
383	Ksor Y Đanh	2004		(Buôn.Mnut)
384	Kpă H'Diêm		2009	(Buôn.Mnut)
385	Ksor Djit	1970		(Buôn.Mnut)
386	Ksor Y Mô Sê	2009		(Buôn.Mnut)
387	Nay Y Gon	1980		(Buôn.Mnut)
388	Ksor H'Char		2009	(Buôn.Mnut)
389	Ksor Bin	2006		(Buôn.Mnut)
390	Kpă H'Breo		1990	(Buôn.Mnut)
391	Kpă H'Buh		1992	(Buôn.Mnut)
392	Kpă Nêik	1989		(Buôn.Mnut)
393	Ksor Khâi	2009		(Buôn.Mnut)
394	Kpă H'Răk		1979	(Buôn.Mnut)
395	Kpă Git	2000		(Buôn.Mnut)
396	Kpă H'Lin		2003	(Buôn.Mnut)
397	Kpă Hoàng	2005		(Buôn.Mnut)
398	Nay Nhot	1960		(Buôn.Mnut)
399	Kpă H'Phut		1979	(Buôn.Mnut)
400	Kpă H'Đok		1997	(Buôn.Mnut)
401	Kpă Hộ	2000		(Buôn.Mnut)
402	Ksor Y Chinh	1996		(Buôn.Mnut)
403	Kpă Y Khiêm	2013		(Buôn.Mnut)
404	Kpă Chrai	2014		(Buôn.Mnut)
405	Ksor H'Li		1991	(Buôn.Mnut)
406	Kpă Ân	1968		(Buôn.Mnut)
407	Ksor Brai	1989		(Buôn.Mnut)
408	Ksor Kan	1997		(Buôn.Mnut)
409	Ksor H'Tra		2010	(Buôn.Mnut)
410	Ksor Djung	2012		(Buôn.Mnut)
411	Kpă H'Ăl		1994	(Buôn.Mnut)
412	Kpă Ăng	1997		(Buôn.Mnut)
413	Ksor Sing	1970		(Buôn.Mnut)
414	Kpă H'Chan		1990	(Buôn.Mnut)
415	Kpă H'Han		2000	(Buôn.Mnut)
416	Ksor Buat	2004		(Buôn.Mnut)
417	Kpă H'Ja		1968	(Buôn.Mnut)
418	Kpă H'Nhu		1986	(Buôn.Mnut)
419	Kpă Thuyên	1996		(Buôn.Mnut)
420	Kpă Liép	2000		(Buôn.Mnut)
421	Ksor Quan	1982		(Buôn.Mnut)
422	Kpă Loai	2006		(Buôn.Mnut)

423	Ksor Phui	1980		(Buôn.Mnut)
424	Kpă Dyuk	1952		(Buôn.Mnut)
425	Kpă Y Wum	1981		(Buôn.Mnut)
426	Kpă Y Nu	1986		(Buôn.Mnut)
427	Kpă H'Nhê		1989	(Buôn.Mnut)
428	Kpă Phai	1991		(Buôn.Mnut)
429	Kpă H'Vu		1994	(Buôn.Mnut)
430	Nay Y Blôch	1945		(Buôn.Mnut)
431	Ksor H'Jut		1944	(Buôn.Mnut)
432	Ksor H'Kel		1990	(Buôn.Mnut)
433	Ksor Rbô		1994	(Buôn.Mnut)
434	Ksor Báo	1998		(Buôn.Mnut)
435	Nay Thái	1988		(Buôn.Mnut)
436	Ksor Thảo Uyên		2012	(Buôn.Mnut)
437	Nay Ju	1968		(Buôn.Mnut)
438	Kpă H'Com		1989	(Buôn.Mnut)
439	Ksor Klak	1980		(Buôn.Mnut)
440	Kpă Mim	2000		(Buôn.Mnut)
441	Ksor Branch	1960		(Buôn.Mnut)
442	Ksor H'El		2005	(Buôn.Mnut)
443	Ksor H'Quil		1985	(Buôn.Mnut)
444	Ksor Ruit	2004		(Buôn.Mnut)
445	Ksor Y Đẹp	1980		(Buôn.Mnut)
446	Kpă H'Nhu		2005	(Buôn.Mnut)
447	Kpă Hân	2007		(Buôn.Mnut)
448	Ksor Bua	1986		(Buôn.Mnut)
449	Lô Thị Dương		1988	(Buôn.Mnut)
450	Ksor Huyền Trang		2008	(Buôn.Mnut)
451	Ksor Trường	2012		(Buôn.Mnut)
452	Ksor Y Ôn	2013		(Buôn.Mnut)
453	Ksor H'Điêm		1981	(Buôn.Mnut)
454	Ksor Danh	2004		(Buôn.Mnut)
455	Ksor H'Biêu		2001	(Buôn.Mnut)
456	Ksor H'Phụng		2012	(Buôn.Mnut)
457	Ksor Vay	2009		(Buôn.Mnut)
458	Ksor Khai	2011		(Buôn.Mnut)
459	Kpă Y Du	1980		(Buôn.Mnut)
460	Kpă H'Hon		2005	(Buôn.Mnut)
461	Ksor Kling	1980		(Buôn.Mnut)
462	Ksor H'Lang		2010	(Buôn.Mnut)
463	Kpă Git	2000		(Buôn.Mnut)
464	Kpă H'Nga	2002		(Buôn.Mnut)
465	Kpă H'Huyên		2006	(Buôn.Mnut)
466	Kpă Y Kiu	2001		(Buôn.Mnut)
467	Kpă Thăng	2000		(Buôn.Mnut)

468	Kpã Y Trai	2009		(Buôn.Mnut)
469	Kpã Lul	1980		(Buôn.Mnut)
470	Ayun Lia	1981		(Buôn.Mnut)
471	Ksor H'Ling		2003	(Buôn.Mnut)
472	Ksor Loai	2007		(Buôn.Mnut)
473	Ksor Y Pul	2007		(Buôn.Mnut)
474	Ksor Khoan	1981		(Buôn.Mnut)
475	Ksor H'Don		2001	(Buôn.Mnut)
476	Ksor H'Lệ		2006	(Buôn.Mnut)
477	Ksor H'Nhân		1998	(Buôn.Mnut)
478	Ksor H'Thùy		2004	(Buôn.Mnut)
479	Ksor Cham	2001		(Buôn.Mnut)
480	Ksor Drip	2005		(Buôn.Mnut)
481	Ksor H'Thúy		2007	(Buôn.Mnut)
482	Nay H'Nit		1950	(Buôn.Mnut)
483	Nay Kla	1974		(Buôn.Mnut)
485	Ksor H'Wel		1975	(Buôn.Mnut)
486	Nay H'Tuyết		1959	(Buôn.Mnut)
487	Ksor Nhuat	1959		(Buôn.Mnut)
488	Kpã Nguyên	1950		(Buôn.Mnut)
489	Kpã Jong Guh	1960		(Buôn.Mnut)
490	Nay H'Duil		1974	(Buôn.Mnut)
491	Kpã H'Nhum		1980	(Buôn.Mnut)
492	Kpã H'Noi		1980	(Buôn.Mnut)
493	Nay Jan	1974		(Buôn.Mnut)
494	Ksor Plu	1978		(Buôn.Mnut)
495	Ksor H'Sem		1975	(Buôn.Mnut)
496	Kpã Liu	1980		(Buôn.Mnut)
497	Kpã H'Blong		1981	(Buôn.Mnut)
498	Ksor H'Tiết		1978	(Buôn.Mnut)
499	Kpã Liêm	1988		(Buôn.Mnut)
500	Ksor H'Loan		1979	(Buôn.Mnut)
501	Kpã H' Nguyệt		2009	(Buôn. Kry)
502	Ksor Tâm			Bố của Kpã H' Nguyệt (Buôn Kry)
503	Kpã H' Bé			Mẹ của Kpã H' Nguyệt (Buôn Kry)
504	Nay Y Sương	2009		(Buôn Kry)
505	Ksor Nhứt			Bố của Nay Y Sương (Buôn Kry)
506	Nay H' Yang			Mẹ của Nay Y Sương (Buôn Kry)
507	Rô H' Hiền		2009	(Buôn Kry)
508	Nay Múc			Bố rô H' Hiền (Buôn Kry)
509	Rô H' Diêm			Mẹ rô H' Hiền (Buôn Kry)
510	Y Doanh Ksor	2009		(Buôn Kry)
511	Nay Met			Bố Y Doanh Ksor (Buôn Kry)
512	Ksor H' Nhiệt			Mẹ Y Doanh Ksor (Buôn Kry)
513	Kpã H' Thí		2009	(Buôn Æa Blong)

514	Ksor Y Nun			Bố Kpă H' Thí (Buôn Êa Blong)
515	Kpă H' Thêm			Mẹ Kpă H' Thí (Buôn Êa Blong)
516	Ksor H' Nhít		2009	(Buôn Êa Blong)
517	Ksor Bui			Bố Ksor H' Nhít (Buôn Êa Blong)
518	Kpă H' Rium			Mẹ Ksor H' Nhít (Buôn Êa Blong)
519	Ksor Thương	2008		(Buôn Êa Blong)
520	Ksor Lut			Bố Ksor Thương (Buôn Êa Blong)
521	Ksor H' Nhip			Mẹ Ksor Thương (Buôn Êa Blong)
522	Ksor Suru	2009		(Buôn Êa Blong)
523	Ksor Tut			Bố Ksor Suru (Buôn Êa Blong)
524	Ksor H' Lah			Mẹ Ksor Suru (Buôn Êa Blong)
525	Kpă Y Quân	2009		(Buôn Chư)
526	Ksor Khư			Bố Kpă Y Quân (Buôn Chư)
527	Kpă H' Linh			Mẹ Kpă Y Quân (Buôn Chư)
528	KSor H' Chap		2009	(Buôn.Mnut)
529	Nay Y Ngon			Bố KSor H' Chap (Buôn.Mnut)
530	Ksor H' Mach			Mẹ KSor H' Chap (Buôn.Mnut)
531	Kpă H' Diêm		2009	(Buôn.Mnut)
532	Ksor Y Danh			Bố Kpă H' Diêm (Buôn.Mnut)
533	Kpă H' Noi			Mẹ Kpă H' Diêm (Buôn.Mnut)
534	Ksor Dân	2009		(Buôn.Mnut)
535	Nay H'Pling			Mẹ Ksor Dân (Buôn.Mnut)
536	Ksor Y Phân			Bố Ksor Dân (Buôn.Mnut)
537	Kpă Trai	2009		(Buôn.Mnut)
538	Ksor Y Kling			Bố Kpă Trai (Buôn.Mnut)
539	Kpă H' Met			Mẹ Kpă Trai (Buôn.Mnut)
540	Ksor Thuyết	2009		(Buôn.Mnut)
541	Nay Thanh			Bố Ksor Thuyết (Buôn.Mnut)
542	Ksor H' Pun			Mẹ Ksor Thuyết (Buôn.Mnut)
543	Ksor Vay	2009		(Buôn.Mnut)
544	Kă Y Du			Bố Ksor Vay (Buôn.Mnut)
545	Ksor H' Yêk			Mẹ Ksor Vay (Buôn.Mnut)
546	Kpă H' Gem		2009	(Buôn.Mnut)
547	Nay Thức			Bố Kpă H' Gem (Buôn.Mnut)
548	Kpă H' Diah			Mẹ Kpă H' Gem (Buôn.Mnut)
549	Ksor H' Phương		2009	(Buôn.Mnut)
550	Kpă Kong			Bố Ksor H' Phương (Buôn.Mnut)
551	Ksor H' Toai			Mẹ Ksor H' Phương (Buôn.Mnut)
552	Ksor H' Nêñ		2009	(Buôn.Mnut)
553	Y Liu Êban			Bố Ksor H' Nêñ (Buôn.Mnut)
554	Ksor H' Djiat			Mẹ Ksor H' Nêñ (Buôn.Mnut)
555	Ksor H' Suât		2009	(Buôn.Mnut)
556	Nay Duk			Bố Ksor H' Suât (Buôn.Mnut)
557	Ksor H' Mêch			Mẹ Ksor H' Suât (Buôn.Mnut)
558	Ksor H' Nguyệt		2009	(Buôn.Mnut)

559	Ksor Khoan			Bố Ksor H' Nguyệt (Buôn.Mnut)
560	Ksor H' Buih			Mẹ Ksor H' Nguyệt (Buôn.Mnut)
561	Kpă H' Phi		2009	(Buôn.Mnut)
562	Ksor Y Trur			Bố Kpă H' Phi (Buôn.Mnut)
563	Kpă H' Doa			Mẹ Kpă H' Phi (Buôn.Mnut)
564	Ksor H' Binh		2009	(Buôn.Mnut)
565	Kpă Y Bre			Bố Ksor H' Binh (Buôn.Mnut)
566	Ksor H' Blung			Mẹ Ksor H' Binh (Buôn.Mnut)
567	Êban Y Nhura	2009		(Buôn.Mnut)
568	Ksor Gêch			Bố Êban Y Nhura (Buôn.Mnut)
569	Ê Ban H' Djiat			Mẹ Êban Y Nhura (Buôn.Mnut)
570	Ksor Y Môsê	2009		(Buôn.Mnut)
571	Ksor Djit			Bố Ksor Y Môsê (Buôn.Mnut)
572	Ksor H' Mêch			Mẹ Ksor Y Môsê (Buôn.Mnut)
573	Kpă H' Hanh		2008	(Buôn.Mnut)
574	Nay Ruan			Bố Kpă H' Hanh (Buôn.Mnut)
575	Kpă H' Glên			Mẹ Kpă H' Hanh (Buôn.Mnut)
576	Ksor H' Munh		2008	(Buôn.Mnut)
577	Kpă Peng			Bố Ksor H' Munh (Buôn.Mnut)
578	Ksor H' Ngol			Mẹ Ksor H' Munh (Buôn.Mnut)
579	Ksor Y Nhâm	2008		(Buôn.Mnut)
580	Rcăm Plup			Bố Rcăm Plup (Buôn.Mnut)
581	Kpă Y Nhan	2008		Mẹ Kpă Y Nhan (Buôn.Mnut)
582	Kpă H' Ja			(Buôn.Mnut)
583	Ksor Ram			Bố Kpă H' Ja (Buôn.Mnut)
584	Kpă H' Kal			Mẹ Kpă H' Ja (Buôn.Mnut)
585	Kpă H' Rach		2008	(Buôn.Mnut)
586	Ksor Ram			Bố Kpă H' Rach (Buôn.Mnut)
587	Kpă H' Kal			Mẹ Kpă H' Rach (Buôn.Mnut)
588	Ksor Ting	2008		(Buôn.Mnut)
589	Ksor Til			Bố Ksor Ting (Buôn.Mnut)
590	Êban Y Hưng	2008		(Buôn.Mnut)
591	Ksor Mlơ			Bố Êban Y Hưng (Buôn.Mnut)
592	Êban H' Noai			Mẹ Êban Y Hưng (Buôn.Mnut)
593	Kpă Y Đat	2008		(Buôn.Mnut)
594	Ksor Drông			Bố Kpă Y Đat (Buôn.Mnut)
595	Kpă H' Ser			Mẹ Kpă Y Đat (Buôn.Mnut)
596	Nay Y Khoa	2006		(Buôn.Mnut)
597	Ksor Chua			Bố Nay Y Khoa (Buôn.Mnut)
598	Ksor Y Nguyên	2009		(Buôn.Mnut)
599	Kpă Chi			Bố Ksor Y Nguyên (Buôn.Mnut)
600	Ksor H' Dlan			Mẹ Ksor Y Nguyên (Buôn.Mnut)
601	Ksor Y Lam	2009		(Buôn.Mnut)
602	Kpă Têk			Bố Ksor Y Lam (Buôn.Mnut)
603	Ksor H' Guân			Mẹ Ksor Y Lam (Buôn.Mnut)

604	Ksor Y Thin	2008		(Buôn.Mnut)
605	Kpă Mói			Bố Ksor Y Thin (Buôn.Mnut)
606	Ksor H' Ju			Mẹ Ksor Y Thin (Buôn.Mnut)
607	Kpă Y Khang	2008		(Buôn.Mnut)
608	Ksor Kep			Bố Kpă Y Khang (Buôn.Mnut)
609	Kpă H' Chep			Mẹ Kpă Y Khang (Buôn.Mnut)
610	Nay Y Lương	2008		(Buôn.Mnut)
611	Ksor Liêu			Bố Nay Y Lương (Buôn.Mnut)
612	Nay H' Nhung			Mẹ Nay Y Lương (Buôn.Mnut)
613	Ksor H' Noai		2007	(Buôn.Mnut)
614	Rcăm Vel			Bố Ksor H' Noai (Buôn.Mnut)
615	Ksor H' Brin			Mẹ Ksor H' Noai (Buôn.Mnut)

Ghi chú: Đây là một trong những địa bàn cư trú tập trung của người Êđê Mdhur, một nhóm tộc người có quan hệ gần gũi với người Jrai, có hình thức tên họ và cấu trúc tên riêng giống tên người Jrai.

Phụ lục 4
DANH SÁCH NGƯỜI DÂN TỘC J'RAI
(KHẢO SÁT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN)

TT	Mã SV	Họ và tên	Nam	Nữ	Họ tên bố/mẹ
1	10305002	Ksor Chàng	1991		Ksor H'tim
2	11305036	Rmah Kuri	1992		Nai Biết
3	12305014	Siu H'Nha		1993	Siu H'Jin
4	12902004	Kpã H'Day		1993	Kpã H'Dung
5	12902008	Rmah H'Đuin		1994	Ksor Pek (mẹ)
6	12902011	Rchăm Hong		1991	Siu H' Lir
7	12902014	Rchăm Manh	1991		Rchăm Krur (cha)
8	12902018	Ksor H'Nuên		1993	Siu Beo (cha)
9	12902021	Romăn Tí		1994	Rơ Mah Phin
10	12902031	Nay H'Gái		1992	Ksor Buk
11	12902033	KSor ATul	1991		Ksor Alơ
12	12902035	KSor H'Bel		1989	Ksor Grờ
13	12902036	Rơ Ô H'Hiên		1993	Nay Quanh
14	12902037	Siu H'Im		1993	Siu H' Niên
15	12601016	Siu H'Ning		1992	Kpã Bling /Siu H' Juh
16	12601029	Cao Thị Liễu		1994	Cao Văn Kiệt/ Bo Thị Xin
17	12601057	Pi Năng Thị My Sương		1994	Pi Năng Thị Thiện (mất)
18	13605017	Ksor Hà	1990		Nay Noang
19	13605027	Nay Ké	1993		Ksor Tuy/ Nay H'Yeh
20	13605043	Nay Pal	1991		Ksor Kuách/Nay H'Yeh
21	13605046	Ksor Sứ	1993		Hiao Mlông /Ksor Hkó
22	13605054	Ksor Tron	1995		Rahlan Tý/Ksor Hmlim
23	13902002	Nay Chuih	1994		Kror Than
24	13902007	Rchăm H'Nhip		1993	Rchăm H' Đuih
25	13902033	Siu H'Sona		1994	Rchom Brô
26	13902038	Ksor H'Thur		1995	Ksor Woong
27	13902044	Ksor H'Tuyết		1995	Ksor Lên
28	13902060	Ksor H'Lanh		1995	Kpã Hôn
29	13902072	Siu Thanh	1995		Ksor Thuik
30	13601022	Siu H'Trinh		1994	Rahlan De
31	13601035	Ksor Lynh		1995	Nay Y Phú
32	14605043	Nay Quêng	1995		Bố: Ksor Bonh
33	14902001	Ksor Aih	1994		Ksor Eng/Ksor Hrih
34	14902006	Puih Bin		1994	Rmah Sesk/Puih Bách
35	14902009	Rahlan H'Drim		1996	Nay Kak/Rahlan H'Tuyết
36	14902011	Siu H'Đa niêl		1996	Y Lay Hwing/Siu H'Len

37	14902017	Rahlan	H'Phân		1996	Rmah Gro/Rahlan H'Bon
38	14902018	Kpă	H'Trinh		1995	Ksor Lia/Kpă H'Lok
39	14902029	Siu	H'Loen		1993	Nay Mrep/Siu H'Yeng
40	14902034	Rahlan	H'Môl		1995	Nay Yar/Rahlan H'Nhút
41	14902036	Ksor	H'Nấp		1994	Mẹ: Ksor H'Yo (mồ côi bố)
42	14902037	Nay	Ngât	1996		Siu Djrok/Nay H'Un
43	14902043	Ksor	H'Ruin		1995	Rmah Phú/Ksor H'Trong
44	14902044	Rahlan	Sáu	1994		Rmah Lam/Rahlan H'Anhuch
45	14902054	Ksor	ThùyTrang		1995	Rmah Hun/Ksor H'Mloãi
46	14902056	Rčom	H'Trinh		1994	Ksor Phen/Rcom H'Mun
47	14902061	Puih	H'Xuết		1996	Puih Hlang/Puih H'ayup
48	14902066	Rahlan	H'Ngai		1996	Phêm Niê/Rahlan H'U
49	14606006	Ksor	H'Đuyn		1994	Nay Y Môm/Ksor H'Loan
50	12104057	Jeăk Thị	Quanh		1994	Jeăk Thị Má/ Taing Cú Gia
51	12301004	Bo Thị	Ngọc Ánh		1994	Cao PhươngGiao/BoThị Xiểu
52	12301009	Ksor	Dap	1992		Nay Liang/Ksor H'Dung
53	12301032	Siu	Wi Na	1993		Rmah Mon/ Siu H'Ban
54	12102029	Rčom	Khom	1993		Rơ Ô Rô/Rčom H'Djuết
55	12102059	Nay	Quang	1990		Siu Rek/ Nay H' Uôk
56	13504039	Rơ Ô	Be Ly		1995	Rơ Ô H'BLir
57	13310002		H'Môn	1993		H'Mok
58	13102012	Ksor	Giáo	1995		Ksor H'Mer
59	14310003		Y Hương		1996	A Đup/ Y Hách
60	12403213	Ksor	Hội		1993	Ksor Nhuat/Siu H'Yur
61	14401082	Nay	Rít	1995		Ksor Yung
62	11604065	Ksor	H'Nham		1990	Siu pao/Ksor H'Djin
63	11604074	Ksor	Hòm	1987		Nay Bhiot/ Ksor H' Djú
64	12604031	Ksor	H'Yên		1994	Y Ben Êban/ Ksor H' Bé
65	12604082	Romah	Lệ Thu		1994	Rơ mahRý/ Rơ mah Ly giang
66	12608029	Nay	Chương	1992		Nay Doch/ Ksor H' Loanh
67	13608005	Kpă-	Linh	1994		Kpă H'Nin
68	14604040	H' Koen	Rčăm		1996	Y Ga Mlô
69	14604049	H' Uc Tor	Ksor		1996	Y Wing Ênũol
70	11702070	Rơ Lan	H' Hồng		1991	Kpuih Bok/ Rơ Lan H' Piet
71	14701041	Siu	H'Oanh		1996	Siu H'Ni
72	12268004	Rčom	Man	1993		Nay klu
73	12268048	Rơ Ô	Pom	1990		Rơ Ô H Trú
74	12303006	Rčom	Ên	1990		Siu Junh
75	12303018	Rahlan	Trê	1991		KPă Đhu
76	12308101	KPă	Rok	1990		Nay Nuãi/Kpă H'Đip
77	14308070	Kpă	H'Pri		1996	Ksor Tuy/ Kpă H'Miak
78	14404038	Nay	Nghiêm	1995		Ksor Xuân

79	14404079	Kpă	Sên		1995	Kpă Lech
80	14268013	Nay	Gon	1996		Rơ Ô Tô/ Nay H'Nunh
81	14265020	Siu	Dịu	1994		Kpă Lý/ Siu H'Bih
82	10307203		Y Ngla		1990	A Bích
83	12307143	Kpă	Bốt	1993		Kpă H'Geng
84	12307184	Rơ Mah	Yat		1993	Rơ Mah Pyih
85	13309046		Ng Lunh	1992		Ng Lum
86	13307073	Ksor	Jan	1994		Ksor H'Drum/ Nay Nik
87	13307251	Nay	H' Le		1994	Siu Yung
88	13307261	Ksor	H' Truyền		1994	Ksor Biêng
89	14309095	Rõm	H'Lom		1995	Siu Túi
90	14309607	Nay	Quik	1986		Siu Rek
91	14307102	Ksor	Hiếu		1996	Siu Phur
92	14307133	Rõm	H'Hưóc		1996	Ksor Djru
93	14307358	Nay Nhật	Trung	1996		Ksor Xuyên/Nay H' Bre
93	14307415	Ksor	H' Bra		1995	Siu Kưon
94	14307448	Kpă	H'Nga		1995	Nay Chok
95	14307465	Siu	Rak	1994		Siu H'Blin
96	351023	R'chăm	Y Min	1986		R'chăm H'Pyih
97	351018	Siu	H'Đo	1984		Siu Djru
98	07083047	Ksor	Ely	1984		Ksor H'ik
99	07083107	R'mah	H'Yan		1984	Rơ Mah H'Bre
100	07083030	Siu	H'Bing		1984	Siu H'Briêng

Các tên họ xuất hiện trong danh sách thống kê gồm: Ksor, Rmah, Siu, Kpă, Rchăm, Nay, R'ô, Pinăng, Puih, Rahlan, Jeăk, Bo, Rõm, Kpuih (14 tên họ)

Ghi chú: Đây là một số sinh viên người dân tộc J'rai đang học tại Trường Đại học Tây Nguyên. Họ sinh ra vào giai đoạn cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21 - giai đoạn chịu ảnh hưởng nhiều bởi tiếp xúc văn hóa. Chúng tôi khảo sát nhằm có cái nhìn khái quát về mối quan hệ về hình thức tên riêng giữa hai dân tộc này, đặc biệt là với người Êđê thuộc nhóm Mdhur.

Phụ lục 5
DANH SÁCH MỘT SỐ HỘ NGƯỜI MNÔNG
(KHẢO SÁT TẠI BUỒN ĐÔNG RIÊNG (TT LIÊN SƠN, LẮK, ĐAK LẮK))

Số hộ	Số TT	Họ và tên	Năm sinh (nam)	Năm sinh (nữ)	Quan hệ trong gia đình
01	01	Y Dăm Cil	1960		bố
	02	H'Dleh Teh		1966	mẹ
	03	Y Thiện Teh	1986		con
	04	H'Ri Teh		1991	con
	05	H'Chi Teh		1993	con
	06	H'Nhi Teh		1995	con
02	07	Y Djua Uông	1984		Bố
	08	Y Ben Bjang	1985		Mẹ
	09	H'Lan Bjang		2002	Con
	10	H'Nur Bjang		2005	Con
	11	H'An Bjang		2011	Con
03	12	Y Thiệp Teh	1978		Bố
	13	H'Ôi Đăk Căt		1978	Mẹ
	14	H'Huệ Đăk Căt		1999	Con
	15	H'Đup Đăk Căt		2001	Con
	16	H'Đap Đăk Căt		2005	Con
04	17	Y Lu Kbuôr	1944		Bố
	18	H' Poh Đăk Căt		1940	Mẹ
	19	H'Bhơn Đăk Căt		1972	Con
	20	Y Tlam Đăk Căt	1980		Con
	21	H'Pong Đăk Căt		1984	Con
	22	H'Lim Đăk Căt		1989	Con
	23	H'Nhum Đăk Căt		1994	Con
05	24	Y Đông Du	1939		Bố
	25	H'Bhua Kbuôr		1939	Mẹ
06	26	Y Len Kbuôr	1977		Bố
	27	H' Dum Liêng		1978	Mẹ
	28	Y Hùng Liêng	2001		Con
	29	Y Thu Liêng	2006		Con
	30	Y Duy Liêng	2010		con
07	31	Y Đờ Kbuôr	1953		Bố
	32	H'Ang Đăk Căt		1954	Mẹ
	33	Y Thuận Đăk Căt	1980		Con
08	34	Y Rin Mlô	1968		Bố
	35	H'Ghiết Kbuôr		1969	Mẹ
	36	H'Blôn Kbuôr		1990	Con
	37	Y Nguyên Kbuôr	1995		Con
	38	Y Điệp Kbuôr	2000		con
09	39	Y Tiêu Kbuôr	1964		Chủ hộ - độc thân
10	40	Y Dhon Liêng	1970		Chủ hộ - độc thân

11	41	Y Hai Đăk Căt	1974		Bố
	42	H'Đư Kbuôr		1980	Mẹ
	43	H'Vân Kbuôr		2001	Con
	44	Y Tiến Kbuôr	2006		con
12	45	H'Nư Kbuôr		1980	Chủ hộ - độc thân
13	46	H'Giang Hđok		1925	Chủ hộ - độc thân
14	47	Niê Kim Loan		1977	Chủ hộ - độc thân
15	48	Y Moi Teh	1964		Bố
	49	H' Hoan Kbuôr		1967	Mẹ
	50	H'Nhuen Kbuôr		1992	Con
	51	H'Diêm Kbuôr		1999	Con
	52	Y Nư Kbuôr		1999	con
16	53	Y Dem Hđok	1976		Bố
	54	H'Djoa Kbuôr		1980	Mẹ
	55	Y Quỳnh Kbuôr	1997		Con
	56	H'Nga Kbuôr		1999	Con
	57	H'Huyên Kbuôr		2002	con
17	58	Y Tang Luk Kbuôr	1949		Bố
	59	H'Rôk Kbuôr		1954	Mẹ
	60	H'Long Kbuôr		1985	Con
	61	H'Ni Kbuôr		1992	Con
18	62	Y Thuận Đăk Căt	1980		Bố
	63	H'Loang Ayün Hđok		1983	Mẹ
	64	Y Tinh Ayün Hđok	2007		Con
	65	Y Khoa Ayün Hđok	2012		Con
19	66	Y Lum Hđok	1960		Chủ hộ - độc thân
20	67	H'Ôk Dơng Jri		1958	Mẹ
	68	Y Hin Hđok	1960		Bố
	69	H'Nhưn Hđok		1990	Con
	70	Y Thiêm Jri	1994		Con
21	71	Y Bang Du	1967		Bố
	72	H'Loan Kbuôr		1971	Mẹ
	73	Y Xuân Kbuôr	1995		Con
	74	H'Hương Kbuôr		1998	Con
	75	H'Hiếu Kbuôr		2000	Con
22	76	Y Năm Kbuôr	1984		Bố
	77	H'Pleh The		1982	Mẹ
	78	Y Sinh Teh	2001		Con
	79	Y Khôi Teh	2006		Con
23	80	Y Mi Teh	1957		Bố
	81	H'Jin Cil		1957	Mẹ
	82	Y Hưng Cil	1987		Con
	83	H'Vung Cil		1989	Con
	84	Y Lương Cil	1994		Con

	85	Y Nruong Cil	1998		Con
	86	H'Uom Cil		2000	Con
24	87	Y Yên The	1984		Bố
	88	H' Nghi Hđok		1984	Mẹ
	89	Y Wiêt Hđok	2010		Con
25	90	Y Ngun Ksrăng	1989		Chủ hộ - độc thân
26	91	Y Tin Hđok	1977		Bố
	92	H' Runh Teh		1984	Mẹ
	93	Y Phước Teh	2002		Con
	94	Y Phong Teh	2004		Con
	95	Y Huy Teh	2009		Con
27	96	Y Quen Hlong	1973		Bố
	97	H'Đoan Teh		1977	Mẹ
	98	Y Gôn Teh	2000		Con
	99	Y Phi Teh	2001		Con
	100	Y Quân Teh	2005		Con
	101	Y Thịnh Teh	2009		Con
28	102	H'Kông Bjang		1931	Chủ hộ - độc thân
29	103	H'Joang Bjang		1964	Chủ hộ - độc thân
30	104	Y Sơn Đăk Căt	1965		Bố
	105	H'Loi Teh		1977	Mẹ
	106	H'Thùy Teh		1995	Con
	107	Y Nam Teh	1998		Con
	108	Y Nhật Teh	2001		Con
31	109	H'Khên Teh		1937	Chủ hộ - độc thân
32	110	Y Tam Triêt	1976		Bố
	111	H'Luen Kbuôr		1986	Mẹ
	112	Y Trường Kbuôr	2004		Con
	113	H' Diệp Kbuôr	2008		Con
33	114	Y Tơ Hđok	1953		Bố
	115	H'Um Teh		1955	Mẹ
	116	H' Ứn Teh		1993	Con
	117	Y Triệu Teh	2015		Con
34	118	Y Phoi The	1950		Bố
	119	H'Dlông Liêng		1949	Mẹ
	120	Y Von Liêng	1975		Con
	121	H'Lăk Liêng		1990	Con
	122	Y Quý Liêng	1993		Con
	123	Y Ký Liêng	2000		Cháu
	124	H'Thi Liêng		2005	Cháu
35	125	Y Char Jiê	1975		Bố
	126	H'Ngoan Teh		1979	Mẹ
	127	H'Lân Teh		1997	Con
	128	Y Đức Teh	1999		Con
	129	Y Duyên Teh	2001		Con

	130	H'Diêm Teh		2004	Con
36	131	Y Băm Cil	1944		Bố
	132	H' Yôk Kbuôr		1945	Mẹ
	133	Y Kim Kbuôr	1968		Con
	134	Y Đun Kbuôr	1976		Con
	135	H'Nhài Kbuôr		1979	Con
37	136	Y Quyết Cil	1988		Bố
	137	H' Gen Kbuôr		1990	Mẹ
	138	H'Len Đa Kbuôr		2010	Con
	139	Y Định Kbuôr	2015		Con
38	140	Y Đam Pang Ting	1992		Bố
	141	H'Nga The		1990	Mẹ
	142	Y Kiệt Teh	2013		Con
39	143	Y Huynh Bìng	1981		Bố
	144	H'Bluet Kbuôr		1987	Mẹ
	145	Y Thức Kbuôr	2012		Con
	146	Y Thiên Kbuôr	2015		Con
40	147	Y Chung Đăk Căt	1982		Bố
	148	H'Tim Liêng		1982	Mẹ
	149	H'Na Liêng		2007	Con
	150	H'Hàng Liêng		2014	Con
41	151	Y Đuông Jiê	1985		Bố
	152	H'Limet Teh		1987	Mẹ
	153	Y Đuông Teh	2011		Con
	154	Y Khê Teh	2015		Con
42	155	H'Đoan Kbuôr		1973	Mẹ
	156	H'Hòa Kbuôr		1993	Con
	157	Y Linh Kbuôr	1995		Con
	158	Y Nguôn Ksrăng	1989		Em chồng
	159	Y Hiệp Kbuôr	2011		Con
43	160	Y Linh Du	1978		Bố
	161	H'Lin Đăk Căt		1983	Mẹ
	162	H'Oanh Đăk Căt		2002	Con
	163	Y Khánh Đăk Căt	2007		Con
	164	H'Đào Đăk Căt		2009	Con
44	165	Y Gut Bhôk	1990		Bố
	166	H'Blem Cil		1991	Mẹ
	167	Y Vinh Cil	2010		Con
	168	Y Thông Cil	2015		Con
45	169	Y Phai Kpor	1988		Bố
	170	H'Nguyệt Bkrang		1989	Mẹ
	171	H'Phi Bkrang		2012	Con
	172	Y Toàn Bkrang	2014		Con
46	173	Y Quên Jiê	1986		Bố
	174	H'Mai Kbuôr		1987	Mẹ

	175	Niê Ya Luyn Kbuôr		2010	Con
47	176	Y Xuân Liêng	1974		Bố
	177	H'Lan Đăk Căt		1978	Mẹ
	178	Y Thương Đăk Căt	1996		Con
	170	Y Hiếu Đăk Căt	1999		Con
	180	H'Doanh Đăk Căt		2002	Con
	181	Y Cường Đăk Căt	2005		Con
48	182	H'Kiệp Teh		1953	Chủ hộ - độc thân
49	183	Y Quen Cil	1985		Bố
	184	H'Men Kbuôr		1989	Mẹ
	185	Y Đạt Kbuôr	2009		Con
	186	Y rô Bi Kbuôr	2012		Con
50	187	H' Rur Kbuôr		1978	Mẹ
	188	Y Ki Bkrang	1983		Bố
	189	H'Diệu Kbuôr		2008	Con
	190	Y Trọng Kbuôr	2014		Con
51	191	Y Khai Cil	1969		Bố
	192	H' Hương Đăk Căt		1970	Mẹ
	193	Y Bích Đăk Căt		1993	Con
	194	Y Xích Đăk Căt	1995		Con
	195	Y Phích Đăk Căt	1998		Con
	196	H'Thoa Đăk Căt		2000	Con
52	197	Y Dui Du	1982		Bố
	198	H'Pong Đăk Căt		1984	Mẹ
	199	Y Nghĩa Đăk Căt	2009		Con
53	200	Y Thuen Kbuôr	1990		Bố
	201	H'Đơ The		1985	Mẹ
	202	H'Nghịệp Teh		2010	Con
54	203	Y Căng Teh	1939		Chủ hộ - độc thân
55	204	Y Plim Liêng	1980		Bố
	205	H'Wen Bjrang		1987	Mẹ
	206	Y Thái Bjrang	2008		Con
	207	Y Thanh Bjrang	2013		Con
56	208	Y Guih Niê	1949		Chủ hộ - độc thân
57	209	Y Trê Cil	1952		Bố
	210	H'Pông Kbuôr		1949	Mẹ
	211	H'Ngoa Kbuôr		1982	Con
	212	Y Tang Kbuôr	1988		Con
	213	H'Lân Kbuôr		1990	Con
	214	Y Anh Kbuôr	2005		Con
	215	H'Nhưng Kbuôr		2012	Con
58	216	Y Tê Cil	1953		Bố
	217	H'Sin Hđok		1954	Mẹ
	218	Y Ghim Hđok	1991		Con
59	219	Y Dực Kuan	1980		Bố

	220	H'Duyên Cil	1980		Mẹ
	221	H'Doan Cil		2004	Con
	222	H'Nhinh Cil		2006	Con
	223	H'Thảo Cil		2016	Con
60	224	Y Jôi Knul	1991		Bố
	225	H'Lân Kbuôr		1990	Mẹ
	226	Y Đăng Kbuôr	2013		Con
61	227	Y Rưn Kbuôr	1986		Bố
	228	H'Bi Teh		1988	Mẹ
	229	Y Phuc Teh	2006		Con
	230	Y Phat Teh	2009		Con
62	231	Y Vinh Du	1978		Bố
	232	H'Điêm Đăk Căt		1985	Mẹ
	233	Y Thắng Đăk Căt	2009		Con
	234	H'Hiền Đăk Căt		2011	Con
63	235	Y Sól Ayũn	1988		Bố
	236	H'Vưn Jong Jri		1992	Mẹ
	237	H'Ngân Jri		2011	Con
	238	H'Doa Jri		2013	Con

Ghi chú: Đây là bản khảo sát theo hộ gia đình người Mnông tại một buôn

Có: 27 tên họ cụ thể dưới đây, trong đó có 10 tên họ xuất hiện trong các dòng họ Êđê

Cil	The	Hlong (Êđê-một loại chiêng)
Kuan (Êđê-tranh, giành)	Uông	Ksrăng
Bjang	Triết	Luk
Đăk Căt	Ting	Bhok
Kbuôr (Êđê)	Jiê	Ayũn (Êđê)
Knul (Êđê)	Mlô (Êđê)	Bing
Hđơk (Êđê)	Niê (Êđê)	Kpor (Êđê-nhảy lên)
Jri	Bkrang	Du
Liêng (gốc Koho, nghĩa là thác nước) Pang Ting		Teh (Êđê-bật, bật lên)

Ghi chú: Đây là một số người Mnông mà phần lớn thuộc các nhóm ở gần nơi cư trú của người Êđê. Chúng tôi khảo sát nhằm có cái nhìn khái quát về mối quan hệ về hình thức tên riêng giữa hai dân tộc này, đặc biệt là về quan hệ dòng họ (thấy được một số nét tương đồng và khác biệt, nhất là trong hình thức cấu tạo).

Phụ lục 6
DANH SÁCH MỘT SỐ SINH VIÊN NGƯỜI MNÔNG
(KHẢO SÁT TẠI ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN)

TT	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Họ tên bố/mẹ
1	12902005	H' Ngõa Du	1993	Nữ	H' Jiêng Du
2	12902046	H'Bel	1993	Nữ	Y Trơi
3	12902066	H' Chi Kmăn	1993	Nữ	Y Chế Long Dung
4	12902067	Cao Thị Thùy Linh	1994	Nữ	Cao Thanh Tin
5	12601007	Thị Dai	1992	Nữ	Điều Nhang /Thị Hồng
6	12601021	Đoàn Thị Thu Hương	1994	Nữ	ĐoànTrươngSơn/NgThịThu
7	12601060	H'Thinh	1993	Nữ	Y Phon/H' Ron
8	12601061	Y Thơ	1994	Nam	Y Tróp/H' Bjol
9	13605042	Y Nok	1994	Nam	Y Pi Năng/ H'Nan
10	13903005	H'Bin	1994	Nữ	Y'Nda
11	13903027	H'Linh	1995	Nữ	K Branch
12	13902019	H'Luyên	1994	Nữ	Y Bly
13	13902067	H' Yên Nỡm	1995	Nữ	Y lú Nỡm
14	13901004	Vàng Thị Chim	1993	Nữ	Vàng A Sừ/Giang Thị Sông
15	13901021	H'Jót	1994	Nữ	Cha : K'Ting Mẹ: H' Bô
16	13901025	H' Uyn Ksrăng	1994	Nữ	YKhingThe/H'Nang Ksrăng
17	13901034	H'Nék	1993	Nữ	Bố : YDjao Mẹ: H' Brok
18	13901052	Y Tiếp	1992	Nam	Bố :Y S Rúp Mẹ:H' Nhê
19	13901055	H'Trim	1993	Nữ	Điều N' Janh/ Mẹ: H' Doãn
20	13601010	H' Hồng Du	1995	Nữ	H' Jiêng Du
21	13601047	Y Phong Phôk	1995	Nam	Y Tiêng Tor
22	13601058	H' Diêm Tor	1994	Nữ	Y Pat Buôn Dap
23	14605002	Y Phich Ayun	1994	Nam	Bố : Y Hơn Niê
24	14605004	Y Khôi Êban	1996	Nam	Mẹ: H Dắt Êban
25	14606005	H' Tâm Long Dinh	1996	Nữ	Y Thinh Knông
26	14606073	H' Yum Niê	1993	Nữ	H' Sơn
27	12103018	Thị Na Hum	1994	Nữ	Điều Mblar/ Thị Grom
28	13103013	Y Dươc	1994	Nam	Y Piôt/ H' Khoan
29	14401027	Hầu Thị Hiền	1995	Nữ	Hầu Văn Lầu
30	14401084	Đào Văn Tài	1994	Nam	Đào Văn Sự
31	13401008	Ma A Bông	1991	Nam	Ma A Anh / Tháo Thị Ké
32	13401076	Sùng A Sính	1990	Nam	SùngSeoChúng/LôThị Xanh
33	12402005	Y Dục Bing	1993	Nam	Y Ja Je
34	11604047	Điều Ngót	1991	Nam	Điều Ron/ Thị Srao
35	11604057	H'El	1991	Nữ	Y Trơi/ H' Hiăng
36	12604002	Y Na Êung	1989	Nam	Y Rin Niê/ H' Lem Êung

37	12604004	H' Phiêu	Bing	1992	Nữ	Y Sun B'đap/ H' Lin Bing
38	12604012	H' Luy	Ja	1994	Nữ	Y' Diêr Êban, H' Đin Ja
39	12604017		H'Mil	1993	Nữ	Y Blong/ H' Griêng
40	12604023	H' Hương	Sruk	1994	Nữ	H' Ly Sruk
41	12608033	H' Zih	Je	1992	Nữ	Y Sơn Ông/ H'Ben Je
42	14604005	H' On	Bhok	1995	Nữ	Y Ni Teh
43	14604007	H' Hà	Mbôn	1995	Nữ	Y Bang Liêng Hot
44	14604019		H'Hôn	1994	Nữ	K Ngô
45	14604022	Y Uy	Buôn Krông	1995	Nam	Y Thuật Rơ Yam
46	14604025	H' Đuyn	Luk	1995	Nữ	Y Muê Long Dinh
47	14604027	H'Mi	Mdrang	1996	Nữ	H'Lan Mdrang
48	14604029	H'lâm	Ndu	1995	Nữ	H' Binh Ndu
49	14604043	H' Mên	Teh	1996	Nữ	Y Rin Hlông
50	14604053		H' Nhot	1993	Nữ	Y Nang Niê
51	14604096	H' Nhiên	Sruk	1996	Nữ	Y Bang Liêng Hót
52	13702029	Y Trim	Liêng	1995	Nam	H' Uăn Liêng
53	13701005	H' Trâm	Bhok	1995	Nữ	Y Grôn Buôn krông
54	12303025	H' Ly	Dak Căt	1992	Nữ	Y'Suôm Du
55	12303038	Rơ Lúc	H'Vân	1993	Nữ	Triék Y Long
56	12306023	Sùng A	Cháng	1990	Nam	Sùng A Páo-Vàng Thị Đào
57	13405010	H' Gương	Long Ding	1994	Nữ	YChôngKuan/H'Brê Lg Ding
58	13405016	H' Linh	Êban	1993	Nữ	Y Bay Phok/ H' Mơi Êban
59	14266038	H' Châu	Je	1995	Nữ	Y Siêng Ông
60	09307254	H' Woan	Kuan	1991	Nữ	Y Ha Uông
61	12307178	Dương	Văn Sầu	1989	Nam	Lý Thị Nhỏ
62	14307414	H' Thoa	BDap	1994	Nữ	H' Ner BDap
63	14307421	H' Phương	Êban	1995	Nữ	H' Mơi Êban

- **Có: các họ cụ thể dưới đây,**

Du, kmăn, Êban , Buôn Dap, Kuan, Je, Long Ding, Đăk Căt, Bhok, Liêng, Sruk, The, Ndu Mdrang, Luk, Buôn Krông, Mbôn, Bing, Eeung, Điểu Hum, Niê, Tor, Phok, Ktrăng, Nôm, Thị.

- Những trường hợp ô trống là không có tên họ

Phụ lục 7

**DANH SÁCH NGƯỜI ÊĐÊ NHÓM MDHUR VÀ NGƯỜI J'RAI
KHẢO SÁT TẠI XÃ EA SOL, HUYỆN EA H'LEO, ĐAK LĂK (NĂM 2016)**

Stt	Họ và tên	NS	DT	Chỗ ở	Tên cha	Tên mẹ
1	Nay H' Jui	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Y Sun	Nay H' Nhôn
2	Kpã H' Nguyệt	2009	Êđê	Buôn. Kry	Ksor Tâm	Kpã H' Bé
3	Nay H' Thinh	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Lê	Nay H' Noan
4	KSor H' Trưa	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Thêm	Ksor H' Ep
5	Nay H' Nô	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Tái	Nay H' Pa
6	Ksor H' Sura	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Y Đa	Ksor H' Maih
7	Nay H'La Na	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Y Húit	Nay H' Điền
8	Ksor Thê Anh	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Kịch	Ksor H' Prin
9	Nay H' Cha	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Phú	Nay H' Nhon
10	Nay Tuân	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Nhiêm	Nay H' Pong
11	Ksor H' Bec	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Sú	Ksor H' Bier
12	Ksor Sơ Mô	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Cúc	Ksor H' Min
13	Nay H' Oet	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Chu	Nay H' Pồ
14	Nay H' Phôi	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Thân	Nay Huyền
15	Nay Quý	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Bron	Nay H' Sai
16	Nay Y Sương	2009	Êđê	Buôn. Kry	Ksor Nhút	Nay H' Yang
17	Ksor Si Nô	2009	Jarai	Buôn. Kry	MLô Y Lanh	Ksor H' Oai
18	Ksor Y Tim	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Luyện	Ksor H' Jur
19	Nay Tài	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Luyện	Nay H' Uy
20	Nay Y Tim	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Sên	Nay H' Ranh
21	Nay Thương	2005	Jarai	Buôn. Kry	Nay Nghiêm	Ksor H' Bra
22	Adrong Y Phước	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Lot	
23	Nay H' Tach	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor AmRam	Nay H' Nhệ
24	Adrong Khanh	2008	Jarai	Buôn. Kry		
25	Ksor Shi Min	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Bắp	Ksor H' Sur
26	Ksor A Yung Khang	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Y Đông	Ksor H' Lêm
27	Ksor Y Phi	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Y Er	Ksor H' Juh
28	Rô H' Hiền	2009	Êđê	Buôn. Kry	Nay Múc	Rô H' Diêm
29	Y Doanh Ksor	2009	Êđê	Buôn. Kry	Nay Met	H' Nhiệt Ksor
30	Nay H' SeNa	2009	Jarai	Buôn. Eablong	Kpã Y Thê	Nay H' Loan
31	Nay Y Khop	2009	Jarai	Buôn. Eablong	Siu Tin	Nay H' Su Iêm
32	Kpã H' Thí	2009	Êđê	Buôn. Eablong	Ksor Y Nun	Kpã H' Thêm
33	Ksor H' Nhít	2009	Êđê	Buôn. Eablong	Ksor Bui	Kpã H' Rium
34	Siu Y Lai	2009	Jarai	Buôn. Eablong	Nay Pới	Siu H' Bial
35	Ksor Thương	2008	Êđê	Buôn. Eablong	Ksor Lut	Ksor H' Nhip
36	Ksor Suro	2009	Êđê	Buôn. Eablong	Ksor Tut	Ksor H' Lah
37	Kpã Y Quân	2009	Êđê	Buôn. Chứ	Ksor Khur	Kpã H' Linh

38	Ê Ban H'	Linh	2009	Jarai	Buôn Điet	Nay Vel	Eban H' Rui
39	Adrong	From	2009	Jarai	Buôn Điet	Rahlan A Nan	Adrong H' Tiên
40	Adrong	Xrim	2009	Jarai	Buôn Điet	Nay Prel	Adrong H' Bre
41	Ksor H'	Dung	2009	Jarai	Buôn Điet	Ksor H' Trem	Ksor H' Tren
42	Ksor	Nhật	2009	Jarai	Buôn Điet	Rcom Hoai	Ksor H' Ren
43	Nay Y	Nim	2009	Jarai	Buôn Điet	Rmah Kổ	Nay H' Nhanih
44	Nay	Burk	2009	Jarai	Buôn Điet	Ksor Nhuen	Nay H' Nin
45	Nay	Dung	2009	Jarai	Buôn Điet	Ksor Them	Nay H' Duyên
46	Nay H'	Loan	2009	Jarai	Buôn Điet	Ksor Điem	Nay H' Roen
47	Nay	Kiên	2009	Jarai	Buôn Điet	Ksor Thi	Nay H' Djrek
48	Nay H'	Hiêm	2009	Jarai	Buôn Điet	Ksor Yer	Nay H' Roen
49	H' Ôn	Êban	2009	Jarai	Buôn Điet	Nay Dem	H' Rok Êban
50	Nay Y	Than	2009	Jarai	Buôn Điet	Ksor Kít	H' Nhiệt Ksor
51	Nay H'	Diệu	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Lộc	
52	Ksor	Thái	2008	Jarai	Buôn. Kry	Nay Nhem	Ksor H' H' Bra
53	Ksor	Trai	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Vãn	Ksor H' Ni
54	Ksor	Thiên	2005	Jarai	Buôn. Kry	Nay H' Đon	Nay H' Joanh
55	Ksor	Đoan	2009	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Thuong	Ksor H' Lui
56	Ksor H'	Lih	2006	Jarai	Buôn. Kry	Ksor Viên	Ksor H' Doan
57	Nay	Lít	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Tuyên	Nay H' Jit
58	Nay	Su	2009	Jarai	Buôn. Kry	Nay Ưok	Nay H' Lan
59	Nay	Dương	2008	Jarai	Buôn. Kry	Rahlan Thuyn	Nay H' Niêm
60	KSor H'	Chap	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Nay Y Ngon	Ksor H' Mach
61	Kpã H'	Điêm	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Y Danh	Kpã H' Noi
62	Ksor	Dân	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Y Phân	Nay H'Pling
63	Kpã	Trai	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Y Kling	Kpã H' Met
64	Ksor	Thuyết	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Nay Thanh	Ksor H' Pun
65	Ksor	Vay	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Kã Y Du	Ksor H' Yêk
66	Kpã H'	Gem	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Nay Thúc	Kpã H' Diah
67	Ksor H'	Phuong	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Kpã Kong	Ksor H' Toai
68	Ksor H'	Nên	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Y Liu Êban	Ksor H' Djiat
69	Ksor H'	Suất	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Nay Duk	Ksor H' Mêch
70	Ksor H'	Nguyệt	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Khoan	Ksor H' Buih
71	Kpã H'	Phi	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Y Tru	Kpã H' Doa
72	Ksor H'	Binh	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Kpã Y Bre	Ksor H' Blung
73	Êban	Y Nhura	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Gêch	Ê Ban H' Djiat
74	Ksor Y	Môsê	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Djit	Ksor H' Mêch
75	Kpã H'	Hanh	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Nay Ruan	Kpã H' Glên
76	Ksor H'	Munh	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Kpã Peng	Ksor H' Ngol
77	Ksor Y	Nhâm	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Rcãm Plup	
78	Kpã Y	Nhan	2008	Êđê	Buôn.Mnut		Kpã H' Ja
79	Kpã H'	Rach	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Ram	Kpã H' Kal
80	Ksor	Ting	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Til	

81	Êban Y	Hung	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Mlor	Êban H' Noai
82	Kpă Y	Đat	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Drông	Kpă H' Ser
83	Nay Y	Khoa	2006	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Chua	
84	Ksor Y	Nguyễn	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Kpă Chi	Ksor H' Dlan
85	Ksor Y	Lam	2009	Êđê	Buôn.Mnut	Kpă Têk	Ksor H' Guân
86	Ksor Y	Thin	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Kpă Môi	Ksor H' Ju
87	Kpă Y	Khang	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Kep	Kpă H' Chep
88	Nay Y	Luong	2008	Êđê	Buôn.Mnut	Ksor Liêu	Nay H' Nhung
89	Ksor H'	Noai	2007	Êđê	Buôn.Mnut	Rcăm Vel	Ksor H' Brin
90	Ksor H'	Nhit	2007	Êđê	Buôn. Eablong	Kpă Chiêt	KSor H' Diêm

Ghi chú: Đây là địa bàn cư trú đan xen giữa Êđê (chủ yếu là nhóm Êđê Mdhur) và J'rai. Chúng tôi đưa vào bản danh sách này một số trường hợp để thấy được nét tương đồng và khác biệt về tên riêng giữa 2 tộc người này.

Phụ lục 8

SINH VIÊN HÔN HỢP MỘT SỐ DÂN TỘC BẢN ĐỊA Ở TÂY NGUYÊN

TT	Mã SV	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Dân tộc	Họ tên bố/mẹ
1	10305002	Ksor Chàng	1991	Nam	J'rai	Ksor H'tim
2	11305036	Rmah Kuri	1992	Nam	J'rai	Nay Biệt
3	12305014	Siu H'Nha	1993	nữ	J'rai	Siu H'Jin
4	12902004	Kpă H'Day	1993	Nữ	J'rai	Kpă H'Dung
5	12902005	H' Ngõa Du	1993	Nữ	Mnông	H' Jiêng Du
6	12902008	Rmah H'Đuin	1994	Nữ	J'rai	Ksor Pek (mẹ)
7	12902011	Rchăm Hong	1991	Nữ	J'rai	Siu H' Lir
8	12902014	Rchăm Manh	1991	Nam	J'rai	Rchăm Kru (cha)
9	12902018	Ksor H'Nuên	1993	Nữ	J'rai	Siu Beo (cha)
10	12902021	Romăn Tí	1994	Nữ	J'rai	Rơ Mah Phin
11	12902031	Nay H'Gái	1992	Nữ	J'rai	Ksor Buk
12	12902033	KSor ATul	1991	Nam	J'rai	Ksor Alo
13	12902035	KSor H'Bel	1989	Nữ	J'rai	Ksor Grěr
14	12902036	Rơ Ô H'Hiên	1993	Nữ	J'rai	Nay Quanh
15	12902037	Siu H'Im	1993	Nữ	J'rai	Siu H' Niên
16	12902046	H'Bel	1993	Nữ	Mnông	Y Troi
17	12902066	H' Chi Kmăn	1993	Nữ	Mnông	Y Chẻ Long Dung
18	12902067	Cao Thị Thùy Linh	1994	Nữ	Mnông	Cao Thanh Tin
19	12601007	Thị Dai	1992	Nữ	Mnông	Điều Nhang/Thị Hồng
20	12601016	Siu H'Ning	1992	Nữ	J'rai	Kpă Bling /Siu H' Juh
21	12601021	ĐoànThị Thu Hương	1994	Nữ	Mnông	ĐoànTrưởngSon/NgTThu
22	12601029	Cao Thị Liễu	1994	Nữ	J'rai	CaoVânKiệt/BoThịXin
23	12601057	PiNăngThị MySương	1994	Nữ	J'rai	Pi Năng Thị Thiện (mắt)
24	12601060	H'Thinh	1993	Nữ	Mnông	Y Phơn/H' Ron
25	12601061	Y Thơ	1994	Nam	Mnông	Y Tróp/H' Bjol
26	13605001	Nuu	1994	Nam	Bahnar	Pi Năng Toi
27	13605017	Ksor Hà	1990	Nam	J'rai	Nay Noang
28	13605027	Nay Ké	1993	Nam	J'rai	Ksor Tuy/ Nay H'Yeh
29	13605042	Y Nok	1994	Nam	Mnông	Y Pi Năng/ H'Nan
30	13605043	Nay Pal	1991	Nam	J'rai	Ksor Kuăch/Nay H'Yeh
31	13605046	Ksor Sứ	1993	Nam	J'rai	Hiao Mlông /Ksor Hkó
32	13605054	Ksor Tron	1995	Nam	J'rai	Rahlan Tý/Ksor Hmlim
33	13903005	H'Bin	1994	Nữ	Mnông	Y'Nda
34	13903027	H'Linh	1995	Nữ	Mnông	K Branch
35	13902002	Nay Chuih	1994	Nam	J'rai	Kror Than
36	13902007	Rchăm H'Nhip	1993	Nữ	J'rai	Rchăm H' Đuih

37	13902019		H'Luyên	1994	Nữ	Mnông	Y Bly
38	13902033	Siu	H'Sona	1994	Nữ	J'rai	Rcom Brô
39	13902038	Ksor	H'Thu	1995	Nữ	J'rai	Ksor Woong
40	13902044	Ksor	H'Tuyết	1995	Nữ	J'rai	Ksor Lên
41	13902060	Ksor	H'Lanh	1995	Nữ	J'rai	Kpã Hôn
42	13902067	H' Yên	Nõm	1995	Nữ	Mnông	Y lú Nõm
43	13902072	Siu	Thanh	1995	Nam	J'rai	Ksor Thuik
44	13901004	Vàng Thị Chim		1993	Nữ	Mnông	Vàng ASứ/Giàng Thị Sông
45	13901021	H'Jót		1994	Nữ	Mnông	Cha : K'Ting Mẹ: H' Bô
46	13901025	H' Uyn	Ksrăng	1994	Nữ	Mnông	Y KhingThe/H'Nang Ksrăng
47	13901034	H'Nék		1993	Nữ	Mnông	Bô : YDjao Mẹ: H' Brok
48	13901052	Y Tiếp		1992	Nam	Mnông	Bô : Y S Rúp Mẹ:H' Nhê
49	13901055	H'Trim		1993	Nữ	Mnông	Điều N'Janh/Mẹ: H'Doãn
50	13601010	H' Hồng	Du	1995	Nữ	Mnông	H' Jiêng Du
51	13601022	Siu	H'Trinh	1994	Nữ	J'rai	Rahlan De
52	13601034	Y Lur		1995	Nữ	Bahnar	A Pun
53	13601035	Ksor	Lynh	1995	Nữ	J'rai	Nay Y Phú
54	13601047	Y Phong	Phôk	1995	Nam	Mnông	Y Tiêng Tor
55	13601058	H' Diêm	Tor	1994	Nữ	Mnông	Y Pat Buôn Dap
56	14605002	Y Phich	Ayun	1994	Nam	Mnông	Bô : Y Hon Niê
57	14605004	Y Khôi	Êban	1996	Nam	Mnông	Mẹ: H Dắt Êban
58	14605043	Nay	Quêng	1995	Nam	J'rai	Bô: Ksor Bonh
59	14902001	Ksor	Aih	1994	nam	J'rai	Ksor Eng/Ksor Hrih
60	14902006	Puih	Bin	1994	Nữ	J'rai	Rmah Sesk/Puih Bách
61	14902009	Rahlan	H'Drim	1996	Nữ	J'rai	Nay Kak/Rahlan H'Tuyết
62	14902011	Siu	H'Đa niêl	1996	nữ	J'rai	Y Lay Hwing/Siu H'Len
63	14902017	Rahlan	H'Phân	1996	nữ	J'rai	Rmah Gro/Rahlan H'Bon
64	14902018	Kpã	H'Trinh	1995	nữ	J'rai	Ksor Lia/Kpã H'Lok
65	14902029	Siu	H'Loen	1993	nữ	J'rai	Nay Mrep/Siu H'Yeng
66	14902034	Rahlan	H'Môl	1995	nữ	J'rai	Nay Yar/Rahlan H'Nhút
67	14902036	Ksor	H'Nấp	1994	Nữ	J'rai	Mẹ: Ksor H'Yo (bố chết)
68	14902037	Nay	Ngât	1996	nam	J'rai	Siu Djrok/Nay H'Un
69	14902043	Ksor	H'Ruin	1995	Nữ	J'rai	Rmah Phú/Ksor H'Tương
70	14902044	Rahlan	Sáu	1994	nam	J'rai	Rmah Lam/Rahlan H'Anhuch
71	14902054	Ksor Thủy Trang		1995	nữ	J'rai	Rmah Hun/Ksor H'Mloãi
72	14902056	Rcom	H'Trinh	1994	nữ	J'rai	Ksor Phên/Rcom H'Mun
73	14902061	Puih	H'Xuết	1996	nữ	J'rai	Puih Hlang/Puih H'ayup
74	14902066	Rahlan	H'Ngai	1996	nữ	J'rai	Phêm Niê/Rahlan H'U
75	14606005	H' Tâm Long Dinh		1996	Nữ	Mnông	Y Thinh Knông
76	14606006	Ksor	H'Duyn	1994	Nữ	J'rai	Nay Y Môk/Ksor H'Loan

77	14606073	H' Yum	Niê	1993	Nữ	Mnông	H' Sơn
78	12103018	Thị Na	Hum	1994	Nữ	Mnông	Điều MBLar/ Thị Grom
79	12104057	Jeăk Thị	Quanh	1994	Nữ	J'rai	Jeăk Thị Má/TaingCủGia
80	12301004	Bo Thị Ngọc Ảnh		1994	Nữ	J'rai	Cao Phuong Giao/Bo Thị Xiêu
81	12301009	Ksor	Dap	1992	Nam	J'rai	Nay Liang/Ksor H'Dung
82	12301032	Siu	Wi Na	1993	Nam	J'rai	Rmah Mon/ Siu H'Ban
83	12102029	Rcôm	Khom	1993	Nam	J'rai	Rơ Ô Rô/Rcôm H'Djuêt
84	12102059	Nay	Quang	1990	Nam	J'rai	Siu Rek/ Nay H' Uôk
85	13504039	Rơ Ô	Be Ly	1995	Nữ	J'rai	Rơ Ô H'BLir
86	13103013	Y	Duoc	1994	Nam	Mnông	Y Piôt/ H' Khoan
87	13103070	Đinh	Phíp	1994	Nam	Bahnar	Đinh Phá/ Đinh Thị Chơc
88	13310002		H'Môn	1993	Nam	J'rai	H'Mok
89	13102012	Ksor	Giáo	1995	Nam	J'rai	Ksor H'Mer
90	14310003	Y Huong		1996	Nữ	J'rai	A Đup/ Y Hách
91	12403213	Ksor	Hội	1993	Nữ	J'rai	Ksor Nhuat/Siu H'Yur
92	12403059	Phạm Minh Hoàng		1994	Nữ	Bahnar	Phạm Văn Huynh/Võ Thị Thanh
93	14401027	Hầu Thị	Hiên	1995	Nữ	Mnông	Hầu Văn Lâu
93	14401082	Nay	Rít	1995	Nam	J'rai	Ksor Yung
94	14401084	Đào Văn	Tài	1994	Nam	Mnông	Đào Văn Sự
95	13401008	Ma A	Bổng	1991	Nam	Mnông	Ma A Anh / Tháo Thị Ké
96	13401076	Sùng A	Sính	1990	Nam	Mnông	SùngSeoChúng /LThXanh
97	12402005	Y Dục	Bing	1993	Nam	Mnông	Y Ja Je
98	11604047	Điều	Ngót	1991	Nam	Mnông	Điều Ron/ Thị Srao
99	11604057		H' El	1991	Nữ	Mnông	Y Troi/ H' Hiăng
100	11604065	Ksor H'Nham		1990	Nữ	J'rai	Siu pao/Ksor H'Djin
100	11604074	Ksor	Hom	1987	Nam	J'rai	Nay Bhiot/ Ksor H' Djú
101	12604002	Y Na	Êung	1989	Nam	Mnông	Y Rin Niê/ H' Lem Êung
102	12604004	H' Phiêu	Bing	1992	Nữ	Mnông	Y Sun B'đap/ H' Lin Bing
103	12604012	H' Luy	Ja	1994	Nữ	Mnông	Y' Diêr Êban, H' Đin Ja
104	12604014	Đinh Thị	Luyện	1994	Nữ	Bahna	ĐinhTuynh/Ng.Thị Hòa
105	12604017		H'Mil	1993	Nữ	Mnông	Y Blong/ H' Griêng
106	12604023	H'Huong	Sruk	1994	Nữ	Mnông	H' Ly Sruk
107	12604031	Ksor	H'Yên	1994	Nữ	J'rai	Y Ben Êban/ Ksor H' Bé
108	12604082	Romah	Lê Thu	1994	Nữ	J'rai	Romah Rý/Rơ mah Lygiang
109	12608029	Nay	Chuong	1992	Nam	J'rai	Nay Doch/Ksor H'Loanh
100	12608033	H' Zih	Je	1992	Nữ	Mnông	Y Sơn Ông/ H'Ben Je
101	13608005	Kpă-	Linh	1994	Nam	J'rai	Kpă H'Nin
102	14604005	H' On	Bhók	1995	Nữ	Mnông	Y Ni Teh
103	14604007	H' Hà	Mbôn	1995	Nữ	Mnông	Y Bang Liêng Hot

104	14604019	H'Hôn	1994	Nữ	Mnông	K Ngô
105	14604022	Y Uy Buôn Krông	1995	Nam	Mnông	Y Thuật Rơ Yam
106	14604025	H' Đuyn Luk	1995	Nữ	Mnông	Y Muê Long Dinh
107	14604027	H'Mi Mdrang	1996	Nữ	Mnông	H'Lan Mdrang
108	14604029	H'lâm Ndu	1995	Nữ	Mnông	H' Binh Ndu
109	14604040	H' Koen Rċăm	1996	Nữ	J'rai	Y Ga Mlô
110	14604043	H' Mên Teh	1996	Nữ	Mnông	Y Rin Hlông
111	14604049	H'Uc Tor Ksor	1996	Nữ	J'rai	Y Wing Ênŭol
112	14604053	H' Nhot	1993	Nữ	Mnông	Y Nang Niê
113	14604056	Kon Sa Xuân Trường	1994	Nam	Cil	Kon Sa Ka Khiêm
114	14604096	H' Nhiên Sruk	1996	Nữ	Mnông	Y Bang Liêng Hót
115	11702070	Rơ Lan H' Hồng	1991	Nữ	J'rai	KpuihBok/Rơ Lan H'Piet
116	13702029	Y Trim Liêng	1995	Nam	Mnông	H' Uăn Liêng
117	13702032	Y Linh	1994	Nữ	Bahnar	A Chan
118	13701005	H' Trâm Bhôk	1995	Nữ	Mnông	Y Grôn Buôn krông
119	14701041	Siu H'Oanh	1996	Nữ	J'rai	Siu H'Ni
120	12268004	Rċom Man	1993	Nam	J'rai	Nay klu
121	12268048	Rơ Ô Pom	1990	Nam	J'rai	Rơ Ô H Trú
122	12303006	Rċom Ên	1990	Nam	J'rai	Siu Junh
123	12303018	Rahlan Trê	1991	Nam	J'rai	KPă Đhu
124	12303025	H' Ly Dak Căt	1992	Nữ	Mnông	Y'Suôm Du
125	12303038	Rơ Lúc H'Vân	1993	Nữ	Mnông	Triэк Y Long
126	12306023	Sùng A Cháng	1990	Nam	Mnông	SùngAPáo-Vàng Thị Đào
127	12308101	KPă Rok	1990	Nam	J'rai	Nay Nuăi/Kpă H'Đip
128	14308070	Kpă H'Pri	1996	Nữ	J'rai	Ksor Tuy/ Kpă H'Miak
129	14404038	Nay Nghiêm	1995	nam	J'rai	Ksor Xuân
130	14404079	Kpă Sên	1995	nữ	J'rai	Kpă Lech
131	13405010	H'Guong Long Ding	1994	Nữ	Mnông	YChông Kuan/H'Brê Long Ding
132	13405016	H' Linh Êban	1993	Nữ	Mnông	Y Bay Phôk/H Mơi Êban
133	14268013	Nay Gon	1996	Nam	J'rai	Rơ Ô Tơ/ Nay H'Nunh
134	14265020	Siu Dịu	1994	Nam	J'rai	Kpă Lý/ Siu H'Bih
135	14266038	H' Châu Je	1995	Nữ	Mnông	Y Siêng Ông
136	09307254	H' Woan Kuan	1991	Nữ	Mnông	Y Ha Uông
137	10307203	Y Ngla	1990	Nữ	J'rai	A Bích
138	12307143	Kpă Bôt	1993	Nam	J'rai	Kpă H'Geng
139	12307178	Duong Văn Sầu	1989	Nam	Mnông	Lý Thị Nhỏ
140	12307184	Rơ Măh Yat	1993	Nữ	J'rai	Rơ Mah Pyih
141	13309046	Ng Lunh	1992	Nam	J'rai	Ng Lum
142	13307073	Ksor Jan	1994	nam	J'rai	Ksor H'Drum/ Nay Nik
143	13307251	Nay H' Le	1994	Nữ	J'rai	Siu Yung
144	13307261	Ksor H' Truyền	1994	Nữ	J'rai	Ksor Biêng

145	14309095	Rõom	H'Lom	1995	Nữ	J'rai	Siu Túi
146	14309607	Nay	Quik	1986	Nam	J'rai	Siu Rek
147	14307102	Ksor	Hiếu	1996	Nữ	J'rai	Siu Phur
148	14307133	Rõom	H'Hước	1996	Nữ	J'rai	Ksor Djru
149	14307358	NayNhật	Trung	1996	Nam	J'rai	Ksor Xuyên/Nay H' Bre
150	14307414	H' Thoa	BDap	1994	Nữ	Mnông	H' Ner BDap
151	14307415	Ksor	H' Bra	1995	Nữ	J'rai	Siu Kuron
152	14307421	H' Phuong	Êban	1995	Nữ	Mnông	H' Moi Êban
153	14307448	Kpã	H'Nga	1995	Nữ	J'rai	Nay Chok
154	14307465	Siu	Rak	1994	Nam	J'rai	Siu H'Blin

Ghi chú:

- Đây là những sinh viên người một số dân tộc bản địa ở Tây Nguyên (ngoài Êđê) đang học tại Trường Đại học Tây Nguyên. Họ sinh ra vào giai đoạn cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21 - giai đoạn chịu ảnh hưởng nhiều bởi tiếp xúc văn hóa. Chúng tôi khảo sát nhằm có cái nhìn khái quát về mối quan hệ về hình thức tên riêng giữa một số dân tộc trên địa bàn.
- Những trường hợp ô tên họ bị trống là những trường hợp không có tên họ.

Phụ lục 9**TÊN NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ VÀ SỬ THI ÊĐÊ**

- H'Leo, Y Rít (Sự tích sông Êa H'Leo)
- H' Linh, Y Rít, H'Bia, YLiêng (Sự tích thác Draí H'Ling - tiếng nói về tự do yêu đương)
- H'Nang, Y Kheo, Y Zuk (Sự tích dòng Krông H'Nang) “Lúc bảy giờ dòng họ Mlô đang làm chủ đất”- đã nói đến dòng họ.
- H'Mí, Y Rít (Sự tích thác Draí Săp)
- H'Rinh, H'Rao (Sự tích sông Krông Bũk - sông tóc)
- K'Dăm, H'Nia (Sự tích cây Konia)
- Y Thí (chàng trai nghèo) và H'ren Yêu nhau), H' Bia, Y Mung (Sự tích nhà mồ - có tiếng nói về tự do yêu đương)
- Khốt (trai), Kho (gái) (Sự tích các dân tộc)
- Y Rít (chàng trai trong sự tích hang Adrênh - Adrêñ)
- Y Lăk, Y Liêng (2 chàng trai trong Sự tích hồ Lăk)
- Pơ Lang (tên cô gái trong Sự tích hai anh em Dăm Di và Dăm Thí)
- Dăm Di, Dăm Thí (tên hai anh em Dăm Di và Dăm Thí trong truyện cùng tên)
- Y Siêm (trong truyện cùng tên)
- Y Rít (trong truyện Chàng Y Rít và khi bảy đầu)
- Y Rít (tên cậu bé nghèo khổ được mẹ ngẫu hứng gọi lên khi cậu bé khóc mãi 7 ngày không nín, và cậu có tên gọi từ đó, trong truyện Sự tích điệu múa tung khấc)
- H'Lá, H'Len (tên 2 mẹ con trong truyện Lầy chồng heo)
- Y Rít, H'Bia (tên chàng trai và cô gái trong Sự tích con voi)
- Y Rít (chàng trai trong truyện Chuột nâu và chàng Y Rit)
- Y Rít (trong truyện Chàng Y Rit và con thỏ nâu)
- Y Rít (chàng trai khỏe mạnh, nghèo khổ nhưng tốt bụng, cần cù chịu khó - biểu trưng. Trong tiếng Êđê “Rit” có nghĩa là “con dơi”)
- M'Tao (tù trưởng, kẻ giàu có - biểu trưng cho 1 thế lực)
- M'Tao M'Xây (tên tù trưởng trong truyện Chàng Y Rít và khi bảy đầu)
- M'Tao Pui (tên tù trưởng trong truyện Sự tích dòng Êa H'Leo)
- M'Tao (tên tù trưởng trong truyện Sự tích cây Konia)
- Ông Gõn (nhân vật như ông bụt trong cổ tích người Việt)
- Y Krông (tên thần sông) trong sự tích Sông Krông Bũk - sông tóc)
- Sự tích công chiêng (nhân vật không có tên)
- Sự tích kèn đing năm (nhân vật không có tên)

Phụ lục 10

NGHI LỄ ĐẶT TÊN CHO TRẺ CỦA NGƯỜI ÊĐÊ

Người Êđê có Lễ đặt tên. Khi đưa trẻ sinh ra trong vòng một tháng, gia đình sửa soạn đồ cúng để làm lễ đặt tên cho trẻ. Thầy cúng hướng dẫn gia đình chuẩn bị lễ vật. Họ quan niệm: khi mới sinh ra, con người cha có hồn, nên lúc đặt tên là lúc nhập hồn cho đứa trẻ. Gia đình sẽ chọn rất nhiều tên trong dòng tộc của tổ tiên, ông bà nội ngoại, tên những người tài giỏi, có uy tín được lấy để đặt tên cho đứa trẻ. Ý nghĩa việc này là mong trẻ mới sinh ra được nhập hồn của một trong những người tài giỏi của dòng họ. Muốn làm được như thế, người trong nhà khi đi mời thầy cúng sẽ nói trước với thầy cúng những tên dự kiến đó để thầy cúng nhập tâm. Lễ vật cho Lễ đặt tên thường là một con gà, một ché rượu. Lễ được tổ chức vào đêm khuya (khoảng 11-12 giờ đêm), khi cả buôn đã đi ngủ. Ché rượu được đặt vào cột chính gian trước, lễ vật đặt phía đông. Thầy cúng ngồi đối diện với ché rượu, quay mặt về phía đông để cúng. Thầy khấn: "Ô Yang, hiện giờ gia đình đã dâng lên một con gà, một ché rượu để làm lễ đặt tên cho con. Mời tất cả các Yang về uống rượu, ăn thịt, giúp đỡ cho trẻ ăn no, chóng khỏe, không khóc. Mời các ông, các bà trong dòng tộc của gia đình: Mảng, Ma Chóa, Mí Thơ, Mí Thom, Ma Dam... về ăn thịt, uống rượu, giúp đỡ cho trẻ lớn"... Thầy cúng khấn nhắc đến cái tên nào, đứa trẻ không thấy khóc lại tỏ ý thích thú (vui) thì gia đình sẽ lấy tên đó để đặt tên cho trẻ. Khi cúng xong, cả gia đình và thầy cúng ăn cơm, ăn thịt gà, uống rượu. Sau khi ăn uống xong thì toàn bộ xương, lòng, lông gà, cơm dư thừa sẽ được gói lại cẩn thận, ché rượu úp xuống, bỏ lại gian khách (tiếng Êđê gọi là gah) của gia đình đúng 3 ngày. Sở dĩ làm thế, bởi người Êđê quan niệm rằng con người khi mới sinh còn rất yếu ớt, mới được nhập hồn người chết còn rất mỏng, nên phải giữ tất cả những lễ vật đã cúng đúng 3 ngày rồi mới mang đi thả xuống suối. Khi đó hồn mới nhập hoàn toàn vào trẻ mới sinh. Sau khi đọc tên xong, thầy cúng lấy một chút gan gà cho cháu bé ăn, lấy lá ổi nhúng nước sương trong chén đồng bôi lên miệng cháu bé. và cầu nguyện: "Này cháu, ta cho cháu ăn gan này để sau này cháu gan dạ, uống nước để khi gặp sương gió dãi dầu không quản vất vả, mệt nhọc cháu nhé!". Rồi bà lấy nước sương bôi lên tay chân cháu bé và nói: "Này cháu, ta bôi nước sương lên tay chân cháu, mong cháu siêng năng, chăm chỉ, bất kể ngày đêm, mưa nắng cũng không sợ". Tiếp đến là lễ thổi tai: Thầy cúng cầm một củ gừng, một củ nén (có nơi dùng ống nứa), thổi vào hai lỗ tai của cháu bé và cầu nguyện: "Nay ta thổi gừng này, nén này vào hai lỗ tai cháu, để tai cháu được thính, mắt cháu được sáng như sao Mai và phải ngoan ngoãn vâng lời ama, amí". Bà cầm cái dùi, cái đục, con dao lên cầu nguyện: "Này ta cầu mong cho cháu sau này lớn lên có đôi bàn tay khéo léo biết rèn, biết đan gùi, rổ, rá để dùng". Cuối cùng bà lấy một sợi chỉ đen cột vào tay bé để chứng tỏ cháu bé đã được làm lễ đặt tên, thổi tai và thật sự có tên từ lúc này.

Chú thích: Mảng (những người chân tay trần-nghĩa là không có gì cả), Ma Choa (củ - bã rượu - thứ không còn giá trị), Mí Thơ (người chuyên mổ súc vật)... Ý chung là: mời tất cả mọi người không phân biệt người giàu, người nghèo, kẻ sang người hèn. (đề cao tính nhân văn).

Phụ lục 11

SỰ TÍCH HANG ADRÊÑ (SỰ TÍCH DÒNG HỌ CỦA NGƯỜI ÊĐÊ)

Từ thời xa xưa lắm, con người sống dưới mặt đất, tối tăm chật chội, khổ sở. Một hôm, Y Rít, chàng trai mồ côi, nghèo đi săn. Con chó của anh phát hiện ra một hang chuột. Chủ tớ đi theo đến cuối hang chợt thấy ánh sáng tràn ngập và một vùng đất đai mênh mông với bạt ngàn cây cối xanh tươi hiện ra. Đây chính là mặt đất. Y Rít về làng báo cho Mtao (tù trưởng) biết. Mtao họp toàn thể dân làng để bàn bạc và mọi người nhất trí chuyển đến vùng đất mới sinh sống. Một nhóm dẫn đầu (sau này là mang họ Ayũn), một nhóm đi sau cùng để kiểm tra không để ai bị sót lại trong hang (nhóm đi sau cùng này mang họ Hruê). Những người không có công ăn việc làm, nghèo khổ đi trước. Mtao, các nhà giàu có, các cô gái đẹp còn chần chừ chưa muốn đi. Dòng người đông đảo, đường đi có lúc bị tắc nghẽn bởi một con trâu chết vì sừng của nó bị kẹt vào vách hang. Rồi đoàn người cũng ra đến một bãi đất rộng lớn. Họ gọi nhau “chưa đông!” “đủ chưa?”. Đáp: “chưa đủ!”. Trong rừng, tiếng gọi vang to, ngoài bãi, tiếng nói không lớn. Rồi cũng đông người, có cả người Êđê, Jarai, M’ông, Bahnar... Họ bàn đi tính lại, chia đi, chia lại, tộc người nào đông thì đi về đồng bằng, tộc nào ít thì ở vùng núi để làm ăn. Riêng người Êđê thì ở cả trong rừng. Họ dùng tên núi tên sông để đặt họ cho mỗi nhóm. Họ Ayũn, họ Mlô, họ Êban, Êñuôl, họ Buôn Yă, họ Buôn Dao, họ Hruê... Còn một nhóm người cuối cùng vì “chậm miệng”, không “giành” được họ (vì hết tên để đặt) giẫm chân tức tối. Cái bàn chân giẫm xuống đất ấy đã làm cho nhóm người Êđê này lóe lên một ý tưởng: mình sẽ mang họ Niê Kdam (Kdam: đất). Các nhóm người Êđê đã phân tán đi khắp nơi, giao cho nhóm mang họ Hruê ở lại Tắc Prong để giữ gìn nơi thiêng liêng này. Hàng năm, cứ đến mùa hoa blang, hoa êdap, hoa bằng lăng nở (khoảng tháng ba dương lịch) thì họ Hruê tổ chức cúng Yang. Các nhóm Êđê khác đều về dự đông đủ nhưng đi tay không. Họ Hruê phải lo ăn uống cho khách và một con trâu trắng làm lễ vật cúng. Con trâu được dắt đến bên hồ, nếu Yang ưng ý thì Yang sẽ làm cho trâu chết. Mây đen sẽ xuất hiện và một trận mưa sẽ trút xuống, dù lúc ấy chưa phải mùa mưa. Sau nghi lễ, trâu được thui chín, mổ thịt, cả cộng đồng ăn uống, nhảy múa vui chơi tại chỗ vài hôm rồi xuống sông, hồ bắt cá để cầu cho mưa thuận gió hòa, lúa, bắp, bầu bí... thật nhiều. Xong việc cầu cúng, từ già đến trẻ ai cũng có phần thịt trâu mang về nhà mình. Nếu Yang không thuận lòng, con trâu sẽ gặp nhiều khó khăn... Còn năm nào không cúng hoặc cúng không chu đáo sẽ bị Yang phạt, trong vùng người Êđê sẽ bị hạn hán, dịch bệnh... Trước đây, năm nào ông Y Thu - tức Khundunôp, được bà con Êđê, M’ông tôn là “vua voi” - từ Buôn Đôn cũng đến đây dự lễ.

Ngày xưa ở Tắc Prong có một cái hang rất to, ngày nay chỉ còn lưu lại một bãi đá cùng một cái hang nhỏ vừa lọt bàn tay. Lần cúng Yang cầu mưa gần đây nhất là khoảng năm 1989-1990, mãi đến tháng 5 đã vào mùa mưa, nhưng vẫn chưa có mưa, các buôn Êđê liền bàn với nhau góp tiền mua trâu trắng để cúng Yang, vừa mới cúng xong thì trời đổ mưa nên dân làng vô cùng hả dạ

Ngày nay, hang Adrêñ vẫn còn lại dấu tích ở buôn Cũê, xã Du Kmăn, huyện Krông Ana, như nhắc nhở với cháu con dân tộc Êđê về nguồn gốc của dân tộc mình.

(Theo lời kể của Ama Bhing, buôn Cũê - Trương Bi và Y Thih sưu tập)

Phụ lục 12

**MỘT SỐ NGUYÊN ÂM, PHỤ ÂM, ÂM VỊ CỦA TIẾNG ÊĐÊ
TRONG TƯƠNG QUAN VỚI TIẾNG VIỆT**

(Liên quan đến các từ Êđê có xuất hiện trong luận án)

Để thuận tiện cho việc đọc tiếng Êđê theo mẫu tự Latin, chúng tôi liệt kê một số ký tự với âm đọc tương ứng

- Các nguyên âm a, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư là những nguyên âm dài (có âm đọc tương tự như trong tiếng Việt. Nguyên âm đôi êi (đọc là ây), âo (đọc là au) trong tiếng Việt. Các nguyên âm ă, ẽ, ỉ, ũ, ừ, ỡ, ớ là những nguyên âm ngắn, đọc giật hơi.

- Một số phụ âm và âm vị sau đây đọc tương tự như trong tiếng Việt

Êđê	b	ç	đ	g	h	k	kh	l	m	n	ng	ñ	p	ph	r	s	t	th
Việt	b	ch	đ	g	h	k,c	kh	l	m	n	ng	nh	p	ph	r	s	t	th

- Một số trường hợp khác với các phụ âm và âm vị trong tiếng Việt:

b. Phụ âm môi, giống b trong tiếng Anh

d. Phụ âm đầu lưỡi, đọc giống d trong tiếng Anh

y: Là dạng bán phụ âm, đọc như d trong tiếng Việt, nhưng phần giữa của lưỡi được nâng cao lên vòm miệng. Ví dụ *buôn yă* (đọc là *buôn đá*)

çh: Đọc như âm ch + h trong tiếng Việt

Dj: Âm tiền hầu

J: Đọc giống j trong tiếng Anh

- Các phụ âm đôi như th, ph, dr,... hoặc phụ âm ba như mth, mdr,... khi phát âm, những âm đầu đều lướt qua rất nhẹ, phụ âm đứng sau đọc rõ và nhấn giọng. Ví dụ: **mthào, mblah,...**

- Dấu ' được đặt giữa hai âm tiết của một từ. Đó là một dấu lược, có giá trị cách âm. Ví dụ: *m'ak mñai* (vui vẻ), đọc là *mơ ak mơ nhai* như trong tiếng Việt.

Phụ lục 13
Nhà dài của người Êđê



Nhà dài Êđê tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (Hà Nội)
Trong ảnh, cầu thang chính trước nhà khắc hình đôi bầu sữa mẹ, tượng trưng chế độ mẫu hệ